

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

NGUYỄN THỊ PHÚC

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO QUAN HỆ CỦA VIỆT NAM
VỚI LIÊN XÔ TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1991**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HÀ NỘI - 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ PHÚC

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO QUAN HỆ CỦA VIỆT NAM
VỚI LIÊN XÔ TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1991**

Ngành : Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số : 9229015

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS, TS. Hồ Thị Tố Lương

2. TS. Vũ Thị Duyên

HÀ NỘI - 2023

Luận án đã được chỉnh sửa theo khuyến nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Học viện.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS, TS. Trần Thanh Giang

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận án này là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS, TS. Hồ Thị Tố Lương, TS. Vũ Thị Duyên. Các kết quả và số liệu được nêu trong Luận án là trung thực. Những kết luận của Luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Nguyễn Thị Phúc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	7
<i>1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu</i>	<i>7</i>
<i>1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu</i>	<i>29</i>
Chương 2. CHỦ TRƯỞNG VÀ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM VỚI LIÊN XÔ TỪ THÁNG 5-1975 ĐẾN THÁNG 11-1986.....	35
<i>2.1. Những yếu tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Liên Xô và chủ trương của Đảng.....</i>	<i>35</i>
<i>2.2. Quá trình Đảng chỉ đạo thực hiện quan hệ Việt Nam với Liên Xô.....</i>	<i>56</i>
Chương 3. SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG QUAN HỆ CỦA VIỆT NAM VỚI LIÊN XÔ TỪ THÁNG 12-1986 ĐẾN THÁNG 12-1991	87
<i>3.1. Những yếu tố tác động đến quan hệ của Việt Nam với Liên Xô và chủ trương của Đảng</i>	<i>87</i>
<i>3.2. Đảng chỉ đạo thực hiện quan hệ Việt Nam với Liên Xô</i>	<i>107</i>
Chương 4. NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM.....	135
<i>4.1. Nhận xét.....</i>	<i>135</i>
<i>4.2. Một số kinh nghiệm.....</i>	<i>164</i>
KẾT LUẬN	176
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ.....	179
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	180
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	181
PHỤ LỤC	198

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BCHTU	: Ban Chấp hành Trung ương
BCT	: Bộ Chính trị
CNTB	: Chủ nghĩa tư bản
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
ĐCS	: Đảng Cộng sản
SEV	: Hội đồng Tương trợ Kinh tế
TBT	: Tổng Bí thư
TBCN	: Tư bản chủ nghĩa
THCN	: Trung học chuyên nghiệp
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bất cứ thời đại nào quan hệ quốc tế đều có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của các quốc gia. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ĐCS Việt Nam đã tạo dựng mối quan hệ quốc tế sâu, rộng đặc biệt với Liên Xô. Cùng với Trung Quốc, Liên Xô là một trong những nước đầu tiên trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào năm 1950. Sự hợp tác mật thiết, cũng như sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô đã có ảnh hưởng to lớn đến tiến trình cách mạng Việt Nam, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc, cũng như trong công cuộc xây CNXH, trong đó có thời kỳ 1975-1991.

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Việt Nam tiến hành công cuộc khôi phục và xây dựng đất nước sau chiến tranh. Bên cạnh những thuận lợi sau khi giành độc lập, thống nhất Tổ quốc, Việt Nam đối diện với nhiều khó khăn, thách thức. Trên thế giới, Mỹ và các nước đế quốc thực hiện chính sách bao vây, cấm vận đối với Việt Nam. Trong khu vực, quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trở nên căng thẳng vì Trung Quốc gây xung đột ở biên giới phía Bắc và hải đảo; quan hệ Việt Nam-Campuchia cũng xấu đi khi tập đoàn phản động Pôn Pốt-Iêngxari nắm chính quyền ở Campuchia. Chưa bao giờ Việt Nam khó khăn cả về nội bộ và quốc tế như thời kỳ này. Trong bối cảnh đó, đẩy mạnh mối quan hệ Việt Nam với các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô, tiếp tục là chủ trương rất quan trọng trong chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam.

Nhận thức được tầm quan trọng trong quan hệ với Liên Xô, Đảng đã có những chủ trương và sự chỉ đạo trực tiếp để xây dựng và phát triển quan hệ hai nước. Đặc biệt, *Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hoà Xã hội chủ*

nghe Việt Nam với Liên bang Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô viết ký kết vào ngày 03-11-1978, đánh dấu bước phát triển mới, mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, cả về bề rộng cũng như chiều sâu, coi mối quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng” trong chính sách đối ngoại. Quan hệ hợp tác với Liên Xô về các mặt chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, quân sự - quốc phòng, từ năm 1975 đến năm 1991 đã tác động rất lớn đến tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Sự ủng hộ, giúp đỡ về nhiều mặt của Liên Xô góp phần vào công cuộc khôi phục hàn gắn vết thương chiến tranh, cũng như quá trình xây dựng đất nước về cả vật chất cũng như tinh thần.

Năm 1991, Liên Xô tan rã - đó cũng là thời điểm chấm dứt một chặng đường quan hệ bang giao Việt-Xô. Hệ thống XHCN lâm vào thoái trào. ĐCS Việt Nam tiếp tục kiên định mục tiêu, con đường XHCN đã lựa chọn, trong khi tình hình khu vực và thế giới tiếp tục có sự chuyển biến to lớn trên nhiều mặt. Do đó, nghiên cứu quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ Việt Nam-Liên Xô một cách hệ thống, toàn diện là một việc làm cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Từ đó, một mặt có thể đánh giá những thành tựu cũng như những hạn chế của đường lối đối ngoại nói chung và chủ trương trong quan hệ với Liên Xô nói riêng mà Đảng đề ra trong giai đoạn đất nước tiến lên xây dựng CNXH và bước vào công cuộc đổi mới; những kinh nghiệm rút ra trong việc xử lý các mối quan hệ với các nước lớn, giúp Việt Nam có thêm cơ sở khoa học để tiếp tục, hoàn thiện đường lối đối ngoại trong giai đoạn mới, đặc biệt là thúc đẩy quan hệ với Liên bang Nga (kế thừa tư cách pháp lý của Liên Xô) đi vào chiều sâu, có hiệu quả hơn, là một vấn đề hết sức thiết thực, có ý nghĩa cấp bách, mang tầm chiến lược lâu dài. Mặt khác, qua luận án, cung cấp thêm một số tư liệu để góp phần lấp một khoảng trống vẫn tồn tại trong khoa học lịch sử về quan hệ Việt Nam - Liên Xô, đồng thời, góp phần phục

vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử nói chung và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng.

Vì những lý do trên, nghiên cứu sinh quyết định chọn đề tài “***Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991***” làm luận án Tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ chủ trương và quá trình Đảng chỉ đạo thực hiện quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991, từ đó đúc kết những kinh nghiệm trên cơ sở khoa học, có giá trị tham khảo cho hiện tại.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài Đảng lãnh đạo quan hệ với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.
- Phân tích những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.
- Phân tích, làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.
- Nhận xét về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; từ đó, đúc kết những kinh nghiệm chủ yếu từ quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Chủ trương và chỉ đạo của Đảng trong quan hệ Việt Nam với Liên Xô về các mặt: chính trị - ngoại giao; kinh tế - thương mại; giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật; quân sự - quốc phòng.

Về thời gian: Luận án chọn khoảng thời gian nghiên cứu từ tháng 5-1975 (Việt Nam vừa kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước) đến tháng 12-1991 (Liên Xô tan rã). Để đảm bảo tính hệ thống và đạt được mục đích nghiên cứu, luận án có đề cập đến một số vấn đề liên quan trước năm 1975 và sau năm 1991.

Về không gian: Luận án nghiên cứu ở Việt Nam, Liên Xô.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

Cơ sở lý luận: Luận án được nghiên cứu và sử dụng các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, văn kiện của Đảng, Nhà nước và một số tác phẩm của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước về đối ngoại.

Cơ sở thực tiễn: Luận án được thực hiện trên cơ sở thực tiễn hoạt động lãnh đạo của ĐCS Việt Nam về quan hệ ngoại giao với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991, được thể hiện thông qua các chỉ thị, nghị quyết của BCT, Ban Bí thư, BCH TƯ; thông tư, báo cáo của Quốc hội, Chính phủ, các hiệp định, nghị định, bản ghi nhớ, bài phát biểu của các nguyên thủ quốc gia hai nước ... và các quyết định của các bộ, ban, ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu, hiện đang được lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, Cục Lưu trữ văn phòng Trung ương Đảng, Phòng lưu trữ Bộ Ngoại giao, Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng... là những tài liệu gốc của luận án.

Các công trình khoa học, các luận án, bài nghiên cứu trên tạp chí liên quan về quan hệ Việt Nam-Liên Xô trong giai đoạn (1975-1991) ở trong nước và ngoài nước.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp nghiên cứu chung nhất. Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng nhằm nghiên cứu khách quan, toàn diện, chỉ ra những mối liên hệ và sự vận động biến đổi của tình hình thế giới và trong nước tác động đến chủ trương của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô. Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xem xét từ thực tiễn quan hệ Việt Nam - Liên Xô, từ đó có những đánh giá, nhận xét về quá trình Đảng chỉ đạo thực hiện quan hệ Việt Nam với Liên Xô.

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử, trong đó chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic: Phương pháp lịch sử được sử dụng chủ yếu để làm rõ tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; quá trình hoạch định chủ trương, chỉ đạo của Đảng trong quan hệ Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991. Phương pháp lôgic được sử dụng chủ yếu để khái quát kết quả của các công trình đã tổng quan; những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm từ quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.

Cùng với hai phương pháp chủ yếu nêu trên, luận án còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu liên ngành khác như: Phân tích-tổng hợp, phương pháp thống kê, đối chiếu, liên hệ, so sánh, phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, nghiên cứu khu vực học... cũng được sử dụng trong công tác xử lý tư liệu để đảm bảo sự chính xác, tính khoa học của quá trình phân tích và lý giải các sự kiện trong mối quan hệ giữa hai nước.

5. Đóng góp mới của luận án

Cung cấp hệ thống tư liệu chân thực, khách quan về quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.

Góp phần phục dựng đầy đủ, khách quan quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ Việt Nam - Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.

Đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan ưu điểm, hạn chế, từ đó, đúc kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng đối với quan hệ Việt Nam-Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Góp phần vào việc tổng kết và làm sâu sắc thêm quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ Việt Nam với Liên Xô.

Những kinh nghiệm rút ra có giá trị tham khảo trong quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga và công tác đối ngoại của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ có những đóng góp khoa học trong nghiên cứu về quan hệ Việt Nam-Liên Xô, sự lãnh đạo của Đảng về đối ngoại trước và sau thời kỳ đổi mới....; là tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập các môn Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Quan hệ quốc tế ...

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm phần Mở đầu, 04 chương (8 tiết), Kết luận, Danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu đề cập đến quan hệ đối ngoại của Việt Nam

** Trong nước*

Giai đoạn 1975-1991, nhóm các công trình viết về quan hệ đối ngoại của Việt Nam khá phong phú, đa dạng. Bao gồm tổng hợp các công trình có đề cập đến quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các quốc gia, khu vực, các tổ chức..., trong đó, nhiều công trình có giá trị là tài liệu tham khảo quan trọng cho luận án gồm:

Lưu Văn Lợi (1998), *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam* [99]. Tác giả đã phản ánh rõ nét sự phát triển của ngoại giao Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1995. Trong cuốn sách, hoạt động ngoại giao thời kỳ (1975-1991) đã được tác giả khái quát với những nét cơ bản: Phác họa bức tranh thế giới “sau Việt Nam” và Việt Nam “sau Việt Nam” với những chuyển biến phức tạp tác động sâu sắc đến quan hệ ngoại giao của Việt Nam giai đoạn này. Từ thống nhất hai miền Nam - Bắc đến đưa cả nước tiến lên CNXH; Các cuộc chiến tranh chống xâm lược ở biên giới Tây Nam và phía Bắc; Vấn đề Campuchia, nỗ lực bình thường hoá quan hệ Việt - Trung, quan hệ Việt - Mỹ; Khôi phục quan hệ truyền thống với Nga - Đông Âu... Trong đó, quan hệ Việt Nam-Liên Xô cũng được lồng ghép vào các mối quan hệ đan xen, phức tạp. Tuy nhiên, mối quan hệ với Liên Xô chưa được tác giả đề cập cụ thể. Qua cuốn sách, người đọc thấy được vị trí quan trọng của mặt trận ngoại giao, đóng góp của cuộc đấu tranh ngoại giao vào những thắng lợi quan trọng của cách mạng Việt Nam cũng được làm rõ.

Bộ Ngoại giao (2000), *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh* [16]. Cuốn sách đã tái hiện lại những điểm nổi bật trong hoạt động

ngoại giao, làm rõ tính dân tộc và cách mạng của nền ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với các ngành chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá..., ngoại giao đã luôn sát cánh, hỗ trợ đắc lực, có mặt ở tuyến đầu đấu tranh cách mạng. Ngoại giao Việt Nam trên nền ngoại giao truyền thống và kết hợp với sự sáng tạo của nền ngoại giao hiện đại, cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về một nền ngoại giao "thêm bạn bớt thù", "nhân đạo, hòa hiếu". Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, ngoại giao Việt Nam đã phát huy sức mạnh dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại nhằm tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của các lực lượng dân chủ tiến bộ và nhân dân thế giới, các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô. Góp phần nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo nên hình ảnh tốt đẹp về đất nước và con người Việt Nam.

Vũ Quang Vinh (2001), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động đối ngoại 1986-2000* [194]. Tác giả tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng về hoạt động đối ngoại trong 15 năm đầu của thời kỳ đổi mới đất nước, với những khó khăn của tình hình thế giới và trong nước nhưng ĐCS Việt Nam đã chủ động, sáng tạo trong hoạt động đối ngoại. Những thành tựu đối ngoại đã góp phần quan trọng vào phá thế bao vây, cô lập về chính trị, dỡ bỏ cấm vận về kinh tế, đưa Việt Nam hoà nhập với khu vực và thế giới. Tác giả đã đúc kết một số bài học kinh nghiệm và đề xuất có ý nghĩa thiết thực trong hoạt động đối ngoại cho những giai đoạn sau.

Nguyễn Đình Bin (Chủ biên) (2002), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000* [10]. Các tác giả đã tổng hợp, trình bày một cách có hệ thống những sự kiện, hoạt động ngoại giao của Việt Nam. Ngoại giao Việt Nam hiện đại được làm rõ các đặc điểm, tính chất, những nét chính được phác họa, trong hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và ngoại giao nhân dân với những thành tựu chủ yếu, đồng thời rút ra một số kinh nghiệm của hoạt động ngoại giao Việt

Nam trong 55 năm (từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập đến năm 2000). Trong đó, tác giả dành một phần để phân tích về chính sách ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ đất nước hoà bình xây dựng và đổi mới 1975-2000 với một số nội dung liên quan đến quan hệ Việt Nam-Liên Xô và các nước XHCN trong bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều biến động sâu sắc, đồng thời Việt Nam cũng có những chuyển hướng kịp thời xây dựng và hoàn chỉnh đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới đất nước.

Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (2008), *Nguyễn Văn Linh tiểu sử* [29]. Trong cuốn sách, các tác giả đã tái hiện lại cuộc đời cách mạng thật oanh liệt, phong phú, hoạt động của đồng chí trải rộng cả ở ba miền đất nước, mỗi cương vị đồng chí gánh vác đều gắn liền với một thời kỳ cam go, gian khổ mà hào hùng của dân tộc. Đặc biệt, đồng chí là một nhà lãnh đạo kiên định, sáng tạo trong tìm tòi công cuộc đổi mới (1975-1986) và là TBT đầu tiên của Đảng thời kỳ đổi mới (1986-1991), trong bối cảnh quốc tế đầy biến động, đất nước đứng trước muôn vàn thử thách, đồng chí đã cùng BCT và BCHTƯ Đảng chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn, mở ra bước ngoặt lịch sử đổi mới. Trong chuyến thăm Liên Xô của TBT Nguyễn Văn Linh vào tháng 05-1987, đã đặt nền móng đổi mới và phát triển quan hệ hợp tác với Liên Xô đi vào chiều sâu và nâng cao tính hiệu quả.

Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (2009), *Lê Duẩn tiểu sử* [30]. Nội dung cuốn sách, các tác giả đã thể hiện một cách có hệ thống và sinh động về thân thế và sự nghiệp cách mạng, cũng như những đóng góp to lớn của TBT Lê Duẩn đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước trong hơn nửa thế kỷ hào hùng và oanh liệt. TBT Lê Duẩn là nhà lãnh đạo kiệt xuất, nhà lý luận sắc bén, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, là tấm gương sáng ngời ý chí đấu tranh của một nhà yêu nước lớn. Với 79 tuổi đời, 56 tuổi Đảng, gần 60 năm hoạt

động cách mạng, đồng chí được Đảng, nhân dân tin cậy, giao phó nhiều trọng trách, trong đó giai đoạn 1960-1986, đồng chí là Bí thư thứ nhất, TBT BCHTU Đảng. Cuốn sách gồm có 5 chương, trong đó chương V đã tái hiện hoạt động của TBT Lê Duẩn lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN (1976-1986) với nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước và đưa cả nước lên CNXH. Trong giai đoạn này, TBT có nhiều hoạt động đối ngoại với các nước, đặc biệt là Liên Xô.

Nguyễn Khắc Huỳnh (2011), *Ngoại giao Việt Nam, góc nhìn và suy ngẫm* [94]. Trong cuốn sách, tác giả đã khái quát một số vấn đề, sự kiện lớn trong quan hệ quốc tế, đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam như: Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, cuộc đàm phán và kí kết Hiệp nghị Giơnevơ, Liên Xô với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Trong đó, tác giả phác họa ngoại giao Việt Nam giai đoạn 1975-1991 bằng một đánh giá sâu sắc: “Chưa bao giờ Việt Nam khó khăn cả về nội bộ và quốc tế như thời kỳ này”, cả bên trong và bên ngoài Việt Nam đều khó khăn với sự bao vây, cấm vận của Mỹ, chiến tranh biên giới... nên bị các thế lực chống đối bao vây với mục đích làm suy yếu và tạo sức ép đối với cách mạng Việt Nam. Vì vậy, đây là thời kỳ đầy khó khăn của ngoại giao Việt Nam. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, tác giả đã đưa ra những đánh giá, nhìn nhận xác đáng về ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Đinh Xuân Lý (2013), *Quá trình đổi mới đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam (1986-2012)* [103]. Trong cuốn sách, tác giả đã làm nổi bật quá trình đổi mới đường lối đối ngoại và tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, những đặc điểm và xu thế quốc tế, những yêu cầu thực tiễn đất nước cần phải đổi mới về đối ngoại. Các bước đổi mới tư duy đối ngoại của Việt Nam được tác giả phân tích rất cụ thể, từ tư duy đối ngoại thời Chiến tranh Lạnh sang tư duy đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ

quốc tế và phát triển lên thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, đưa Việt Nam hội nhập sâu rộng vào thế giới, mở rộng và phát triển các quan hệ song phương và đa phương thu được nhiều thành quả quan trọng. Trong đó, quan hệ đối ngoại Việt - Xô cũng được đề cập với sự đổi mới, cải tổ ở cả Việt Nam và Liên Xô.

Vũ Dương Ninh (2015), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010* [127]. Là một chuyên gia về quan hệ quốc tế ở Việt Nam, tác giả đã phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế dẫn đến các sự kiện trong quan hệ đối ngoại tác động đến đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước qua các giai đoạn lịch sử của dân tộc. Công trình nghiên cứu tập trung vào vấn đề đối ngoại trên những lĩnh vực khác nhau như quân sự, kinh tế, văn hóa... Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác đối ngoại của Việt Nam những giai đoạn sau. Đối với giai đoạn 1975-1995, được tác giả khai thác về quan hệ đối ngoại trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc và Tây Nam, giải toả tình trạng bị bao vây, cấm vận và đường lối đối ngoại thời kỳ đầu đổi mới đất nước.

Bên cạnh đó, về đề tài ngoại giao của Việt Nam còn có một số bài nghiên cứu của các nhà khoa học đăng tải trên các báo, tạp chí chuyên ngành, các trang báo mạng... là những tài liệu tham khảo quý cho đề tài.

Nguyễn Văn Lan (2015) “Bảy mươi năm đối ngoại Việt Nam: Thành tựu và những bài học kinh nghiệm” [203]. Trong bài viết, tác giả đã đánh giá những thành tựu cơ bản của đối ngoại Việt Nam từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời năm 1945 đến năm 2015. Trong đó, giai đoạn đầu sau khi đất nước thống nhất năm 1975, cũng được tác giả đề cập và phân tích khách quan từ tình hình quốc tế và khu vực có nhiều chuyển biến sâu sắc, đất nước đứng trước thời cơ và nhiều khó khăn, thách thức lớn. Để Đại hội VI của Đảng (12-1986) đánh dấu sự đổi mới của Đảng về đối ngoại. Tác giả có đưa ra một số kinh nghiệm cho sự nghiệp đổi mới đất nước từ những thành tựu của đối ngoại Việt Nam trong chặng đường bảy mươi năm.

Lê Văn Phong (2015) “Quá trình bổ sung, hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới” [204]. Trong bài viết, tác giả đã tái hiện quá trình hoạch định, bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại từ Đại hội VI của Đảng (12-1986) đến Đại hội XI của Đảng (01-2011). Trong đó, giai đoạn 1986-1990 Việt Nam đã đẩy mạnh hoạt động đối ngoại kinh tế, đối ngoại chính trị. Kết quả bước đầu đạt được trong những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ XX có ý nghĩa quan trọng là giải toả được tình trạng đối đầu, thù địch, mở cửa giao dịch hợp tác bên ngoài, tạo được vị thế mới cho đất nước trong quan hệ quốc tế.

Hoàng Thị Thuý (2018) “Chính sách đối ngoại giai đoạn 1976-1986 và những bài học kinh nghiệm” [152]. Trong bài viết, tác giả đã đưa ra một số kinh nghiệm trong chính sách đối ngoại của Đảng giai đoạn 1976-1986 như cần đánh giá đúng sự vận động, biến đổi của bối cảnh quốc tế và thực tiễn đất nước để kịp thời điều chỉnh chủ trương, chính sách đối ngoại; coi trọng công tác dự báo, tổng kết thực tiễn; chủ động khắc phục đường lối “nhất biên đảo”... Quan hệ Việt Nam-Liên Xô cũng được tác giả đề cập đến, trong giai đoạn này Việt Nam đã nghiêng hẳn về phía Liên Xô, đối đầu với Trung Quốc và coi Liên Xô là “hòn đá tảng” trong chính sách đối ngoại.

** Nước ngoài*

Gabriel Kolko (1991), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh - Việt Nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại* [98]. Giáo sư sử học người Mỹ, đặc biệt quan tâm đến cuộc chiến tranh Việt Nam. Dựa vào những quan sát tại chỗ ở Washington, Paris và những chuyến thăm Việt Nam, Gabriel Kolko đã phân tích chi tiết các đối tượng liên quan trong cuộc chiến tranh (Mỹ, Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô), đồng thời phân tích, trình bày triển vọng của những cuộc chiến tranh hạn chế của Mỹ trong thời hiện đại.

Archimedes L.A. Patti (1995), *Tại sao Việt Nam?* [129]. Tác giả phân tích trong cuộc chiến tranh Việt Nam, về thời gian đầu và lý do Mỹ quyết định can thiệp vào miền Nam Việt Nam; những mối quan hệ quốc tế đầy mâu

thuần giữa Mỹ - Liên Xô-Trung Quốc; những hoạt động của chính quyền Mỹ dưới hai thời tổng thống Truman và Eisenhower để đi đến can thiệp, mở đầu cho một cuộc chiến tranh kéo dài ở Việt Nam đã được tác giả phân tích rất kỹ, giúp cho người đọc có những hiểu biết khá chân thực về mối quan hệ giữa các nước lớn trong chiến tranh Việt Nam.

Case Study WWS (2002), *Diplomacy of Isolation United States Unilateral Sanctions Policy and Viet Nam 1975-1995*, Oliver Babson (*Chính sách trừng phạt cô lập đơn phương về ngoại giao của Mỹ với Việt Nam 1975-1995*) [206]. Tác giả đã trình bày những tính toán của Mỹ khi thi hành chính sách ngoại giao nước lớn nhằm cô lập Việt Nam, cũng như xem Hà Nội là nơi “cân bằng chiến lược” với Liên Xô và Trung Quốc. Qua đó, tác giả khẳng định rõ ràng những tính toán lợi ích của Mỹ đối với Việt Nam là có thật, thừa nhận chính quyền Mỹ đã không thành công trong việc cô lập Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Lien-Hang T. Nguyen (2012), *Hanoi's War: An international history of the War for Peace in Vietnam (Cuộc chiến tranh của Hà Nội: Một lịch sử quốc tế của cuộc chiến tranh vì hòa bình của Việt Nam)* [209]. Tác giả làm rõ quá trình cuộc chiến tranh Việt Nam và phân tích cuộc chiến tranh từ góc nhìn của phía Việt Nam, trong bối cảnh quốc tế phức tạp với những tính toán của các cường quốc Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc. Tác giả làm rõ mâu thuẫn Xô-Trung về chiến tranh Việt Nam, những điểm nổi bật trong quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các nước lớn trong giai đoạn này.

Bogaturov Alesksey Demosfenovich và Averkov Viktor Viktorovich (2015), *Lịch sử quan hệ quốc tế* [38]. Các tác giả đã phân tích mối quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới đi theo tiến trình lịch sử, với sự hình thành hệ thống lưỡng cực (1945-1953); những mâu thuẫn của hệ thống lưỡng cực: Các chiến lược tiến công và sự chung sống hoà bình (1953-1962); giai đoạn đầu tiên của tình trạng ổn định trong thế đối đầu: Làm dịu tình hình và ổn định hệ

thống thế giới (1962-1975); giai đoạn thứ hai của tình trạng ổn định trong thế đối đầu; sự sụp đổ của hệ thống lưỡng cực (1985-1996) và sự hình thành thế giới đơn cực (1996-2008). Trong đó, phản ánh các mối quan hệ: Quan hệ giữa Liên Xô với Đông Âu và Việt Nam, vấn đề mâu thuẫn Xô - Trung, chính sách đối ngoại của Liên Xô. Do xuất phát điểm nhìn nhận vấn đề lấy Liên Xô là trung tâm nên lập trường người viết cũng có những khác biệt so với các nhà nghiên cứu trong nước. Vấn đề Việt Nam giai đoạn 1975-1991, cũng được các tác giả dành một số phần quan trọng để phân tích như quan hệ Việt Nam - Liên Xô; các xung đột giữa Việt Nam và Trung Quốc, xung đột Campuchia...

Trong các công trình nghiên cứu đề cập đến quan hệ đối ngoại của Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, các tác giả đã tập trung khái quát quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước trên thế giới, đặc biệt là quan hệ với các nước lớn. Trong đó, tác giả các công trình cũng khái quát quan hệ của Việt Nam với Liên Xô giai đoạn 1975-1991 với những diễn biến chính trong tiến trình lịch sử quan hệ đối ngoại của dân tộc. Tuy nhiên, vấn đề liên quan đến quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong khuôn khổ của những công trình về ngoại giao Việt Nam nói chung, tuy được đề cập, phân tích, đánh giá, tương đối khái quát nhưng mới chỉ đề cập ở những khía cạnh đơn lẻ, hoặc hết sức tổng quát, chủ yếu là nội dung trong quan hệ chính trị - ngoại giao.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quan hệ Việt Nam với Liên Xô

**** Trong nước***

Mặt trận đấu tranh ngoại giao là một mặt trận quan trọng góp phần vào thắng lợi của dân tộc, trong đó quan hệ Việt Nam - Liên Xô là một trong những mối quan hệ đặc biệt của chính sách ngoại giao. Về quan hệ Việt Nam - Liên Xô gồm những công trình nghiên cứu một cách tổng thể trên mọi phương diện trong quan hệ hai nước về (kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội...) hay nghiên cứu riêng về sự viện trợ, ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trên một số lĩnh vực... Nhìn chung, các công trình nghiên

cứu về mối quan hệ Việt Nam-Liên Xô khá phong phú, đa dạng, trong đó nhiều công trình có giá trị cao và tài liệu tham khảo rất quý cho đề tài luận án.

Nhà xuất bản Sự thật (1983) *Thắng lợi của tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô* [121]. Trong cuốn sách, các tác giả đã khái quát, tổng hợp quan hệ của Việt Nam với Liên Xô, với sự giúp đỡ và hợp tác của Liên Xô trong các lĩnh vực như giao thông vận tải, năng lượng điện và than, thương mại, hàng hải, nông nghiệp, xây dựng, đào tạo, y tế... Đặc biệt, trong từ năm 1978 đến năm 1983, sau khi hai nước ký Hiệp ước hợp tác và hữu nghị toàn diện năm 1978, sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trên các lĩnh vực có sự phát triển vượt bậc. Đó là thành công của đường lối đối ngoại của Đảng và là thắng lợi của tình hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô.

Nguyễn Vĩnh và A.G. Êgôrôp (1987), *Sự hợp tác quốc tế giữa Đảng cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Liên Xô, Lịch sử và hiện tại* [195]. Nhân kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng Tháng Mười, dưới sự chỉ đạo biên soạn của BCH TƯ ĐCS Việt Nam và BCH TƯ ĐCS Liên Xô, nhằm thắt chặt tình đoàn kết, hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô. Trong cuốn sách, các tác giả đã phân tích và làm rõ quan hệ hợp tác giữa ĐCS Việt Nam và ĐCS Liên Xô trong phong trào cách mạng vô sản thế giới; giới thiệu những thành tựu và ảnh hưởng của quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô đối với cách mạng Việt Nam, khái quát lịch sử quan hệ của hai Đảng từ năm 1930 đến năm 1985. Giai đoạn 1975-1985, được trình bày trong phần chương VIII của cuốn sách, về giai đoạn mới của sự hợp tác anh em và tình đoàn kết, chiến đấu giữa ĐCS Liên Xô và ĐCS Việt Nam. Đó là, chống nguy cơ hạt nhân, củng cố hoà bình trên toàn thế giới; đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội Liên Xô là đường lối chiến lược của ĐCS Liên Xô; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam độc lập, thống nhất và CNXH. Trong giai đoạn này, quan hệ Việt Nam - Liên Xô được nâng lên một trình độ mới.

Bùi Huy Khoát (1995), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga: Hiện trạng và triển vọng* [97]. Trong cuốn sách, tác giả nghiên cứu phân tích, đánh giá quan hệ trên lĩnh vực kinh tế giữa hai nước. Quan hệ với Liên Xô kể từ khi chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1950 đến khi Liên Xô tan rã vào năm 1991 và quan hệ với Liên bang Nga những giai đoạn tiếp theo. Giai đoạn 1975-1991, được tác giả nghiên cứu và phân tích trong chương mở đầu của cuốn sách, đã khái quát những thành tựu chủ yếu của quan hệ kinh tế Việt Nam-Liên Xô. Đây được coi là “giai đoạn vàng” về sự phát triển quan hệ kinh tế hai nước. Liên Xô có công lao rất lớn trong xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và tạo tiền đề cho sự phát triển các ngành kinh tế trọng yếu của Việt Nam sau này. Đồng thời, tác giả cũng đánh giá, nhìn nhận lại những mặt chưa được trong quan hệ kinh tế Việt - Xô giai đoạn này để từ đó có những bước chuyển biến trong thực hiện cải cách, cải tổ, chuyển đổi cơ chế kinh tế giữa Việt Nam và Liên bang Nga. Những kết quả ban đầu khẳng định rằng, sự nghiệp đổi mới kinh tế ở hai nước không những đã làm cho nền kinh tế Việt Nam đứng vững và phát triển, mà còn góp phần làm cho nền kinh tế Liên bang Nga thoát dần khủng hoảng để vươn tới chất lượng mới, tạo ra cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế hai nước.

Nguyễn Thị Hồng Vân (2010), *Quan hệ Việt Nam-Liên Xô (1917-1991): Những sự kiện lịch sử* [190]. Công trình biên soạn về những sự kiện lớn, quan trọng trong quan hệ Việt Nam-Liên Xô. Tác giả đã đề cập đến tổng thể mối quan hệ của Việt Nam và Liên Xô trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá - xã hội từ khi Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công đến khi Liên Xô tan rã năm 1991. Cuốn sách đã dựng lại bức tranh toàn cảnh về quan hệ giữa hai nước và rút ra những kinh nghiệm, bài học sâu sắc trong nhận thức và giải quyết đúng đắn nhiệm vụ chính trị cũng như công tác đối ngoại, phục vụ cho công cuộc đổi mới đất nước trong bối cảnh đầy biến

động của thế giới hiện nay. Trong đó, giai đoạn 1975-1991 được tác giả đề cập rõ thông qua các sự kiện lịch sử trong quan hệ hai nước trên tất cả các lĩnh vực.

Nguyễn Thị Mai Hoa (2013), *Các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ* [81]. Tác giả đã luận giải các vấn đề quốc tế dưới cách nhìn nhận mới, đặc biệt là các mối quan hệ giữa các nước lớn, phân tích lợi ích, cũng như mục đích của các nước lớn, trong đó có Liên Xô và Trung Quốc trong việc viện trợ cho Việt Nam cùng những tác động của nó tới tiến trình cách mạng. Tác giả làm rõ sự ủng hộ của các nước XHCN đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam. Với đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ to lớn cả về vật chất cũng như tinh thần từ các nước XHCN: Liên Xô đã ký kết hàng loạt hiệp định hợp tác trên các lĩnh vực, tạo một hành lang pháp lý thông thoáng, thuận tiện để thúc đẩy quan hệ hai nước, tích cực ủng hộ, giúp đỡ nhân dân Việt Nam về chính trị, kinh tế và viện trợ quân sự; Trung Quốc tích cực viện trợ quân sự để nhân dân Việt Nam tiến hành kháng chiến... Tác giả nhấn mạnh sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc đối với Việt Nam trong các mối quan hệ đan xen, phức tạp với Mỹ, đồng thời cũng đưa ra những đánh giá về tích cực, hạn chế và rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam trong quan hệ đối ngoại với các nước lớn giai đoạn sau.

Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và ASEAN trực thuộc Viện Viễn Đông, Viện Hàn lâm Khoa học Nga (RAN) đã phối hợp với Viện Nghiên cứu châu Âu, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2014), *Quan hệ Nga-Việt: Hiện tại và lịch sử - Cái nhìn từ hai phía* [160]. Cuốn sách là tuyển tập các bài viết của 23 nhà nghiên cứu, nhà ngoại giao, nhà hoạt động xã hội của hai nước. Cuốn sách đã tổng hợp và phân tích các khía cạnh của quan hệ Nga - Việt trên các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế đến văn hoá, giáo dục, khoa học..., qua các bài viết chuyên sâu và những vấn đề đặt ra, cũng như những triển

vọng của quan hệ song phương giữa hai nước. Giai đoạn 1975-1991, được các nhà nghiên cứu tái hiện lại, là phần một rất quan trọng của cuốn sách.

Phạm Quang Minh (2015), *Quan hệ tam giác Việt Nam - Liên Xô - Trung Quốc trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975* [108]. Đây là một công trình nghiên cứu công phu về quan hệ giữa ba nước. Tác giả đã đi sâu phân tích cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam với sự hình thành quan hệ tam giác chiến lược Việt Nam-Liên Xô-Trung Quốc. Trong đó, tác giả phân tích cụ thể quan hệ từng cặp trong tam giác bao gồm: quan hệ Liên Xô-Trung Quốc, Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Liên Xô. Sự vận động của quan hệ tam giác, chiến tranh Việt Nam chịu tác động của quan hệ tam giác cũng được làm rõ trong cuốn sách. Qua đó, tác giả đánh giá một cách toàn diện tác động của quan hệ tam giác Việt-Xô-Trung đối với cục diện chiến tranh Việt Nam, với mỗi nước, khu vực và trên thế giới. Từ đó rút ra những kinh nghiệm lịch sử quý báu. Cuốn sách là tài liệu quý cho nghiên cứu giai đoạn 1975-1991, quan hệ tam giác chiến lược Việt-Trung-Xô tiếp tục có sự thay đổi cùng với sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới đã tác động sâu sắc đến cách mạng Việt Nam.

Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2018), *Liên Xô ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)* [22]. Cuốn sách trình bày và làm sáng tỏ tình hình thế giới, cũng như tình hình Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, Việt Nam trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Với sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, sức mạnh của Việt Nam đã tăng lên đáng kể cả về chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự..., từng bước tiến lên đánh bại kẻ thù xâm lược. Từ đó, đưa ra những đánh giá, nhận xét trên cơ sở khoa học đó là, Liên Xô giúp Việt Nam một cách toàn diện và hiệu quả; thể hiện tình cảm, sự giúp đỡ vô tư, trong sáng trên tinh thần quốc tế cao cả, cũng như ý nghĩa sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô cho Việt Nam: góp phần củng cố, tăng

cường mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, chi viện đắc lực cho miền Nam đấu tranh giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Các tác giả khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng trong việc tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Đây là cơ sở, nền tảng cho mối quan hệ Việt Nam-Liên Xô giai đoạn sau khi Việt Nam thống nhất đất nước, bước vào xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Vũ Dương Huân (2020), *70 năm quan hệ Việt-Nga và đôi điều về nước Nga* [90]. Tác giả đã khái quát quan hệ Việt-Nga từ khi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô ngày 30-01-1950 đến quan hệ Việt - Nga ngày nay. Trong chương 2, tác giả viết về quan hệ đồng minh chiến lược Việt Nam-Liên Xô (1950-1991), đề cập đến quan hệ Việt Nam-Liên Xô trong kháng chiến chống Pháp, chống đế quốc Mỹ và đặc biệt là quan hệ Việt-Xô giai đoạn 1975-1991. Trong khi quan hệ Việt-Trung căng thẳng thì quan hệ Việt-Xô trở thành hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Liên Xô đã dành cho Việt Nam sự ủng hộ to lớn và hiệu quả trong cuộc đấu tranh bảo vệ, củng cố và xây dựng CNXH.

Ngoài ra, còn nhiều cuốn sách đề cập đến quan hệ Việt Nam-Liên Xô như: Học viện quan hệ quốc tế (1980), *Lịch sử chính sách và hoạt động đối ngoại của Liên bang Xô viết từ năm 1945 đến năm 1980* [85]; Học viện quan hệ quốc tế (1980), *Lịch sử quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Liên bang Xô viết từ năm 1917 đến năm 1985* [86]; Lê Duẩn (1981), *Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta* [40]; Hồ Chí Minh (1985), *Về tình hữu nghị vĩ đại Việt-Xô* [105]; Nhà xuất bản Sự thật (1988), *Quan hệ và hợp tác toàn diện Liên Xô-Việt Nam* [123]; Lý Đan Tuệ (2000), *Xung đột và mâu thuẫn Trung Quốc - Liên Xô trong vấn đề viện trợ cho Việt Nam chống Mỹ* [186]; ...

Nội dung chủ đạo trong những cuốn sách này đề cập đến chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với quan hệ Việt Nam-Liên Xô là tích

cực giữ gìn, phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai nước; mối quan hệ nhiều mặt về kinh tế, chính trị, xã hội... cũng được đề cập khá rõ trong nội dung của nhiều cuốn sách.

Bên cạnh đó cũng có nhiều hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, đề tài nghiên cứu liên quan đến chủ đề quan hệ Việt Nam-Liên Xô được tổ chức, đã thu hút được sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước nhân các dịp kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Liên Xô hay kỷ niệm ngày thắng lợi Cách mạng Tháng Mười... Những bài tham luận trong hội thảo được xuất bản thành những cuốn sách, kỷ yếu như:

Kỷ yếu kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ (1997), *Quan hệ giữa Việt Nam và Liên bang Nga từ sau chiến tranh lạnh đến nay* [83]. Do Viện Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì. Đề tài nghiên cứu sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Liên bang Nga sau Chiến tranh lạnh, chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam và những định hướng lớn trong quan hệ Việt-Nga. Khai thác các quan hệ cụ thể trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên bang Nga. Từ đó, rút ra những thuận lợi, khó khăn và một số kiến nghị trong quan hệ Việt - Nga. Giai đoạn 1975-1991 cũng được đề tài nghiên cứu với sự vận động trong quan hệ Việt - Xô thời kỳ 1985-1991: Quan hệ hai nước thời kỳ cải tổ với chính sách đối ngoại theo “tư duy mới” của M.X. Goobachốp, quan hệ Xô-Việt trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, khoa học, giáo dục - đào tạo. Tuy nhiên, đề tài mới chỉ dừng lại nghiên cứu khái quát, trên các mặt chính, phản ánh một phần kết quả trong quan hệ hợp tác Việt - Xô giai đoạn này.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học (2000), *Cách mạng Tháng Mười Nga và tình hữu nghị Việt-Xô* [18]. Kỷ niệm lần thứ 50 ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Liên Xô, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã cho ra đời cuốn Kỷ yếu hội thảo quốc tế. Các bài viết trong hội thảo đã đề cập phong phú nhiều khía cạnh

trong mối quan hệ giữa Việt Nam-Liên Xô, tuy nhiên chưa phản ánh được một cách toàn diện, chi tiết quan hệ giữa hai nước.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế (2010), *Quan hệ Việt Nam-Liên bang Nga: Lịch sử - Hiện trạng và triển vọng* [191] do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức. Các bài viết trong hội thảo của các tác giả đã tập trung đánh giá thực tiễn quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô và Liên bang Nga qua các thời kỳ lịch sử trên các lĩnh vực như kinh tế, ngoại giao, thương mại... Từ đó khẳng định tầm quan trọng mang tính đối tác chiến lược của mỗi nước trong quan hệ đối ngoại; vai trò của mối quan hệ giữa hai nước đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước cũng như vị thế của mỗi bên trong chiến lược đối ngoại của mỗi quốc gia. Các bài viết đã đưa ra các khuyến nghị nhằm tiếp tục phát triển hơn nữa quan hệ hai nước, đặc biệt là quan hệ thương mại trong điều kiện mới.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học (2020), *70 năm hợp tác Việt-Nga về giáo dục và khoa học* [113]. Kỷ niệm 70 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Cộng hoà Liên bang Nga (Liên Xô trước đây) vào ngày 19-10-2020. Chi hội Hữu nghị Việt Nam - Liên bang Nga tại Đại học Quốc gia Hà Nội và Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội đã tổ chức hội thảo quốc tế. Bài viết của các tác giả đã trình bày những phát hiện mới, nghiên cứu mới và những tổng quan khá đa dạng và toàn diện trong các lĩnh vực hợp tác từ văn hoá, khoa học công nghệ, giáo dục, khai thác dầu khí, an ninh quốc phòng, nghệ thuật cho đến phương pháp giảng dạy tiếng Nga, văn hoá và ngôn ngữ Nga... Nội dung các bài viết của Hội thảo rất phong phú, đa dạng, thể hiện tình cảm to lớn, chân thành, sự hợp tác chiến lược sâu sắc, toàn diện và hiệu quả giữa hai nước.

Báo cáo Tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài (2021), *Tác động của hệ thống xã hội chủ nghĩa đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1975-1991* [102] của Hồ Thị Tố Lương, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì. Đề tài đã làm rõ những ảnh

hưởng, tác động tích cực của hệ thống XHCN đối với quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện xây dựng CNXH trên cả nước và công cuộc đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1975-1991. Tác động của Liên Xô đối với quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam cũng được đề cập rõ, qua đó, thấy được sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trong giai đoạn này là rất lớn và có tác động sâu sắc đến quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Bên cạnh đó còn nhiều bài báo, bài nghiên cứu của các nhà khoa học đăng trên các tạp chí trong nước viết về quan hệ Việt Nam - Liên Xô như:

Tác giả Trần Thị Minh Tuyết có nhiều công trình về quan hệ Việt Nam - Liên Xô. Trong bài viết “Một số vấn đề đổi mới ở Việt Nam và cải tổ ở Liên Xô” [187]. Tác giả đã phân tích ảnh hưởng của cải tổ ở Liên Xô đến các nước XHCN và Việt Nam, cải tổ ở Liên Xô đã mở ra một trào lưu cải cách ở các nước XHCN, tác động mạnh đến kinh tế và chính trị ở các nước XHCN. Sự thất bại của cải tổ, sự sụp đổ của Liên bang Xô viết và những tác động đến hệ thống XHCN nói chung và Việt Nam nói riêng. Tác giả đi sâu phân tích những nét sáng tạo của ĐCS Việt Nam trong quá trình đổi mới, nhờ đó, sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn đó là: Trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, kiên định mục tiêu CNXH, khẳng định vai trò lãnh đạo của ĐCS; lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, cùng với đổi mới kinh tế là từng bước đổi mới chính trị; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; mở rộng hợp tác trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ. Bài viết “Quan hệ Việt Nam - Liên Xô giai đoạn 1945-1991” [188]. Tác giả đã khái quát trình bày mối quan hệ Việt Nam-Liên Xô giai đoạn 1945-1991, khẳng định vai trò của quan hệ Việt Nam-Liên Xô đối với sự phát triển của mỗi nước. Từ đó, rút ra bài học cho ngoại giao Việt Nam hiện nay trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động.

Tác giả Lê Văn Thịnh là một nhà nghiên cứu có nhiều công trình viết về quan hệ Việt Nam với Liên Xô. Trong bài viết “Viện trợ kinh tế - kỹ thuật

và quân sự của Liên Xô cho cách mạng Việt Nam từ 1954 đến 1975” [146], tác giả làm rõ sự viện trợ về mặt kinh tế - kỹ thuật và quân sự của Liên Xô cho Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ. Tác giả nhấn mạnh: Việt Nam luôn nhận được sự giúp đỡ cả về kinh tế, kỹ thuật lẫn quân sự của Liên Xô. Điều đó đã chứng tỏ, việc chi viện, giúp đỡ nhân dân Việt Nam thời kỳ này là một chủ trương nhất quán trong đường lối đối ngoại và chính sách đối ngoại của Chính phủ Liên Xô. Bên cạnh đó, Liên Xô còn hỗ trợ Việt Nam trong công tác đào tạo cán bộ, giúp Việt Nam xây dựng CNXH ở miền Bắc. Bài viết “Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên Xô (1976-1991)” [145]. Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên Xô những năm 1976-1990, được xây dựng trên cơ sở các quan hệ đồng trục có từ trước đó, nhưng quan hệ kinh tế Việt Nam-Liên Xô được tăng cường mạnh mẽ vào cuối năm 1978, sau khi Hiệp ước Hữu nghị Việt-Xô được ký kết. Trong bài viết, tác giả đã khái quát quan hệ kinh tế Việt Nam-Liên Xô trên các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, giao thông vận tải, đã đạt được nhiều kết quả vượt bậc, nổi bật là Liên Xô đã giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình lớn ở hầu hết các ngành kinh tế. Nhờ tăng cường quan hệ với Liên Xô mà Việt Nam đã vượt qua khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước, tạo ra các tiềm lực nhất định về kinh tế và kỹ thuật. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định trong quan hệ kinh tế giữa hai nước trong giai đoạn 1976-1991. Bài viết “Liên Xô/Liên bang Nga với công tác đào tạo cán bộ Việt Nam - vài nhận định” [147]. Trong bài viết, tác giả đã khái quát quá trình Liên Xô đào tạo cán bộ cho Việt Nam từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1950 đến khi Liên Xô tan rã năm 1991. Với những số liệu, dẫn chứng xác thực, tác giả khẳng định Liên Xô luôn là quốc gia hàng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho tất cả mọi lĩnh vực của Việt Nam. Tác giả làm rõ hoạt động giúp đỡ đào tạo cán bộ, chuyên gia Việt Nam của Liên Xô trên tất cả mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa,

khoa học kỹ thuật... nhằm giúp Việt Nam xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa. Qua đây, thấy được vai trò to lớn của Liên Xô trong giáo dục - đào tạo cán bộ cho Việt Nam. Đội ngũ cán bộ được Liên Xô đào tạo đã góp công rất lớn trong quá trình kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam sau này.

Tác giả Nguyễn Thị Mai Hoa cũng có nhiều công trình nghiên cứu về quan hệ Việt Nam - Liên Xô. Trong đó phải kể đến một số bài viết: Bài viết “Tìm hiểu quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước” [80]. Tác giả đã làm rõ quan hệ chiến lược tay ba giữa Việt Nam-Liên Xô-Trung Quốc trong kháng chiến chống Mỹ. Từ đó làm rõ những chủ trương, chính sách đối ngoại khéo léo, mềm dẻo của Việt Nam trong giai đoạn này. Nhờ vậy, Việt Nam đã phát huy được sức mạnh nội lực kết hợp với ngoại lực để tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước. Bài viết “Vai trò của Liên Xô trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam năm 1979” [82]. Tác giả đề cập đến quá trình Liên Xô ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam về chính trị, quân sự trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc của Việt Nam năm 1979.

Phạm Thị Yên (2017), “Quân cảng Cam Ranh trong quan hệ Việt Nam - Liên Xô thời kỳ chiến tranh lạnh (1979-1991)” [199]. Bài viết làm nổi bật vai trò của quân cảng Cam Ranh trong quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô thời kỳ Chiến tranh lạnh. Vịnh Cam Ranh là một vịnh biển chiến lược của Việt Nam, nơi lưu dấu của nhiều cường quốc như Pháp, Nga, Nhật, Mỹ và sự hiện diện của Liên Xô là đặc biệt nhất, là duy nhất vì đây là trường hợp “hợp tác quốc tế” đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất. Sau khi Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Việt-Xô được ký kết vào tháng 11-1978, thì năm 1979, Liên Xô được phép sử dụng Cam Ranh đến năm 2004 làm căn cứ hậu cần. Dù động lực để Liên Xô thiết lập ăn cứ quân sự tại Cam Ranh phần nào bị ảnh

hưởng bởi cuộc chạy đua với Mỹ nhưng chính những ưu điểm nổi trội của Cam Ranh đã góp phần định hình quan hệ Việt - Xô giai đoạn này.

Ngoài các sách tham khảo, chuyên khảo, các bài tạp chí, còn một số luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ lịch sử cũng chọn vấn đề nghiên cứu là quan hệ Việt Nam - Liên Xô.

Lê Văn Thịnh (1999), *Quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng Liên Xô từ năm 1930-1954* [144] - Luận án tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Phạm Văn Riêng (2020), *Đảng lãnh đạo tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô về giáo dục và đào tạo thời kỳ 1954-1975* [134], Luận án Tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn; Đoàn Thanh Thủy (2020), *Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam - Liên Xô trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)* [153] - Luận án Tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn;...

Đây là nhóm công trình nghiên cứu trực tiếp về quan hệ Việt Nam-Liên Xô trên nhiều khía cạnh và tương đối phong phú. Chính vì vậy, đây là nguồn tài liệu quý, cung cấp những tư liệu quan trọng cho tác giả luận án triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể. Các công trình và các bài viết đã khái quát được những nét cơ bản nhất về lịch sử quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô, đặc biệt là lịch sử quá trình hợp tác giữa ĐCS Việt Nam và ĐCS Liên Xô trên các lĩnh vực: Chính trị - ngoại giao, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội... Trong các công trình nêu trên, các tác giả chủ yếu mô tả quan hệ Việt Nam - Liên Xô ở những giai đoạn trước năm 1975, đặc biệt là trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những nội dung thuộc về quan hệ Việt Nam-Liên Xô những năm 1975-1991, ít được đề cập, hoặc nếu có, còn khá mờ nhạt.

** Nước ngoài*

Các nghiên cứu về mối quan hệ Việt Nam-Liên Xô ở nước ngoài không nhiều, trong đó có:

Marilyn Byoung (1967), *Vietnam Triangel: Moscow, Peking, Hanoi (Tam giác Việt Nam: Moscow, Bắc Kinh, Hà Nội)* [212]. Tác giả đi sâu phân tích mối quan hệ phức tạp giữa ba nước Việt Nam-Liên Xô-Trung Quốc xung quanh vấn đề chiến tranh Việt Nam. Trong đó, làm rõ tác động của cuộc chiến tranh Việt Nam đến bản thân mỗi nước và mối quan hệ giữa các nước với nhau trong cuộc chiến. Mối quan hệ Việt-Xô-Trung trong giai đoạn nào cũng đan xen, phức tạp và ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam.

L.I.Brêgionép (1981), *Đoàn kết với Việt Nam là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ* [23]. L.I.Brêgionép - TBT BCH TƯ ĐCS Liên Xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô, một nhà lãnh đạo ưu tú của Đảng và nhân dân Liên Xô, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. L.I.Brêgionép là người bạn lớn, đã dành cho nhân dân Việt Nam những tình cảm cao quý. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, L.I.Brêgionép đã nhiều lần lên án hành động xâm lược đầy tội ác của Mỹ và ca ngợi, cổ vũ cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Việt Nam. Để ghi lại những tình cảm quý báu của TBT L.I.Brêgionép đối với Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày sinh của TBT L.I.Brêgionép, Nhà xuất bản Sự thật đã chọn lọc những bài nói và viết quan trọng của ông nói về Việt Nam và mối quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam và Liên Xô in trong cuốn “*Đoàn kết với Việt Nam là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ*”.

Porter, Bruce (1984), *The USSR in Third world conflicts: Soviet Arms and Diplomacy in local war 1945-1980 (Liên Xô trong các xung đột thế giới thứ ba: Vũ khí và ngoại giao Liên Xô trong chiến tranh cục bộ 1945-1980)* [215]. Tác giả đề cập đến quan điểm, thái độ, sự can thiệp của Liên Xô trong các cuộc chiến tranh cục bộ của các nước thuộc thế giới thứ ba.

Douglas Pike (1987), *Vietnam and the Soviet Union: Anatomy of an alliance* (*Việt Nam và Liên bang Xô Viết: Giải phẫu một liên minh*) [207]. Tác giả đã phân tích khá rõ mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên Xô, làm rõ mục đích của mỗi nước trong liên minh, tác động qua lại của mối quan hệ và những thành quả trong quan hệ giữa hai nước.

Ilya V.Gaiduk (1998), *Liên bang Xô Viết và chiến tranh Việt Nam* [73]. Là một trong số ít người được tiếp xúc với những tài liệu gốc của Liên Xô liên quan đến chiến tranh Việt Nam. Tác giả đã cung cấp nhiều thông tin giá trị về chính sách đối ngoại của Liên Xô từ các kho lưu trữ đặc biệt của Việt Nam, Liên Xô và Mỹ. Tác giả, đi sâu phân tích chính sách ngoại giao của Liên Xô đối với cuộc chiến tranh Việt Nam, bên cạnh việc phân tích chính sách đối với Việt Nam, tác giả cũng chỉ rõ tác động của các nhân tố thứ ba trong mối quan hệ Liên Xô với Mỹ, Trung Quốc và các nước Châu Âu xung quanh cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Cuốn sách thực sự là một tài liệu quý để đánh giá quan hệ Việt Nam - Liên Xô với cái nhìn từ phía Liên Xô.

Коллектив авторов (2002), *Россия (СССР) в локальных войнах и военных конфликтах второй половины XX века* (*Nước Nga (Liên Xô) trong các cuộc chiến khu vực và xung đột nửa cuối thế kỷ XX*) [216]. Cuốn sách đề cập đến các cuộc chiến tranh có sự tham gia của Liên Xô ở nhiều khu vực trên thế giới trong thế kỷ XX, trong đó có dành thời lượng nói về cuộc chiến tranh ở Việt Nam với sự tham gia ủng hộ, giúp đỡ về quân sự của Liên Xô. Từ đó, tác giả rút ra một số nhận xét về kết quả, hạn chế đối với sự có mặt của Liên Xô trong cuộc chiến, việc Liên Xô đào tạo quân nhân cũng như sự hy sinh của các chuyên gia Liên Xô ở Việt Nam trong giai đoạn 1960-1991. Đây là tài liệu rất quý cho Việt Nam, đặc biệt là các nguồn tài liệu về sự chi viện, ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô trên lĩnh vực quân sự đối với Việt Nam chưa được nghiên cứu nhiều vì vấn đề giải mật tài liệu.

Министерство науки и высшего образования российской федерации(2018), *экспорт российских образовательных услуг (Xuất khẩu dịch vụ giáo dục Nga)* [219]. Cuốn sách của Bộ giáo dục đại học Liên bang Nga, gồm các tài liệu thống kê số lượng công dân nước ngoài được đào tạo trong các trường Đại học của Liên Xô/Liên bang Nga từ năm 1950 đến năm 2018. Các tác giả đã chỉ ra các xu hướng chủ yếu tại các Trường Xô viết trong giáo dục công dân nước ngoài, đánh giá sự thay đổi tỷ lệ, cơ cấu các ngành học. Trong đó, cũng đánh giá về mức độ hỗ trợ, giúp đỡ của Liên Xô trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo đối với Việt Nam qua các thời kỳ.

Trong số những tác phẩm mà các nhà nghiên cứu đã viết, đáng chú ý là các công trình của các nhà sử học Liên Xô như Aléchxây Xêrôp (1985), *Việt Nam trong lòng Xô viết chúng tôi* [198]; Ixaép.M.P và Trécnusép. A.X (1986), *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Liên Xô từ năm 1917 đến năm 1985* [95] của nhà xuất bản Quan hệ quốc tế (Liên Xô). Ngoài ra, còn một số cuốn sách của Aléchxândơ Ôcôrôcôp (2006), *Những cuộc chiến tranh bí mật của Liên Xô* [119]...

Nhìn chung, khảo cứu nguồn tài liệu trực tiếp, hoặc có liên quan đến quan hệ Việt Nam-Liên Xô, có thể thấy rằng, dù số lượng công trình khá phong phú, có những đóng góp quan trọng, làm rõ những khía cạnh khác nhau của quan hệ Việt-Xô trên nhiều bình diện khác nhau, song phần lớn tập trung vào quan hệ Việt-Xô trong giai đoạn trước năm 1975, ít tài liệu đề cập đến quan hệ Việt-Xô trong một thời kỳ lịch sử đầy biến động, phức tạp từ năm 1975 đến năm 1991. Các tài liệu, công trình này cũng chỉ đi vào một số khía cạnh nhất định trong quan hệ giữa hai nước, chưa nghiên cứu mối quan hệ này một cách toàn diện, hệ thống dưới góc độ lịch sử ĐCS Việt Nam như đề tài tác giả lựa chọn.

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án

Qua khảo sát những công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước, có thể thấy các công trình nghiên cứu rất phong phú và đa dạng về số lượng, nội dung, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu... có nhiều đóng góp lớn về mặt khoa học. Qua tìm hiểu, nghiên cứu các công trình, luận án có thể kế thừa một số điểm cơ bản:

Về nội dung:

Một là, các công trình nghiên cứu đã tổng quát về quan hệ quốc tế của Việt Nam trước năm 1975 đã đề cập một cách phong phú, đa dạng quan hệ đối ngoại Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), các công trình có những phân tích về tác động, ảnh hưởng của quan hệ quốc tế đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam.

Trong giai đoạn 1975-1991, từ giữa những năm 1970, tình hình thế giới diễn ra những biến động lớn trên các mặt chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ đã tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống xã hội. Mỹ rút khỏi Đông Dương, nền chính trị thế giới bước vào thời kỳ “sau Việt Nam”. Các nước lớn có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại, cục diện quan hệ giữa các nước lớn cũng diễn biến phức tạp. Việt Nam bước vào thời kỳ bảo vệ độc lập, chủ quyền và xây dựng đất nước, đứng trước những thử thách mới trong quan hệ quốc tế. Các công trình nghiên cứu về quan hệ quốc tế giai đoạn 1975-1991 đã tổng hợp toàn diện về bối cảnh quốc tế những năm từ những năm 1970 đến năm 1991, những mối quan hệ phức tạp, đa chiều, chông chéo của các nước liên quan, đặc biệt là các nước lớn như: Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc. Mối quan hệ song phương

hay đa phương giữa các nước này đều tác động mạnh mẽ đến cách mạng Việt Nam, chi phối những chủ trương đối ngoại của Đảng. Từ đó, giúp cho nghiên cứu sinh có một bức tranh tổng quan về các yếu tố tác động đến chủ trương của Đảng trong quan hệ quốc tế nói chung và với Liên Xô nói riêng.

Hai là, những công trình nghiên cứu về quan hệ Việt Nam-Liên Xô cho thấy đặc điểm, vị trí, tầm quan trọng của quan hệ Việt Nam-Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991. Quan hệ Việt Nam-Liên Xô được nghiên cứu, đề cập trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, giáo dục - đào tạo, quân sự - quốc phòng... Quan hệ hai nước được xây dựng trên cơ sở cùng chung ý thức hệ, chung mục tiêu xây dựng CNXH, cùng chống lại các thế lực chống phá cách mạng cả hai nước. Trong công cuộc xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước của Việt Nam sau năm 1975 và đấu tranh chống lại các thế lực thù địch gây chiến tranh biên giới, Việt Nam được Liên Xô ủng hộ và giúp đỡ về nhiều mặt trong khôi phục, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc. Đối với Việt Nam, Liên Xô là nước đứng đầu hệ thống XHCN, giữ vị trí quan trọng trên trường quốc tế. ĐCS Việt Nam đã nêu cao chủ trương đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô như “hòn đá tảng của chính sách đối ngoại”, “là nguyên tắc, là chiến lược” trong đường lối đối ngoại của Việt Nam.

Ba là, các công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng đối với quan hệ ngoại giao trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1991, trong đó có quan hệ Việt Nam-Liên Xô, phản ánh vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với hoạt động ngoại giao Việt Nam. Nhờ đó, ngoại giao góp phần quan trọng trong việc tranh thủ sự ủng hộ của các nước, các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chống xâm lược và công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam. Các công trình nêu lên kết quả quá trình lãnh đạo của Đảng và một số kinh nghiệm được rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam với Liên Xô. Đây là những nguồn tư liệu rất thiết thực và bổ ích phục vụ trực tiếp cho tác giả viết luận án.

Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu:

Các công trình nghiên cứu có cách nhìn đa chiều, với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau khi nghiên cứu về quan hệ Việt Nam-Liên Xô như quan hệ quốc tế, chính trị học, triết học, lịch sử và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... Các nhà khoa học trong nước và học giả nước ngoài có những góc độ nhìn nhận, phương pháp nghiên cứu hết sức khoa học, tuy nhiên cũng có sự khác biệt về góc độ tiếp cận, nhìn nhận vấn đề. Các học giả nước ngoài nhìn nhận quan hệ Việt Nam-Liên Xô trên góc độ của người ngoài cuộc, hoặc phía đối thủ hay đồng minh của nhân dân Việt Nam, nên có nhiều luận điểm khác với quan điểm của các tác giả trong nước. Các tác giả nước ngoài bị chi phối của quan điểm lợi ích quốc gia dân tộc, nên góc nhìn nhận và tiếp cận về Việt Nam của các tác giả người Mỹ, Trung Quốc hoàn toàn khác với các tác giả Liên Xô. Có thể nói, quan điểm, nhìn nhận về ngoại giao Việt Nam-Liên Xô của các tác giả nước ngoài là đa chiều, phong phú.

Các nhà nghiên cứu đã sử dụng rất nhiều phương pháp để nghiên cứu quan hệ Việt Nam-Liên Xô trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1991, trong đó có thể kể đến các phương pháp tiêu biểu như: phương pháp nghiên cứu liên ngành, phương pháp chuyên gia, phương pháp điều tra xã hội học, phân tích, tổng hợp... Những phương pháp khoa học được thể hiện rất rõ và khác biệt trong từng công trình, làm nên những nét nổi bật và riêng biệt cho từng tác phẩm. Điều này giúp tác giả luận án có thể sử dụng trong nghiên cứu kết quả quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.

Về nguồn tư liệu:

Các công trình nghiên cứu đã đưa ra nhiều tư liệu có giá trị với những cách thức tiếp cận khác nhau như: chính trị, kinh tế, văn hoá, triết học... Đây là nguồn tư liệu có giá trị, giúp nghiên cứu sinh có một nguồn tư liệu nhất định để hình thành những hiểu biết chung, tiếp cận sâu hơn các vấn đề nghiên cứu của luận án.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Xuất phát từ ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu, qua khảo sát các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, tác giả tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản trong luận án:

Thứ nhất, về những yếu tố tác động: Trên phong nền của lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc diễn ra trong giai đoạn 1975-1991, đó là những biến chuyển lớn của tình hình thế giới: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trở thành xu thế mạnh mẽ, các nước lớn điều chỉnh chính sách đối ngoại làm cục diện quan hệ các nước lớn diễn biến phức tạp, Liên Xô và các nước Đông Âu khủng hoảng và bước vào con đường cải tổ... Trong nhiều vấn đề thuộc bối cảnh lịch sử, luận án tập trung khai thác kỹ về chính sách của Liên Xô đối với Việt Nam, nhiệm vụ cách mạng của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1991, quan hệ Việt Nam với các nước lớn, các nước trong khu vực, khái quát quan hệ của Việt Nam với Liên Xô trước năm 1975... Từ đó, luận án làm rõ các yếu tố tác động đến chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng đối với quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong giai đoạn này.

Thứ hai, về chủ trương của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991: Được tiếp cận dựa trên chủ trương đối ngoại chung của Việt Nam, nhằm thực hiện mục tiêu khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc và bước đầu vào công cuộc đổi mới. Do vậy, trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô, đặt ra yêu cầu cần củng cố, tăng cường quan hệ Việt Nam-Liên Xô, để tranh thủ những điều kiện có lợi nhất cho cách mạng Việt Nam từ phía Liên Xô. Bên cạnh đó, để làm rõ chủ trương của Đảng với Liên Xô, cũng cần đặt quan hệ Việt Nam-Liên Xô trong tổng thể quan hệ với các nước khác để nhận thấy vị trí, vai trò của mối quan hệ này trong đối ngoại Việt Nam. Căn cứ vào cách tiếp cận trên và dựa trên các văn kiện Đảng, các tư liệu lịch sử, luận án cố gắng làm sáng tỏ các chủ trương của Đảng trong quan hệ với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991.

Thứ ba, về chỉ đạo của Đảng đối với quan hệ Việt Nam-Liên Xô: Luận án tiếp cận và giải quyết một cách toàn diện, trong đó tập trung vào các mặt: chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, quân sự - quốc phòng, trong hai giai đoạn từ tháng 5-1975 đến tháng 11-1986 và từ tháng 12-1986 đến tháng 12-1991. Luận án cũng làm rõ những điểm khác biệt về chỉ đạo thực hiện của Đảng trong hai giai đoạn 1975-1986 và 1986-1991 để thấy được sự linh hoạt trong chỉ đạo thực hiện quan hệ hai nước của Đảng.

Thứ tư, về nhận xét và kinh nghiệm: sau khi hoàn thành việc nghiên cứu một cách toàn diện, khách quan sự lãnh đạo của Đảng đối với quan hệ của Việt Nam-Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991. Luận án đưa ra nhận xét: Gồm những ưu điểm, hạn chế về chủ trương, sự chỉ đạo thực hiện và nguyên nhân hạn chế, căn cứ vào đó rút ra một số kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng đối với quan hệ hai nước. Dù Liên Xô đã tan rã, nhưng những kinh nghiệm lịch sử được rút ra mang tính chất tổng quát vẫn phục vụ hữu ích cho việc thúc đẩy quan hệ đối ngoại của Việt Nam hiện nay, trong đó trực tiếp nhất là quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga.

Tiểu kết chương 1

Liên quan đến đề tài “Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam với Liên Xô từ năm 1975 đến năm 1991” có rất nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước. Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy: quan hệ quốc tế, tình hình Việt Nam và Liên Xô, cũng như nhiều mặt trong quan hệ Việt Nam-Liên Xô đã được đề cập đến và bước đầu làm rõ.

Các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đã đề cập đến quan hệ Việt Nam-Liên Xô dưới nhiều góc độ khác nhau như triết học, lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, chính trị học..., với các phương pháp nghiên cứu được sử dụng đa dạng, góc độ tiếp cận và quan điểm của học giả trong nước và nước ngoài khá phong phú nhưng có sự khác biệt, dẫn đến nhiều quan điểm về cùng một sự kiện

lịch sử có sự không thống nhất, đòi hỏi sự thẩm định lại với phương pháp khoa học và quan điểm cá nhân của người nghiên cứu.

Luận án nghiên cứu vấn đề dưới góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng đề tập trung làm rõ: bối cảnh lịch sử sau những năm 1970, trong đó tập trung khai thác kỹ về tình hình Liên Xô, chính sách của Liên Xô đối với Việt Nam, quan hệ của Việt Nam với các nước trong khu vực và nước lớn; làm sáng tỏ các chủ trương của Đảng trong quan hệ với Liên Xô; sự chỉ đạo thực hiện của Đảng trong quan hệ với Liên Xô về các mặt: chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội, quân sự - quốc phòng; từ đó rút ra những nhận xét và kinh nghiệm phục vụ công tác đối ngoại của Việt Nam hiện nay.

Với những khoảng trống đó, tác giả luận án đã tiến hành thu thập, xử lý và đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu trước đó, để thấy được những vấn đề liên quan đến luận án đã được nghiên cứu như thế nào? Nghiên cứu đến đâu? Cần bổ sung, lấp đầy để hoàn chỉnh nghiên cứu về chủ trương và quá trình Đảng lãnh đạo quan hệ Việt Nam với Liên Xô giai đoạn 1975-1991. Hơn nữa, việc nghiên cứu tổng quát các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án cũng là cơ sở cung cấp nguồn tư liệu quý cho tác giả trong quá trình hoàn thiện luận án.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM VỚI LIÊN XÔ TỪ THÁNG 5-1975 ĐẾN THÁNG 11-1986

2.1. Những yếu tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Liên Xô và chủ trương của Đảng

2.1.1. Những yếu tố tác động

** Tình hình thế giới*

Từ giữa những năm 1970, trên thế giới có những biến động rất lớn, đánh dấu những biến đổi và phát triển có tính chất bước ngoặt trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và quan hệ quốc tế trong những thập niên cuối của thế kỷ XX.

Tình hình quốc tế có nhiều thuận lợi. Thắng lợi của cách mạng ba nước Đông Dương đã góp phần thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới có bước phát triển mới. Xu thế chủ đạo trên thế giới là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ, ngay cả ở khu vực vốn được coi là “sân sau” của Mỹ là Mỹ latinh. Điều đó làm hạn chế phần nào quyền lực của Mỹ trên thế giới cũng như ở chính các quốc gia này. Cùng với thắng lợi của Việt Nam vào mùa Xuân năm 1975, hàng loạt các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đã đứng lên đấu tranh và giành được quyền tự chủ. Chỉ trong vòng 5 năm, từ năm 1976 đến năm 1981, 21 nước đã giành độc lập dân tộc. Điều này có một ý nghĩa đặc biệt đối với cách mạng Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên thế giới cũng như trong quan điểm, nhìn nhận của Liên Xô đối với Việt Nam.

Trong những năm 1970-1980, sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học và công nghệ đã tác động đến hầu hết các quốc gia, dân tộc trên thế giới, làm tăng nhanh quá trình khu vực hoá và quốc tế hoá nền kinh tế. Cùng với sự điều chỉnh và thích ứng trong điều kiện mới, CNTB hiện đại

đã tạo ra thời cơ có thể đẩy nhanh quá trình phát triển và chính điều đó vừa tạo ra những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế và khoa học, kỹ thuật nhưng cũng tạo ra những thách thức không nhỏ đối với các nước XHCN trong đó có Việt Nam và Liên Xô.

Sau khi Mỹ giảm dần sự có mặt về quân sự ở Đông Nam Á và trước việc Trung Quốc, Liên Xô tăng cường hoạt động và gây ảnh hưởng ở khu vực, các nước Đông Nam Á đã điều chỉnh chính sách theo hướng hoà bình, trung lập; một mặt tăng cường liên kết với nhau, mong muốn cải thiện quan hệ với Việt Nam và các nước Đông Dương để xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, mặt khác, tiếp tục duy trì và tăng cường quan hệ với Mỹ, Nhật Bản, các nước phương Tây, cải thiện quan hệ với Trung Quốc, Liên Xô. Điều đó, rất thuận lợi cho Việt Nam khi bước vào công cuộc xây dựng đất nước và phát triển quan hệ Việt Nam - Liên Xô lên một tầm cao mới.

Sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, Mỹ điều chỉnh chiến lược toàn cầu. Trong tình thế phải cùng một lúc đối phó với nhiều vấn đề trên thế giới, Mỹ không thể giữ thái độ thù địch với các nước mà phải giảm cam kết ở bên ngoài, thúc đẩy hòa hoãn với các đối thủ chính, tập trung ưu tiên giải quyết các vấn đề trong nước để củng cố địa vị trong hệ thống TBCN. Có thể nói, thập niên 70 của thế kỷ XX là thập niên của sự hòa hoãn giữa các nước lớn như hòa hoãn Mỹ-Xô, hòa hoãn Tây Âu - Liên Xô, hoà hoãn Mỹ-Trung Quốc, hòa hoãn giữa Tây Âu, Nhật Bản với Trung Quốc. Đặc biệt, thời gian này, mối quan hệ Trung-Xô ngày càng rạn nứt nghiêm trọng với những bất đồng gay gắt đã khiến Mỹ tăng cường quan hệ với Trung Quốc để chia mũi nhọn về phía Liên Xô. Kể từ đầu năm 1978, Mỹ muốn dùng Trung Quốc để “ngăn chặn Liên Xô” nên Mỹ đẩy nhanh quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Vì thế, quan hệ giữa ba nước lớn Mỹ-Xô-Trung chuyển từ hình thái đối đầu từng cặp sang hình thái Mỹ - Trung liên kết chống Liên Xô. Lúc này, phía Liên Xô cũng điều chỉnh chiến lược, quan tâm nhiều hơn đến Đông Nam Á, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mở rộng ảnh hưởng ở Mỹ

Latinh, châu Phi. Có thể nói, bức tranh quan hệ quốc tế rất phức tạp, đan xen bị chi phối bởi lợi ích của các nước lớn. Điều này đã tác động trực tiếp đến sự vận động và phát triển của quan hệ Việt Nam-Liên Xô trong thời kỳ này.

Trung Quốc kết thúc cách mạng văn hoá, từ năm 1978, bắt đầu cải cách và mở cửa kinh tế, thực hiện 4 hiện đại hoá. Đặt mục tiêu phát triển kinh tế lên hàng đầu, Trung Quốc tranh thủ vốn, khoa học - kỹ thuật và mở rộng thị trường bằng việc thúc đẩy quan hệ với Mỹ, Nhật Bản và các nước phương Tây, mở rộng quan hệ với các nước Đông Nam Á, thế giới thứ ba và tăng cường quan hệ với các nước XHCN ở Đông Âu. Các nước XHCN ở Đông Âu cũng lâm vào khủng hoảng. Sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc đã tác động sâu sắc đến Việt Nam và đưa Việt Nam xích lại gần với Liên Xô.

Bên cạnh những điều kiện quốc tế thuận lợi thời kỳ “sau Việt Nam”, đã xuất hiện nhiều nhân tố không thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước của Việt Nam. Thế giới đang ở trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, với sự phát triển của cuộc mạng khoa học - công nghệ, quá trình quốc tế hóa nền sản xuất và phân công lao động quốc tế diễn ra mạnh mẽ, làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa TBCN và XHCN. Chính những khó khăn về kinh tế đã dẫn đến những bất đồng, mâu thuẫn về chính trị, xã hội trong nội bộ các nước XHCN. Có thể nói, đây là thời kỳ tiền khủng hoảng của cả hệ thống XHCN. Nội bộ các nước XHCN mâu thuẫn gay gắt, căng thẳng nhất là mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Liên Xô. Tình hình này gây khó khăn, phức tạp mới cho Việt Nam trong việc giữ vững đường lối độc lập, tự chủ và đoàn kết với Liên Xô, Trung Quốc.

Như vậy, những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới đã tác động sâu sắc đến Việt Nam. Sự phát triển của các nước XHCN và Liên Xô, cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới và xu thế hoà hoãn là những điều kiện quốc tế thuận lợi cho Việt Nam. Tuy nhiên, sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn và sự bất đồng gay gắt giữa Trung Quốc và Liên Xô đã gây ra nhiều khó khăn cho cách mạng Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ Việt Nam-Liên Xô giai đoạn này.

** Tình hình Liên Xô*

Liên Xô là nước đứng đầu trong hệ thống các nước XHCN, có vai trò to lớn trong bảo vệ hoà bình thế giới và là quốc gia góp phần quyết định cục diện chung trên thế giới, xu thế phát triển của lịch sử loài người.

Về kinh tế

Từ giữa những năm 60 của thế kỷ XX, nền kinh tế Liên Xô phát triển theo chiến lược kinh tế do các Đại hội Đảng vạch ra, đặc biệt Đại hội lần thứ XXIV và XXV. Hội nghị toàn quốc BCHTƯ ĐCS Liên Xô tháng 10-1980 đã khẳng định sự đúng đắn của chiến lược kinh tế của hai Đại hội, Hội nghị cho rằng phải tiếp tục chiến lược đã vạch ra và trong những năm 80 tới phải hoàn thành việc đưa nền kinh tế phát triển theo chiều sâu một cách toàn diện [33, tr.125].

Cùng với sự khủng hoảng về chính trị, cuộc khủng hoảng về dầu mỏ cũng đã tác động mạnh mẽ tới nhiều quốc gia trên thế giới nhưng các nhà lãnh đạo Liên Xô lại cho rằng quan hệ sản xuất XHCN không chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng chung này, hơn nữa các nguồn tài nguyên của Liên Xô vẫn còn dồi dào nên chậm đề ra đường lối cải cách, không kịp thời có những biện pháp đối phó với cuộc khủng hoảng. Kết quả là nền kinh tế Liên Xô trong những năm 70 có dấu hiệu suy giảm rồi khủng hoảng và đến đầu những năm 80 đã trở nên khủng hoảng trầm trọng (xem thêm phụ lục 6,7). Trong 3 kế hoạch 5 năm, thu nhập quốc dân ở Liên Xô có nhịp độ tăng bình quân hàng năm từ 4,5% trở lên. Nhưng nhịp độ tăng chậm dần từ 7,8% trong thời kỳ 1966-1970 xuống 5,7% thời kỳ 1971-1975 và 4,5% trong thời kỳ 1976-1979. Các chỉ tiêu của kế hoạch hàng năm cũng như mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1976-1980 đều không đạt [33, tr.128].

Báo cáo tại Đại hội lần thứ XXVI (từ 23-02 đến 03-03-1981) của Ủy ban Trung ương ĐCS Liên Xô nêu rõ Liên Xô “Các lực lượng sản xuất của xã hội Xô viết đã đạt được trình độ mới về chất lượng. Cách mạng khoa học - kỹ

thuật đang phát triển về chiều sâu và chiều rộng, thay đổi bộ mặt của nhiều lĩnh vực và sản xuất. Nền khoa học Xô viết chiếm những vị trí chủ đạo trong những lĩnh vực kiến thức quan trọng nhất” [46, tr.65]. Vào những năm 70 của thế kỷ XX, đánh giá sự phát triển kinh tế của Liên Xô, có thể nói rằng về kinh tế và tiềm lực phát triển khoa học, kỹ thuật thì Liên Xô đã tiến gần đến trình độ phát triển của Mỹ, thậm chí trong sản xuất một số sản phẩm quan trọng Liên Xô đã vượt qua Mỹ. Mặc dù các chỉ tiêu kinh tế của Liên Xô giảm và có dấu hiệu khủng hoảng nhưng kinh tế Liên Xô vẫn tiếp tục phát triển và có điều kiện ủng hộ, giúp đỡ to lớn đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam và các nước XHCN trong giai đoạn này.

Về chính trị - xã hội

Từ tháng 10-1964 đến tháng 11-1982, L.I. Brêgionép là TBT ĐCS Liên Xô. Tại Đại hội XXIV của ĐCS Liên Xô năm 1971, L.I. Brêgionép đã đưa ra khái niệm “*chủ nghĩa xã hội phát triển*” và khái niệm này vẫn được tiếp tục khẳng định vào những năm về sau. Từ năm 1975, Liên Xô chuyển sang giai đoạn xây dựng CNXH phát triển. Chế độ *chủ nghĩa xã hội phát triển* được xem như là một giai đoạn tất yếu trên con đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, mô hình đó chứa đựng nhiều khuyết tật, được thể hiện ở quan hệ sản xuất không phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất. Hệ thống chính trị mang nhiều nét quan liêu, chuyên quyền. Việc đề cao vai trò của cá nhân L.I. Brêgionép cũng là một trong những nguyên nhân gây ra sự trì trệ trong đời sống chính trị - xã hội ở Liên Xô.

Tình hình đất nước Liên Xô lúc này có những khó khăn về kinh tế, phức tạp về chính trị nên ở Liên Xô đã xuất hiện những lực lượng có chính kiến khác, chống lại Đảng, Nhà nước. Những người này đã tập hợp lại thành phong trào chung gọi là “*Những người cự tuyệt hệ tư tưởng Nhà nước*”. Phong trào này chia làm hai nhóm: một nhóm đấu tranh chống chế độ chính trị và hệ tư tưởng chủ nghĩa cộng sản; còn nhóm khác, đấu tranh đòi giải tán

Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết. Nhiều người trong số họ là những nhà khoa học, văn nghệ sĩ nổi tiếng.

Về đối ngoại

BCHTU' và BCT của Liên Xô hết sức chú ý đến việc củng cố tình hữu nghị và hợp tác với các nước XHCN, nhằm “cùng với các nước đó, chúng ta đang xây dựng thế giới mới xã hội chủ nghĩa, thiết lập một kiểu quan hệ quốc tế chưa từng thấy trong lịch sử trong mối quan hệ giữa các nước, mối quan hệ thật sự công bằng, bình đẳng” [46, tr.17]. Điều này rất có lợi và tác động trực tiếp đến sự chuyển biến về chất trong quan hệ của Liên Xô với Việt Nam.

Với vị trí và vai trò không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế, là một cường quốc, Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại đặt trọng tâm chiến lược vào việc bảo đảm môi trường quốc tế thuận lợi để xây dựng đất nước, rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển, đuổi kịp Mỹ trong lĩnh vực kinh tế và khoa học - công nghệ, mở rộng vùng ảnh hưởng của mình. Liên Xô tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị với tất cả các dân tộc trên thế giới, củng cố và phát triển tình đoàn kết anh em với các nước dân chủ nhân dân, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, ủng hộ và hợp tác với các quốc gia độc lập trẻ tuổi để bảo vệ hoà bình. Liên Xô tích cực giúp đỡ, có hiệu quả, nhất là đối với các nước XHCN, chống lại các thế lực gây chiến do Mỹ cầm đầu. Trong Báo cáo Tổng kết của BCHTU' ĐCS Liên Xô và những nhiệm vụ trước mắt của Đảng trong lĩnh vực chính sách đối nội và đối ngoại, TBT Brêgionép đã khẳng định: “Đảng Cộng sản Liên Xô từ nay về sau vẫn sẽ tiến hành triệt để đường lối phát triển sự hợp tác giữa Liên Xô với các nước được giải phóng, đường lối củng cố sự liên minh giữa chủ nghĩa xã hội thế giới và phong trào giải phóng dân tộc” [46, tr.36].

Tuy có những sai lầm, vấp vấp, trì trệ, nhưng Liên Xô vẫn giữ vai trò hết sức to lớn đối với cách mạng thế giới. Liên Xô là trụ cột, là hình mẫu của cả hệ thống XHCN.

** Tình hình Việt Nam*

Chiến tranh kết thúc, bối cảnh lịch sử đất nước sau năm 1975 có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có hàng loạt vấn đề khó khăn, phức tạp, tác động mạnh mẽ đến quan hệ của Việt Nam với Liên Xô trong giai đoạn này.

Thuận lợi

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Việt Nam là một tấm gương cho các dân tộc về quyết tâm chiến đấu bảo vệ những quyền dân tộc cơ bản và khả năng chiến thắng của một dân tộc chống lại những đế quốc giàu có và hung hãn. Đồng thời, thắng lợi của Việt Nam đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân các nước ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh vì độc lập, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội. Năm 1976, Việt Nam quan hệ ngoại giao với 97 nước. Sau chiến tranh, các tổ chức quốc tế đặt quan hệ ngoại giao và giúp đỡ nhân dân Việt Nam ổn định đời sống, sản xuất và khắc phục hậu quả chiến tranh. Năm 1977, Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc. Là thành viên của tổ chức quốc tế rộng lớn và uy tín này, Việt Nam có điều kiện khẳng định vị thế, bảo vệ những quyền lợi chính đáng của mình trên trường quốc tế và cùng các nước trên thế giới góp phần tích cực vào sự nghiệp củng cố hoà bình, đấu tranh cho công bằng, tiến bộ, phát triển và hợp tác quốc tế.

Sau khi tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) tan rã, các nước trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ký hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (gọi tắt là Hiệp ước Bali) vào tháng 02-1976. Xu thế chung của khu vực lúc này là hòa bình, ổn định và hợp tác. Hai nước cuối cùng là Philippin và Thái Lan trong ASEAN cũng thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào cuối năm 1976. Đây là những điều kiện thuận lợi đặt nền móng cho những bước tiến vững chắc của Việt Nam trên con đường ngoại giao với cộng đồng thế giới nói chung và với Liên Xô nói riêng.

Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực Đông Nam Á, là trung tâm của con đường giao lưu Đông - Tây, Nam - Bắc. Trước đây cũng

như sau này, dù chưa giành độc lập hay khi đã có hòa bình, Việt Nam luôn là trọng điểm tập trung chú ý trong chiến lược, chính sách của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước lớn, trong đó có Liên Xô. Sau ngày giải phóng miền Nam Việt Nam, Mỹ rút hết quân khỏi Đông Dương - tạo ra một “khoảng trống” trong khu vực rất có lợi cho các đối thủ của Mỹ là Trung Quốc và Liên Xô. Chính “khoảng trống” do Mỹ để lại đã phần nào tác động đến sự thay đổi trong chiến lược và chính sách đối ngoại của Liên Xô trên con đường mở rộng vị trí, ảnh hưởng ở khu vực này.

Khó khăn

Sau ngày giải phóng đất nước năm 1975, đất nước cũng phải đối đầu với muôn vàn thử thách, khó khăn.

Sau 21 năm chiến tranh, hầu hết các thành quả đạt được trong những năm đầu xây dựng CNXH ở miền Bắc bị tổn thất nghiêm trọng. Nhiều thành phố, thị xã ở miền Bắc bị đánh phá, nhiều khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi,... bị bom đạn chiến tranh tàn phá nặng nề. Tình hình xã hội, kinh tế miền Nam cũng gặp nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ để lại. Mỹ và các nước phương Tây đã thi hành chính sách bao vây, cô lập về chính trị, cấm vận về kinh tế với Việt Nam, khiến khó khăn càng chồng chất, bộn bề.

Bên cạnh những khó khăn về đối nội, quan hệ đối ngoại của Việt Nam diễn biến phức tạp. Trên bán đảo Đông Dương, dưới sự bảo trợ của một số nước lớn, tập đoàn Pôn Pốt-Iêngxari với bản chất phản động đã dựng lên một chế độ diệt chủng ở Campuchia. Pôn Pốt-Iêngxari tiến hành một chiến dịch thanh trừng nội bộ với những cuộc tàn sát đẫm máu nhân dân Campuchia, tiến hành từng bước chiến tranh xâm lược Việt Nam, kích động, hận thù dân tộc. Từ đầu tháng 5-1975, tập đoàn Pôn Pốt đã xua quân xâm phạm lãnh thổ Việt Nam, đến tháng 12-1977, Pôn Pốt công khai phát động chiến tranh, đơn phương cắt đứt quan hệ ngoại giao, điên cuồng mở các đợt hành quân lấn sâu

vào lãnh thổ Việt Nam. Trước tình hình đó, không còn cách nào khác Việt Nam buộc phải đánh trả để bảo vệ đất nước. Đồng thời, quân tình nguyện Việt Nam cũng vào Campuchia để giúp đỡ nhân dân Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng theo sự khẩn thiết yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia. Sau sự kiện này, các thế lực thù địch đã thực hiện bao vây, cô lập về kinh tế, chính trị và ngoại giao đối với Việt Nam.

Thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam, nhưng Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu lật đổ, chống phá cách mạng Việt Nam. Lợi dụng triệt để sự bất đồng trong nội bộ hệ thống XHCN, Mỹ tiến hành phong tỏa tài sản của Việt Nam, tuyên bố cấm vận thương mại (16-5-1975); phủ quyết việc Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc. Khi xảy ra vấn đề Campuchia, Mỹ đã vin có đó ngưng toàn bộ hoạt động quan hệ với Việt Nam. Sang đầu năm 1979, hầu hết các nước trong Nghị viện châu Âu, dưới sự tác động của Mỹ, đều ngưng các hoạt động viện trợ kinh tế, xiết chặt cấm vận, viện trợ đối với Việt Nam. Điều này tác động rất lớn đến quan hệ của Việt Nam với Liên Xô trong giai đoạn này, đưa Việt Nam xích lại gần hơn với Liên Xô.

Một phần do vướng mắc trong vấn đề biên giới trên đất liền và ngoài biển đảo nên quan hệ Việt - Trung cũng xấu đi nhanh chóng. Trung Quốc ngưng viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. Cuối năm 1976, xảy ra xung đột ở biên giới Việt-Trung tại khu vực Cao Bằng - Lạng Sơn, càng làm cho mối quan hệ giữa hai nước xấu đi nghiêm trọng. Đến tháng 03-1977, Việt Nam và Trung Quốc tiến hành đàm phán nhưng do bất đồng quan điểm nên không đạt được kết quả. Do nhiều nguyên nhân lịch sử, chính trị... phức tạp khác, quan hệ Việt-Trung thời gian này luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu mà đỉnh cao là cuộc chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc Việt Nam của hàng chục vạn quân Trung Quốc vào tháng 02-1979. Như vậy, vừa mới ra khỏi chiến tranh ác liệt, Việt Nam lại phải đương đầu với các cuộc chiến tranh mới với vô vàn khó khăn, thử thách.

Cách mạng Việt Nam sau ngày giải phóng lâm vào tình trạng khó khăn chồng chất với những thách thức lớn lao. Điều này ảnh hưởng to lớn đến công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và tác động đến quá trình hoạch định và thực hiện chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Trong hoàn cảnh bị bao vây, cô lập, hầu như Việt Nam chỉ có *quan hệ thực chất* với Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu. Công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Việt Nam rất cần sự ủng hộ của các nước XHCN và Việt Nam cũng chỉ có khả năng, cơ hội tranh thủ, tận dụng sự giúp đỡ từ những nước này, đặc biệt là Liên Xô.

Yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam là cần phải giữ vững những thành quả đã đạt được; khôi phục, phát triển kinh tế và thống nhất đất nước về mặt Nhà nước; đồng thời, tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ thế giới, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong hệ thống XHCN; đẩy mạnh củng cố và tăng cường quan hệ với Liên Xô, nhanh chóng đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách.

** Khái quát quan hệ Việt Nam với Liên Xô trước năm 1975*

Quan hệ Việt Nam-Liên Xô được Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và phát triển. Với thời gian dài hoạt động tại Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc có gắn bó sâu sắc với đất nước, nhân dân Liên xô và cũng chính Liên Xô đã có tác động sâu sắc đến Hồ Chí Minh.

Ngay sau khi thành lập năm 1930, ĐCS Việt Nam đã chủ trương và chỉ đạo thúc đẩy quan hệ hợp tác với Liên Xô nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô và Quốc tế cộng sản cho phong trào cách mạng Việt Nam. Nhiều nhà cách mạng Việt Nam được học tập, đào tạo ở Liên Xô và Quốc tế Cộng sản, khi trở về đều trở thành các lãnh tụ cách mạng như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, Nguyễn Thị Minh Khai... Sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam thời kỳ này.

Giai đoạn 1939-1945, trong chiến tranh thế giới thứ hai Liên Xô và Đồng minh đã tiêu diệt phát xít Đức, Ý, Nhật, tạo thời cơ tốt cho những người cách mạng Việt Nam tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, chấm dứt hơn 80 năm thực dân Pháp đô hộ, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong những năm đầu của nước Việt Nam mới, quan hệ Việt - Xô còn nhiều trở ngại. Liên Xô chưa công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và trong ở giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam, hầu như Liên Xô không đưa tin, không ủng hộ. Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật đi Trung Quốc, Liên Xô để tìm kiếm sự công nhận và giúp đỡ của các nước trong khối XHCN. Ngày 18-01-1950, Trung Quốc công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 30-01-1950, Liên Xô chính thức công nhận Việt Nam. Sự kiện này có ý nghĩa quan trọng, tạo điều kiện cho phe XHCN công nhận, tạo vị thế mới của Việt Nam trên trường quốc tế, là thành viên phe XHCN.

Sau ngày thiết lập quan hệ cấp Nhà nước, Đảng tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh quan hệ với Liên Xô, nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ năm 1950 trở đi, Liên Xô thường xuyên viện trợ không hoàn lại và giúp đỡ Việt Nam. Từ tháng 05-1950 đến tháng 06-1954, Việt Nam đã nhận được 21.517 tấn hàng viện trợ quốc tế với tổng trị giá 54 triệu rúp từ Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác. Trong đó, Liên Xô cung cấp toàn bộ pháo cao xạ 37 ly - 76 khẩu, toàn bộ hỏa tiễn (cachiusa), toàn bộ số tiểu liên K50, phần lớn số ô tô vận tải 685 trên tổng số 745 chiếc và một số lượng lớn thuốc kháng sinh ký ninh” [78, tr.19].

Đầu năm 1954, sau khi có thông báo của Hội nghị bốn nước lớn họp tại Béc Lin về việc triệu tập Hội nghị Giơnevơ để bàn giải pháp cho vấn đề Triều Tiên và lập lại hoà bình ở Đông Dương, Liên Xô đã chủ động đề xuất những vấn đề có lợi cho cách mạng Việt Nam. Việt Nam đã không bỏ lỡ cơ hội, vừa

chuẩn bị tham dự Hội nghị, vừa chuẩn bị chiến đấu và chiến thắng chiến dịch Điện Biên Phủ, tham dự Hội nghị với tư thế là một nước chiến thắng. Cùng với sự hỗ trợ và giúp đỡ của Liên Xô đã góp phần thúc đẩy, Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương, chính thức được ký kết, hoà bình được lập lại ở Đông Dương ngày 21-07-1954. Việc ký kết Hiệp định đã giúp Liên Xô ngăn chặn chính sách gây chiến của Mỹ ở Đông Dương, đồng thời nâng cao vị trí và uy tín của Liên Xô trên trường quốc tế. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam thắng lợi có sự hậu thuẫn rất lớn về chính trị, sự giúp đỡ về vật chất của Liên Xô, Trung Quốc và các nước trong hệ thống XHCN.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) phát triển mạnh mẽ. Xuất phát từ vị trí, vai trò và ảnh hưởng của Liên Xô trong quan hệ quốc tế, chủ trương của Đảng trong giai đoạn này đối với Liên Xô là củng cố, phát triển quan hệ hữu nghị hai nước, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong bối cảnh quốc tế vừa có những thuận lợi là Việt Nam tiếp tục nhận được sự giúp đỡ to lớn của các nước XHCN, đứng đầu là Liên Xô và Trung Quốc nhưng khó khăn là phải chiến đấu với Mỹ, tìm ra các đối sách hợp lý để hạn chế tác hại của sự bất đồng giữa Liên Xô - Trung Quốc và duy trì được đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Thời kỳ này, trong quan hệ Việt Nam-Liên Xô có sự khác biệt khá rõ ở hai giai đoạn nhỏ 1955-1964 và 1965-1975.

Giai đoạn 1955-1964, quan hệ Việt Nam - Liên Xô phát triển so với giai đoạn trước. Hội nghị lần thứ 15 của BCH TƯ Đảng (01-1959) và Đại hội III của Đảng (09-1960) chủ trương với cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng của để đánh đổ phong kiến và đế quốc, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng lên đấu tranh vũ trang. Chủ trương này phù hợp với tình hình và nguyện vọng của nhân dân miền Nam nhưng đã tác động đến quan hệ Việt Nam-Liên

Xô. Quan điểm của Liên Xô lúc này là giữ nguyên hiện trạng hai miền Nam-Bắc Việt Nam; không tán thành đấu tranh vũ trang ở miền Nam. Liên Xô chủ trương hoà hoãn với Mỹ và các nước phương Tây, nên chủ trương đấu tranh vũ trang của Việt Nam không phù hợp. Vì thế, sự giúp đỡ của Liên Xô trong giai đoạn này còn chừng mực, chủ yếu viện trợ để xây dựng cơ sở vật chất và điều kiện phòng thủ cho miền Bắc, viện trợ quân sự rất hạn chế.

Tuy nhiên, giai đoạn 1965-1975 đánh dấu sự thay đổi về chất trong quan hệ của Việt Nam và Liên Xô, sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam ở giai đoạn này rất to lớn. Khi đế quốc Mỹ đưa quân trực tiếp vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam và dùng chiến tranh phá hoại để huỷ diệt miền Bắc đã bị cả nhân loại lên án. Liên Xô có sự điều chỉnh chính sách đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Chiến tranh ở Việt Nam trở thành vấn đề mang tính quốc tế, thì quan điểm “chung sống hoà bình” của Liên Xô không còn phù hợp và làm ảnh hưởng đến uy tín của Liên Xô trong phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thế giới thứ ba. Trong chuyến thăm chính thức Việt Nam vào tháng 02-1965, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô A.N. Còxurghin khẳng định: “Từ nay, Liên Xô hoàn toàn ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam” [10, tr.201]. Từ thời điểm lịch sử quan trọng này, Liên Xô đã giành cho Việt Nam sự ủng hộ to lớn và là bước chuyển biến quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Liên Xô.

Trong 10 năm (1965-1975), giữa Việt Nam và Liên Xô đã có 51 cuộc gặp gỡ cấp cao từ cấp uỷ viên BCT trở lên [104, tr.61]. Quan hệ chính trị mật thiết đã tạo điều kiện cho quá trình hợp tác song phương về kinh tế, văn hoá và đặc biệt là quân sự - điều cần thiết nhất cho Việt Nam lúc này khi đang phải đối đầu trực tiếp với Mỹ. Từ năm 1965, Liên Xô đã viện trợ nhiều vũ khí quân sự tối tân, hiện đại cho Việt Nam như tên lửa “đất đối không”, các loại máy bay phản lực, xe tăng, súng phòng không... Liên Xô

đã cung cấp cho Việt Nam khoảng trên 2 tỷ rúp hàng viện trợ quân sự [104, tr.65]. Cùng với viện trợ vũ khí, Liên Xô đã giúp Việt Nam đào tạo một đội ngũ cán bộ quân sự đông đảo, có kỹ thuật để vận hành các vũ khí hiện đại đó. Trong thời gian chiến tranh “có khoảng từ 1.500 đến 2.500 chuyên gia quân sự Liên Xô đã phục vụ ở Việt Nam bao gồm kỹ sư, phi công, kỹ thuật viên phụ trách hệ thống rada, tên lửa” [73, tr.162]. Bên cạnh sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Liên Xô, vì lợi ích của mình, Liên Xô cũng chấp nhận đề nghị của Mỹ, đã thuyết phục Việt Nam đi vào đàm phán với Mỹ, khuyên miền Nam Việt Nam giành độc lập bằng con đường đấu tranh chính trị thông qua việc thành lập chính phủ như tinh thần của Hiệp định Paris, không muốn chiến tranh bùng nổ trở lại. Mong muốn giữ “nguyên hiện trạng” của Việt Nam với hai vùng kiểm soát, hai chính quyền và ba lực lượng chính trị.v.v...

Tuy còn một số vấn đề tồn tại trước năm 1975, xong quan hệ Việt Nam-Liên Xô khá tốt đẹp, có tác động tích cực tới tiến trình lịch sử mỗi nước, đặc biệt là với Việt Nam. Liên Xô là nguồn động viên, khích lệ, chỗ dựa cho cách mạng Việt Nam vượt qua những khó khăn. Đối với Liên Xô, Việt Nam có những đóng góp nhất định cho sự ổn định và phát triển của Liên Xô. Chiến tranh Việt Nam đã làm Mỹ tiêu hao nhiều nhân lực và vật lực, bị sa lầy trong chiến tranh hơn hai thập kỷ, điều này đã tạo điều kiện cho Liên Xô tranh thủ xây dựng tiềm lực, đối đầu, đối thoại với Mỹ.

Có thể khẳng định rằng, quan hệ Việt Nam - Liên Xô là quan hệ hết sức đặc biệt. Mỗi quan hệ này vượt ra khỏi không gian, giới hạn địa lý, là hình mẫu của sự kết hợp lợi ích riêng với lợi ích chung trong quan hệ quốc tế.

Như vậy, trong những chặng đường khó khăn, gian khổ để bảo vệ đất nước chống xâm lược, xây dựng CNXH, nhân dân Việt Nam luôn nhận được sự ủng hộ to lớn của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô. Thắng lợi của 30 năm chiến tranh cách mạng (1945-1975) không tách rời sự giúp đỡ toàn diện,

to lớn của Liên Xô. Điều này là cơ sở, tiền đề cho chặng đường phát triển trong quan hệ Việt Nam - Liên Xô những năm sau.

2.1.2. Chủ trương của Đảng

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước xây dựng CNXH. Tình hình trong nước cũng như quốc tế giai đoạn này có những biến đổi to lớn, sâu sắc và phức tạp tác động sâu sắc đến chủ trương của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô.

Vượt qua khó khăn, thách thức, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi, Đảng, Nhà nước Việt Nam chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác với các nước trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN để phục vụ cho công cuộc tái thiết đất nước. Trên tinh thần đó, Hội nghị lần thứ 24 của BCHTƯ Đảng Lao động Việt Nam khoá III (9-1975) ra Nghị quyết *Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới* đã nhấn mạnh sự cần thiết tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN: “Ra sức tăng cường đoàn kết hữu nghị, tăng cường hợp tác kinh tế với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác” [53, tr.363]. Trong điều kiện lịch sử mới, Đảng tiếp tục khẳng định tư tưởng nhất quán trong đoàn kết và hợp tác với các nước XHCN, trong đó trụ cột là Liên Xô. Trong các Đại hội, các Hội nghị Trung ương tiếp theo, chủ trương này càng được khẳng định và làm rõ, thể hiện sự quan tâm, chú trọng của Đảng đối với quan hệ Việt Nam - Liên Xô.

Tiếp đến, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976), chủ trương củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước XHCN của Đảng được thể hiện rõ: “Ra sức tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em” [54, tr.586].

Trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô giai đoạn này, Đảng chủ trương củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác, hữu nghị toàn diện với Liên Xô,

tiếp tục phát triển mối quan hệ trong chiến tranh sang giai đoạn xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Đảng nhấn mạnh tầm quan trọng cần tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học - kỹ thuật, tăng cường quan hệ hợp tác, phân công, tương trợ với các nước XHCN cũng như phát triển quan hệ kinh tế quốc tế với các nước trên thế giới trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi. Có thể thấy rằng, trên lĩnh vực đối ngoại, quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam với các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô, luôn là mối quan hệ cơ bản, chiếm vị trí ưu tiên hàng đầu trong tất cả các mối quan hệ đối ngoại ngày càng đa dạng và mở rộng của Việt Nam.

Quan hệ đối ngoại của Việt Nam, nói chung và quan hệ Việt Nam - Liên Xô, nói riêng, đã có những thay đổi quan trọng do ảnh hưởng của một số sự kiện. Đầu năm 1977, Tổng thống Mỹ J.J.Carter lên nắm chính quyền đã điều chỉnh một số chính sách đối với Việt Nam như tán thành Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc, sẵn sàng thiết lập quan hệ đầy đủ với Việt Nam, bắt đầu giao lưu buôn bán, đóng góp khôi phục kinh tế cho Việt Nam bằng phát triển thương mại [127, tr.272]. Trong năm 1977, đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ được tiến hành tại Pari qua ba vòng nhưng không đạt được kết quả như mong đợi.

Tháng 06-1978, khi tình hình quân sự, an ninh đất nước bị đe dọa mỗi ngày một lớn từ phía Bắc, để củng cố vị thế chính trị và quân sự, Đảng quyết định thực hiện chính sách đối ngoại: Thứ nhất, nộp đơn xin gia nhập SEV. Nhờ có sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, đơn của Việt Nam nhanh chóng được thông qua. Việt Nam chính thức là thành viên trong “cộng đồng XHCN”. Thứ hai, *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Liên bang Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô - Viết* được ký kết ngày 03-11-1978. Hiệp ước đã mở ra một bước ngoặt mới trong quan hệ hợp tác toàn diện Việt-Xô, phản ánh tầm quan trọng của mối quan hệ cũng như sự gắn

bó chặt chẽ giữa Việt Nam-Liên Xô, trở thành văn kiện hợp tác toàn diện nhất và ở cấp độ cao nhất trong lịch sử quan hệ song phương Việt-Xô.

Năm 1978, Mỹ và Trung Quốc đẩy mạnh cuộc thảo luận về việc bình thường hoá quan hệ. Đến 01-01-1979, Trung Quốc và Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ; quan hệ Liên Xô-Trung Quốc tiếp tục căng thẳng, phía Trung Quốc nêu lên nguy cơ hàng đầu của mình là “chủ nghĩa bá quyền Liên Xô”; quan hệ Việt Nam-Trung Quốc tiếp tục căng thẳng; lực lượng phản động Pôn Pốt-Iêngxary của Campuchia đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam; các nước ASEAN lo ngại chiến tranh có thể lan rộng sang Thái Lan và cả khu vực, nên quan hệ giữa các nước ASEAN và Việt Nam trở nên căng thẳng.

Điều này đòi hỏi ĐCS Việt Nam phải có những quyết sách trong đường lối đối ngoại. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam-Liên Xô là một bước chuyển đặc biệt của Đảng và Nhà nước để đối phó với tình hình phức tạp lúc đó, từng bước xây dựng thực lực để tự bảo vệ mình trước kẻ thù đang lăm le xâm lược, chấm dứt chiến tranh biên giới Tây Nam và đồng thời, tranh thủ viện trợ của Liên Xô để xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước. Chủ trương thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô, dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc lúc này, là phù hợp, giải quyết được những khó khăn, ngặt nghèo của Việt Nam và cũng phù hợp với quan điểm của Liên Xô trong đường lối đối ngoại của mình.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đối ngoại, Đảng cũng nhấn mạnh là phải dựa vào phe XHCN đặc biệt là Liên Xô, vì đây là chỗ dựa vững chắc, tin cậy, nơi Việt Nam có thể nhận được sự ủng hộ cả về mặt vật chất và tinh thần. Ngày 19-01-1980, Nghị quyết của BCT số 23-NQ/TW *Về những công tác lớn trong năm 1980* đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm trong việc chuẩn bị kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981-1985). Nghị quyết khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của Liên Xô đối với công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh phải phát

huy tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục tư tưởng ỷ lại vào bên ngoài “Dựa vào Liên Xô và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, đó là nguyên tắc lý luận và kinh nghiệm thực tiễn sáng tỏ. Nhưng dựa vào cũng không phải lệ thuộc, cũng không phải ỷ lại” [56, tr.549].

Nhu cầu cấp thiết của Việt Nam về đối ngoại là tạo dựng môi trường hoà bình để giữ vững ổn định chính trị và xây dựng đất nước, từng bước chủ động phá thế bao vây cấm vận của Mỹ và các thế lực thù địch, góp phần giải quyết vấn đề Campuchia, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Tiếp tục, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô để xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc được khẳng định trong Nghị quyết BCH TƯ Đảng lần thứ 9, khoá IV, ngày 10-12-1980 *Về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981*, khẳng định một trong những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch những năm sắp tới và kế hoạch năm 1981 là: “đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô và tăng cường quan hệ kinh tế với các nước trong SEV, mở rộng quan hệ kinh tế với các nước khác” [56, tr.559].

Chủ trương đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô được Đảng khẳng định trong các Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 24-02-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng*, xác định nền tảng của đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của Việt Nam là “Đoàn kết và hợp tác toàn diện trên tinh thần quốc tế vô sản chân chính với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước anh em khác trong cộng đồng XHCN” [57, tr.88]. Sự đoàn kết ấy là điều kiện quan trọng đối với sự an toàn của đất nước và bảo đảm sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nguyên tắc hợp tác quốc tế với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước XHCN khác là dựa trên cơ sở “Độc lập, tự chủ và đoàn kết trên tinh thần quốc tế vô sản” [57, tr.88]. Trong Kết luận của BCT tại Hội nghị Trung ương lần thứ 10, khoá IV của Đảng (02-11-1981) khẳng định: “Cũng như 5 năm qua, từ nay về sau, hợp tác toàn diện trước hết với Liên Xô là vấn đề nguyên tắc, đồng thời phát triển

toàn diện với Lào và Campuchia, với các nước trong SEV cũng là vấn đề nguyên tắc” [57, tr.424]. Như vậy, có thể thấy chủ trương đối ngoại của Đảng lúc này là ra sức tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để mở rộng quan hệ đối ngoại, khôi phục phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH, đặc biệt xác định hợp tác hữu nghị toàn diện với Liên Xô được coi là vấn đề “nguyên tắc”, “chiến lược”, được đặt ở vị trí trung tâm trong đường lối đối ngoại của Đảng.

Tình hình kinh tế, xã hội đất nước đứng trước những khó khăn nghiêm trọng. Mỹ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây, cấm vận về kinh tế đối với Việt Nam, nhằm cô lập Việt Nam với khu vực, gây khó khăn cho sự phát triển đất nước và mở rộng quan hệ đối ngoại, tình hình thế giới cũng có nhiều biến đổi sâu sắc. Đại hội lần thứ V của Đảng (03-1982) xác định công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực trong đấu tranh làm thất bại chính sách của các thế lực phản động, mưu toan chống phá cách mạng Việt Nam, trong đó tiếp tục chú trọng đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô, coi đó là *“hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước”* [58, tr.142]. Vì vậy, cần phải củng cố và tăng cường hợp tác hơn nữa với Liên Xô trên mọi lĩnh vực, đây là nguyên tắc chiến lược trong đường lối đối ngoại của Đảng. Đối với Việt Nam, việc gắn bó và hợp tác toàn diện với Liên Xô có ý nghĩa rất lớn, bởi hợp tác toàn diện với Liên Xô sẽ: “Đảm bảo cho thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, cũng như cho việc củng cố độc lập dân tộc và vị trí của chủ nghĩa xã hội trên bán đảo Đông Dương; đồng thời đó là một đóng góp tích cực vào việc củng cố và tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa, tăng cường cuộc đấu tranh vì hòa bình và chủ nghĩa xã hội trên thế giới” [43, tr.142]. Liên Xô là bạn đồng minh hùng mạnh và vững chắc nhất của Việt Nam, kiên

quyết đứng bên cạnh nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Trong điều kiện, tình hình mới, Đảng đã có bước điều chỉnh chủ trương đối ngoại là mở rộng quan hệ bình thường hoá về mặt nhà nước trên tất cả các lĩnh vực với các nước không phân biệt thể chế chính trị xã hội, song tại Nghị quyết số 10 của BCT, ngày 11-04-1983, tiếp tục khẳng định chủ trương đối ngoại chú trọng củng cố, tăng cường hợp tác về mọi mặt với Liên Xô - coi quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng”, quan hệ đối ngoại với Liên Xô vẫn ở vị trí chiến lược trong chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

Để chuẩn bị cho sự đổi mới về đường lối đối ngoại ở Đại hội VI, tháng 07-1986, Nghị quyết 32 của BCT *Về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng* khoá V khẳng định, tăng cường sự đoàn kết, hợp tác toàn diện với các nước XHCN, đặc biệt là trong quan hệ với Liên Xô, được nâng lên một tầm cao mới, góp phần vào thắng lợi của cuộc đấu tranh duy trì hoà bình, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng CNXH của Việt Nam.

Nghị quyết bước đầu điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp với xu thế của thời đại - là hòa bình, hợp tác, cùng phát triển trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi quốc gia. Trong giai đoạn mới, trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Việt Nam là tiếp tục củng cố quan hệ với Lào và Campuchia, tăng cường đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hữu nghị, hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN. Dù đã đứng trước ngưỡng cửa của công cuộc đổi mới, chủ trương của Đảng trong quan hệ với Liên Xô vẫn trước sau như một, thể hiện sự tin tưởng rất lớn vào Liên Xô. Tuy nhiên, Nghị quyết số 32 (07-1986) còn có những hạn chế nhất định, chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc những diễn biến mới, phức tạp của tình hình Liên Xô, Đông Âu; chưa đưa ra được những giải pháp thích hợp cho các vấn đề đối ngoại trước mắt của Việt Nam.

Qua các kỳ Đại hội Đảng và Hội nghị BCHTƯ Đảng, khoá IV, V, các Nghị quyết của BCT, Ban Bí thư, chủ trương cơ bản của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, khẳng định vị trí, tầm quan trọng và sự cần thiết phải thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện với Liên Xô, coi đó là “nguyên tắc”, là “trọng tâm chiến lược”, “hòn đá tảng” trong quan hệ đối ngoại nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô cho công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô chú trọng tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật đồng thời đẩy mạnh quan hệ kinh tế quốc tế với các nước trên thế giới trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi.

Thứ ba, quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô, dựa vào Liên Xô nhưng phải luôn phát huy tinh thần tự lực, không ỷ lại, phụ thuộc vào Liên Xô.

Như vậy, giai đoạn từ tháng 05-1975 đến tháng 11-1986, căn cứ vào những thay đổi của tình hình quốc tế và trong nước, yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam được Đảng đặt ra nhằm xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Để thực hiện mục tiêu của cách mạng, đường lối đối ngoại được Đảng xây dựng nhằm không ngừng củng cố quan hệ với các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô. Quan hệ Việt - Xô phát triển mạnh mẽ, toàn diện và nâng lên một tầm cao mới. Trong mối quan hệ với Liên Xô, Việt Nam vẫn trước sau như một, luôn đánh giá cao và coi trọng quan hệ với Liên Xô trong hoạt động đối ngoại của Đảng. Chủ trương của Đảng tiếp tục củng cố và tăng cường hợp tác toàn diện với Liên Xô là đúng đắn nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở trân trọng và đánh giá cao sự giúp đỡ của Liên Xô đối với cách mạng Việt Nam. Có thể nói, quan hệ

Việt Nam - Liên Xô là một mối quan hệ hợp tác toàn diện vì lợi ích của cả hai dân tộc, vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới, là đỉnh cao của quan hệ Việt - Xô từ trước đến nay.

2.2. Quá trình Đảng chỉ đạo thực hiện quan hệ Việt Nam với Liên Xô

2.2.1. Về chính trị - ngoại giao

Thực hiện chủ trương do Đại hội IV (12-1976), Đại hội V (03-1982) và các Nghị quyết Trung ương của Đảng đề ra về quan hệ của Việt Nam với Liên Xô là củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện với Liên Xô. Đảng và Nhà nước Việt Nam tăng cường các chuyến thăm ngoại giao tới Liên Xô nhằm “ra sức tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa” [54, tr.586] và “Gắn bó chặt chẽ và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược, đồng thời là tình cảm cách mạng” [57, tr.142].

Về phía Liên Xô, ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam, sẽ tạo điều kiện củng cố vị trí quốc tế, nâng cao vai trò, uy tín và mở rộng tầm ảnh hưởng của Liên Xô ở khu vực, cũng như trên thế giới. Đặc biệt, khi mâu thuẫn Xô - Trung ngày một gay gắt, Mỹ - Trung đi vào hòa hoãn, liên kết chống lại Liên Xô, thì việc tăng cường hợp tác với Việt Nam và các nước XHCN góp phần trợ giúp cho Liên Xô, nhất là trong cuộc chạy đua với Trung Quốc nhằm khẳng định là thành trì trong khối XHCN cũng như trong phong trào cách mạng thế giới.

Trên cơ sở thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương của Đảng đẩy mạnh quan hệ hợp tác, hữu nghị toàn diện trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Bộ Ngoại giao Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động, tham gia chuẩn bị từ khâu xây dựng đề án chính trị, các tuyên bố, chương trình chuyến thăm đến nội dung hội đàm, phối hợp cùng các cơ quan hữu quan chuẩn bị nội dung của các hiệp định, đàm phán ...; phục vụ các chuyến thăm Liên Xô và các chuyến thăm của Liên Xô với Việt Nam của Lãnh đạo Đảng, Chính Phủ Việt Nam và Liên Xô làm cho quan hệ Việt Nam - Liên Xô trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao được thúc đẩy mạnh mẽ.

Ngay sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, Đoàn đại biểu của Đảng, Quốc hội và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn dẫn đầu đã có chuyến thăm chính thức Liên Xô (từ ngày 27 đến ngày 31-10-1975). Chuyến thăm có ý nghĩa to lớn nhằm bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với sự giúp đỡ của Liên Xô với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, khẳng định mối quan hệ hữu nghị và đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Liên Xô, giữa hai Đảng. Đồng thời, mở ra một giai đoạn mới trên con đường tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện Việt - Xô.

Trong chuyến thăm, hai bên thảo luận và đi đến thống nhất: *Thứ nhất*: Hai nước phát triển quan hệ hợp tác toàn diện trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; *Thứ hai*: Tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, đòi hỏi những cố gắng mới về mọi mặt, sự hợp tác chặt chẽ giữa hai nước trong các vấn đề quốc tế như vấn đề Campuchia, bảo đảm hoà bình và an ninh ở châu Âu... Tuyên bố Việt Nam - Liên Xô, xác định những phương hướng chủ yếu nhằm tăng cường quan hệ giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt - Xô cũng như việc phối hợp chặt chẽ giữa hai nước trong các vấn đề quốc tế. Để mở rộng quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực khoa học, văn hoá, giáo dục, y tế, báo chí, du lịch, thể thao... những cuộc tiếp xúc giữa các đoàn thể xã hội và hội sáng tác của hai nước sẽ được khuyến khích bằng mọi cách.

Thực hiện chủ trương của Đảng tăng cường củng cố và hợp tác với Liên Xô, Thủ tướng Phạm Văn Đồng sang thăm Liên Xô. Ngày 06-06-1977, TBT BCH TƯ ĐCS Liên Xô L.I. Brêgionép, có cuộc hội đàm với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. TBT L.I. Brêgionép tuyên bố: “Liên Xô sẽ tiếp tục ủng hộ nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội” [13, tr.515]. Ngày 11-08-1977, Ủy viên BCT BCH TƯ ĐCS Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trường

Chinh đã tới Mátxcova, có hội đàm với Ủy viên BCT, Bí thư BCH TƯ ĐCS Liên Xô A.P.Kirilencô. Trong cuộc hội đàm, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trường Chinh nhấn mạnh: “Đảng Cộng sản Việt Nam coi việc củng cố những quan hệ hữu nghị và sự hợp tác nhiều mặt giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của mình” [13, tr.518]. Phía Liên Xô khẳng định: “Đảng Cộng sản Liên Xô trước sau như một tiếp tục ủng hộ về mọi mặt và giúp đỡ trên tinh thần anh em đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [13, tr.518].

Tháng 02-1978, trước những diễn biến phức tạp ở khu vực biên giới Việt Nam và Campuchia, Hội đồng Trung ương các Công đoàn Liên Xô đã ra *Tuyên bố* ủng hộ đường lối hòa bình của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nhiều lần đưa ra sáng kiến về việc bắt đầu các cuộc đàm phán giữa hai nước ở bất cứ cấp nào để giải quyết vấn đề còn tồn tại, góp phần củng cố tình đoàn kết giữa hai nước... Nhưng những người lãnh đạo Campuchia đã khước từ gặp gỡ và thương lượng, tăng cường khiêu khích quân sự” [13, tr.536]. Động thái của Việt Nam đã đáp ứng những lợi ích thiết thực và lâu dài của nhân dân Việt Nam và Campuchia, đáp ứng sự nghiệp hòa bình và an ninh của châu Á.

Tháng 07-1978, trước những hành động khiêu khích của Trung Quốc chống nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hội đồng Trung ương các Công đoàn Liên Xô tiếp tục ra *Tuyên bố* tố cáo và lên án mạnh mẽ những hành động gây căng thẳng của Trung Quốc, “những hành động khiêu khích của những người lãnh đạo Bắc Kinh, chiến dịch vu cáo và đe dọa chống nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa làm cho những người Xô viết căm giận và phẫn nộ” [13, tr.557]. Vì thế, thay mặt nhân dân Liên Xô, Hội đồng Trung ương các Công đoàn Liên Xô tuyên bố: “Kiên quyết ủng hộ những người anh em Việt Nam của mình trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, để bảo vệ những quyền chính đáng và củng cố vị trí quốc tế của nước

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiền đồn đáng tin cậy của hoà bình và chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á” [13, tr.557].

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, tình đoàn kết chiến đấu, sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô ngày càng được củng cố và phát triển mà đỉnh cao là việc TBT Lê Duẩn, thay mặt Đảng và Nhà nước Việt Nam và TBT L.I. Brêgionép, thay mặt Đảng và Nhà nước Liên Xô ký kết *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô* tại Mátxcova ngày 03-11-1978. Bản *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác* gồm 9 điều khoản (phụ lục 12), có giá trị trong 25 năm và sẽ được tự động gia hạn 10 năm nếu một trong hai bên ký Hiệp ước không tuyên bố muốn chấm dứt hiệu lực của Hiệp định, trước khi hiệp định hết hạn một năm.

Hiệp ước có ý nghĩa rất quan trọng đối với cả Việt Nam và Liên Xô, phục vụ lợi ích của nhân dân và công cuộc xây dựng CNXH ở cả hai nước; thắt chặt tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước thêm bền vững và sâu sắc hơn, cùng hành động và trở nên mạnh mẽ hơn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Với những điều khoản cụ thể và những hiệp nghị được ký kết kèm theo, Hiệp ước “tạo điều kiện cho nhân dân hai nước không ngừng phát triển quan hệ chính trị và hợp tác mọi mặt” [13, tr.589]. Thông qua bản Hiệp ước, “Liên Xô và Việt Nam đã khẳng định phương hướng chủ yếu của chính sách đối ngoại của mình” [13, tr.585] là không ngừng củng cố hòa bình ở khu vực châu Á nói riêng và trên toàn thế giới nói chung, có những mối quan hệ quốc tế công bằng và bình đẳng.

Như vậy, từ năm 1950 - sau hơn 28 năm kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, từng ký kết và thực thi nhiều văn bản pháp lý đưa quan hệ Việt Nam - Liên Xô phát triển sâu rộng, Hiệp ước năm 1978 trở thành văn kiện hợp tác toàn diện nhất và ở cấp độ cao nhất trong lịch sử quan hệ song phương. Trong buổi chiêu đãi đoàn Đại biểu Việt Nam, TBT L.I. Brêgionép một lần nữa nhắc lại: “Đối với những người cộng sản Liên Xô, đoàn kết với

Việt Nam là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ. Tình hữu nghị Xô - Việt được xây dựng trên lợi ích và mục đích chung, trên nền tảng vững chắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa” [23, tr.93]. Hiệp ước phản ánh lòng tin của hai Đảng, hai Nhà nước và tình hữu nghị bền chặt giữa nhân dân hai nước, tầm quan trọng của mối quan hệ cũng như sự gắn bó chặt chẽ, mật thiết giữa Việt Nam và Liên Xô.

Bên cạnh các chuyến thăm của các đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam đến Liên Xô để thắt chặt mối quan hệ hai nước, Đảng cũng chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện và tham gia các hoạt động chào mừng, kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười như: tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao của Liên Xô tổ chức như “Ngày văn hoá Liên Xô”, “Ngày văn hoá Việt Nam”... Mặt khác, ở trong nước, các hoạt động kỷ niệm được thực hiện rất phong phú: Tổ chức mít tinh kỷ niệm “Mười ngày hữu nghị Việt - Xô”; Hội nghị khoa học “Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng Tháng Mười”...

Ngày 17-02-1979, Trung Quốc ngang nhiên tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Đây là kết quả trực tiếp của chính sách đe dọa và gây sức ép mà Trung Quốc thực hiện trong nhiều năm với Việt Nam. Bắc Kinh công khai tuyên bố họ muốn “trừng phạt” Việt Nam. Trước hành động xâm lược của Trung Quốc, Chính phủ Liên Xô tuyên bố: “Việc Trung Quốc tấn công Việt Nam một lần nữa chứng tỏ rằng Bắc Kinh có thái độ vô trách nhiệm biết dường nào đối với vận mệnh của hoà bình, rằng ban lãnh đạo Trung Quốc sử dụng vũ khí một cách tùy tiện, đầy tội ác đến mức nào” [13, tr.610]. Chính phủ Liên Xô khẳng định, sẽ thực hiện đầy đủ những điều khoản cam kết được ghi trong Hiệp ước hợp tác hữu nghị toàn diện và giúp đỡ lẫn nhau giữa Liên Xô và Việt Nam. Liên bang Xô viết kiên quyết yêu cầu chấm dứt ngay cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa chống nhân dân Việt Nam và lập tức rút quân khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Liên Xô (30-01-1980), trong bức Điện mừng, Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã khẳng định sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam và bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô: “Nhân dân Việt Nam nhận thức sâu sắc rằng mỗi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp chống Pháp, chống Mỹ cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, chống tập đoàn bành trướng và bá quyền Bắc Kinh, đều gắn liền với sự ủng hộ hết lòng, sự giúp đỡ to lớn, quý báu và khảng khái của Liên Xô” [13, tr.632]. Đồng thời phía Liên Xô cũng khẳng định, mối quan hệ giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô và Việt Nam là liên minh không gì phá vỡ nổi, là lực lượng đầy sức sống. Qua 30 năm, tình đoàn kết, sự phối hợp hành động có kết quả của cả hai bên không ngừng được củng cố và phát triển. Đặc biệt, sau *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Xô - Việt* được ký kết năm 1978 đã nâng toàn bộ các mối quan hệ phong phú Xô - Việt lên một bước mới về chất, tăng cường sự giúp đỡ lẫn nhau và phối hợp hành động của hai nước trong giải quyết những nhiệm vụ của công cuộc xây dựng CNXH.

Thực hiện chủ trương của Đảng về đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên Xô, tháng 05-1982, TBT BCH TƯ ĐCS Việt Nam Lê Duẩn sang thăm Liên Xô, hội đàm với TBT BCH TƯ ĐCS Liên Xô L.I. Brêgionép. Qua chuyến thăm, hai nước đã thảo luận và thống nhất các vấn đề liên quan tới việc phát triển và tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác chiến lược. Đồng thời, Việt Nam quyết định tham gia “Hiệp ước về không phổ biến vũ khí hạt nhân” với mong muốn ổn định, hòa bình và hữu nghị trên toàn thế giới. Sau đó, giữa hai nước diễn ra nhiều cuộc trao đổi về một số vấn đề quốc tế và vấn đề Đông Nam Á.

Từ ngày 26-06 đến 01-07-1985 tại Mátxcova, Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam do TBT Lê Duẩn dẫn đầu đã hội đàm với Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Liên Xô do TBT M.X. Goochbáchốp làm Trưởng đoàn.

Liên Xô quyết định tăng viện trợ kinh tế cho Việt Nam trong 5 năm (1986-1990) và cho Việt Nam vay một khoản tín dụng với điều kiện ưu đãi và hoãn các khoản nợ trước đây. Hai bên còn ký các thoả thuận về kinh tế. Ngày 28-06-1985, *Tuyên bố chung Việt Nam - Liên Xô* được ký kết. Đây là một văn kiện có tầm quan trọng lớn, đánh dấu bước phát triển mới với chất lượng mới và quy mô mới của tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện có hiệu quả giữa hai Đảng, hai Nhà nước.

Đáp lại lời mời của Đảng và Chính phủ Việt Nam, Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước Liên Xô do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng V.I.Vôrônhichcôp dẫn đầu sang thăm Việt Nam và dự lễ kỷ niệm lần thứ 40 Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đoàn dự lễ khánh thành tượng đài Lênin, dự lễ khởi công xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh tại Hà Nội, lễ bàn giao và đặt biểu tượng hữu nghị Việt - Xô tại cầu Thăng Long, thăm công trường thuỷ điện Hoà Bình... Đây là các công trình lớn mà Liên Xô đã và đang giúp Việt Nam xây dựng, là biểu tượng của tình hữu nghị Việt - Xô.

Trước thềm Đại hội VI của ĐCS Việt Nam, Liên Xô và Việt Nam thường xuyên tổ chức các chuyến thăm ngoại giao, trao đổi quan điểm, hợp tác chặt chẽ những vấn đề về quan hệ hai nước và những vấn đề quốc tế có liên quan. Ngày 12-08-1986, tại Mátxcova diễn ra cuộc hội đàm giữa TBT BCH TƯ ĐCS Việt Nam Trường Chinh và TBT BCH TƯ ĐCS Liên Xô M.X.Goocbachốp. Tại cuộc gặp này, TBT Trường Chinh và TBT M.X.Goocbachốp đã bày tỏ sự nhất trí quan điểm trên các vấn đề quốc tế; đồng thời, hai bên thống nhất tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước trên cơ sở đổi mới phương thức hợp tác, đưa quan hệ hợp tác giữa hai nước đi vào chiều sâu, nâng cao tính hiệu quả. Cuộc gặp gỡ cấp cao này giữa hai nhà lãnh đạo của hai nước Việt Nam và Liên Xô khẳng định một lần nữa sự nhất trí giữa hai Đảng và hai Nhà nước, đánh dấu bước phát triển không ngừng trong quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô. Đây cũng là bước chuẩn bị quan trọng để Đảng và nhân dân Việt

Nam bước vào Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) - Đại hội đổi mới toàn diện đất nước.

Ngày 09-11-1986, nhận lời mời của Ủy ban Trung ương ĐCS Liên Xô, TBT Trường Chinh đã lên đường dự cuộc gặp gỡ các Bí thư thứ nhất và TBT các ĐCS và Công nhân các nước thành viên của SEV họp ở Mátxcova từ ngày 10 đến ngày 11-11-1986. Ngày 12-11-1986, TBT Trường Chinh có cuộc gặp riêng với TBT M.X.Gocbachốp, bàn về phối hợp hoạt động kinh tế và hoạt động chính trị theo hướng cải tổ mối quan hệ của các nước trong SEV, phát triển liên kết kinh tế, hợp tác hóa và chuyên môn hóa sâu, phát huy tiềm năng của từng nước và toàn cộng đồng. Hai bên nhất trí về các vấn đề nhằm tăng cường sự hợp tác toàn diện Liên Xô - Việt Nam và hoàn thiện các hoạt động phối hợp của cộng đồng XHCN. Cuộc họp kết thúc với việc nhất trí về việc đổi mới quan hệ hợp tác theo chiều sâu và tăng cường ủng hộ, giúp đỡ hơn nữa đối với ba nước Việt Nam, Cuba và Mông Cổ. Trong điều kiện và hoàn cảnh lịch sử mới, đây là một bước phát triển hơn nữa tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô.

Trong các cuộc gặp gỡ, hội đàm, phía Việt Nam khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam coi việc củng cố những quan hệ hữu nghị và sự hợp tác nhiều mặt giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của mình” [13, tr.518].

Thông qua các chuyến thăm, bằng các cuộc hội đàm, gặp gỡ, trao đổi, Đảng và Nhà nước Việt Nam mong muốn Liên Xô hiểu đường lối đối ngoại của Việt Nam, đi đến ủng hộ nhiệt thành cho Việt Nam. Trên các phương tiện thông tin đại chúng của Việt Nam, các bài viết, các bài phóng sự về Cách mạng Tháng Mười, về công cuộc xây dựng CNXH của nhân dân Liên Xô, các dịp kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước... liên tục được công bố, truyền tải. Đó là những biện pháp, những sách lược nhằm phản ánh chủ trương củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện với

Liên Xô của Việt Nam. Nhờ vậy, Việt Nam nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Liên Xô cho công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Ngược lại, trên các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp quốc, Đại hội Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế, Hội đồng tương trợ kinh tế... hoặc nhân các chuyến trao đổi đoàn đại biểu cao cấp với các nước khác, Liên Xô luôn đề cao và ủng hộ công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam. Những ủng hộ tích cực về chính trị, ngoại giao của Liên Xô đã góp phần giúp Việt Nam vượt qua được những khó khăn thử thách, tái thiết đất nước sau chiến tranh và bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Từ tháng 05-1975 đến tháng 11-1986, thực hiện chủ trương của Đảng về củng cố và thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Liên Xô “là chiến lược”, “là nguyên tắc”, những chuyến thăm hữu nghị chính thức và các hoạt động ngoại giao giữa hai nước được tiến hành phong phú, đa dạng. Điều đó thể hiện sự đồng thuận, nhất trí về quan điểm, nhận thức giữa hai Đảng, hai Nhà nước, có ý nghĩa to lớn về mặt chính trị - ngoại giao. Có thể nói, đây là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất trong quan hệ Việt Nam - Liên Xô trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kể từ khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ.

2.2.2. Về kinh tế - thương mại

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, cả nước tiến lên xây dựng CNXH. Tuy nhiên, sau 21 năm chiến tranh kéo dài, đất nước, con người Việt Nam bị tổn thất nặng nề, cộng với đó là những khó khăn khách quan trên trường quốc tế, nên Đảng chủ trương “mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, trước hết và chủ yếu với Liên Xô và SEV, là một bộ phận hợp thành của đường lối kinh tế, là chỗ dựa cực kỳ quan trọng để đưa nền kinh tế nước ta tiến nhanh lên nền sản xuất lớn, hiện đại” [55, tr.304]. Đảng chỉ đạo đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Liên Xô trên lĩnh vực kinh tế - thương mại.

Trong điều 2 của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Liên Xô ký ngày 03-11-1978 đã nêu: “Hai bên ký Hiệp ước sẽ cùng nhau cố gắng để củng

cố và mở rộng sự hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật cùng có lợi, nhằm đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân hai nước” [13, tr.581]. Trên cơ sở Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, quan hệ kinh tế giữa hai nước bước sang giai đoạn mới với đặc trưng chủ yếu là phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Đây là đỉnh cao của hợp tác kinh tế toàn diện giữa hai nước Việt Nam và Liên Xô. Hiệp ước không những đóng vai trò hòn đá tảng trong xây dựng cơ sở pháp lý của các mối quan hệ Việt - Xô, mà còn là đòn bẩy quan trọng để tiếp tục tăng cường, củng cố và phát triển toàn diện các mối quan hệ đó, củng cố tình hữu nghị, sự giúp đỡ, hợp tác giữa hai nước.

Cụ thể hoá chủ trương về công tác đối ngoại của Đại hội IV, Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (08-1979) của Đảng đề ra chủ trương mở rộng quan hệ kinh tế, đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu: “Mở rộng kinh tế đối ngoại, trước hết và chủ yếu với Liên Xô và SEV, là một bộ phận hợp thành của đường lối, là chỗ dựa cực kỳ quan trọng để đưa nền kinh tế nước ta tiến nhanh lên sản xuất lớn, hiện đại” [55, tr.304]. Hội nghị tiếp tục khẳng định mở rộng quan hệ kinh tế với Liên Xô.

Thực hiện mục tiêu đẩy mạnh hợp tác kinh tế với Liên Xô của Đảng, Chính phủ Việt Nam và Liên Xô đã ký nhiều hiệp định về hợp tác kinh tế như: sau lễ ký Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác, hai nước đã ký 6 hiệp định: Hiệp định về việc phát triển và tăng cường hơn nữa hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật; Hiệp định về việc giúp đỡ kỹ thuật hoàn thành xây dựng cầu Thăng Long, xây dựng lại khu đầu mối đường sắt Hà Nội và mở rộng khổ đường sắt Hà Nội - Hải Phòng; Hiệp định về việc xây dựng trạm thông tin vũ trụ mặt đất; Hiệp định về việc giúp đỡ bảo đảm hoạt động bình thường cho tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh; Hiệp định về hợp tác tổ chức các nông trường trồng cây thuốc và xây dựng xí nghiệp sản xuất thuốc; Hiệp định về hợp tác trong việc đào tạo các chuyên gia và công nhân lành

ngành của Việt Nam [41, tr.357-358]; Hiệp định “Hợp tác kinh tế quốc dân giữa Việt Nam và Liên Xô trong những năm 1976-1980”, ngày 17-04-1976; Hiệp định “Về hợp tác kinh tế và kỹ thuật những năm 1981-1985”, năm 1981; Hiệp định “Về trao đổi hàng hóa và trả tiền giữa Liên Xô và Việt Nam cho thời kỳ 1981-1985”, tháng 7-1981...

Cùng với việc ký các hiệp định, Chính phủ hai nước còn ký các nghị định thư về kinh tế - thương mại như: Nghị định thư “Về trao đổi hàng hoá và trả tiền giữa Việt Nam và Liên Xô”, ngày 15-12-1977; Nghị định thư “Về trao đổi hàng hoá và trả tiền giữa Việt Nam - Liên Xô (1981-1985), ngày 9-03-1981. Ngày 9-7-1981, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Nguyễn Lam và Phó Chủ tịch N.K.Baibacôp đã ký biên bản kế hoạch “Phối hợp kinh tế Việt - Xô giai đoạn 1981-1985”; Ngày 26-3-1984, Kế hoạch “Về chương trình dài hạn phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên Xô”,;...

Phù hợp chủ trương của Đảng trong củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác về kinh tế với Liên Xô, các hiệp định giữa hai Chính phủ, Liên Xô nhận giúp đỡ Việt Nam phát triển công nghiệp, nông nghiệp và thương mại, dịch vụ.

** Trong lĩnh vực công nghiệp*

Dưới sự chỉ đạo của Đảng và tổ chức thực hiện của Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành quan hệ hợp tác Việt - Xô trên lĩnh vực công nghiệp đạt nhiều kết quả tốt đẹp.

Với sự giúp đỡ toàn bộ về vốn và trang thiết bị kỹ thuật của Liên Xô, đến năm 1985, Việt Nam đã triển khai xây dựng gần 300 cơ sở công nghiệp trong hầu hết các lĩnh vực như năng lượng, khai thác khoáng sản, dầu khí, vật liệu xây dựng, hoá chất, chế tạo máy, công nghiệp hàng tiêu dùng, cũng như các công trình phục vụ ngành công nghiệp như thủy lợi, chế biến nông sản hàng hoá...[145, tr.50].

Với ngành dầu khí, Chính phủ Việt Nam và Liên Xô ký Hiệp định “hợp tác về tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam của Việt Nam” ngày 03-07-1980. Năm 1981, Xí nghiệp Liên doanh thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam của Việt Nam Việt - Xô (Viêtsôvpêtrô) ra đời. Từ năm 1982 đến năm 1985, 350 nghìn tấn thiết bị khác nhau, nguyên liệu và nhiên liệu, gần 250 loại xe cộ và thiết bị làm đường, 20 máy móc phục vụ cho giàn khoan nổi trên biển đã được đưa từ Liên Xô tới các công trình Xí nghiệp Liên doanh Việt - Xô [128, tr.153]. Với sự nỗ lực không ngừng của Việt Nam và Liên Xô, ngày 26-06-1986, Viêtsôvpêtrô khai thác tấn dầu khí đầu tiên trên mỏ Bạch Hổ tại thềm lục địa Việt Nam, mở đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển công nghiệp khai thác dầu khí ở Việt Nam.

Việc đầu tư xây dựng các công trình bằng thiết bị toàn bộ của Liên Xô đã đem lại cho ngành công nghiệp Việt Nam sự thay đổi to lớn, năng lực sản xuất của một số ngành, nhất là công nghiệp nặng tăng lên nhanh chóng. Quá trình xây dựng và vận hành các công trình công nghiệp cũng là quá trình đào tạo lao động chuyên nghiệp, phát triển lực lượng sản xuất, hình thành đội ngũ công nhân công nghiệp Việt Nam.

Trong giai đoạn 1975-1986, với sự giúp đỡ về kỹ thuật và tài chính của Liên Xô, hàng loạt các công trình then chốt của nền kinh tế đã được xây dựng, trong đó nổi bật là: Cầu Thăng Long, Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, Nhà máy thủy điện Hoà Bình trên sông Đà, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Cung văn hoá hữu nghị Việt - Xô, Viện nghiên cứu nguyên tử Đà Lạt, Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Viêtsôvpêtrô... Năm 1985, công trình thủy điện Hoà Bình hoàn thành. Nhà máy đi vào sử dụng, hàng năm sản xuất khoảng 8,4 tỷ kilôát điện, nhiều gấp hơn 2 lần sản lượng điện của toàn bộ các nhà máy điện trên miền Bắc thời kỳ đó [123, tr.84]; Nhà máy thủy điện Trị An công suất 440.000 kilôát, Nhà máy nhiệt điện Phả Lại công suất

640.000 kilôoát, Nhà máy sản xuất động cơ diezen Gò Đầm, Nhà máy xi măng Bim Sơn công suất 1,2 triệu tấn/năm, Nhà máy thủy tinh Đáp Cầu công suất 2,38 triệu m²/năm, mỏ than Hà Lâm, mỏ than Cao Sơn, mỏ than Mông Dương... Liên Xô còn đưa ra các đề án hỗ trợ Việt Nam gia công hàng hoá trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, cho Việt Nam vay 1,5 tỷ rúp để thực hiện các kế hoạch gia công 9,5 triệu sản phẩm may mặc và 67,5 triệu sản phẩm mũ, giày...[145, tr.51]. Trong bối cảnh Việt Nam vừa mới trải qua chiến tranh tàn phá nặng nề, bị bao vây cấm vận, những công trình Liên Xô giúp Việt Nam xây dựng có ý nghĩa sống còn đối với nền kinh tế Việt Nam không chỉ ở thời điểm lúc đó, mà còn đối với nhiều năm sau này, giúp Việt Nam tạo dựng cơ sở vật chất then chốt, tạo bước chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu sang một nền kinh tế tiếp cận với công nghiệp hoá.

** Trong lĩnh vực nông nghiệp*

Chủ trương của Đảng về hợp tác kinh tế với Liên Xô trên lĩnh vực nông nghiệp cũng được chú trọng thực hiện. Từ năm 1976, Liên Xô đã giúp trang bị cho 60 nông trường quốc doanh của Việt Nam, trong đó có 25 nông trường chè, 6 nông trường cà phê, 17 nông trường chuối và 12 nông trường quýt. Vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX, theo tinh thần các hiệp định về rau, quả, chè, cà phê, cao su... sự giúp đỡ của Liên Xô trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam được mở rộng cả về số lượng và chất lượng. Hai nước bắt đầu hợp tác trong sản xuất cao su tự nhiên ở Việt Nam: Khai thác 70.000 héc-ta và trồng mới 50.000 héc-ta cây cao su; Bắt đầu hợp tác trong lĩnh vực trồng bông (trồng 25.000 héc-ta bông và tổ chức hai nông trường quốc doanh cây giống thí nghiệm). Liên Xô tiếp tục tăng sản xuất chè và cà phê: xây dựng 5 nhà máy chè với công suất mỗi nhà máy là 42 tấn chè lá/ngày, giúp đỡ về kỹ thuật để trồng 20.000 héc-ta cà phê và sơ chế cà phê [3, tr.19].

Tháng 01-1985, theo *Hiệp định hợp tác sản xuất rau quả*, Liên Xô cho vay 240 triệu rúp với lãi suất 3% năm trong đó, có 90 triệu để xây dựng 17

nhà máy và 150 triệu để nhập khẩu vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và chế biến. Việc hoàn thành các công trình đó giúp cho Việt Nam xuất sang Liên Xô 929 nghìn tấn rau quả tươi và chế biến trị giá 320 triệu rúp [190, tr.450]. Liên Xô nhận được sản phẩm cần thiết không thể mua được ở các nước thành viên khác của SEV (ngoài cam quýt ở Cuba) hoặc phải mua bằng đôla từ các nước tư bản phương Tây và các nước đang phát triển. Việt Nam có khả năng tăng thêm tiềm lực xuất khẩu, đáp ứng những yêu cầu của nhân dân về các sản phẩm tiêu dùng. Hai bên đạt được sự thỏa thuận về sự hợp tác dài hạn và với quy mô lớn trong việc sản xuất rau quả và cao su tự nhiên [169, tr.24].

Về kinh tế và thiết bị toàn bộ: Ngoài phần thiết bị vật tư theo con đường mậu dịch như phân đạm, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, máy kéo, máy nông nghiệp, vận tải và phụ tùng, ngành nông nghiệp đã nhận được các khoản vay để thực hiện một số công trình thiết bị toàn bộ và hợp tác sản xuất như: Hoàn thiện 42 nông trường quốc doanh trồng cây xuất khẩu phía Bắc (32 triệu rúp), hợp tác sản xuất 2 vạn hecta cà phê (40 triệu rúp), xây dựng và trang thiết bị cho 45 trạm bảo dưỡng, bảo hành (5 triệu rúp). Trang bị cho hai nông trường sản xuất giống bông, hai trại thử nghiệm nghiên cứu bông, một xưởng cán bông (10 triệu rúp), trang bị cho Viện Công cụ cơ giới và Trung tâm khảo nghiệm máy nông nghiệp (2,7 triệu rúp), trang bị cho Trường công nhân cơ khí Đồng Giao (1,6 triệu rúp), trang bị bổ sung cho Trường Đại học Nông nghiệp I (4 triệu rúp)... [173, tr.8]. Sự hợp tác song phương giữa Việt Nam và Liên Xô trong nông nghiệp đã phát triển một cách toàn diện, bao gồm nhiều hình thức từ thấp đến cao, tác động đến nhiều lĩnh vực và dần dần đi đến thực hiện các công trình hợp tác hai bên đều có lợi về kinh tế và khoa học kỹ thuật.

Kết quả hợp tác là rất đáng kể: Việt Nam đã hoàn thành xây dựng Trường Công nhân cơ khí Đồng Giao, xúc tiến các công trình hợp tác cà phê, các đề tài khoa học kỹ thuật đã được thực hiện có nề nếp, các trạm bảo hành, bảo dưỡng đã hoàn thành về cơ bản.

** Trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ*

Trên cơ sở các Hiệp định, Nghị định thư được ký kết, Việt Nam khai thác những khả năng sẵn có của nền kinh tế, sử dụng hiệu quả nguồn lao động và mọi khả năng về đất đai, rừng, biển, ngành nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các cam kết đã ký, đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Liên Xô và vùng Viễn Đông Liên Xô các hàng nông sản nhiệt đới, lâm sản, sản phẩm chăn nuôi, hàng tiêu dùng và một số khoáng sản. Về nông sản, Việt Nam chú trọng các sản phẩm cây ngắn ngày (thuốc lá, lạc, rau quả, cây thuốc, cây tinh dầu, cây gia vị...). Về hàng tiêu dùng xuất khẩu, Việt Nam chú trọng các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp thực phẩm (rượu, chè, thuốc lá), công nghiệp nhẹ (nhất là hàng dệt và may mặc) và các sản phẩm thuộc ngành thủ công nghiệp (như các hàng mây tre, sơn mài, các loại thảm...) [121, tr.58-59].

Giai đoạn 1981-1985, trao đổi theo Hiệp định thương mại đạt doanh số 5400 triệu rúp (giá năm 1985) [97, tr.10]. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là 2800 triệu rúp, trong đó với Liên Xô đạt 1200 triệu rúp (tăng 5 triệu rúp so với giai đoạn 1976-1980), chiếm 42,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. Về tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước năm này là 7700 triệu rúp, trong đó với Liên Xô đạt 3700 triệu rúp (tăng 1700 triệu rúp so với giai đoạn 1976-1981), chiếm 48,1% tổng kim ngạch nhập khẩu (Phụ lục 1).

Về những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Liên Xô thời kỳ 1981-1986 có nhiều mặt hàng tăng đáng kể so với giai đoạn 1976-1981, như cao su đạt 96 nghìn tấn, tăng 44 nghìn tấn; chè đạt 26 nghìn tấn, tăng 18 nghìn tấn; cà phê đạt 13 nghìn tấn, tăng 10 nghìn tấn; lạc nhân đạt 10 nghìn tấn, tăng 8 nghìn tấn; thảm len đạt 1222 nghìn m², tăng 541 nghìn m²; hàng cói đạt 74 triệu rúp, tăng 27 triệu rúp. Tuy nhiên, cũng có những mặt hàng giảm nhẹ so với giai đoạn 1976-1981 như than đạt 322 nghìn tấn, giảm 47 nghìn tấn, thiếc đạt 163 tấn, giảm 381 tấn; may mặc đạt 36 triệu rúp, giảm 79 triệu rúp. Ngoài ra còn có những mặt hàng khác như thuốc lá điếu đạt 1240

triệu bao, rau quả tươi đạt 242 nghìn tấn, cao su vàng đạt 36 triệu hộp...(Phụ lục 1). Như vậy, về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Liên Xô trong giai đoạn này, nhóm hàng về nông lâm sản tăng nhiều về số lượng, đạt 219 triệu rúp, chiếm 25% tổng cơ cấu; hàng thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ chiếm ưu thế trong tổng cơ cấu hàng xuất khẩu sang Liên Xô, đạt 950 triệu rúp, chiếm 72% tổng cơ cấu; còn lại là các mặt hàng thuộc nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản đạt 25 triệu rúp, chiếm 2,8% (Phụ lục 4).

Về những mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Liên Xô thời kỳ 1981-1986 hầu hết các mặt hàng đều tăng so với giai đoạn 1976-1981, như sản phẩm dầu mỏ đạt 9000 nghìn tấn, tăng 3900 nghìn tấn, bông xơ đạt 202 nghìn tấn, tăng 45 nghìn tấn, sắt thép gang đạt 1100 nghìn tấn, tăng 649 nghìn tấn, thiết bị toàn bộ đạt 900 triệu rúp, tăng 200 triệu rúp. Ngoài ra, các mặt hàng khác như ô tô tải đạt 15 nghìn chiếc, gỗ các loại 185 m³, thuốc trừ sâu đạt 10 triệu rúp (Phụ lục 3). Trong đó giai đoạn 1976-1980 xuất 700 triệu và 1981-1985, xuất khoảng 1,2 tỷ rúp, tăng 17%; nhập khoảng 5,2 tỷ rúp theo thời giá, không kể thiết bị toàn bộ (khoảng 7,2 tỷ rúp theo giá 1985), trong đó giai đoạn 1976-1980 nhập khoảng 1,5 tỷ rúp và 1981-1985 nhập khoảng 3,7 tỷ, tăng 24% về giá trị [172, tr.355]. Như vậy, về cơ cấu mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Liên Xô trong giai đoạn này, nhóm hàng về nguyên nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 2775 triệu rúp, chiếm 75% tổng cơ cấu hàng nhập khẩu từ Liên Xô; tiếp đến là các mặt hàng thuộc nhóm thiết bị máy móc với 481 triệu rúp, chiếm 13%, còn lại là các mặt hàng tiêu dùng đạt 444 triệu rúp chiếm 12% (Phụ lục 5).

Tuy nhiên, thâm hụt mậu dịch giữa hai nước vẫn tăng lên đến 2905 triệu rúp, Liên Xô tiếp tục cho Việt Nam vay nợ và viện trợ không hoàn lại. Trong 5 năm 1981-1985, Liên Xô giúp Việt Nam tổng cộng 3775 triệu rúp, trong đó số cho vay nợ là 3723 triệu rúp và viện trợ không hoàn lại là 52 triệu rúp, trong đó phần dành cho thiết bị toàn bộ là 726 triệu rúp, hàng lẻ

là 3049 triệu rúp [170, tr.1]. Trong 10 năm (1975-1985), Việt Nam đã xuất khẩu sang Liên Xô khoảng 1,9 tỷ rúp theo thời giá (bằng 2,1 tỷ rúp theo giá năm 1985), trong đó giai đoạn 1976-1980 xuất 700 triệu và 1981-1985, xuất khoảng 1,2 tỷ rúp, tăng 17%; nhập khoảng 5,2 tỷ rúp theo thời giá, không kể thiết bị toàn bộ (khoảng 7,2 tỷ rúp theo giá 1985), trong đó, giai đoạn 1976-1980 nhập khoảng 1,5 tỷ rúp và 1981-1985 nhập khoảng 3,7 tỷ, tăng 24% về giá trị [172, tr.355]. Liên Xô chiếm một vị trí quan trọng trong nền ngoại thương của Việt Nam, riêng trong những năm 1981-1985 chiếm 52% tổng kim ngạch, 48% kim ngạch xuất khẩu và 63% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Đối với nhiều mặt hàng quan trọng, hàng nhập từ Liên Xô chiếm hầu như 100% [172, tr.355]. Hàng hoá nhập khẩu từ Liên Xô góp phần đáng kể vào việc giúp Việt Nam khắc phục những khó khăn về đời sống và sản xuất của đất nước.

Trong giai đoạn 1975-1986, qua những nội dung cụ thể, những thỏa thuận hợp tác trên nhiều lĩnh vực kinh tế - thương mại giữa hai bên đã khẳng định quyết tâm củng cố, thúc đẩy quan hệ hợp tác với Liên Xô của Đảng. Thực hiện chủ trương của Đảng, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Liên Xô không ngừng được tăng cường và mở rộng cả về quy mô, phạm vi và nội dung, với các hình thức ngày càng phong phú. Việc tăng cường quan hệ kinh tế với Liên Xô đã góp phần quyết định vào những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam giành được. Sự giúp đỡ của Liên Xô, Việt Nam đã bước đầu tạo được năng lực sản xuất trong nhiều ngành kinh tế then chốt, góp phần đáp ứng các nhu cầu cấp bách của nền kinh tế và hình thành một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của CNXH. Sự giúp đỡ của Liên Xô là rất to lớn, nhiều mặt và có hiệu quả. Nhờ sự giúp đỡ đó, Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách lớn, đứng vững trước những chính sách bao vây kinh tế và các hành động phá hoại của các thế lực đế quốc, phản động quốc tế.

2.2.3. Về giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật

* Trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo

Liên Xô có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam. ĐCS Việt Nam chủ trương đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô. Giáo dục - đào tạo cũng là lĩnh vực được Đảng, Chính phủ hai nước rất quan tâm phát triển. Sau năm 1975, quan hệ Việt - Xô bước sang một trang mới - hợp tác hữu nghị diễn ra trong điều kiện hoà bình đã lập lại ở Việt Nam.

Liên Xô tiếp tục đào tạo cán bộ cho Việt Nam. Từ sau ngày ký *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô* năm 1978, quan hệ Việt Nam - Liên Xô trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo được thúc đẩy mạnh mẽ. Bên cạnh việc tiếp tục giúp đỡ Việt Nam đào tạo các chuyên gia trên các lĩnh vực, Chính phủ Liên Xô dành một hướng ưu tiên cho công tác thực tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các nghiên cứu sinh và đội ngũ cán bộ quản lý ở Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của công cuộc xây dựng CNXH. Thực hiện mục tiêu đó, Chính phủ Việt Nam và Liên Xô đã ký nhiều hiệp định về hợp tác văn hóa như: Hiệp định “Hợp tác văn hóa và khoa học kỹ thuật trong năm 1978-1980” năm 1978; Hiệp định “Về giá trị tương đương của các văn bằng đào tạo và các học vị, chức vụ khoa học được cấp hoặc được công nhận ở Việt Nam và Liên Xô” năm 1978; Hiệp định “Về hợp tác đào tạo và nâng cao trình độ cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế từ năm 1981 đến 1985” ngày 23-01-1981. Nội dung của Hiệp định chỉ rõ: “Liên Xô tiếp nhận tối đa 1.400 công dân Việt Nam sang học tập tại Liên Xô trong những năm 1981-1985” [175, tr.1].

Đi đôi với việc ký kết các hiệp định giữa Chính phủ hai nước, Bộ Đại học và THCN Việt Nam và Liên Xô còn ký các kế hoạch hợp tác song phương về văn hoá, giáo dục và khoa học giữa Việt Nam - Liên Xô như: Kế hoạch “*Gửi lưu học sinh 3 năm 1978-1980*” năm 1977; Kế hoạch “*Hợp tác văn hoá và khoa học giữa Việt Nam với Liên Xô 5 năm 1981-1985*” ngày 03-07-1981...

Thông báo số 24-TB/TW ngày 08-10-1983 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về phương hướng, chủ trương đưa cán bộ lãnh đạo, quản lý sang Liên Xô học tập, bồi dưỡng trong thời gian tới*”, nhằm thúc đẩy chính sách đào tạo và bồi dưỡng cán bộ của Việt Nam. Các cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế của Việt Nam không những được tiếp thu những kiến thức về CNXH mà còn có thêm kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý.

Các văn kiện hợp tác song phương giữa Việt Nam và Liên Xô về giáo dục - đào tạo là những cơ sở pháp lý quan trọng làm nền tảng cho sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo những năm 1975-1985. Trên cơ sở các Hiệp định, Kế hoạch hợp tác được ký kết giữa hai nước, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo được thực hiện trên nhiều lĩnh vực:

- *Hợp tác trong giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề*

Đây là mục tiêu hướng đích của quan hệ hợp tác về giáo dục - đào tạo, được hai nước đặc biệt quan tâm. Để đáp ứng yêu cầu về cán bộ của Việt Nam trong công cuộc xây dựng CNXH, Chính phủ Liên Xô đã triển khai nhiều hoạt động để trợ giúp Việt Nam đào tạo nguồn nhân lực, nhằm tăng cường chất lượng, bổ sung số lượng, góp phần hoàn chỉnh nhanh một bước về cơ cấu đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Nhiều cán bộ, học sinh, sinh viên Việt Nam được cử sang Liên Xô ngày càng nhiều với các cấp học khác nhau như: sơ cấp, trung cấp, đại học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, giảng dạy, thực tập sinh nâng cao trình độ, thực tập sinh cao cấp, thực tập sinh Mác-Lênin, thực tập sinh tiếng Nga, học sinh chuyển tiếp tiếng Nga, học sinh tốt nghiệp ở lại thực tập, làm cộng tác viên... thuộc các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, nông nghiệp, y dược, nghệ thuật, thể dục thể thao... Theo đánh giá chung của Bộ Đại học và THCN Việt Nam về kết quả hợp tác với Liên Xô trong 5 năm 1976-1980, Việt Nam đã gửi sang Liên Xô đào tạo và bồi dưỡng với số lượng

là 680 nghiên cứu sinh, 442 thực tập sinh, 2.798 đại học (phụ lục 8). Số lượng lưu học sinh và thực tập sinh Việt Nam gửi sang Liên Xô đào tạo chiếm tỷ lệ cao trong tổng số được gửi đi đào tạo ở các nước XHCN trong thời kỳ đất nước có chiến tranh và giai đoạn xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước.

Tính từ năm 1975 đến năm 1983, Liên Xô đã nhận và đào tạo giúp Việt Nam gần 2.000 thực tập sinh và nghiên cứu sinh, 5.150 sinh viên [123, tr.93]. Kinh phí đào tạo Liên Xô dành cho quỹ đào tạo và bồi dưỡng lưu học sinh Việt Nam giai đoạn 1976-1980 là 20 triệu rúp. Liên Xô đã nhận đào tạo và bồi dưỡng cho Việt Nam 4.178 người, tương đương với 3.760 suất học bổng cho lưu học sinh đại học [176, tr.8]. Đến giai đoạn 1981-1985, số chỉ tiêu tăng so với 5 năm 1976-1980 từ 10-40% và kinh phí đào tạo dành cho Việt Nam là 22 đến 28 triệu rúp [176, tr.8].

Đi đôi với số lượng, chất lượng đào tạo cũng được tăng lên: Theo báo cáo tình hình lưu học sinh và công tác lưu học sinh của Việt Nam ở các nước XHCN, trong đó ở Liên Xô “học sinh đại học, số khá, giỏi và xuất sắc hàng năm chiếm tỉ lệ khá cao, thường trên 70-80%, trong năm học 1981-1982 ở Liên Xô có 80,54%... Số học sinh tốt nghiệp bằng đỏ ngày càng tăng (ở Liên Xô: 1979 có 25%, 1980 có 25%, 1981 có 39%, 1982 có 44%, 1983 có 45%, 1984 có 47%... Số tốt nghiệp đại học được Liên Xô đề nghị cho chuyển tiếp nghiên cứu sinh tương đối nhiều (ở Liên Xô sau năm học 1982-1983 có 100/600)...” [168, tr.6].

- Hợp tác trang bị và xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các trường đại học và THCN

Theo đề nghị của Chính phủ Việt Nam, Liên Xô đã giúp đỡ mở rộng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học Nông nghiệp I với tổng số vốn gần 9 triệu rúp (tương đương 50 triệu đồng Việt Nam) [176, tr.4] trong giai đoạn 1976-1980. Đồng thời, hợp tác trang bị và xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Trường Đại học Tổng

hợp Hà Nội... Sự giúp đỡ tích cực, hiệu quả của Liên Xô đã góp phần quan trọng gia tăng số lượng các cơ sở giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. Nếu như năm 1975 có 59 trường đại học, 233 trường THCN và dạy nghề [11, tr.168]; năm 1981, có 74 trường đại học, cao đẳng; 301 trường THCN; 366 trường dạy nghề [32, tr.6] thì đến năm 1985, có 314 trường THCN với quy mô 128,5 nghìn sinh viên và 11,4 nghìn giáo viên (tăng 9% về số sinh viên và 44,9% về giáo viên so với năm 1977) [201]. Bộ Đại học và THCN hai nước hợp tác tổ chức các hội nghị, hội nghị chuyên đề biên soạn, sách giáo khoa, các tài liệu học tập và các sách chuyên khảo theo những phương hướng hợp tác nghiên cứu khoa học giữa các trường: Đại học Bách khoa Kharkov Liên Xô với Đại học Bách khoa Hà Nội; Đại học Tổng hợp Quốc gia M.V.Lomonosov, Mátxcova với Đại học Tổng hợp Hà Nội; Đại học Tổng hợp Quốc gia A.A.Jda-nop, Lêningrat với Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Tổng hợp Quốc gia Belorusia Lênin với Đại học Tổng hợp Huế... [175, tr.35].

Trong giai đoạn 1980-1985, Liên Xô tiếp tục in sách giáo khoa dùng trong các trường đại học của Việt Nam, bổ sung thêm sách dịch của Liên Xô và sách giáo khoa do Việt Nam biên soạn. Mỗi năm in 10 cuốn với nhiều bản (giấy in do Liên Xô cung cấp). Ngoài ra, Liên Xô cũng trang bị cho Việt Nam một số sách về các môn khoa học Mác-Lênin và khoa học xã hội khác cho các trường đại học của Việt Nam. Bên cạnh đó, Liên Xô đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam trong các lĩnh vực nghiên cứu và chế tạo các trang thiết bị cho các trường đại học, THCN và dạy nghề, tiến tới thành lập các xí nghiệp liên doanh để sản xuất dụng cụ học tập phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của cả hai nước. Đặc biệt, để tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật đào tạo của ngành dạy nghề ở Việt Nam, Liên Xô đã giúp đỡ Việt Nam xây dựng mới và trang bị lại nhiều trường dạy nghề, trường sư phạm đào tạo giáo viên dạy nghề. Đồng thời cử nhiều chuyên gia sang Việt Nam để lắp đặt thiết bị, giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm về phương pháp đào tạo, quản lý nhà trường... nhằm nâng cao

chất lượng dạy nghề của cả hai nước và đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện phát triển sang chiều sâu, phát huy tối đa hiệu quả quá trình hợp tác của cả hai bên.

** Trên lĩnh vực văn hoá*

Sự hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô trong lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng được thúc đẩy mạnh mẽ, đặc biệt từ sau ngày ký *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô* năm 1978. Các đoàn nghệ thuật Liên Xô đã sang thăm và biểu diễn ở Việt Nam, giới thiệu với nhân dân Việt Nam nghệ thuật đặc sắc vừa đậm tính dân tộc, vừa hiện đại của nền văn hóa Xô viết. Bộ phim tài liệu về cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm hai tập “Nguyễn Ái Quốc đến với Lênin” và “Đường về Tổ quốc” với những tư liệu quý dùng để dựng phim (các thước phim tư liệu, các hồ sơ lưu trữ, những nhân vật đã từng sống, tiếp xúc và làm việc với Chủ tịch Hồ Chí Minh...), đều do Liên Xô cung cấp. Sự ra đời của bộ phim tài liệu này đã mở đầu cho sự cộng tác của các đoàn làm phim giữa hai nước trong những giai đoạn sau này. Hiệp định “Hợp tác về văn hóa và khoa học năm năm 1981-1985” (04-1980), đã thúc đẩy sự phát triển quan hệ văn hóa giữa hai quốc gia. Nhân kỷ niệm 65 năm Cách mạng Tháng Mười và 60 năm thành lập Liên bang Xô viết năm 1982, lần đầu tiên tại Hà Nội “Những ngày văn hóa Liên Xô” được tổ chức. “Tháng phim Liên Xô” cũng được ngành điện ảnh Việt Nam tổ chức trong cả nước. Ngoài ra, còn có năm bộ triển lãm lớn giới thiệu về đất nước, con người và văn hóa Xô viết. Tháng 05-1985, “Những ngày văn hóa Việt Nam” cũng được tổ chức tại Mátxcova. Các nghệ sĩ nổi tiếng của Việt Nam như Đặng Thái Sơn, Đinh Thìn, Lê Dung... đại diện cho các đoàn ca múa nhạc Việt Nam biểu diễn tại Liên Xô. Nhà bảo tàng Mátxcova tổ chức triển lãm về văn hóa Việt Nam. Trên sân khấu Xô viết, những loại hình nghệ thuật truyền thống như chèo, cải lương, tuồng... của Việt Nam cũng được biểu diễn. Có thể nói, sự kiện “những ngày văn hóa” đã làm cho nhân dân hai nước tăng cường hiểu biết lẫn

nhau. Đồng thời, góp phần thắt chặt quan hệ hữu nghị Việt - Xô và đem lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên.

Trên lĩnh vực xuất bản, hai nước đã phối hợp chặt chẽ nhằm dịch và phổ biến các loại sách thuộc nhiều loại: kinh tế, chính trị, văn học, tự nhiên, xã hội, sách giáo khoa,... Năm 1981, đã hoàn thành việc xuất bản bộ V.I. Lênin *toàn tập* bằng tiếng Việt (gồm 55 tập) của Nhà xuất bản Sự thật (Việt Nam) và Nhà xuất bản Tiến bộ (Liên Xô); tủ sách văn học Việt Nam gồm 15 tập bằng tiếng Nga cũng được Liên Xô và Việt Nam cộng tác xuất bản.

** Trên lĩnh vực khoa học - kỹ thuật*

Chủ trương của Đảng tại Đại hội IV (12-1976), Đại hội V (03-1982) về thực hiện ba cuộc cách mạng, trong đó nhấn mạnh “cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt” [54, tr.491]. Kế thừa và phát triển từ Hiệp định “Hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên Xô” (07-03-1959), Liên Xô giúp Việt Nam đào tạo cán bộ, xây dựng các cơ sở nghiên cứu, giúp giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ nảy sinh trong nghiên cứu và sản xuất. Sau năm 1975, các cơ quan khoa học của Liên Xô và Việt Nam đã mở rộng thêm nhiều các mối liên hệ với nhau, nhất là sau khi hai nước ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác tháng 11-1978 và Chương trình dài hạn phát triển hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa Liên Xô và Việt Nam vào tháng 11-1983. Sự giúp đỡ của Liên Xô đóng một vai trò quan trọng trong việc đào tạo các nhà khoa học Việt Nam, đã có 2 nghìn luận án phó tiến sĩ và 70 luận án tiến sĩ của Việt Nam được bảo vệ ở Liên Xô [34, tr.18].

Viện Khoa học Việt Nam, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trung tâm nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt là những cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo lớn của Việt Nam do Liên Xô giúp đỡ xây dựng và trang bị. Từ những hình thức đơn giản như trao đổi chuyên gia, hợp tác khoa học kỹ thuật giữa hai nước đã phát triển những hình thức hợp tác có hiệu quả hơn

như ký kết những hợp đồng, thực hiện những đề tài dài hạn nhằm đưa lại những kết quả thiết thực.

Ngày 24-07-1980, tại sân bay vũ trụ Baicônua (Liên Xô) tàu vũ trụ Liên hợp 37 đã được phóng lên quỹ đạo. Đoàn phi hành quốc tế điều khiển gồm: Chỉ huy con tàu, Đại tá V.V. Gorobátcô, phi công, nhà du hành vũ trụ Liên Xô và Trung tá Phạm Tuân, nhà du hành, nghiên cứu vũ trụ Việt Nam,. Chuyến bay vũ trụ Xô -Việt đầu tiên thành công đã chứng minh sức mạnh của tình đoàn kết Việt - Xô và khẳng định khả năng tiếp cận khoa học, kỹ thuật hiện đại trên thế giới của Việt Nam.

Theo “Kế hoạch hợp tác khoa học và kỹ thuật năm 1981-1985” của Bộ Ngoại giao Việt Nam và Bộ Ngoại giao Liên Xô ngày 03-07-1981, 21 trường đại học và viện nghiên cứu về các vấn đề đại học của Liên Xô phối hợp chặt chẽ với 22 trường đại học và viện nghiên cứu khoa học về ngành đại học và THCN của Việt Nam. Sự hợp tác, phối hợp và tham khảo ý kiến lẫn nhau theo kế hoạch dài hạn được thực hiện về 165 đề tài [175, tr.5]. Hai bên cùng nhau nghiên cứu nhiều vấn đề về khoa học nông nghiệp, hải dương học, địa chất học, khí tượng học nhiệt đới.

Sự hợp tác và giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trong ngành nông nghiệp được thể hiện sâu sắc và toàn diện dưới hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật. Trong giai đoạn 1981-1985, số đề tài hợp tác khoa học của Liên Xô với Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp là 11, bao gồm các lĩnh vực: Thức ăn gia súc, nông hóa thổ nhưỡng, quỹ gien cây trồng, quy hoạch đất, bảo vệ thực vật, cơ giới hóa việc trồng lúa, rau, quả, bông chè và chế biến thực phẩm [178, tr.15]. Hai bên đã ký hiệp định xây dựng các trạm nghiên cứu hỗn hợp - một hình thức hợp tác rất có triển vọng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác khoa học - kỹ thuật, Việt Nam và Liên Xô đã quyết định thành lập Trung tâm nhập nội chọn giống và nhân giống cây trồng Việt - Xô.

Một trong những nhiệm vụ trong giai đoạn này trên lĩnh vực hợp tác khoa học - kỹ thuật với Liên Xô mà Đảng đề ra là phải tăng cường học tập những kinh nghiệm tiên tiến và kiến thức khoa học, nhằm đẩy nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật ở trong nước. Trong quá trình hợp tác và giúp đỡ Việt Nam về khoa học - kỹ thuật, nhiều đoàn chuyên gia Liên Xô đã sang Việt Nam và nhiều đoàn cán bộ của Việt Nam cũng được cử sang Liên Xô để thực tập, nghiên cứu và cùng tiến hành những đề tài đã ký kết giữa hai bên. Nhìn chung, các đề tài hợp tác đã được thực hiện có hiệu quả, góp phần đưa những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Không chỉ trong lĩnh vực nông nghiệp, sự hợp tác về khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên Xô còn diễn ra mạnh mẽ trong hầu hết các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Một trong những lĩnh vực hợp tác đạt hiệu quả cao về khoa học - kỹ thuật giữa hai nước là khối các ngành công nghiệp nặng gồm cơ khí - luyện kim, năng lượng, hóa chất, dầu khí, công nghiệp vận tải và các ngành thuộc kết cấu hạ tầng.

Để vận hành và quản lý các xí nghiệp và sản xuất các sản phẩm phục vụ các ngành khác nhau, nhất là để phục vụ cho công cuộc đổi mới về kinh tế, Liên Xô đã giúp Việt Nam đào tạo rất nhiều cán bộ kỹ thuật, chuyên gia kỹ thuật và công nhân lành nghề.

2.2.4. Về quân sự - quốc phòng

Chủ trương của Đảng trong công tác đối ngoại nói chung nhằm “tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời củng cố quốc phòng và an ninh” [54, tr.586] và quan hệ với Liên Xô nói riêng “củng cố và thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Liên Xô”. Sự hợp tác, ủng hộ giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực, trong đó hợp tác trong lĩnh vực chính trị, quân sự làm nền tảng quan trọng nhất, mang tính quyết định thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác khác.

Ngay sau khi đất nước thống nhất, thực hiện chủ trương của Đảng nhằm tăng cường tình hữu nghị, hợp tác với Liên Xô. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng Việt Nam thường xuyên có các chuyến thăm Liên Xô. Tiếp nối chuyến thăm Liên Xô vào tháng 10-1975, đến tháng 02-1976, TBT Lê Duẩn có chuyến thăm và dự Đại hội XXV ĐCS Liên Xô; tháng 03-1977, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam thăm Liên Xô, hội đàm với TBT Brêgionép; tháng 07-1977, Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm Liên Xô... Qua các chuyến thăm, các buổi hội đàm, cả hai nước nhất trí thúc đẩy việc mở rộng và tăng cường quan hệ hữu nghị giữa các lực lượng vũ trang Liên Xô và Việt Nam.

Điều 6 của *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô* ngày 03-11-1978 ghi rõ: “Hai bên ký kết Hiệp ước sẽ trao đổi ý kiến với nhau về tất cả các vấn đề quốc tế quan trọng có liên quan đến lợi ích hai nước. Trong trường hợp một trong hai nước bị tấn công hoặc bị đe dọa tấn công thì hai bên ký kết Hiệp ước sẽ lập tức trao đổi ý kiến với nhau nhằm loại trừ mối đe dọa đó và áp dụng những biện pháp thích đáng có hiệu lực để đảm bảo hoà bình và an ninh của hai nước” [13, tr.583]. Qua đây có thể thấy tính chất quan hệ Việt Nam - Liên Xô là đồng minh chiến lược, sẵn sàng giúp đỡ và bảo vệ nhau.

Nhằm tăng cường hơn nữa sự giúp đỡ và hợp tác quân sự giữa Việt Nam và Liên Xô trong tình hình mới, góp phần giúp Việt Nam đẩy mạnh xây dựng quân đội chính quy, hiện đại, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, Chính phủ hai nước ký Hiệp định về việc phái cố vấn quân sự Liên Xô sang công tác ở nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (11-1978). Theo Hiệp định, Liên Xô cử 70 cố vấn quân sự sang giúp Việt Nam xây dựng quân đội, nâng cao khả năng quốc phòng [162, tờ 1].

Tháng 02-1979, Trung Quốc phát động cuộc chiến tranh xâm lược với quy mô lớn chống nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu diễn ra chiến tranh, Liên Xô đã ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam

niệt tình. Liên Xô lên án cuộc tấn công xâm lược của Trung Quốc và đòi Trung Quốc rút quân lập tức, thúc giục Trung Quốc “dừng lại trước khi còn chưa muộn” [13, tr.610], tuyên bố sẽ có hành động đáp trả thích đáng nếu Trung Quốc tiếp tục leo thang chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 22-02-1979, Trong buổi mít tinh kỷ niệm lần thứ 61 ngày thành lập Quân đội và Hải quân Liên Xô tại Mátxcova Nguyên soái X.Xôcôlốp đã nêu rõ: “Cùng với nhân dân Liên Xô, các chiến sĩ Quân đội và Hải quân Liên Xô kiên quyết lên án cuộc xâm lược của Bắc Kinh và tuyên bố: Không được đụng đến nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [190, tr.365]. Theo *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác*, Liên Xô tích cực phối hợp với Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế nhằm ngăn chặn các âm mưu cô lập Việt Nam của Trung Quốc. Ngày 23-02-1979, Liên Xô đưa *Dự thảo* lên án Trung Quốc ra Hội đồng Bảo an Liên hiệp Quốc, nhưng không đạt được số phiếu cần thiết. Ngày 24-02-1979, Liên Xô phủ quyết *Dự thảo nghị quyết* của Trung Quốc yêu cầu Việt Nam rút hết quân khỏi Campuchia.

Không chỉ có các tuyên bố cứng rắn, ủng hộ Việt Nam mạnh mẽ trên mặt trận chính trị, ngoại giao, Liên Xô còn có các hành động ủng hộ khác, đặc biệt về quân sự. Chỉ hai ngày sau khi Trung Quốc phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam, một đoàn chuyên gia kỹ chiến thuật quân binh chủng và cố vấn quân sự của tất cả các quân binh chủng Liên Xô do Đại tướng Obaturóp dẫn đầu đến Việt Nam. Cầu hàng không Liên Xô - Việt Nam được lập để vận chuyển những loại vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại và vật chất bảo đảm cho chiến tranh [126, tr.93].

Theo Hiệp ước năm 1978, Liên Xô không bắt buộc phải có biện pháp quân sự để bảo vệ Việt Nam, nhưng Liên Xô đã có một loạt các động thái quân sự nhằm gây sức ép buộc Trung Quốc sớm rút quân. Từ ngày 12 đến ngày 26-03-1979, BCHTU ĐCS Liên Xô quyết định tiến hành cuộc diễn tập hiệp đồng quân binh chủng và diễn tập hải quân có sử dụng đạn thật ở vùng

biên giới phía Đông, trên lãnh thổ Mông Cổ và trên biển Thái Bình Dương. Đây là cuộc diễn tập lớn nhất trong lịch sử chiến tranh hiện đại ở châu Á, với sự tham gia của 20 sư đoàn binh chủng. Tổng quân số tham gia diễn tập lên đến 200.000 người, 2.600 xe tăng, 900 máy bay và 80 chiến hạm [126, tr.95].

Cùng lúc, Liên Xô tăng cường lực lượng tại biên giới với Trung Quốc và tuyên bố tình trạng sẵn sàng chiến đấu, đẩy mạnh các hoạt động rắn đe trên biển. Thực hiện nghĩa vụ với Việt Nam, Liên Xô đã khẩn cấp viện trợ quân sự cho Việt Nam bằng cả đường không lẫn đường biển. Tính từ lúc bắt đầu chiến tranh cho đến cuối tháng 03-1979, về vận tải đường biển, Liên Xô đã viện trợ cho Việt Nam hơn 400 xe tăng và xe thiết giáp, xe bộ binh cơ giới, 400 khẩu pháo và súng cối, 50 tổ hợp pháo phản lực GRAD BM-21, hơn 100 khẩu pháo phòng không, 400 tổ hợp tên lửa phòng không vác vai và hàng nghìn tên lửa, 800 súng chống tăng RPG-7, 20 máy bay tiêm kích... [164, tờ 1]. Toàn bộ khối lượng vũ khí và khí tài này được chuyển cho Việt Nam chỉ trong vòng một tháng. Đây thực sự là một kỳ tích của hệ thống hậu cần, kỹ thuật, vận tải Quân đội Xô viết cả về tốc độ cung cấp và số lượng vũ khí trang bị. Đặc biệt, các thiết bị Liên Xô viện trợ khẩn cho Việt Nam đều ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu, sau khi cập cảng có thể đưa ra ngay mặt trận [136, tr.160].

Cùng với đó, Liên Xô điều một đội máy bay vận tải quân sự AN-12 lập cầu hàng không để cơ động các quân đoàn chủ lực tinh nhuệ của Việt Nam với 20 nghìn cán bộ chiến sĩ, hơn 1.000 đơn vị trang thiết bị chiến đấu, 20 máy bay quân sự và máy bay trực thăng, hơn 3 nghìn tấn vũ khí trang bị, đạn và cơ sở vật chất phục vụ chiến tranh từ Campuchia chi viện cho biên giới phía Bắc [126, tr.96].

Như vậy, trước ý chí, quyết tâm chính trị cao nhất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân Việt Nam, nhận được sự ủng hộ to lớn, toàn diện từ bạn bè trên thế giới, đặc biệt là sự giúp đỡ của Liên Xô, chỉ trong một thời gian ngắn, tiềm lực quân sự của Việt Nam có bước phát triển nhanh chóng, đủ sức đánh

bại mọi cuộc tiến công xâm lược của Trung Quốc. Điều đó, khẳng định đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước là hoàn toàn đúng đắn.

Tiếp theo, Hiệp định “Về việc tàu quân sự của Hải quân Liên Xô ghé vào trú đậu ở cảng quân sự Cam Ranh và máy bay quân sự của Hải quân Liên Xô hạ cánh xuống sân bay Cam Ranh”, ký kết ngày 02-05-1979 giữa Việt Nam và Liên Xô. Hiệp định gồm 13 điều, có hiệu lực 10 năm kể từ ngày ký với nội dung cơ bản là cho phép 4 đến 6 tàu quân sự, 1 đến 2 tàu bổ trợ và 4 đến 6 máy bay quân sự, 2 máy bay vận tải quân sự được trú đậu mỗi đợt tại căn cứ quân sự Cam Ranh [164, tờ 1]. Việc cho phép Liên Xô đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ Việt Nam, quan hệ quân sự quốc phòng hai nước đã phát triển toàn diện ở tầm cao mới, là biểu tượng hữu nghị, tình đoàn kết anh em Việt Nam - Liên Xô.

Về viện trợ quân sự giai đoạn từ 1979 đến 1985, theo các văn bản được ký kết, Liên Xô cung cấp cho Việt Nam 4.213 triệu rúp. Trong đó có 3.647 triệu rúp là viện trợ không hoàn lại và 566 triệu rúp cho vay không lãi hoặc lãi suất thấp. Đặc biệt, trong hai năm 1979-1980, Liên Xô viện trợ quân sự khẩn cấp cho Việt Nam trị giá 2.300,3 triệu rúp, bằng toàn bộ số viện trợ của 10 năm trong kháng chiến chống Mỹ. Trung bình, viện trợ quân sự hàng năm của Liên Xô cho Việt Nam từ 550 đến 600 triệu rúp, chiếm 45 đến 50% tổng chi phí quốc phòng của Việt Nam [163, tờ 1,2]. Liên Xô tăng cường viện trợ cho Việt Nam nhiều vật chất, vũ khí trang bị kỹ thuật có chất lượng tốt, mới, hiện đại hơn so với vũ khí hiện có của Việt Nam.

Liên Xô đã trang bị cho các lực lượng lục quân (xây dựng thêm 3 sư đoàn bộ binh, 4 lữ đoàn pháo binh, bổ sung trang bị cho 5 sư đoàn bộ binh mạnh...); lực lượng hải quân (trong 5 năm Liên Xô đã viện trợ cho Việt Nam 50 tàu các loại, gấp 2 lần số tàu được viện trợ từ năm 1978 trở về trước và 17 máy bay, 1 bộ ra đa, 1 tiểu đoàn tên lửa bờ biển...); lực lượng không quân (đã đổi mới trang bị cho 8 trung đoàn, 32 tiểu đoàn ...) [126,

tr.102-103]. Các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật Liên Xô viện trợ có ý nghĩa hết sức to lớn và hiệu quả. Nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, Việt Nam đã xây dựng, phát triển lực lượng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội, đáp ứng yêu cầu phòng thủ trước mắt, đồng thời, tạo tiền đề xây dựng quân đội ngày càng hiện đại.

Về hợp tác huấn luyện, đào tạo cán bộ trong 5 năm (1978-1983), ngoài số cán bộ, học viên, nhân viên chuyên môn kỹ thuật được chuyên gia Liên Xô huấn luyện, đào tạo tại Việt Nam, Liên Xô đã tiếp nhận và đào tạo cho Việt Nam 2.427 cán bộ quân sự (gồm 112 nghiên cứu sinh, 31 thực tập sinh; đào tạo 12 cán bộ chỉ huy tham mưu cấp chiến dịch và chiến lược, 419 cán bộ chiến thuật, 256 đại học và cao đẳng, 497 kỹ sư, 332 phi công; bổ túc 768 cán bộ các loại), bằng $\frac{1}{2}$ tổng số cán bộ Liên Xô đào tạo cho Việt Nam trong 20 năm (1956-1976) với chất lượng cán bộ năm sau luôn cao hơn năm trước. Năm 1978, 220 cán bộ; 1979, 304 cán bộ; 1980, 488 cán bộ; 1981, 448 cán bộ; 1982, 471 cán bộ; 1983, 496 cán bộ. Các trường quân sự Liên Xô đào tạo cho Việt Nam tất cả các cấp, từ cấp chiến thuật đến chiến dịch, chiến lược; từ cao đẳng, đại học đến trên đại học. Số nghiên cứu sinh quân sự bằng 45% tổng số nghiên cứu sinh được gửi đi đào tạo [126, tr.103]. Các cán bộ được đào tạo tại Liên Xô về cơ bản đều có chất lượng, trình độ chuyên môn giỏi, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng phát triển quân đội [163, tờ 10].

Như vậy, trong giai đoạn 1975-1986, quan hệ Việt Nam - Liên Xô phát triển toàn diện, đúng theo chủ trương của Đảng “tích cực củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN”, trong đó, quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng” trong các mối quan hệ quốc tế. Đặc biệt, trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, hợp tác hai nước đã đem lại những kết quả to lớn, là một trong những nhân tố giữ vai trò rất quan trọng trong nâng cao sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tiểu kết chương 2

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Việt Nam thống nhất, môi trường quốc tế cũng như trong nước có những biến đổi to lớn, sâu sắc, cơ bản và phức tạp. Đảng, Nhà nước Việt Nam đã đề ra chủ trương, chính sách đối ngoại phục vụ mục tiêu khôi phục kinh tế, tái thiết đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh, tình hình đó, quan hệ Việt Nam - Liên Xô được thúc đẩy mạnh mẽ, toàn diện và được nâng lên một tầm mức mới. Việt Nam trước sau như một đánh giá cao và coi trọng quan hệ với Liên Xô, coi đó là “nguyên tắc”, là “trọng tâm chiến lược” trong hoạt động đối ngoại.

Sự kiện Hiệp ước hợp tác và hữu nghị Việt - Xô được ký kết ngày 03-11-1978, được coi là một sự kiện quan trọng trong lịch sử quan hệ Việt - Xô, mở ra một chặng mới trên con đường hợp tác hữu nghị giữa hai nước. Nhờ chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo kịp thời của Đảng, quan hệ Việt Nam - Liên Xô giai đoạn này có sự chuyển biến về chất. Từ năm 1979 đến năm 1985, Liên Xô đẩy mạnh sự giúp đỡ và quan hệ hợp tác toàn diện với Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị - ngoại giao, kinh tế - Thương mại, Văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học, kỹ thuật, quân sự - quốc phòng đều diễn ra thuận lợi và thu được nhiều kết quả vượt trội so với giai đoạn trước.

Quan hệ hữu nghị hợp tác Việt Nam - Liên Xô có kết quả đã mang đến những thắng lợi lớn. Trong điều kiện Việt Nam bị bao vây cấm vận, kinh tế - xã hội khủng hoảng, sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam có ý nghĩa rất to lớn, trợ giúp đắc lực cho Việt Nam trụ vững trong khó khăn, từng bước tiến lên phía trước. Nhờ sự giúp đỡ toàn diện về mọi mặt của Liên Xô, sức mạnh của Việt Nam đã tăng lên và từng bước giành chiến thắng trên các mặt trận, bước đầu đạt được những thành quả trong xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Bên cạnh đó, thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã góp phần nâng cao ảnh hưởng và vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.

Chương 3

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG QUAN HỆ CỦA VIỆT NAM VỚI LIÊN XÔ TỪ THÁNG 12-1986 ĐẾN THÁNG 12-1991

3.1. Những yếu tố tác động đến quan hệ của Việt Nam với Liên Xô và chủ trương của Đảng

3.1.1. Những yếu tố tác động

** Tình hình thế giới*

Bước vào những năm cuối thập niên 80, thế kỷ XX, quan hệ của Việt Nam và Liên Xô chịu tác động trực tiếp của những biến chuyển phức tạp của tình hình thế giới.

Cục diện chính trị thế giới thay đổi nhanh chóng với sự điều chỉnh chiến lược mạnh mẽ của các nước lớn. Đó là sự đổi mới tư duy về quan niệm sức mạnh và vị thế của một quốc gia. Sức mạnh kinh tế được đặt ở vị trí hàng đầu với nhiều tiêu chí tổng hợp, chú trọng phát triển nội lực thay thế cách đánh giá cũ chủ yếu dựa trên sức mạnh quân sự. Mỹ và Liên Xô chuyển từ chạy đua vũ trang sang chạy đua phát triển kinh tế. Xu thế đổi đầu chuyển dần sang xu thế đối thoại, hợp tác. Về đối nội, các nước XHCN tích cực đẩy mạnh chương trình “cải cách mở cửa” “chấn hưng kinh tế”, “bốn hiện đại hoá”, “cải tổ”. Về đối ngoại, xu thế hoà hoãn, vừa hợp tác vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, cải thiện quan hệ từng đôi một. Trên thế giới, xuất hiện những tập hợp lực lượng mới do những biến đổi to lớn và cơ bản trong đời sống kinh tế, chính trị thế giới. Thời điểm này, Liên Xô bắt đầu thực hiện chuyển hướng đối ngoại, đẩy mạnh hòa hoãn với Mỹ, tìm cách cải thiện quan hệ với Trung Quốc, giảm cam kết với bên ngoài. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến những chính sách của Liên Xô với Việt Nam và quan hệ giữa hai nước.

Một trong những đặc điểm quan trọng chi phối các mối quan hệ quốc tế ở những nước phát triển và những nước đang phát triển là xu thế chạy đua phát triển kinh tế. Trong các quan hệ quốc tế, hầu hết các nước quan tâm, ưu tiên thực hiện đa phương hóa và đa dạng hóa với nhân tố quyết định sức mạnh tổng hợp là kinh tế. Trong khi đó, các nước đang phát triển mong muốn tranh thủ vốn, khoa học - kỹ thuật, công nghệ, mở rộng thị trường và học tập kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, hợp tác với các nước phát triển. Điều này thuận lợi cho Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới đất nước, trong đó có đổi mới đường lối đối ngoại và quan hệ với Liên Xô.

Bên cạnh đó, xu thế toàn cầu hóa, khu vực hoá nền kinh tế thế giới đã dần trở thành một xu thế khách quan. Tại nhiều nước trên thế giới xuất hiện cải cách và mở cửa như một trào lưu. Với toàn cầu hoá, mở rộng quá trình trao đổi hàng hóa tăng mạnh, vốn, tiền tệ, lao động, thông tin,... vận động thông thoáng. Toàn cầu hóa cũng đồng thời làm tăng tính phụ thuộc lẫn nhau, tạo điều kiện thuận lợi xây dựng môi trường hòa bình, hữu nghị và hợp tác thân thiện, góp phần nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia. Toàn cầu hoá đã mở ra cho Việt Nam cơ hội cũng như thách thức và làm thay đổi mối quan hệ kinh tế của Việt Nam với các nước trên thế giới, trong đó đặc biệt là Liên Xô.

Tình hình Châu Á - Thái Bình Dương cũng có những biến đổi sâu sắc. Sự hợp tác ngày càng gia tăng ở nhiều mức độ và dưới nhiều hình thức khác nhau. Các nước trong khu vực điều chỉnh chiến lược đối nội và đối ngoại cho phù hợp với xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Trong khu vực, quan hệ giữa các nước lớn tuy còn có nhiều khó khăn song nhìn chung vẫn nằm trong xu hướng và khuôn khổ vừa hợp tác, vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, nhưng tránh đối đầu.

Khu vực Đông Á trở thành khu vực có tốc độ tăng trưởng cao hàng đầu thế giới, một số quốc gia đã vươn lên trở thành những “con rồng”, “con hổ” mới về kinh tế. Các nước trong khu vực đều có nguyện vọng cùng tồn tại trong hoà

bình, hữu nghị và hợp tác để cùng phát triển. Các nước Đông Nam Á cũng phát triển theo xu hướng hợp tác trong hoà bình, phấn đấu để hiện thực hoá ý tưởng trở thành khu vực phi vũ khí hạt nhân, thống nhất trong đa dạng, ổn định, hợp tác và phát triển đồng đều, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước ngoài khu vực. Quan hệ giữa hai nhóm nước ASEAN và Đông Dương dần dần thay đổi căn bản, chuyển từ trạng thái đối đầu sang đối thoại, thúc đẩy hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Điều này rất thuận lợi, mở ra cơ hội rất lớn cho Việt Nam.

Tình hình thế giới và khu vực với những biến chuyển mau lẹ, với các mối quan hệ đan xen, phức tạp đã tác động sâu sắc đến chủ trương, chính sách đối ngoại của Liên Xô và Việt Nam, cũng ảnh hưởng lớn đến quan hệ của hai nước trong giai đoạn này.

** Tình hình Liên Xô*

Trong khi nền kinh tế thế giới đang đi theo xu thế quốc tế hóa và toàn cầu hóa cao, thì nền kinh tế của Liên Xô và các nước XHCN vào cuối những năm 70 đầu những năm 80 của thế kỷ XX, lâm vào tình trạng khủng hoảng, tổng sản phẩm quốc dân, tăng trưởng kinh tế và mức sống của nhân dân đều giảm sút nghiêm trọng. Tình trạng chung ở Liên Xô và Đông Âu là năng suất lao động thấp (kém khoảng 4 lần so với CNTB). Xuất khẩu của các nước XHCN được coi là phát triển như Liên Xô, Cộng hòa dân chủ Đức, Tiệp Khắc,... chỉ chiếm khoảng 12% đến 15% trong khi ở Mỹ và các nước phương Tây khoảng 40% [37, tr.172]. Vị trí cường quốc kinh tế của Liên Xô giảm sút nghiêm trọng và bị các nước khác thách thức. Có thể nói, đây là thời kỳ khủng hoảng kinh tế diễn ra trầm trọng nhất ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu. Những khó khăn về kinh tế đã dẫn đến những mâu thuẫn sâu sắc về chính trị - xã hội ở các nước XHCN này.

Ở Liên Xô, cuối tháng 2, đầu tháng 03-1986, Đại hội đại biểu lần thứ XXVII của ĐCS Liên Xô đã họp, đề ra đường lối, chủ trương và phương hướng cho công cuộc cải tổ, với trọng tâm là “chiến lược tăng tốc”. Mục tiêu

là cuối thế kỷ XX: tổng giá trị công nghiệp và tiềm lực sản xuất của Liên Xô phải tăng gấp 2 lần, trong đó năng suất lao động tăng 2,5 đến 3 lần. Công cuộc cải tổ trong thời gian đầu thu được một số kết quả khả quan. Tuy nhiên, do tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí của các nhà lãnh đạo nên cải tổ chững lại, có bước thụt lùi, khiến Liên Xô ngày càng lún sâu vào khủng hoảng. Năm 1987, “chiến lược tăng tốc” thất bại, M.X.Gorbachốp chuyển trọng tâm của công cuộc cải tổ sang cải tổ về chính trị, thực hiện “đổi mới tư duy chính trị”, “dân chủ” và “công khai”, nhưng thực chất là thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập và từng bước chuyển sang chế độ dân chủ tư sản. Sau hai năm thực hiện cải tổ, lãnh đạo Liên Xô thấy rằng: Kinh tế Liên Xô tiếp tục xấu đi, tình trạng xã hội không chỉ là trì trệ mà ở trạng thái “tiền khủng hoảng”. Đến năm 1989, tình hình kinh tế ở vào trạng thái khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng [37, tr.173]. Công cuộc cải cách, cải tổ ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu đã tác động sâu sắc đến Việt Nam và ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ hợp tác Việt Nam - Liên Xô.

Đặc biệt, ở Liên Xô, tháng 07-1990, Đại hội lần thứ XXVIII - Đại hội cuối cùng của ĐCS Liên Xô thông qua Cương lĩnh CNXH dân chủ, từ bỏ tính độc quyền chính trị, bác bỏ chế độ tập trung dân chủ. Liên Xô đã lún sâu vào khủng hoảng sâu sắc, toàn diện và có nhiều yếu tố của sự bùng nổ xã hội.

Về kinh tế: Sự mất ổn định chính trị làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội tiếp tục sâu sắc thêm. Nền kinh tế bị suy sụp nghiêm trọng, sản xuất đình trệ, các mối quan hệ kinh tế bị phá vỡ, hàng hoá khan hiếm, giá cả tăng vọt, lạm phát tăng 18-20%/tháng, các chỉ tiêu kinh tế tụt xuống âm. Tổng sản phẩm xã hội cả năm giảm 1,5%, thu nhập quốc dân giảm 3%, sản xuất lương thực đạt kỷ lục 240 triệu tấn nhưng thu hoạch, chế biến, bảo quản kém và do sự hỗn loạn trong thực hiện hợp đồng nên Liên Xô bị nạn đói đe dọa, phải kêu gọi phương Tây viện trợ nhân đạo. Nhà nước nợ dân 500 tỷ rúp, nợ nước ngoài gần 70 tỷ rúp. Đời sống nhân dân giảm sút, diễn ra nhiều cuộc đấu tranh

quyết liệt xung quanh vấn đề chuyển sang kinh tế thị trường. Kinh tế đối ngoại của Liên Xô bị nhập siêu nghiêm trọng. Mặc dù Mỹ bị sa lầy ở Vùng Vịnh, giá dầu lên cao nhưng Liên Xô không tận dụng được cơ hội để hồi phục kinh tế [37, tr.109]. Điều này tác động to lớn đến quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên Xô, Liên Xô không thể giúp đỡ, viện trợ cho Việt Nam như trước nữa. Yêu cầu đặt ra là phải đổi mới quan hệ hợp tác giữa hai nước.

Về chính trị: Diễn biến hết sức phức tạp, cuộc khủng hoảng kinh tế, chủ trương đa nguyên, đa đảng, cải cách chính trị... đẩy Liên Xô vào tình trạng vô chính phủ, luật pháp không còn hiệu lực. Xu hướng ly khai khỏi Liên Xô xuất hiện vào mùa Hè năm 1990, có 13/15 nước Cộng hoà tuyên bố độc lập. Liên bang Xô viết đứng trước nguy cơ tan rã (cả 15 nước cộng hoà đã ra tuyên bố về chủ quyền; 6 nước cộng hoà kiên quyết đòi tách ra khỏi Liên Xô, các nước cộng hoà khác tán thành ở lại Liên bang nhưng với điều kiện tiên quyết về kinh tế và chính trị). Chủ nghĩa dân tộc cực đoan phát triển mạnh. Chiến dịch đòi chủ quyền tập trung vào: Đòi quyền tự do lựa chọn hệ thống chính trị, toàn quyền với lãnh thổ, đòi lập quân đội, chuyển quan hệ trong Liên bang sang quan hệ chiều ngang dựa trên các nguyên tắc của luật pháp quốc tế...[37, tr.109].

Về xã hội: Xuất hiện nhiều đảng phái chính trị (sơ bộ có khoảng 700 đảng phái và các tổ chức, phong trào xã hội được đăng ký, trong đó có 20 đảng có tính chất toàn Liên bang, các đảng phản động, chống CNXH xuất hiện ngày càng nhiều). Các lực lượng đối lập lợi dụng sự suy yếu của ĐCS và những khó khăn kinh tế, sự bất bình của nhân dân. ĐCS Liên Xô bị suy yếu, khủng hoảng sâu sắc, bị phân liệt, phân bố lực lượng trong Đảng trước, trong và sau Đại hội XXVIII (tháng 07-1990) diễn ra phức tạp. Năm 1990, có gần 1 triệu người ra khỏi Đảng [37, tr.110]

Tại Đại hội đại biểu nhân dân Liên Xô lần thứ tư (12-1990), các lực lượng đã phê phán gay gắt những sai lầm của lãnh đạo và bản thân tổng

thống, buộc M.X.Goochbachốp lần đầu tiên phải công nhận “trong quá trình cải tổ, Ban lãnh đạo đất nước đã phạm phải những sai lầm, khuyết điểm to lớn, đã thông qua những quyết định nóng vội, thiếu suy nghĩ trong cải cách chính trị và kinh tế, hành động thiếu kiên quyết làm nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực” [37, tr.111].

Cuộc khủng hoảng chính trị, xã hội không được Ban Lãnh đạo Liên Xô giải quyết trong quá trình cải tổ là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến cuộc chính biến ngày 19-08-1991. “Ủy ban Nhà nước về tình trạng khẩn cấp” ra đời gồm một số nhân vật chủ chốt trong Ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô. Ủy ban ra Lời kêu gọi nhân dân đứng lên cứu đất nước Xô viết đang lâm nguy. Đa số nhân dân Liên Xô tán thành Lời kêu gọi này nhưng đã không được hướng dẫn phải hành động như thế nào. Một cuộc chính biến nổ ra ở Mátxcova, một bộ phận quân đội kéo về thành phố. Ủy ban Nhà nước về tình trạng khẩn cấp ra Quyết định số 1 yêu cầu nhân dân, quân đội bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ Liên bang Xô viết. Sau ba ngày (19 đến 22-08-1991), cuộc chính biến hoàn toàn thất bại. Những người cầm đầu và các thành viên của Ủy ban bị lực lượng trấn áp của Tổng thống B.Enxin bắt giữ. “*Sự kiện 19-8*” chấn động cả thế giới - góp phần đẩy nhanh sự tan rã của Liên Xô.

Mất dần quyền lực, M.X.Goochbachốp tuyên bố từ chức TBT ĐCS Liên Xô, nhưng vẫn giữ chức Tổng thống Liên bang Xô viết. Ngày 25-08-1991, theo đề nghị của M.X.Goochbachốp, Ban Bí thư Trung ương ĐCS Liên Xô đã Tuyên bố giải tán Đảng. Ngày 26-08-1991, ĐCS Liên Xô bị đình chỉ mọi hoạt động trên toàn lãnh thổ Liên Xô và niêm phong mọi tài sản của Đảng. Ngày 06-09-1991, Quốc hội bãi bỏ Hiệp ước Liên bang năm 1922, trao quyền cho các cơ quan lâm thời. Ngày 08-12-1991, Tổng thống ba nước: Nga, Belarut, Ucraina ra Tuyên bố chung Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết không còn tồn tại (Hiệp định huỷ bỏ Hiệp ước về việc thành lập Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết ngày 30-12-1991). Ngày 21-12-1991, tại thủ đô Anma Ata (Cadacxtan),

11 nước Cộng hoà ký kết Hiệp định về giải tán Liên Xô và chính thức thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). Tối ngày 25-12-1991, M.X.Goochbachốp tuyên bố từ chức Tổng thống Liên Xô. Lá cờ búa liềm của ĐCS Liên Xô trên nóc Điện Cremlin bị hạ xuống thay bằng lá cờ ba màu của nước Nga.

** Tình hình Việt Nam*

Thuận lợi

Sau 10 năm đất nước quá độ tiến lên CNXH trên phạm vi cả nước, nhân dân Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm 1979-1980, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp đã bước đầu ngăn chặn, đẩy lùi được đà giảm sút. Sản xuất lượng thực có bước phát triển quan trọng, đạt mức bình quân hàng năm từ 13,4 triệu tấn trong giai đoạn 1976-1980, đã tăng lên 17 triệu tấn trong giai đoạn 1981-1985. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9.5%, so với 0.6% hàng năm giai đoạn 1976-1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 6.4% so với 0.4% của 5 năm trước [63, tr.696].

Giai đoạn 1981-1985, trong xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, Việt Nam đã hoàn thành hàng trăm công trình lớn và hàng nghìn công trình vừa và nhỏ. Nhiều công trình có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân đã được đưa vào sử dụng như nhà máy nhiệt điện, thủy điện, các giàn khoan dầu khí ở thềm lục địa phía Nam, cơ khí, dệt, thủy lợi, giao thông... Về kết quả sản xuất: tăng thêm 2,5 triệu tấn than; 456 nghìn kilowatt điện; 2,4 triệu tấn xi măng; 33 nghìn tấn sợi, 58 nghìn tấn giấy; 309 nghìn hecta được tưới nước; 186 nghìn hecta được chống úng; 241 nghìn hecta được khai hoang đưa vào sản xuất...[63, tr.696]

Đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện. Các ngành kinh tế quốc dân đã thu hút thêm khoảng 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, văn học nghệ thuật có những bước phát triển và đóng góp nhất định vào công cuộc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới.

Trong 5 năm (1981-1985), cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và làm nghĩa vụ quốc tế của nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn: làm thất bại một bước chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận lớn bọn phản động FULRO ở Tây Nguyên, bắt gọn nhiều nhóm phản động và gián điệp, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Làm thất bại một bước quan trọng âm mưu của các thế lực thù địch, củng cố hơn nữa khả năng quốc phòng của đất nước.

Nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là quá trình thực hiện đổi mới từng phần nhằm xây dựng đất nước sau 30 năm bị chiến tranh tàn phá.

Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, đất nước gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Hai cuộc chiến tranh biên giới để lại hậu quả nặng nề, cùng với đó là những tác động tiêu cực từ mô hình quản lý kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu, bao cấp kéo dài đã làm cho kinh tế - xã hội Việt Nam lâm vào khủng hoảng trầm trọng với tình trạng mất cân đối, lạm phát tăng cao, thu nhập quốc dân thấp và tăng chậm. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế năm 1984 chậm hơn những năm 1981-1983. Phải bù lỗ cho các đơn vị kinh tế quốc doanh 6,2 tỷ đồng năm 1981; năm 1984 bù lỗ 4,2 tỷ đồng. Lạm phát năm 1984 bằng 4,7 lần cuối năm 1981 [63, tr.700]. Giá cả thị trường bấp bênh, luôn trong tình trạng mất ổn định, phân phối và lưu thông rối ren, vật giá tăng nhanh tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống của người dân. Trong nền kinh tế Việt Nam tồn tại những mất cân đối lớn giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, xuất khẩu và nhập khẩu, năng lượng, nguyên liệu... thu và chi chậm được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn trước. Lạm phát ngày càng trầm trọng. Ba năm liên lạm phát ở mức ba con số: năm 1986 là 774,7%, 1987: 223,1%, 1988: 393,8%. Giá cả tăng nhanh. Chỉ số tăng bình quân hàng

tháng của thị trường xã hội năm 1986 là 20%, năm 1987: 10%, 1988 là 14%. Đồng tiền Việt Nam mất giá nghiêm trọng [64, tr.30].

Những hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Những hành vi lộng quyền, lạm quyền, tham nhũng, quan liêu của một số cán bộ và nhân viên nhà nước, những hoạt động của bọn làm ăn phi pháp... ngày càng phổ biến và chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời.

Như vậy, do tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí muốn tiến nhanh, tiến mạnh lên CNXH trong một thời gian ngắn, cùng với việc bố trí thiếu hợp lý cơ cấu kinh tế, những khuyết điểm của nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu, bao cấp... đã làm cho nền kinh tế Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng, trì trệ trầm trọng, tác động mạnh đến mọi mặt đời sống đất nước. Đời sống của nhân dân lao động, nhất là cán bộ viên chức, lực lượng vũ trang, công nhân và các đối tượng hưởng chính sách xã hội hết sức khó khăn. Những biểu hiện tiêu cực và tệ nạn xã hội như tham nhũng, buôn lậu, mại dâm, cờ bạc, mê tín dị đoan... gia tăng chưa từng có. Những tiêu cực trong bộ máy Đảng, Nhà nước và xã hội phát triển đến mức đáng lo ngại. Chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế lợi dụng chống phá Việt Nam dưới chiêu bài “nhân quyền”, “tự do”, “dân chủ”. Dòng người Việt Nam di tản ra nước ngoài tiếp tục tăng, gây nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, làm xáo trộn nhân tâm.

Lợi dụng tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam đang gặp khó khăn lớn, các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chống phá cách mạng, hòng cản trở, làm chệch hướng XHCN và công cuộc đổi mới. Trong khi đó, Mỹ vẫn tiếp tục thi hành chính sách bao vây, cấm vận đối với Việt Nam và lôi kéo, dùng áp lực buộc các nước khác cùng chống Việt Nam. Vấn đề Campuchia chưa được giải quyết do tập đoàn Pôn Pôt-Iêngxari tiếp tục chống phá, các nước ASEAN và một số nước lớn cô lập Việt Nam. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế tiếp tục lợi dụng “vấn đề Campuchia” để chống Việt Nam. Một khó khăn lớn là Việt Nam phải đương đầu với âm mưu và hành động thù địch của Trung Quốc. Bên cạnh các hành động lấn chiếm đất

đai và xung đột ở biên giới phía Bắc Trung Quốc, liên tiếp có những hành động xâm phạm quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới ảnh hưởng sâu sắc đến sự nghiệp đổi mới của Việt Nam. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô và cải cách ở các nước Đông Âu trong những năm cuối thập kỷ 80 không có kết quả do tiến hành vội vàng, nhiều sơ hở, đi chệch hướng XHCN, bị chủ nghĩa đế quốc lợi dụng phản kích bằng nhiều thủ đoạn. Sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội, chính trị của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu đã làm sụt giảm nguồn viện trợ và hợp tác kinh tế - kỹ thuật rất cần cho công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển của Việt Nam, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mối quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong giai đoạn này, làm giảm niềm tin, gây hoang mang lo lắng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với tiền đồ của đất nước.

Thời kỳ đầu đổi mới, tình hình thế giới và trong nước có nhiều yếu tố bất lợi về chính trị, kinh tế, xã hội, đặt ra cho Việt Nam nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải giữ vững ổn định chính trị, tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, phá vỡ thế bao vây cấm vận, bị cô lập trên trường quốc tế, làm thất bại mọi âm mưu diễn biến hoà bình của các nước đế quốc, từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Chính thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước với nhiều khó khăn và phức tạp đã đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải đổi mới, trở thành vấn đề sống còn đối với đất nước, đối với chế độ. Nếu không kịp thời đổi mới, thành quả đạt được sau bao nỗ lực đấu tranh có thể bị xoá sổ. Đổi mới vừa là yêu cầu, nhiệm vụ, vừa là con đường thoát khỏi khó khăn. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam, cải tổ ở Liên Xô, sự khủng hoảng trầm trọng ở Liên Xô và hệ thống các

nước XHCN Đông Âu đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ của Việt Nam với Liên Xô trong giai đoạn này.

3.1.2. Chủ trương của Đảng

Tình hình trong nước và thế giới có những diễn biến phức tạp nên đổi mới là một yêu cầu cấp thiết và sống còn của Việt Nam. Trong đó, đổi mới đường lối đối ngoại nói chung và chủ trương trong quan hệ với Liên Xô là rất cần thiết để tiếp tục tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của Liên Xô và đưa đất nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện.

Việt Nam đã trải qua một thời kỳ khảo nghiệm thực tiễn, tìm tòi con đường đổi mới với không ít khó khăn, vấp vấp, thử thách và khuyết điểm nhưng đã đạt được những thành tựu bước đầu. Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đã mở ra một bước ngoặt mới trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam, với đường lối đổi mới toàn diện, từ tư duy nhận thức và hành động một cách triệt để và sâu sắc, trong đó có đường lối đối ngoại.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc những bài học rút ra từ thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc và thời kỳ đất nước độc lập, thống nhất, trong tình hình mới, Đại hội xác định nhiệm vụ đối ngoại của Việt Nam là: “Tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc” [63, tr.781]. Từ viện trợ kinh tế, quan hệ giữa Việt Nam và các nước XHCN đã, đang và sẽ mở rộng tiến tới hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Chủ trương hợp tác toàn diện với các nước XHCN vẫn được ĐCS Việt Nam đặt lên hàng đầu trong đổi mới đường lối đối ngoại. Điều này thể hiện sự nhất quán trong chủ trương của Đảng mặc dù thời điểm này hệ thống các nước XHCN Đông Âu và Liên Xô đã bộc lộ những khủng hoảng trầm trọng.

Một trong những điểm mới trong chủ trương đối ngoại của Đảng ở Đại hội VI (12-1986) là đối với các nước TBCN (Thụy Điển, Nhật, Pháp, Ôxtrâylia, Phần Lan) và các nước phương Tây khác là “Kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình và hữu nghị. Chủ trương và ủng hộ chính sách cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, loại trừ chiến tranh xâm lược và mọi hình thức của chủ nghĩa khủng bố” [63, tr.787].

Từ những kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn, ĐCS Việt Nam thấu suốt quan điểm và bắt kịp với “xu thế mở rộng phân công hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam”, nhằm “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”. Những điều kiện lịch sử mới đặt ra, “yêu cầu mở rộng phân công, hợp tác kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi” [63, tr.561]. Những nhận thức mới này chính là cơ sở để hình thành nên các chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế của ĐCS Việt Nam.

Đại hội VI của Đảng đã giải quyết được những vấn đề cấp bách đặt ra từ sau năm 1975 mà các kỳ đại hội trước đây chưa giải quyết được. Đó là tìm ra con đường đổi mới để đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, quá độ lên CNXH một cách phù hợp. Đại hội VI của Đảng có đề ra một số quan điểm đổi mới, nhưng về cơ bản, những chủ trương lớn về đối ngoại vẫn được hoạch định trên cơ sở ý thức hệ và phương thức tập hợp lực lượng mang tính đặc trưng của thời kỳ Chiến tranh lạnh.

Đối với Liên Xô, dựa trên các quan điểm, định hướng đối ngoại lớn, Đảng xác định các chủ trương sau: Phù hợp với tinh thần đổi mới ở Việt Nam và của công cuộc cải tổ đang diễn ra ở Liên Xô, Đảng và Nhà nước Việt Nam nhận thức sâu sắc rằng nhất thiết phải tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN. Trên cơ sở nhận thức những biến động của tình

hình thế giới và xu thế quốc tế, Đại hội VI tiếp tục khẳng định: “tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước” [63, tr.782]. Liên Xô luôn là đối tác quan trọng của Việt Nam, việc duy trì, củng cố và thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô trên mọi lĩnh vực vẫn là một chủ trương lớn của Đảng.

Như vậy, ĐCS Việt Nam luôn đánh giá cao vai trò của Liên Xô, với tư cách là thành trì của CNXH, có ảnh hưởng sâu sắc, quyết định đến cục diện thế giới. Quan điểm này đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam nhất quán trong suốt thời gian từ sau khi Việt Nam thống nhất đất nước năm 1975 và đặc biệt là từ Đại hội V của Đảng (1982). ĐCS Việt Nam bày tỏ quan điểm ủng hộ hoàn toàn chính sách đối nội, đối ngoại và Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội lần thứ XXVII của ĐCS Liên Xô. Trên cơ sở *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô* được ký kết năm 1978, Việt Nam khẳng định sẽ “ra sức phấn đấu, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác về mọi mặt vì lợi ích của cả hai nước” [63, tr.782]

Những diễn biến của tình hình trong nước và thế giới, đặc biệt là công cuộc cải tổ ở Liên Xô và Đông Âu, đã tác động sâu sắc đến Việt Nam và công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Việt Nam phải đương đầu với những khó khăn chồng chất về mặt đối ngoại do Mỹ và một số nước phương Tây tiếp tục cấm vận đối với Việt Nam.

Nghị quyết Hội nghị BCH TƯ lần thứ 13 khoá VI của Đảng *Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới* (ngày 20-05-1988) với chủ đề “Giữ vững hoà bình, phát triển kinh tế”, đây là mốc khởi đầu quan trọng trong đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng. Nghị quyết nhận định:

Các nước lớn, kể cả các nước có tiềm lực mạnh, buộc phải giảm chạy đua vũ trang hạt nhân và chi phí quốc phòng, giảm cam kết về quân sự ở bên ngoài và dàn xếp với nhau về các vấn đề khu vực để tập trung vào củng cố bên trong, chạy đua ráo riết về kinh tế và khoa

học kỹ thuật nhằm tạo ra một nền kinh tế phát triển cao vào cuối thế kỷ này. Xu thế đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau ngày càng phát triển [51, tr.1].

Trong tình hình đó, BCT cho rằng: “Lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân là phải củng cố và giữ vững an ninh và độc lập, chúng ta phải có một chiến lược toàn diện và phải quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu đó” [51, tr.1]. Việt Nam có cơ hội lớn để giữ vững hoà bình và phát triển kinh tế. Không để những vấn đề cục bộ và tạm thời làm chệch hướng mục tiêu cơ bản và lâu dài, Việt Nam có khả năng giữ vững độc lập và xây dựng thành công CNXH một khi Việt Nam có một nền kinh tế mạnh và quan hệ hợp tác quốc tế được mở rộng. BCT kết luận: “Một nền kinh tế mạnh, một nền quốc phòng vừa đủ mạnh cùng với sự mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chúng ta sẽ càng có nhiều khả năng giữ vững độc lập và xây dựng thành công CNXH” [51, tr.2].

Nhiệm vụ đối ngoại trong tình hình mới được Nghị quyết nhấn mạnh là phải phục vụ sự ổn định chính trị, ưu tiên phát triển kinh tế; đồng thời, bảo vệ Tổ quốc. Phương thức đấu tranh mới là: Chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu hiện nay sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình với tất cả các đối tác chính.

Trong điều kiện đó, sau khi xác định *nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới* mang tính tổng quát, đối với Liên Xô, Nghị quyết 13 BCT phân tích vai trò, chiến lược của Liên Xô trong giai đoạn đang có những biến động to lớn trong các mối quan hệ quốc tế: *Một là*, Liên Xô ngày càng tích cực chuyển hướng chiến lược trong quan hệ quốc tế, đi vào hoà hoãn với Mỹ, Trung Quốc, giảm cam kết về quân sự ở bên ngoài để tập trung hơn vào các vấn đề bên trong; *Hai là*, sự có mặt của Liên Xô về quân sự ở Cam Ranh trong chiến lược của Liên Xô ở châu Á - Thái Bình Dương đã khác trước, tuy Liên Xô vẫn rất coi trọng quan hệ với Việt Nam nhưng không vì quan hệ với Việt Nam mà để ảnh hưởng đến chiến lược chung và ảnh hưởng đến chiến

lược của Liên Xô đối với Trung Quốc; *Ba là*, do những khó khăn mới, Liên Xô không thể tiếp tục giúp Việt Nam với mức độ cao và phương thức như trước. Thấu suốt ba vấn đề mới đã nêu, Nghị quyết một lần nữa nhấn mạnh quan điểm: “giữ vững độc lập, tự chủ, giữ vững đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô” [51, tr.2]; “tiếp tục coi Liên Xô là đồng minh chiến lược quan trọng nhất. Quan hệ đoàn kết hợp tác toàn diện với Liên Xô có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [51, tr.3]. Điểm mới của Nghị quyết 13 về quan hệ với Liên Xô thể hiện ở nhận thức về vị trí và vai trò của Liên Xô trong chủ trương đối ngoại của Việt Nam.

Việc cải tổ nền kinh tế của Liên Xô bao gồm việc đổi mới cơ chế hợp tác kinh tế của Liên Xô và các nước XHCN khác không cho phép Việt Nam tiếp tục hợp tác và nhận viện trợ theo kiểu cũ. Việt Nam phải nhanh chóng đổi mới quan hệ hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, nâng cao hiệu quả của sự hợp tác trên cơ sở cùng có lợi, cùng có trách nhiệm, vì hoà bình và cách mạng thế giới [51, tr.3].

Như vậy, kể từ năm 1986 đến năm 1988, sau một chặng đường ngắn hai năm đổi mới, trên lĩnh vực đối ngoại đánh dấu một bước phát triển hết sức quan trọng trong đổi mới tư duy, nhận thức. Đảng tích cực đẩy mạnh những bước đi đổi mới được khởi động ban đầu từ Đại hội VI (1986) trên tinh thần thừa nhận lợi ích quốc gia dân tộc là tối cao, giải quyết mọi mối quan hệ quốc tế phải dựa trên lợi ích quốc gia. Mặc dù Nghị quyết 13 chưa dự đoán được tình hình khủng hoảng ở Liên Xô và Đông Âu, song sự thừa nhận cần “nhanh chóng đổi mới quan hệ hợp tác với Liên Xô” và “nâng cao hiệu quả của sự hợp tác trên cơ sở cùng có lợi, cùng có trách nhiệm” là một bước tiến quan trọng trong tư duy của Đảng đối với đồng minh chiến lược Liên Xô theo hướng thực chất, bám sát sự vận động của thực tiễn, của các quan hệ quốc tế, trở về với “cái đúng”, “cái hiện thực” phù hợp quy

luật của hiện thực khách quan. Nghị quyết 13 của BCT phản ánh sự đổi mới mạnh mẽ tư duy về đánh giá tình hình thế giới, về đề ra mục tiêu và chuyển hướng chiến lược đối ngoại của Đảng.

Trong Báo cáo tại Hội nghị Trung ương 6 khoá VI (03-1989), trên cơ sở đổi mới về quan điểm đối ngoại theo Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết 13 của BCT, Việt Nam đã củng cố quan hệ đồng minh chiến lược với Liên Xô, đổi mới và tăng cường có hiệu quả giữa hai nước, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, tạo được sự nhất trí với Liên Xô về chủ trương đấu tranh cho hoà bình ở Đông Nam Á, trong vấn đề Campuchia và trong quan hệ với Trung Quốc. Với Liên Xô, hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam đã bước đầu mở rộng hơn trước cả về quy mô, hình thức và thị trường. Hội nghị khẳng định: “mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại trước hết phải coi trọng phát triển quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước khác trong cộng đồng XHCN, đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba” [65, tr.894]. Quan hệ kinh tế với Liên Xô vẫn được đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên, trong tình hình mới “quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa, phải đổi mới cách làm ăn, bảo đảm hiệu quả trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, khắc phục tư tưởng ỷ lại” [65, tr.894].

Trước diễn biến nhanh và phức tạp của các nước XHCN, ngày 27-03-1990, Hội nghị BCHTƯ Đảng lần thứ 8 (khoá VI) tiếp tục làm rõ và sâu sắc những vấn đề đối ngoại và đã ra Nghị quyết số 08A *Về tình hình các nước XHCN, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng*. Nghị quyết nhận định “các nước xã hội chủ nghĩa đang lâm vào khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng nhất từ trước đến nay” [66, tr.62]. Ở một số nước, lực lượng chống CNXH đã nắm được chính quyền, đang đưa đất nước đi theo con đường TBCN. ĐCS và công nhân bị suy yếu nghiêm trọng, có đảng tan rã trong một thời gian ngắn. Ở một số nước

khác, ĐCS và công nhân vẫn nắm giữ chính quyền, nhưng gặp nhiều khó khăn, tình hình xã hội rối ren, các cuộc biểu tình, bãi công, xung đột dân tộc liên tiếp diễn ra...Cuộc khủng hoảng ở các nước XHCN đã tác động tiêu cực đến phong trào cách mạng thế giới, trong đó có Việt Nam.

Nghị quyết 8A cũng chỉ ra và phân tích nguyên nhân của cuộc khủng hoảng ở các nước XHCN là bắt nguồn từ mô hình xây dựng CNXH ở Liên Xô. Trong điều kiện phù hợp thì mô hình này phát huy tác dụng, tuy nhiên, bản thân mô hình này cũng chứa đựng những nhược điểm như cải tạo XHCN nóng vội, hình thức sở hữu thiếu đa dạng; cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, phủ nhận và coi nhẹ kinh tế hàng hoá, hệ thống chính trị tập trung quan liêu làm suy yếu nền dân chủ XHCN... Những nhược điểm đó của mô hình kéo dài quá lâu và ngày càng nặng nề, cộng với một số sai lầm khác là nguyên nhân sâu xa của sự trì trệ, khủng hoảng của các nước XHCN, đặc biệt còn do tác động lớn từ cuộc khủng hoảng của Liên Xô.

Sau khi đánh giá những tác động to lớn của cuộc khủng hoảng toàn diện, nghiêm trọng đang diễn ra ở các nước XHCN Đông Âu và Liên Xô, Nghị quyết 8A đã đề ra những nhiệm vụ cấp bách trong lĩnh vực đối ngoại “Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế, khắc phục những biểu hiện giáo điều, rập khuôn; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, kết hợp mở rộng hợp tác quốc tế, khắc phục tư tưởng ý lại và ảo tưởng” [66, tr.78]. Việt Nam cần tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại theo phương châm “thêm bạn, bớt thù”, giữ vững hoà bình để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bàn về những vấn đề cấp bách, giải đáp những yêu cầu của tình hình quốc tế và trong nước, Hội nghị lần thứ 8 BCH TƯ Đảng (khoá VI, 03-1990), đề cập đến quan hệ với Liên Xô đã đề cao nhiệm vụ tích cực củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác với Liên Xô và các nước XHCN, đặt lên hàng đầu “yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả sự hợp tác toàn diện với Liên Xô”, coi đó là nhiệm vụ cơ bản, quan trọng, xuyên suốt trong quan hệ với nước đồng minh

chiến lược quan trọng của Việt Nam trong lúc này, nhất là khi quan hệ với Trung Quốc, tuy từng bước được khởi động, song còn đang hết sức khó khăn vì Trung Quốc chưa muốn bình thường hóa quan hệ với Việt Nam một cách thực chất. Trung Quốc vẫn chủ trương gắn vấn đề Campuchia vào bình thường hoá quan hệ với Việt Nam.

Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (12-1986), các Nghị quyết của BCHTƯ và BCT đã xác định mục tiêu của hoạt động đối ngoại là “giữ vững hoà bình, tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc” [67, tr.75]. Việt Nam đã từng bước thực hiện phương hướng trên. Quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô được đổi mới phù hợp với lợi ích của nhân dân mỗi nước. Tổng kết một chặng đường đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (06-1991) đã nêu lên những nhận thức mới về xã hội XHCN đang được xây dựng ở Việt Nam với sáu đặc trưng cơ bản. Nhiệm vụ bao trùm của chính sách đối ngoại trong thời gian tới là “giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc” [67, tr.118].

Trong điều kiện mới, để có chủ trương đối ngoại phù hợp “cần nhạy bén nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế”. Từ đó, Đại hội VII đề ra chủ trương đối ngoại: “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình” [67, tr.118].

Đại hội VII của Đảng, tiếp tục khẳng định chính sách phát triển kinh tế đối ngoại “đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi” [67, tr.182]. Với phương châm đối ngoại “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Nhìn chung, quan điểm đối ngoại tại Đại hội VII của Đảng và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH* đề ra là đa

phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Đây là chủ trương rất mới và phù hợp trong điều kiện tình hình thế giới, trong nước và đặc biệt là sự khủng hoảng ở các nước XHCN Liên Xô và Đông Âu.

Tiếp sau Hội nghị Trung ương 8 khoá VI, Đại hội VII của Đảng (06-1991) khi đề cập đến quan hệ với Liên Xô, đều khẳng định quan điểm: “Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước” [67, tr.118]. Việc khẳng định và coi trọng quan hệ với Liên Xô, *một mặt*, thể hiện sự nhất quán trong quan hệ với quốc gia đồng minh chiến lược quan trọng của Việt Nam; *mặt khác*, cho thấy Đảng còn chưa nhạy bén trong nắm bắt tình hình, chưa làm tốt công tác dự báo, chưa đánh giá đúng mức những khủng hoảng nghiêm trọng ở Liên Xô, nên không đoán định trước được sự sụp đổ của Liên Xô - diễn ra chỉ sáu tháng sau đó.

Sau Đại hội VII của Đảng, tình hình thế giới chuyển biến nhanh chóng, phức tạp. Trước những diễn biến bất thường ở Liên Xô, gần một tháng sau “*Sự kiện 19-8*”, ngày 16-09-1991, BCT ra Chỉ thị số 02 *Về nhiệm vụ của chúng ta trước diễn biến nghiêm trọng ở Liên Xô*. Chỉ thị phân tích những khủng hoảng nghiêm trọng đang diễn ra ở Liên Xô, khẳng định sự kiên định con đường đi lên CNXH của Việt Nam và trong điều kiện hết sức phức tạp, thoái trào của CNXH bất lợi cho Việt Nam, cần phải làm tốt công tác đối ngoại, có những định hướng đối ngoại đúng đắn, nhằm thực hiện các mục tiêu quốc gia và bảo vệ lợi ích đất nước.

Biến cố ở Liên Xô tháng 08-1991 đặt ra những vấn đề mới trong quan hệ Việt Nam - Liên Xô. Do sự đảo lộn lớn và do lợi ích chiến lược cũng như những ưu tiên đối ngoại của Liên Xô đã hoàn toàn thay đổi, quan hệ Việt Nam - Liên Xô về mặt Đảng, sự phối hợp chính trị đối ngoại không còn nữa.

Quan hệ về mặt Nhà nước, hợp tác kinh tế, văn hoá giảm mạnh và ở mức độ thấp nhất từ trước đến nay và chuyển từ quan hệ tin cậy giữa hai nước sang quan hệ bình thường giữa các quốc gia. Đứng trước cuộc khủng hoảng diễn ra ở Liên Xô hết sức phức tạp và nhanh chóng, Việt Nam đã tỏ thái độ bình tĩnh, thận trọng, khẳng định tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị với Liên Xô, mong muốn Liên Xô vượt qua khó khăn, tiếp tục phát triển, duy trì Liên bang, giữ vững và phát huy vai trò quốc tế của mình.

Sau khi Hiệp định huỷ bỏ Hiệp ước về việc thành lập Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết ngày 30-12-1991 được ký kết, đã chấm dứt tồn tại của Liên bang Xô viết sau 74 năm, trong sự tiếc nuối của nhiều triệu người khắp nơi trên thế giới. Cùng với sự kiện ấy, chấm dứt một chặng đường dài quan hệ Việt Nam - Liên Xô và mở ra chặng đường mới cho quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga sau này.

Có thể thấy, so với giai đoạn trước, chủ trương của Đảng về đường lối đối ngoại nói chung và chủ trương trong quan hệ với Liên Xô nói riêng đã có những bước phát triển mới, thể hiện ở một số điểm nổi bật:

Thứ nhất, trên cơ sở đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu, giải quyết mọi quan hệ quốc tế phải dựa trên lợi ích quốc gia. Một mặt, chủ trương hợp tác toàn diện với Liên Xô vẫn được thể hiện nhất quán và là chủ trương lớn của Đảng trong đường lối đối ngoại; Mặt khác, đổi mới, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Thứ hai, trong quan hệ hợp tác với Liên Xô, chủ động đổi mới, nâng cao hiệu quả hợp tác trên cơ sở cùng có lợi, cùng có trách nhiệm nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Khắc phục tư tưởng dựa dẫm, ỷ lại vào Liên Xô.

Thứ ba, từ cuộc khủng hoảng và sụp đổ của hệ thống XHCN Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô, đất nước có những biến động to lớn. Đảng đã chủ

động, kịp thời đổi mới khẳng định sự kiên định con đường đi lên CNXH của Việt Nam và tiếp tục duy trì, phát triển mối quan hệ với Liên bang Nga.

Như vậy, về căn bản, cùng với sự phát triển của công cuộc đổi mới, nhận thức và tư duy về đối ngoại của Đảng có những bước chuyển biến quan trọng, góp phần từng bước phá thế bao vây, cấm vận, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, nhằm nhanh chóng thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; trên cơ sở những định hướng chung, quan hệ với một số đối tác lớn (trong đó có Liên Xô) được cụ thể hóa.

3.2. Đảng chỉ đạo thực hiện quan hệ Việt Nam với Liên Xô

3.2.1. Về chính trị - ngoại giao

Đại hội VI (12-1986) của Đảng chủ trương “tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc” [63, tr.781]. Trong đó, “yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả sự hợp tác toàn diện với Liên Xô”, coi đó là nhiệm vụ cơ bản, quan trọng, xuyên suốt.

Nhận thức được tầm quan trọng phải tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác với Liên Xô, coi quan hệ với Liên Xô là trụ cột trong chính sách đối ngoại. Đảng, Nhà nước, Bộ Ngoại giao Việt Nam chú trọng, tăng cường quan hệ hợp tác chính trị - ngoại giao bằng việc tổ chức các đoàn đại biểu cấp cao, các nhà lãnh đạo Việt Nam - Liên Xô, thông qua hàng loạt chuyến thăm, gặp gỡ và hội đàm, nhằm tạo cơ hội bàn bạc, trao đổi ý kiến. Đoàn đại biểu ĐCS Liên Xô do Bí thư Trung ương Đảng Liên Xô AP. Birucôva dẫn đầu thăm và làm việc tại Việt Nam từ 17 đến 23-03-1987. Trong cuộc hội đàm, TBT Nguyễn Văn Linh khẳng định sự ủng hộ hoàn toàn của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đối với những sáng kiến hoà bình quan trọng đầy thiện chí và có nguyên tắc của Liên Xô do TBT ĐCS Liên Xô M.X.Goocbachốp đưa ra và khẳng định quyết tâm của nhân dân Việt Nam tiếp tục góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống chính sách hiếu chiến và chạy đua vũ trang hạt

nhân của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, gìn giữ hoà bình và an ninh ở châu Á và trên thế giới.

Ông AP.Birucôva khẳng định: “Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên Xô sẽ làm hết sức mình để thắt chặt và tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị anh em và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước, tiếp tục dành cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam sự ủng hộ mạnh mẽ trên tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa” [35, tr.13].

Trung tuần tháng 05-1987, Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam do TBT ĐCS Việt Nam Nguyễn Văn Linh dẫn đầu đã có chuyến thăm hữu nghị chính thức Liên Xô. Ngày 18-05-1987, diễn ra cuộc hội đàm giữa các nhà lãnh đạo của hai nước tại Điện Kremlin. Hai bên đã thông báo về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của ĐCS Việt Nam và Nghị quyết XXVII của ĐCS Liên Xô, thảo luận về những phương hướng cụ thể nhằm đổi mới và tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô với những hình thức phong phú và hiệu quả, thiết thực. Các nhà lãnh đạo hai nước cùng bày tỏ quyết tâm mở rộng sự hợp tác giữa hai nước ở các cấp khác nhau, nghiên cứu các kinh nghiệm của hai bên, tiến tới hoàn thiện quan hệ Việt - Xô, thực hiện chương trình tổng thể của SEV trên những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế XHCN; từ đó, góp phần tăng cường sức mạnh của ba nước Đông Dương và các nước trong cộng đồng XHCN.

Các nhà lãnh đạo hai nước đã thỏa thuận và ký kết một số hiệp định hợp tác về kinh tế, khẳng định sự hoàn toàn nhất trí trong một số vấn đề quốc tế với quyết tâm phối hợp hành động củng cố nền hòa bình thế giới và an ninh chung, ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Việt Nam và Liên Xô tuyên bố ủng hộ đường lối hòa giải dân tộc của Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Campuchia và quyền của nhân dân Campuchia tự giải quyết công việc nội bộ của mình không có sự can thiệp của bên ngoài; đồng thời, loại trừ vĩnh viễn chế độ diệt chủng Pôn Pôt. Đặc biệt,

các nhà lãnh đạo của Việt Nam và Liên Xô nêu rõ nguyện vọng bình thường hóa và cải thiện quan hệ với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, coi đó là một nhân tố tích cực và to lớn củng cố hòa bình ở khu vực châu Á và trong sinh hoạt quốc tế nói chung. Phía Liên Xô bày tỏ quan điểm ủng hộ sáng kiến của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tiến hành đàm phán Việt - Trung để giải quyết các vấn đề mà hai bên quan tâm.

Trong khuôn khổ của chuyến thăm Liên Xô, TBT BCH TƯ ĐCS Liên Xô M.X.Goochbachốp đã có cuộc hội đàm riêng với TBT BCH TƯ ĐCS Việt Nam Nguyễn Văn Linh tại Điện Kremlin vào ngày 19-05-1987. Phát biểu tại cuộc hội đàm, TBT Nguyễn Văn Linh khẳng định ý nghĩa quan trọng của việc hợp tác toàn diện giữa hai nước Việt - Xô trong bối cảnh lịch sử mới: “Để thực hiện những nhiệm vụ to lớn và phức tạp do Đại hội lần thứ VI (12-1986) đề ra, một yêu cầu cấp bách đang đặt ra với Việt Nam là nâng cao mạnh mẽ hiệu quả hợp tác với Liên Xô trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, tư tưởng” [122, tr.46]. TBT Nguyễn Văn Linh bày tỏ tin tưởng vào sự phát triển bền vững của tình hữu nghị Việt - Xô: “Chắc chắn rằng, với tinh thần đổi mới của Đại hội hai Đảng, sự hợp tác Việt - Xô trong thời gian tới sẽ có bước phát triển mới về chất, ngày càng mở rộng về quy mô, phong phú về hình thức và càng có hiệu quả” [122, tr.47]. TBT khẳng định quan điểm đối ngoại trước sau như một của Việt Nam trong quan hệ với Liên Xô: “Việc tăng cường đoàn kết chặt chẽ và hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam” [122, tr.62]. Hai nước đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô* trong giai đoạn mới là nhằm phục vụ lợi ích xây dựng đất nước của hai nước, là cơ sở để hai nước tin tưởng vào sự phát triển tất yếu quan hệ hai nước trong giai đoạn sắp tới.

Trong cuộc gặp gỡ giữa lãnh đạo hai nước, có những điểm mới quan trọng sau: *thứ nhất*, về mở rộng sự hợp tác toàn diện giữa hai nước ở nhiều

cấp độ khác nhau, không chỉ dừng lại ở việc đề cập vấn đề mà còn nêu cao quyết tâm thực hiện; *thứ hai*, cả hai bên tích cực tìm kiếm các biện pháp nhằm phát triển mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và vùng Viễn Đông Liên Xô; *thứ ba*, nâng cao hiệu quả sự hợp tác theo hướng liên kết XHCN, tiến hành chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất, sử dụng tốt hơn các nguyên tắc kinh doanh XHCN. Như vậy, chuyến thăm có ý nghĩa quan trọng, *một mặt*, củng cố chặt chẽ thêm quan hệ giữa hai nước; *mặt khác*, hướng tới và mở ra một chặng đường hợp tác mới mẻ, hiệu quả, triển vọng.

Sau khi trở về, TBT Nguyễn Văn Linh đã thông báo những nội dung cơ bản của cuộc hội đàm với TBT M.X.Goochbachốp, BCT đã có những nhận định, đánh giá về kết quả của cuộc hội đàm: “Cuộc hội đàm lần này đã thành công hết sức tốt đẹp và thắng lợi rất to lớn về chính trị và kinh tế, đánh dấu bước phát triển thực sự về chất cao hơn của quan hệ hợp tác Việt - Xô, có ý nghĩa cơ bản, lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của ta, của ba nước Đông Dương. Đối với sự hợp tác toàn diện và phối hợp chiến lược giữa hai Đảng và hai nước” [184, tr.297].

Ngày 18-03-1988, được đánh dấu bằng chuyến thăm Việt Nam của Thứ trưởng ngoại giao Liên Xô I.A.Rôgachốp. Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch và Thứ trưởng Trần Quang Cơ đã trao đổi với Đoàn về việc tiếp tục phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước và hai Bộ Ngoại giao. Mục đích chuyến thăm là trao đổi ý kiến với Bộ Ngoại giao Việt Nam về việc giải quyết vấn đề Campuchia; nhất quán chủ trương bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Trong cuộc gặp Thứ trưởng ngoại giao Liên Xô, Việt Nam đề nghị Liên Xô thông báo cho Trung Quốc biết lập trường của Việt Nam là sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, rút hết quân tình nguyện ở Campuchia về nước trong năm 1990 như Việt Nam tuyên bố. Như vậy, Việt Nam và Liên Xô đã có sự phối kết hợp chặt chẽ trong những vấn đề quốc tế có liên quan, trao đổi để bảo đảm lợi ích của mỗi nước, đảm bảo an ninh khu vực.

Tháng 05-1991, nhận lời mời của Ủy ban Trung ương ĐCS Liên Xô, TBT Nguyễn Văn Linh dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam đi thăm và làm việc tại Liên Xô. Trong chuyến thăm này, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười có cuộc hội đàm với Tổng thống M.X.Goochbachốp. Tổng thống Liên Xô “đánh giá cao đường lối đối ngoại hoà bình hữu nghị và hợp tác của Việt Nam và những cố gắng của Việt Nam nhằm bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, mở rộng quan hệ với các nước khác trên thế giới” [190, tr.542]. Hai bên thoả thuận tăng cường và thúc đẩy đổi mới cơ chế phối hợp hoạt động kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Liên Xô trong tình hình mới, thảo luận các vấn đề giải quyết nợ của Việt Nam đối với Liên Xô, sửa đổi các điều kiện hợp tác về khai thác dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam trong khuôn khổ Xí nghiệp liên doanh Viêtxôpêtrô.

Sau sự kiện tháng 08-1991, quan hệ Việt Nam - Liên Xô đặt ra những vấn đề mới, sự phối hợp chính trị đối ngoại không còn nữa. Việt Nam tăng cường công tác tư tưởng nội bộ để có nhận thức rõ thực chất những biến đổi ở Liên Xô, luôn biểu thị thái độ công khai, đúng mực. Việt Nam nhiều lần bày tỏ sự thông cảm với nhân dân Liên Xô, mong tình hình Liên Xô sớm đi vào ổn định để xây dựng đất nước. Trước những khó khăn gay gắt ở Liên Xô, nhằm bày tỏ tình hữu nghị với nhân dân Liên Xô và theo yêu cầu khẩn thiết của bạn, Chính phủ Việt Nam đã viện trợ cấp bách về lương thực, thực phẩm cho nhân dân Mátxcova.

Trước sự khủng hoảng và tan rã của Liên Xô (ngày 21-12-1991), ngày 27-12-1991, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra Tuyên bố nêu rõ: “Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam xuất phát từ các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và từ lòng mong muốn duy trì tình hữu nghị và sự hợp tác truyền thống vốn có, nay tuyên bố công nhận và sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên bang Nga” [190, tr.548]. Ngay sau khi Liên Xô tan rã, Việt Nam chủ động quan hệ chính thức với Liên bang Nga trên cơ sở hoàn toàn khác với

quan hệ của Việt Nam với Liên Xô cũ, chuyển từ mối quan hệ đồng minh chiến lược sang hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Việt Nam công nhận Liên bang Nga kế thừa Liên Xô cũ, chủ trương duy trì và phát triển quan hệ truyền thống và hợp tác nhiều mặt với Nga trên cơ sở mới.

Trong giai đoạn 1986-1991, thực hiện chủ trương củng cố và hợp tác toàn diện với Liên Xô của Đảng, từ quan hệ chính trị - ngoại giao, thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ kinh tế - thương mại, văn hóa - giáo dục và khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam - Liên Xô. Việt Nam tiếp tục nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ của Liên Xô trong giai đoạn đầu của sự nghiệp đổi mới đất nước.

3.2.2. Về kinh tế - thương mại

Thực hiện tư duy và chủ trương đổi mới trên lĩnh vực hợp tác kinh tế với Liên Xô ở Đại hội VI (12-1986), Đại hội VII (6-1991) và các Nghị quyết Trung ương của Đảng “nhanh chóng đổi mới quan hệ hợp tác với Liên Xô” và “nâng cao hiệu quả của sự hợp tác trên cơ sở cùng có lợi, cùng có trách nhiệm” [51, tr.1], “Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước” [67, tr.118].

Trong *Tuyên bố chung Việt Nam - Liên Xô năm 1987*, hai nước nhấn mạnh quy mô ngày càng lớn của sự phối hợp hoạt động Việt - Xô, cách đề cập mới đối với các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội VI ĐCS Việt Nam và Đại hội lần thứ XXVII ĐCS Liên Xô đề ra đòi hỏi cần cấp bách nâng cao hiệu quả hợp tác theo hướng liên kết XHCN, tiến hành chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, sử dụng tích cực hơn những nguyên tắc kinh doanh XHCN. Trong giai đoạn mới, sự hợp tác kinh tế Việt - Xô tập trung vào lĩnh vực khai thác và chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng, phát triển ngành cơ khí, điện tử, phân bón và hóa chất, khai khoáng, công nghiệp năng lượng, giao thông vận tải, tận dụng tối đa năng lực sản xuất và nguồn lao động hiện có ở Việt Nam. Hai bên tích cực tìm kiếm những hình thức và lĩnh vực hợp tác mới, hiệu

quả cao như lập các liên hiệp và xí nghiệp liên doanh, thi hành nhiều biện pháp cần thiết để hiện đại hóa và phát huy hết công suất các xí nghiệp được xây dựng với sự giúp đỡ về kỹ thuật của Liên Xô. Hai bên tán thành đề ra các biện pháp bổ sung nhằm phát triển các mối liên hệ kinh tế giữa Việt Nam và vùng Viễn Đông Liên Xô. Việt Nam và Liên Xô tiếp tục tập trung làm sâu sắc thêm sự liên kết kinh tế XHCN, tăng cường phối hợp trong việc thực hiện chương trình tổng thể của các nước thành viên SEV và tiến bộ khoa học - kỹ thuật đến năm 2000 và hoàn thiện hoạt động của SEV [122, tr.62-63].

Tiếp nối sự phát triển về hợp tác kinh tế - thương mại với Liên Xô giai đoạn trước, giai đoạn này Chính phủ Việt Nam và Liên Xô đã ký nhiều hiệp định về hợp tác kinh tế như: ngày 23-01-1986, Hiệp định “Về hợp tác kinh tế và kỹ thuật trong giai đoạn 1986-1990 giữa Việt Nam và Liên Xô” và Hiệp định “Về trao đổi hàng hoá và trả tiền giữa Liên Xô và Việt Nam thời kỳ 1986-1990”; Ngày 19-05-1987, 4 hiệp định được ký kết: Hiệp định “Về hợp tác trong lĩnh vực sản xuất hàng công nghiệp nhẹ”; Hiệp định “Về hợp tác sản xuất vật liệu và thiết bị kỹ thuật điện tại Việt Nam trong những năm 1987-1990”; Hiệp định “Về hợp tác toàn diện sản xuất dầu dừa và quả dừa để cung cấp sang Liên Xô”; Hiệp định “Về hợp tác toàn diện sản xuất chè để cung cấp sang Liên Xô”;...

Trên cơ sở các hiệp định, Chính phủ hai nước còn ký kết các nghị định thư về kinh tế để thực hiện hiệu quả các hiệp định đã ký kết như: Nghị định thư “Về kết quả phối hợp kế hoạch kinh tế quốc dân cho các năm 1986-1990 và thời kỳ dài hơn giữa Liên Xô và Việt Nam”, ngày 07-01-1986; Nghị định thư “Về điều kiện cử chuyên gia Việt Nam sang Liên Xô và ngược lại cho thời kỳ 1986-1990”, ngày 16-01-1986...

Chỉ thị số 08-CT/TW *Về đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác kinh tế Việt Xô* của Ban bí thư Trung ương Đảng ngày 18-06-1987, đã đề ra tư tưởng chỉ đạo việc hợp tác kinh tế với Liên Xô với nội dung: *thứ nhất*, coi sự hợp tác với Liên Xô là cốt lõi của chiến lược kinh tế đối ngoại của

Đảng và Nhà nước Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần cải tạo cơ cấu sản xuất và xây dựng CNXH ở Việt Nam; *thứ hai*, gắn liền trách nhiệm với lợi ích của cả hai bên, kiên quyết khắc phục tư tưởng ý lại; *thứ ba*, hợp tác sản xuất phải chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong quan hệ hợp tác kinh tế với Liên Xô để sớm hình thành sự phân công lao động quốc tế, thực hiện chuyên môn hoá và hợp tác sản xuất; *thứ tư*, đổi mới phương thức hợp tác, thực hiện sự hợp tác ở cả ba cấp: chính phủ, ngành và các xí nghiệp, hình thành các xí nghiệp liên doanh; *thứ năm*, gắn sự hợp tác Việt - Xô với yêu cầu tăng cường sức mạnh và sự liên minh của ba nước Đông Dương [64, tr.183].

Căn cứ vào các hiệp định liên Chính phủ và các nghị định thư đã ký, hợp tác kinh tế giữa hai nước không ngừng được mở rộng cả về quy mô, phạm vi với nhiều hình thức mới, góp phần quan trọng giải quyết nhiều nhiệm vụ kinh tế - chính trị lớn của đất nước, tạo ra những tiền đề vật chất rất cơ bản để phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô trong giai đoạn tới. Hai nước kiên quyết tập trung nỗ lực giải quyết những nhiệm vụ cấp bách nhất của nền kinh tế Việt Nam là thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, bảo đảm tiến độ xây dựng nhiều công trình trọng điểm, bước đầu thực hiện một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lực sản xuất với sự giúp đỡ của Liên Xô, đẩy mạnh hợp tác trên các lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí, trồng và chế biến một số cây công nghiệp, hợp tác gia công hàng dệt, may mặc và mũ giày, hợp tác lao động, tiếp tục mở rộng khối lượng trao đổi hàng hoá giữa hai nước, từng bước đổi mới các hình thức hợp tác.

** Trong lĩnh vực công nghiệp*

Dưới sự chỉ đạo của Đảng và tổ chức thực hiện của Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành quan hệ hợp tác Việt - Xô trên lĩnh vực công nghiệp đạt nhiều kết quả.

Theo Báo cáo về quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Liên Xô giai đoạn 1986-1990 của Bộ Kinh tế đối ngoại, trong kế hoạch 1986-1990,

theo Hiệp định đã ký kết, phía Liên Xô cho Việt Nam vay vốn đến 1.655 triệu rúp để nhập khẩu thiết bị toàn bộ phục vụ xây dựng các công trình năng lượng điện, than, hóa chất, giao thông, cơ khí, luyện kim... Đến hết năm 1990, thực hiện là 1.400 triệu rúp, đạt 84% vốn vay của Hiệp định đã ký kết trong đó: Năng lượng điện 620 triệu rúp, ngành than 150 triệu rúp, hóa chất, phân bón 155 triệu rúp, vật liệu xây dựng 50 triệu rúp, giao thông vận tải 41 triệu rúp. Về nhập khẩu thiết bị vật tư cho các công trình thời kỳ 1986-1990, phía Liên Xô tập trung vào cung cấp thiết bị, vật tư cho xây dựng các công trình chuyển tiếp của thời kỳ 1981-1985 (thời kỳ này sử dụng khoảng 850 triệu rúp) [181, tr.197].

- Về giao thông vận tải

Theo các hiệp định đã ký kết, Liên Xô tiếp tục giúp đỡ Việt Nam hoàn thành các công trình giao thông đang thi công từ giai đoạn trước, nổi bật là hoàn thành xây dựng công trình giao thông trọng điểm, khu đầu mối đường sắt Hà Nội. Công trình đã góp phần quan trọng phát huy hiệu quả sử dụng cầu Thăng Long và làm giảm mật độ giao thông ở thành phố Hà Nội. Bên cạnh công trình khu đầu mối giao thông Hà Nội, nhiều công trình giao thông khác cũng được Liên Xô nghiên cứu, hợp tác xây dựng. Liên Xô tiếp tục cung cấp cho Việt Nam các phương tiện vận tải gồm xe chở khách, xe chở hàng, xe máy công trình, đầu máy diesel loại nhẹ... và đặc biệt là hợp tác đóng tàu biển với Liên Xô và các nước thuộc SEV. Liên Xô giúp trang bị bổ sung cho các nhà máy đóng tàu Hạ Long, Bạch Đằng, cơ khí Giải phóng có thể thực hiện được nhiệm vụ đóng tàu theo hợp đồng đã ký kết [123, tr.24-25].

Trong ngành vận tải biển: việc vận chuyển hàng của Liên Xô cung cấp cho Việt Nam và nhận hàng của Việt Nam tại các cảng Việt Nam bằng đội tàu của Liên Xô hoặc tàu do Liên Xô thuê vẫn được đảm bảo. Liên Xô đã giúp Việt Nam mở rộng cảng Hải Phòng, Sài Gòn, tăng cường trang thiết bị bốc xếp, trung tâm thông tin, thiết kế và chuẩn bị các bến hàng. Liên Xô còn áp dụng cả hệ thống chở bằng sà lan (một phương tiện vận tải hiện đại trên thế giới tại thời

điểm đó). Chuyến tàu chở sà lan đầu tiên mang tên cô Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô “Alékhxây Côxughin” chở 82 sà lan, trọng tải mỗi chiếc 376 tấn đã cập bến Hạ Long - Hải Phòng vào đầu năm 1986. Đến năm 1988 đã có hơn một chục chuyến tàu chở sà lan sang Việt Nam [123, tr.27].

Đồng thời, Liên Xô cũng giúp Việt Nam lập tổng sơ đồ giao thông phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế đất nước trong những năm cuối thập niên 80 và những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Sự hợp tác và giúp đỡ to lớn của Liên Xô đối với Việt Nam trên lĩnh vực giao thông vận tải đã tạo dựng một hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng nhất định, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước trong những năm đầu tiên của thời kỳ đổi mới.

- Về năng lượng

Theo *Nghị định thư về kết quả phối hợp kế hoạch kinh tế quốc dân cho các năm 1986-1990 và thời kỳ dài hơn* giữa Việt Nam và Liên Xô (07-01-1986), Chính phủ hai nước nhất trí trước hết cần chú trọng phát triển tổ hợp nhiên liệu - năng lượng của Việt Nam, thúc đẩy nhanh chóng việc thăm dò và khai thác dầu mỏ và khí đốt ở thêm lục địa phía Nam Việt Nam [180, tr.3]. Ngày 31-10-1989, công trình thủy điện Trị An hoàn thành với công suất thiết kế 100.000kw, mỗi năm trung bình sản xuất 1 tỷ760 triệu Kw/giờ [151, tr.529]. Trong giai đoạn 1986-1990, nhằm truyền tải hết công suất của các nhà máy thủy điện hòa Bình, Phả Lại và Trị An, Liên Xô đã cung cấp cho Việt Nam một khối lượng vật tư lớn được quy định trong tổng sơ đồ giai đoạn II, gấp 4 lần giai đoạn I để xây dựng lưới điện 110-220 kilôvôn, trên 3000 kilômét đường dây và các trạm biến áp với tổng dung lượng 3000 mê-ga-vôn/am-pe. Các công trình nguồn và lưới điện nói trên đã góp phần nâng cao sản lượng điện hàng năm [123, tr.43].

- Về dầu khí

Với sự giúp đỡ và hợp tác của Liên Xô, ngành dầu khí Việt Nam không ngừng được củng cố và phát triển. Từ chỗ Liên Xô giúp đỡ tạo ra nền

móng ban đầu, tiến sang giai đoạn đồng tác giả trong các công trình nghiên cứu, trong thực hiện các phương án tìm kiếm - thăm dò bằng vốn vay dài hạn và trợ giúp kỹ thuật. Sự hợp tác này đã chuyển sang quan hệ liên doanh bình đẳng hai bên cùng có lợi. Ngày 26-06-1986, tấn dầu đầu tiên của mỏ dầu chảy vào trạm chứa dầu nổi Crum, đánh dấu sự bắt đầu của giai đoạn khai thác. Năm 1987, khai thác 27 vạn tấn dầu; năm 1988, 67,8 vạn tấn, tăng 1,7 vạn tấn so với kế hoạch. Hội đồng xí nghiệp liên doanh họp tại Vũng Tàu tháng 12-1988 đã quyết định sản lượng khai thác năm 1989 là 1 triệu 49 vạn tấn, và dự định sau 3 năm nữa sẽ đưa tổng số dầu khai thác được lên 5 triệu tấn [9, tr.1]. Sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô đối với ngành dầu khí Việt Nam còn thể hiện bằng việc Liên Xô đã xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật vững chắc và đồng bộ cho ngành dầu khí. Liên Xô cũng đào tạo cho Việt Nam một đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, kỹ thuật và cán bộ quản lý các cấp có trình độ chuyên môn tốt và toàn diện, có đủ khả năng nắm bắt các lĩnh vực khoa học kỹ thuật của ngành công nghiệp dầu khí.

Liên Xô tiếp tục giúp đỡ Việt Nam trong hầu hết các ngành công nghiệp quan trọng, đặc biệt là các ngành công nghiệp nặng. Các trang thiết bị những ngành này đều do Liên Xô cung cấp với tỷ lệ 80% viện trợ kinh tế và 60% vốn đầu tư cơ bản cho các công trình xây dựng mới của Việt Nam. Những xí nghiệp được Liên Xô giúp đỡ xây dựng đã góp phần sản xuất 43% điện năng, 98% than, 63% thiếc, 46% xi măng, 37% chè, 100% apatít và supe phốt phát a xít sun phua rích [123, tr.54].

** Trong lĩnh vực nông nghiệp*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI (1986) của Đảng, lĩnh vực nông nghiệp được coi là mặt trận hàng đầu trong nền kinh tế Việt Nam. Cùng với quá trình ưu tiên cho sản xuất công nghiệp ở Việt Nam, Liên Xô cũng giành cho Việt Nam sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn trong nông nghiệp. Đến năm 1988, Liên Xô đã cung cấp cho Việt Nam 15.000 máy kéo các loại, hàng vạn máy

nông nghiệp, 6 xưởng sửa chữa lớn và hơn 100 xưởng sửa chữa nhỏ cùng với một khối lượng lớn thiết bị phụ tùng. Tính riêng trong 3 năm 1989, 1990, 1991, Liên Xô cung cấp bổ sung cho Việt Nam 1 triệu tấn phân đạm và 700 máy kéo nhằm đẩy mạnh sản xuất [123, tr.13-14]. Liên Xô giúp đỡ Việt Nam xây dựng 45 trạm bảo dưỡng máy kéo ở khắp các tỉnh thành trong cả nước. Quy mô hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực nông nghiệp được mở rộng hơn so với giai đoạn trước. Năm chương trình hợp tác lớn về rau quả, cà phê, cao su, chè và dầu thực vật đã được ký kết giữa hai nước dựa trên cơ sở cùng có lợi. Để hoàn thành các chương trình hợp tác này, phía Liên Xô đã đầu tư sang Việt Nam với tổng số vốn trên 400 triệu rúp.

Trong *Nghị định thư về kết quả phối hợp kế hoạch kinh tế quốc dân cho các năm 1986-1990 và thời kỳ dài hơn* giữa Việt Nam và Liên Xô (07-01-1986), để khuyến khích sản xuất và cung cấp sang Liên Xô các mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam, phía Liên Xô đồng ý tiếp tục áp dụng cho các năm 1986-1990 việc trợ giá khuyến khích ở mức 20% vào giá hợp đồng đối với các mặt hàng tinh dầu và dầu kỹ thuật, cà phê, chè, ớt, hạt tiêu và các gia vị khác, rau quả, tơ tằm, đậu tương, cao su thiên nhiên, thiếc, sản phẩm từ gỗ quý nhiệt đới [180, tr.8].

Phía Liên Xô muốn từng bước rút ngắn chênh lệch cán cân thanh toán giữa Việt Nam và Liên Xô, bằng cách tăng xuất khẩu của Việt Nam thông qua các chương trình hợp tác có mục tiêu. Trong thời kỳ 1986-1990, thực hiện các chương trình chè, rau quả, cao su, cà phê, dầu dừa...

** Trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ*

- Xuất khẩu:

Khối lượng hàng xuất theo các Hiệp định đã ký với Liên Xô khoảng 2,63 tỷ rúp. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Liên Xô trong 5 năm 1986-1990 đạt khoảng 2,14 tỷ rúp (đạt 79,8% so với các Hiệp định đã ký). Sở dĩ kết quả thực hiện thấp so với Hiệp định vì phía Liên Xô giảm nhập một số

mặt hàng như thuốc lá (111 triệu rúp), dầu cao (46 triệu rúp), và phía Việt Nam không đủ khả năng thực hiện một số mặt hàng như dầu thô (hụt 134 triệu rúp), gia công từ bông (hụt 61 triệu rúp), rau quả (hụt 155 triệu rúp), dầu dừa (hụt 37 triệu rúp), gia công công nghiệp nhẹ (hụt tiền công 120 triệu rúp). So với giai đoạn 1981-1985, xuất khẩu Việt Nam sang Liên Xô tăng 84% (2,14/1,16 tỷ rúp) [181, tr.191].

Trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Liên Xô giai đoạn 1986-1990, hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm tỷ trọng thấp nhất đạt 3,4% tăng 0,6% so với giai đoạn 1981-1985, mặt hàng nông lâm sản chiếm tỷ trọng 51%, tăng 26% so với giai đoạn 1981-1985, hàng thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ từ chiếm 46% giảm 26% so với giai đoạn 1981-1985 (Phụ lục 4). Một số mặt hàng quan trọng Việt Nam xuất sang Liên Xô thời kỳ này bao gồm cao su đạt 170 nghìn tấn, chè đạt 30 nghìn tấn, cà phê đạt 30 nghìn tấn, thiếc 2.000 tấn (Phụ lục 2). Những mặt hàng của Việt Nam với giá thành rẻ, là những mặt hàng đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của Liên Xô.

- Nhập khẩu:

Theo các hiệp định đã ký kết, nhập khẩu từ Liên Xô thời kỳ 1986-1990 là khoảng 6,6 tỷ rúp (không kể thiết bị toàn bộ và dầu khí), trong đó trao đổi hàng hoá là 5,7 tỷ rúp, các chương trình hợp tác là 900 triệu rúp. Trong 5 năm, Liên Xô thực hiện khoảng 6,2 tỷ rúp, đạt 94% các Hiệp định đã ký, trong đó trao đổi hàng hoá đạt 5,6 tỷ rúp và các chương trình đạt 600 triệu rúp [181, tr.192].

Trong cơ cấu hàng hóa Liên Xô cung cấp cho Việt Nam chủ yếu là nguyên nhiên vật liệu đạt 4.600 triệu rúp, chiếm 87% tổng cơ cấu (tăng 12% so với giai đoạn 1981-1985), thiết bị máy móc lẻ đạt 625 triệu rúp chiếm 12% tổng cơ cấu (giảm 1% so với giai đoạn 1981-1985), hàng tiêu dùng đạt 53 triệu rúp chỉ chiếm 1% tổng cơ cấu (giảm 11% so với giai đoạn 1981-1985) (Phụ lục 5). Những mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Liên Xô là sắt thép gang đạt 2200 nghìn tấn (tăng gấp 2 so với giai đoạn 1981-1985); thiết bị toàn bộ đạt 1600 triệu rúp (tăng 700 triệu rúp so với giai đoạn

1981-1985); bông xơ đạt 300 nghìn tấn (tăng 102 nghìn tấn so với giai đoạn 1981-1985); phân bón quy đạm đạt 1.400 nghìn tấn; sản phẩm dầu mỏ đạt 13.300 nghìn tấn (Phụ lục 3). Con số trên chiếm 80-85% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ khu vực các nước XHCN và trên dưới 50% nhập khẩu từ tất cả các nước. Hàng hóa nhập khẩu từ Liên Xô đã đáp ứng phần lớn nhu cầu của Việt Nam về một số mặt hàng chính của nền kinh tế như: 100% nhu cầu về sản phẩm dầu mỏ, bông xơ, gang, 95% ô tô, 70-80% thép dẹt, phân bón, kim loại màu v.v... Những nhu cầu này tăng từ 1,5-2 lần qua mỗi kế hoạch 5 năm (Phụ lục 3).

Qua số liệu trên, có thể thấy, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam - Liên Xô giai đoạn 1986-1990 đạt khoảng 2.200 triệu rúp, chiếm 45,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, còn kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Liên Xô đạt 6.500 triệu rúp, chiếm 62% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam (Phụ lục 1). Song xuất khẩu của Việt Nam sang Liên Xô chỉ chiếm 0,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Liên Xô [169, tr.1]. Như vậy, kim ngạch xuất nhập khẩu với Liên Xô luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Thông qua *Hiệp định thương mại dài hạn*, ngày 23-01-1986, quan hệ trao đổi hàng hóa thương mại giữa hai nước giai đoạn 1986-1990 có kết quả vượt trội so với năm năm trước đó. Dựa trên kết quả thực hiện Nghị định thư năm 1990, tổng trị giá xuất nhập khẩu thời kỳ này đều tăng qua các năm (phụ lục 11). Số liệu nhập khẩu này bao gồm cả phần giao hàng của Liên Xô cho các chương trình hợp tác có mục tiêu khoảng 600 triệu rúp, không tính phần nhập khẩu cho các công trình thiết bị toàn bộ. Tương quan giữa xuất nhập khẩu trong trao đổi hàng hóa, chênh lệch cán cân thanh toán giảm dần theo hướng rút ngắn khoảng cách xuất nhập khẩu giữa hai nước.

** Hợp tác lao động*

Theo Thông báo số 71-TB ngày 09-11-1979, Về quyết định của Thủ tướng Chính phủ việc cử người đi lao động sản xuất ở các nước XHCN kết

hợp với việc bồi dưỡng nâng cao tay nghề, đặc biệt là hợp tác lao động với Liên Xô, Liên Xô thực sự có yêu cầu rất lớn về lao động và đặt vấn đề với Việt Nam từ cuối những năm 1970, nhưng mãi tới đầu những năm 80 Việt Nam mới triển khai. Trong 5 năm 1986-1990, Việt Nam đưa sang khoảng 10 vạn lao động. Số lao động này nói chung làm việc có năng suất, góp phần giải quyết khó khăn của Liên Xô về nguồn lao động, được đào tạo tay nghề nhất định, bản thân lao động và gia đình có thêm thu nhập. Qua sự hợp tác, Nhà nước Việt Nam có thêm khoảng 50 triệu rúp mậu dịch, tương ứng với trên 30 triệu rúp chuyển nhượng [184, tr.360].

Như vậy, trong bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước, cùng với những biến đổi sâu sắc và to lớn của tình hình thế giới và trong nước, quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô trên lĩnh vực kinh tế - thương mại vẫn không ngừng phát triển cả về quy mô và nội dung rất phong phú. Khối lượng vật chất và các công trình Liên Xô hợp tác, giúp đỡ Việt Nam thời kỳ 1986-1990 tăng gấp đôi so với kế hoạch 5 năm trong thời kỳ trước 1981-1985. Nhờ đó, trong những năm đầu tiên của thời kỳ đổi mới đất nước, Việt Nam đã xây dựng, phục hồi và cải tạo, khai thác trên 300 công trình thuộc các ngành kinh tế khác nhau. Sự hợp tác và giúp đỡ của Liên Xô có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần giúp Việt Nam vượt qua những khó khăn to lớn, phức tạp, từng bước thực hiện những nhiệm vụ đặt ra.

Không chỉ ủng hộ, giúp đỡ và hợp tác toàn diện trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, Liên Xô cũng dành cho Việt Nam sự giúp đỡ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội và giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật.

3.2.3. Về giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật

*** Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo**

Thực hiện chủ trương của Đảng trong Đại hội VI (12-1986), Đại hội VII (06-1991) và các Nghị quyết Trung ương về đổi mới đường lối đối ngoại trong đó có quan hệ hợp tác với Liên Xô.

Cụ thể hoá chủ trương của Đảng trong phát triển quan hệ với Liên Xô trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, Chính phủ, Bộ Giáo dục đã ký văn bản hợp tác với Liên Xô như: Ngày 10-03-1986, *Chương trình hợp tác giai đoạn 1986-1990* giữa Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học giáo dục Liên Xô...

Trong những năm đầu tiên của công cuộc đổi mới, khi Việt Nam và Liên Xô thực hiện đổi mới và cải tổ đất nước, sự hợp tác và giúp đỡ của Liên Xô trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo ngày càng được củng cố và thúc đẩy, có sự chuyển biến, từ việc mở rộng hình thức và quy mô hợp tác đến việc đi sâu vào nội dung và nâng cao tính hiệu quả, chất lượng của quá trình hợp tác. Sau hơn 30 năm hợp tác toàn diện, từ năm 1950 đến năm 1988, theo tổng hợp của Bộ Đại học - THCN và Dạy nghề, Việt Nam đã cử sang Liên Xô đào tạo và bồi dưỡng với số lượng như sau: sinh viên đại học (20.662), thực tập sinh (4.679), nghiên cứu sinh (3.148) (phụ lục 10). Số lượng nghiên cứu sinh, thực tập sinh và sinh viên đại học của Việt Nam được Liên Xô đào tạo là rất lớn, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số được gửi đi đào tạo ở các nước XHCN trong thời kỳ đất nước có chiến tranh và giai đoạn xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước và bước đầu công cuộc đổi mới. Đặc biệt, do nhu cầu cần nguồn nhân lực được đào tạo để xây dựng đất nước, trong thập niên 80, số lượng lưu học sinh Việt Nam được cử đi đào tạo ở Liên Xô không ngừng tăng lên. Nếu như năm 1981, số lưu học sinh người Việt tại Liên Xô là 1.022 người, năm 1986 là 1.026, thì đến năm 1987, con số này đã tăng lên 1.550 người [123, tr.89-90]. Số lưu học sinh nói trên được đào tạo ở nhiều cấp học khác

nhau như: sơ cấp, trung cấp, đại học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, giảng dạy, thực tập sinh nâng cao trình độ, thực tập sinh cao cấp, thực tập sinh Mác - Lênin, thực tập sinh tiếng Nga, học sinh chuyển tiếp tiếng Nga, học sinh tốt nghiệp ở lại thực tập, làm cộng tác viên... thuộc đủ các ngành nghề cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, bao gồm các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, nông nghiệp, y dược, nghệ thuật, thể dục thể thao... [123, tr.89-90].

Ngày 19-05-1987, *Nghị định thư về sự hợp tác toàn diện giữa hai ngành đại học, THCN trong những năm 1986-1990* được ký kết giữa Bộ Đại học - THCN và Dạy nghề Việt Nam và Bộ Đại học - THCN và Dạy nghề Liên Xô. Trong đó, Liên Xô khẳng định sẽ tiếp tục giúp đỡ Việt Nam đào tạo trên 2.300 lưu học sinh, thực tập sinh và nghiên cứu sinh. Đặc biệt, hai bên còn hợp tác tổ chức hoạt động của các phân viện tiếng Nga mang tên A.X.Puskin ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tại hai phân viện này, hàng năm, Liên Xô nhận 500 cán bộ giảng dạy tiếng Nga học hàm thụ và nâng cao trình độ tiếng [177, tr.3].

Trong giai đoạn này, hai ngành giáo dục đại học và THCN của Việt Nam và Liên Xô cũng tăng cường hợp tác thực hiện chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật, góp phần thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước, giúp đỡ nhau thực hiện tốt các kế hoạch đào tạo và chương trình đào tạo, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ giảng dạy, nâng cao hiệu quả sự hợp tác, hoàn thiện các tổ chức cũng như quản lý quá trình học tập ở các trường đại học.

Về đào tạo nghề

Tính từ năm 1966 đến năm 1988, Liên Xô đã đào tạo giúp Việt Nam 16000 công nhân kỹ thuật và 700 giáo viên. Trong giai đoạn 1986-1990, Liên Xô tiếp tục đào tạo cho Việt Nam 2000 công nhân kỹ thuật và giáo viên dạy nghề. Số học sinh này đã được đào tạo tại hơn 50 năm trường dạy nghề và

trường sư phạm kỹ thuật công nghiệp ở hầu khắp Liên Xô với khoảng 70 ngành nghề khác nhau [123, tr.90-91]. Từ năm 1974 đến năm 1988, Liên Xô đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho gần 700 cán bộ lãnh đạo cơ quan dạy nghề ở trung ương và địa phương, cán bộ lãnh đạo và giáo viên của các trường dạy nghề của Việt Nam.

Các cán bộ Việt Nam được cử đi đào tạo cơ bản, nghiên cứu lý luận cơ bản về quản lý ngành nghề, tâm lý, giáo dục, quản lý quá trình đào tạo, công tác nhà trường..., có thêm nhận thức và thực hiện chính sách nhà nước về dạy nghề một cách khoa học, thống nhất. Khi trở về nước công tác, họ đều phát huy tốt năng lực của mình trong lao động sản xuất và nghiên cứu khoa học. Ở hầu hết các ngành, các trường đại học, các viện nghiên cứu, cơ sở sản xuất, xí nghiệp, công trường, nông trường và đặc biệt là các công trình lớn do Liên Xô viện trợ (công trình khai thác dầu khí ở Vũng Tàu, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, công trình thủy điện sông Đà, Trị An) đều có cán bộ điều hành quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật đã tốt nghiệp ở Liên Xô, giữ vị trí và vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước; trong đó, nhiều người đã trở thành cán bộ cao cấp, trung cấp của Đảng và Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, cán bộ đầu ngành, cán bộ chủ chốt trong các ngành kinh tế, sản xuất và kinh doanh.

Đặc biệt, để tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật đào tạo của ngành dạy nghề ở Việt Nam, trong nhiều năm, Liên Xô đã giúp đỡ Việt Nam xây dựng mới và trang bị lại nhiều trường dạy nghề, trường sư phạm đào tạo giáo viên dạy nghề. Tính đến năm 1988, Liên Xô đã giúp Việt Nam xây dựng mới 5 trường dạy nghề thuộc các ngành nông nghiệp, xây dựng, mỏ và cơ khí; 1 trường sư phạm kỹ thuật cơ giới hóa nông nghiệp; trang bị lại 3 trường sư phạm kỹ thuật và 4 trường dạy nghề khác. Trong giai đoạn 1986-1990, Liên Xô đã giúp xây dựng và trang bị lại gần 10 trường dạy nghề khác nữa [123, tr.93]. Song song với việc giúp đỡ về kỹ thuật, bước sang giai đoạn hợp tác mới, Liên Xô đã cử nhiều chuyên gia sang Việt Nam để lắp đặt thiết bị, giảng

dạy, trao đổi kinh nghiệm về phương pháp đào tạo, quản lý nhà trường... nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề của Việt Nam, đồng thời đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện theo chiều sâu, phát huy tối đa hiệu quả quá trình trao đổi và hợp tác của cả hai bên.

Nhìn chung, trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, Liên Xô đã luôn dành cho Việt Nam sự giúp đỡ nhiệt tình và to lớn. Trong giai đoạn này, sự hợp tác giữa hai nước về giáo dục - đào tạo được củng cố, phát triển mạnh mẽ hơn và mở rộng về hình thức, nâng cao về nội dung để nâng cao chất lượng và tính hiệu quả.

** Trong lĩnh vực văn hoá*

Cùng với việc tăng cường hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, Việt Nam - Liên Xô cũng không ngừng đẩy mạnh quá trình giao lưu và hợp tác về văn hóa.

Bước vào công cuộc đổi mới đất nước, ĐCS Việt Nam khẳng định đường lối tiếp tục củng cố và tăng cường tình hữu nghị, sự hợp tác toàn diện với Liên Xô trên mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa - xã hội. Phía Liên Xô tiếp tục dành cho Việt Nam sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn nhằm thắt chặt hơn nữa sự đoàn kết giữa hai dân tộc. Trên cơ sở đổi mới tư duy và cơ chế hợp tác, hợp tác văn hóa giữa hai nước đã đi vào chiều sâu, vừa mở rộng vừa bền chặt với hiệu quả ngày càng cao và có lợi cho cả hai bên. Hai nước thỏa thuận thành lập Ủy ban liên Chính phủ Việt - Xô về hợp tác văn hóa, tăng cường trao đổi giữa các Hội sáng tác giữa hai bên.

- Đào tạo cán bộ văn hóa - nghệ thuật

Với sự giúp đỡ của Liên Xô, phạm vi đào tạo mở rộng hơn với đầy đủ mọi ngành nghề, bộ môn như sân khấu, âm nhạc, điện ảnh, múa, bảo tàng, thư viện, văn hóa quần chúng, in, xuất bản, phát hành sách. Ngoài hình thức đào tạo chính quy dài hạn, hàng năm, Liên Xô còn giúp đỡ Việt Nam đào tạo các lớp nghiệp vụ ngắn hạn từ một đến hai tháng cho các đối tượng là giám đốc các sở văn hóa, hiệu trưởng các trường văn hóa - nghệ thuật, giám đốc các

nhà hát cùng các lớp nghiệp vụ về in, xuất bản, thư viện, bảo tàng, triển lãm, nhà văn hóa... Đồng thời, Liên Xô cũng cử nhiều chuyên gia giỏi sang Việt Nam để giúp đỡ đào tạo cán bộ.

- Xây dựng công trình văn hóa

Các công trình Liên Xô giúp đỡ Việt Nam xây dựng như Cung văn hóa hữu nghị Việt - Xô tiếp tục hoạt động đóng vai trò, ý nghĩa quan trọng trong sinh hoạt văn hóa tinh thần ở thủ đô. Tượng đài Lenin và các trạm vệ tinh mặt đất Hoa Sen hoạt động đều đặn hàng ngày đem đến cho nhân dân Việt Nam những thông tin thời sự, văn hóa - nghệ thuật bổ ích. Ngoài ra, Liên Xô còn lên kế hoạch giúp đỡ Việt Nam mở rộng Nhà máy in Trần Phú ở Thành phố Hồ Chí Minh - một trong hai cơ sở lớn nhất của ngành công nghiệp in và tiến hành khởi công xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh. Liên Xô thông báo kế hoạch viện trợ nâng cao công suất Nhà máy in Trần Phú (của Bộ Thông tin) thêm 6 tỷ trang, cung cấp thêm thiết bị, đặc biệt là máy sắp chữ băng phim, một số vật liệu sắt, thép và xi măng...) và gửi ngay 700 tấn giấy trong năm 1988, để in các sách, tài liệu của Việt Nam và gia công của Liên Xô [31, tr.25].

Trong giai đoạn hợp tác mới, Liên Xô đã đẩy mạnh việc cung cấp và viện trợ cho Việt Nam những phương tiện vật tư chuyên dùng cần thiết trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật như hệ thống thiết bị ánh sáng cho Nhà hát nhạc - vũ - kịch, trang phục biểu diễn, đạo cụ biểu diễn cho diễn viên và dàn nhạc của đoàn xiếc Hà Nội, các thiết bị thư viện cùng nhiều nhạc cụ điện tử khác. Những sự giúp đỡ quý báu đó của Liên Xô đã góp phần nâng cao chất lượng các buổi biểu diễn nghệ thuật trong nước.

- Hợp tác xuất bản

Trên lĩnh vực này, sự hợp tác giữa hai nước ngày càng được đẩy mạnh. Tạp chí “*Liên Xô ngày nay*” phát hành tại Việt Nam được 25 năm (từ năm 1962 đến năm 1987), được người đọc Việt Nam yêu thích và đánh giá tốt vì đã đáp ứng lòng mong muốn tìm hiểu đất nước, con người Xô viết, đường lối

chủ trương của ĐCS Liên Xô, về những thành tựu đối nội và đối ngoại của Liên Xô, về những biểu hiện của tình hữu nghị Việt - Xô, về sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Liên Xô đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Liên Xô luôn là nước đứng đầu thế giới về việc xuất bản các tác phẩm văn học Việt Nam. Chỉ trong 5 năm (1983-1988), Liên Xô đã xuất bản các tác phẩm của hơn 50 tác giả Việt Nam với tổng số 6 triệu bản bằng tiếng Nga cùng các thứ tiếng dân tộc khác ở Liên Xô [195, tr.433]. Đặc biệt, những tác phẩm của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước hai bên, các văn kiện của hai Đảng luôn được dịch, xuất bản và phát hành rộng rãi ở cả Việt Nam và Liên Xô.

** Trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật*

Thực hiện chủ trương Đại hội VI (12-1986) của Đảng về đổi mới đất nước, trong đó “phải làm cho khoa học, kỹ thuật thực sự trở thành một động lực to lớn đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước” [63, tr.757]. Đối với hợp tác nước ngoài, trong đó có Liên Xô cần “mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học - kỹ thuật” [63, tr.760].

Trên cơ sở Hiệp định về sự hợp tác khoa học - kỹ thuật của các nước thành viên SEV được ký ngày 15-01-1981, hợp tác về khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên Xô được đẩy lên một bước mới. Theo tinh thần của Hiệp định, Liên Xô đã giúp đỡ trang bị cho một số cơ quan nghiên cứu chuyên ngành của Việt Nam như: Viện khoa học kỹ thuật Bưu điện, Viện khoa học kỹ thuật Nông nghiệp, Viện Hoá học công nghiệp, Viện Nghiên cứu Hải sản, Viện khoa học kỹ thuật Than, Viện Luyện kim màu, Viện công cụ cơ giới hoá nông nghiệp,... Từ những hình thức đơn giản như trao đổi chuyên gia, hợp tác khoa học kỹ thuật giữa hai nước, đã phát triển hình thức hợp tác hiệu quả hơn như ký kết những hợp đồng thực hiện những đề tài dài hạn nhằm đưa lại kết quả thiết thực phục vụ thực hiện 3 chương trình kinh tế do Đại hội VI của ĐCS Việt Nam đề ra. Các hợp đồng này được ký kết trên cơ sở sử dụng quỹ viện trợ không hoàn lại của Liên Xô

dành cho Việt Nam. Số tiền viện trợ không hoàn lại trong 5 năm 1986-1990 là 13 triệu rúp [183, tr.34].

Trong ngành nông nghiệp, số đề tài hợp tác khoa học của Liên Xô với Việt Nam trong những năm 1986-1990 là 32, tiếp tục phát triển trên các lĩnh vực mà giai đoạn 1981-1985 đã thực hiện như thức ăn gia súc, nông hóa thổ nhưỡng, quỹ gien cây trồng, quy hoạch đất, bảo vệ thực vật, cơ giới hóa việc trồng lúa, rau, quả, bông chè và chế biến thực phẩm. Đáng chú ý là hai đề tài quỹ gien cây trồng và dâu tằm, hai bên đã ký hiệp định xây dựng các trạm nghiên cứu hỗn hợp. Điển hình là Trung tâm hỗn hợp Việt - Xô nghiên cứu dâu tằm ở Bảo Lộc, Phòng thí nghiệm hỗn hợp Việt - Xô nghiên cứu bảo và khí tượng nhiệt đới, Trung tâm hỗn hợp Việt - Xô về nhập nội, chọn giống cây trồng nông nghiệp tại Văn Điển... Những cơ quan nghiên cứu hỗn hợp này hoạt động trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi và cùng đầu tư, tuy nhiên phần đầu tư chủ yếu về trang thiết bị vẫn là của Liên Xô. Kết quả nghiên cứu của các cơ quan hỗn hợp được nhanh chóng áp dụng vào thực tế và có triển vọng chuyển sang hợp tác kinh tế.

Để phục vụ cho đổi mới về kinh tế, Liên Xô đã giúp Việt Nam đào tạo nhiều cán bộ kỹ thuật, chuyên gia kỹ thuật và công nhân lành nghề. Tính đến năm 1988, Liên Xô đã đào tạo cho Việt Nam trên 60.000 chuyên gia thuộc các ngành kinh tế, trong đó có 20.000 người có trình độ đại học, trên 20.000 người có trình độ tiến sĩ và phó tiến sĩ, 138.000 công nhân lành nghề. Riêng Bộ Cơ khí - luyện kim, chỉ trong vòng 4 năm (1985-1988) đã có 1.426 người đi hợp tác lao động và nâng cao tay nghề ở Liên Xô [123, tr.54].

Năm 1987, chuyến thăm Liên Xô của TBT Nguyễn Văn Linh đã đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong việc tiếp tục tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện trong lĩnh vực hợp tác, trao đổi khoa học - kỹ thuật của Việt Nam và Liên Xô. Hai bên đã nhất trí chuyển từ quan hệ giúp đỡ thương mại là chủ yếu sang quan hệ phân công hợp tác sản xuất trực tiếp ở cả

ba cấp: Giữa nhà nước - nhà nước, giữa ngành - ngành và giữa các cơ sở sản xuất với nhau. Để thực hiện những đổi mới quan trọng trong quan hệ hợp tác, hai bên đến thống nhất sự cần thiết nâng cao hiệu quả hợp tác Xô - Việt theo hướng liên doanh, liên kết XHCN, thực hiện chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, thực hiện tốt việc trao đổi và chuyển giao công nghệ tiên tiến, áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất và quản lý kinh tế.

Việt Nam và Liên Xô thỏa thuận tăng cường hợp tác đẩy nhanh những công trình đã ký kết trước đây như sản xuất phụ tùng động lực 6000 tấn/năm, mở rộng Nhà máy công cụ số 1. Đây chính là cơ sở chế tạo máy đầu tiên ở Việt Nam có thể sản xuất được các chi tiết cơ khí nặng trong toàn quốc như tuabin thủy cỡ 5.000-10.000 kilôát, máy ép mía với công suất 7.000 tấn/ngày, các chi tiết của thiết bị mỏ, luyện kim, hóa chất nặng đến 25 tấn...[183, tr.6].

Sự hợp tác, giúp đỡ giữa Liên Xô và Việt Nam được thúc đẩy mạnh mẽ tạo nên bước chuyển biến lớn về chất và hiệu quả của sự hợp tác trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, nâng cao tiềm lực khoa học kỹ thuật cho Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho khoa học kỹ thuật Việt Nam phát triển nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong điều kiện cải tổ và đổi mới ở hai nước, mối quan hệ hợp tác khoa học kỹ thuật tiếp tục được tăng cường nhằm phát huy thế mạnh của hai nước trên nguyên tắc có hiệu quả và hai bên cùng có lợi.

3.2.4. Về quân sự - quốc phòng

Vào giữa thập niên 80 (thế kỷ XX), khi tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến nhanh và phức tạp, Việt Nam và Liên Xô đều thực hiện đổi mới, cải tổ để khắc phục tình trạng khủng hoảng và bắt kịp với xu hướng của thế giới. Thực hiện chủ trương của Đảng trong quan hệ với Liên Xô ở Đại hội VI (12-1986) và Đại hội VII (06-1991) của Đảng “trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô” [67, tr.118].

Trong những năm 1986-1988, quan hệ hợp tác quân sự - quốc phòng Việt Nam - Liên Xô về cơ bản vẫn ổn định, có những mặt phát triển. Hàng

năm, lãnh đạo Bộ Quốc phòng, các cơ quan đơn vị... hai nước tổ chức hàng chục chuyến thăm, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác khoa học kỹ thuật và công nghệ quốc phòng. Cuối tháng 10-1988, Bộ Quốc phòng phối hợp với Đại sứ quán, Đoàn Cố vấn quân sự Liên Xô tại Việt Nam tổ chức Hội nghị Tổng kết 10 năm quan hệ quân sự quốc phòng Việt Nam - Liên Xô (1978-1988). Hội nghị chỉ rõ: “Thực hiện Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác giữa hai nước nói chung và hai quân đội nói riêng, trong 10 năm qua đã có bước phát triển mới về chất rất to lớn, nhiều mặt và hiệu quả cao. Liên Xô đã viện trợ quân sự cho Việt Nam trị giá 5.999,332 triệu rúp [165, tờ 9]. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm cho Quân đội Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc.

Đối với lĩnh vực công nghiệp quốc phòng và bảo đảm kỹ thuật, trong 10 năm, giá trị viện trợ là 615,884 triệu rúp, chiếm 10,2% tổng viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam [165, tờ 9]. Nét nổi bật trong thời kỳ này là Liên Xô tích cực giúp Việt Nam phát triển nền công nghiệp quốc phòng. Ngoài việc viện trợ vũ khí, trang bị; xây dựng cải tạo, mở rộng hệ thống đảm bảo kỹ thuật, Liên Xô còn bổ sung thiết bị, đầu tư chiều sâu để Việt Nam có thể tự sửa chữa lớn, sản xuất tại chỗ một số loại vũ khí bộ binh và phụ tùng thay thế. Theo đó, hầu hết các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng vừa và nhỏ đều được Liên Xô nâng cấp lên quy mô vừa và lớn... Xây dựng 4 công trình mới: Nhà máy sản xuất đạn con 7,62mm, công suất 85 triệu viên/năm, khởi công xây dựng năm 1985 và bắt đầu chế thử vào năm 1987; Nhà máy sản xuất súng bộ binh, công suất 30.000 khẩu tiểu liên AK/năm, 3.500 khẩu trung liên RPK/năm, 2000 khẩu đại liên PRMS/năm; Nhà máy sửa chữa xe máy công binh, công suất 250 - 300 chiếc/năm; Trung tâm in sách báo cho quân đội, công suất 2,5-3 tỉ trang in/năm [182, tr.61]. Liên Xô giúp Việt Nam xây dựng 59 công trình quân sự. Đến cuối năm 1988, đã hoàn thành 40 công trình, 19

công trình còn lại sẽ hoàn thành trong năm 1989 và năm 1990 [165, tờ 121]. Đây là bước phát triển mới trong hợp tác quốc phòng hai nước, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp quốc phòng Việt Nam.

Từ năm 1986, trước những khó khăn về kinh tế, lực lượng và phương tiện Hải quân Liên Xô tại căn cứ quân sự Cam Ranh dần giảm bớt. Đến năm 1987, quân số ở Cam Ranh là 4.000 người và đến cuối năm 1988, quân số chỉ còn 1.200 đến 1300 người [166, tờ 5]. Mặc dù sự hiện diện của Hải quân Liên Xô ở Cam Ranh có giảm, nhưng hai bên vẫn thực hiện đầy đủ các hiệp định đã ký.

Về huấn luyện, đào tạo cán bộ, để nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ và nâng cao trình độ tác chiến cho bộ đội, Liên Xô đã xây dựng cho Việt Nam nhiều cơ sở huấn luyện như: Trường sĩ quan không quân, Hải quân; bổ sung thiết bị và mở rộng Học viện quân sự Cao cấp, Học viện quân sự Đà Lạt, Trường sĩ quan Lục quân 1; xây dựng và cung cấp thiết bị cho 3 trung tâm huấn luyện tổng hợp ở Cẩm Sơn, Mây Tào, Hoà Thạch... Trong 5 năm 1984-1988, có 2557 cán bộ, chiến sĩ Việt Nam sang đào tạo ở 55 trường của Bộ Quốc phòng Liên Xô [165, tờ 10]. Nhìn chung, những cán bộ quân sự được đào tạo tại Liên Xô, cũng như được cố vấn và chuyên gia quân sự Liên Xô tập huấn, huấn luyện tại Việt Nam đều phát huy tốt.

Về cố vấn và chuyên gia quân sự, trên cơ sở Hiệp định về việc Liên Xô cử cố vấn và chuyên gia quân sự sang công tác tại Việt Nam (11-1978), đến năm 1988, ngoài hiệp định chính, hai nước còn ký 10 hiệp định bổ sung, qua 3 nhiệm kỳ Tổng cố vấn. Thực tế có 448 cố vấn cấp cao sang công tác tại Việt Nam, trong đó (40% là cố vấn tham mưu, chỉ huy; 25,6% là cố kỹ thuật; 3,4% là cố vấn chính trị; 3% là cố vấn hậu cần; 28% là cố vấn cho các nhà trường. Về chuyên gia, có 4.362 người sang Việt Nam, trung bình mỗi năm có từ 400 đến 450 người, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực huấn

luyện, khoa học kỹ thuật [165, tờ 22]. Những đóng góp, giúp đỡ về cố vấn và chuyên gia quân sự Liên Xô đối với Quân đội nhân dân Việt Nam là hết sức to lớn trên tất cả các mặt, góp phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển quân đội ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc mà Đảng và nhân dân giao phó.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, trên cơ sở Hiệp định về hợp tác xây dựng và khai thác Trung tâm nghiên cứu khoa học và thí nghiệm nhiệt đới hỗn hợp Việt Nam - Liên Xô, ký ngày 07-03-1987, năm 1988, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Xô được thành lập - Đây là tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ hợp tác quốc tế đa ngành, là nơi các nhà khoa học, chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam để trao đổi, nghiên cứu khoa học về độ bền nhiệt đới, y sinh nhiệt đới...trong đó có hoạt động bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị quân sự của Liên Xô [126, tr.57]. Ngoài ra, hai bên còn thực hiện nhiều chương trình nghiên cứu hợp tác khoa học như: Học viện Quân y Việt Nam và Học viện Quân y Kitôp Liên Xô đặt quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học giúp đào tạo cán bộ quân y cho Việt Nam [161, tờ 23].

Như vậy, hợp tác quốc phòng Việt - Xô những năm 1984-1988, về cơ bản vẫn giữ vững, có mặt phát triển hơn như hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghiệp quốc phòng. Tuy nhiên, nhiều lĩnh vực hợp tác có chiều hướng đi xuống như: Giá trị viện trợ quân sự, số lượng cố vấn và chuyên gia giảm nhiều... Đặc biệt là sự ủng hộ mạnh mẽ, quyết liệt của Liên Xô trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia Việt Nam khi bị xâm phạm đã không còn như trước. Trong sự kiện ngày 14-03-1988, khi quân đội Trung Quốc đánh chiếm một số đảo trong quần đảo Trường Sa của Việt Nam, Ban lãnh đạo Liên Xô đã không đưa ra những tuyên bố công khai lên án gay gắt, không có thái độ hoặc các hành động mạnh mẽ ủng hộ Việt Nam, do Liên Xô đang cố gắng bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc.

Vào những năm 1989-1990, khi tình hình chính trị, xã hội Liên Xô chuyển biến rất phức tạp, chính sách đối ngoại quân sự của Liên Xô có xu hướng chuyển sự chú ý tới quan hệ với các nước ngoài XHCN. Do vậy, mối quan hệ giữa Liên Xô và Việt Nam đã có nhiều thay đổi và giảm sút nhanh chóng, nhất là trong lĩnh vực quân sự quốc phòng.

Mặc dù vậy, ĐCS Việt Nam vẫn chủ trương giữ mối quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp với Liên Xô, điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp “cần đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích mỗi nước” [59, tr.294]. Trong quá trình hợp tác quốc phòng, Việt Nam giúp Liên Xô mở rộng và tăng cường ảnh hưởng ở khu vực châu Á Thái Bình Dương, kiềm chế ảnh hưởng của Mỹ và các thế lực thù địch trong khu vực. Thông qua hợp tác quân sự với Liên Xô, tiềm lực quốc phòng của Việt Nam ngày càng lớn mạnh, là một trong những nhân tố quyết định đánh bại các kẻ thù xâm lược, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và thế giới.

Tiểu kết chương 3

Trong giai đoạn từ tháng 12-1986 đến tháng 12-1991, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến phức tạp. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược mạnh mẽ, bên trong thì đẩy mạnh chương trình “chấn hưng kinh tế”, “cải tổ”, “cải cách mở cửa” hoặc “bốn hiện đại hoá”, bên ngoài thì hoà hoãn, cải thiện quan hệ song phương, vừa hợp tác vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, cùng chạy đua phát triển kinh tế. Liên Xô cũng thực hiện chuyển hướng chiến lược đối ngoại, tiến hành hòa hoãn với Mỹ, tìm cách cải thiện quan hệ với Trung Quốc, giảm cam kết với bên ngoài. Liên Xô tiến hành cải tổ đất nước, tuy nhiên, công cuộc cải tổ không đạt kết quả như dự kiến, đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng chưa từng có trong lịch sử và tan rã. Trong lúc này, Việt Nam cũng lâm vào khó khăn, kinh tế, xã hội khủng hoảng.

Trong bối cảnh đó, chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam trước sau như một là củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Liên Xô, tiếp tục coi Liên Xô là đồng minh chiến lược quan trọng nhất của Việt Nam, bởi Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới đất nước, rất cần sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô. Tuy nhiên, quan hệ hợp tác của Việt Nam và Liên Xô thời kỳ này đã khác trước, nâng cao hiệu quả hợp tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Tiếp nối thành tựu của thời kỳ trước, quan hệ Việt Nam với Liên Xô thời kỳ này trên tất cả các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, quân sự - quốc phòng tiếp tục đạt nhiều kết quả.

Mặc dù Liên Xô lâm vào khủng hoảng và tan rã vào cuối năm 1991 nhưng sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam thời kỳ này là rất lớn. Nhờ sự giúp đỡ toàn diện về mọi mặt của Liên Xô, sức mạnh, thế và lực của Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Những công trình Liên Xô giúp Việt Nam xây dựng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. Nhận xét

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

* Ưu điểm

- *Ưu điểm về chủ trương của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô*

Một là, chủ trương xuyên suốt và nhất quán của Đảng trong quan hệ với Liên Xô là củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện.

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, nước Việt Nam thống nhất, tình hình trong nước cũng như quốc tế có những biến đổi to lớn, sâu sắc và phức tạp. Hội nghị lần thứ 24 của BCH TƯ Đảng Lao động Việt Nam khoá III (09-1975) “*Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới*”, xác định: “Ra sức tăng cường đoàn kết hữu nghị, tăng cường hợp tác kinh tế với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác” [53, tr.363]. Trong điều kiện lịch sử mới, Đảng vẫn tiếp tục khẳng định tư tưởng nhất quán trong đoàn kết và hợp tác với các nước XHCN anh em, trong đó trụ cột là Liên Xô.

Trên cơ sở đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, chủ trương trong quan hệ với Liên Xô luôn là củng cố và thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện với Liên Xô nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ tối đa của Liên Xô trên tất cả các lĩnh vực giúp Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) nhấn mạnh: “Ra sức tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa” [54, tr.586]. Đặc biệt, Liên Xô luôn là mối quan hệ cơ bản, chiếm vị trí ưu tiên hàng đầu trong tất cả các mối quan hệ đối ngoại đang ngày càng đa dạng và mở rộng của Việt Nam. Các Hội nghị

Trung ương của Đại hội IV đều nhất quán và khẳng định chủ trương hợp tác hữu nghị, toàn diện với Liên Xô như: mở rộng hợp tác toàn diện với Liên Xô trên tất cả các mặt được khẳng định ở Nghị quyết của BCT số 23-NQ/TW ngày 19-01-1980 “mở rộng hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong SEV, cả về chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, coi đó là một chỗ dựa cực kỳ quan trọng” [56, tr.16]; trong Kết luận của BCT tại Hội nghị lần thứ 10 của Đảng (02-11-1981) cũng khẳng định: “Cũng như 5 năm qua, từ nay về sau, hợp tác toàn diện trước hết với Liên Xô là vấn đề nguyên tắc” [57, tr.424]. Liên Xô có vai trò, vị trí quan trọng đối với công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam, hợp tác hữu nghị toàn diện với Liên Xô là “nguyên tắc”, “chiến lược” trong đường lối đối ngoại của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (03-1982) đặc biệt chú trọng đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô, coi đó là “hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam” [58, tr.144]. Đảng khẳng định việc gắn bó và hợp tác toàn diện với Liên Xô là một đảm bảo cho thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng CNXH, Liên Xô là bạn đồng minh quan trọng nhất của Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986), phù hợp với tinh thần đổi mới ở Việt Nam và công cuộc cải tổ đang diễn ra ở Liên Xô, Đảng tiếp tục khẳng định: “tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước” [63, tr.782]. Liên Xô luôn là đối tác quan trọng của Việt Nam, việc duy trì, củng cố và thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô trên mọi lĩnh vực là một chủ trương lớn của Đảng. Trong giai đoạn đang có những biến động to lớn trong các mối quan hệ quốc tế, Nghị quyết 13 của BCT khoá VI (05-1988) trên cơ sở phân tích rõ vai trò, vị trí chiến lược của Liên Xô, từ đó Nghị quyết khẳng định “tiếp tục coi Liên Xô là đồng minh chiến lược quan trọng nhất. Quan hệ đoàn kết hợp tác toàn diện với Liên Xô có ý nghĩa vô

cùng to lớn đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [51, tr.3]. Trong chủ trương hợp tác với Liên Xô, Đảng đã nhận thức được cần nhanh chóng đổi mới quan hệ hợp tác “nâng cao hiệu quả của sự hợp tác trên cơ sở cùng có lợi, cùng có trách nhiệm”. Đây là bước tiến rất quan trọng trong đổi mới tư duy của Đảng đối với đồng minh chiến lược Liên Xô.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (06-1991) khi bàn về quan hệ với Liên Xô, đều khẳng định quan điểm: “Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước” [67, tr.118]. Tuy nhiên, trong điều kiện mới, một mặt Đảng vẫn tiếp tục khẳng định quan hệ hợp tác hữu nghị với Liên Xô, mặt khác đề ra đường lối đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. Sau ngày 30-12-1991, Liên Xô tan rã, chấm dứt chặng đường dài quan hệ Việt - Xô nhưng đồng thời cũng mở ra chặng đường mới cho quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga sau này.

Như vậy, có thể khẳng định, chủ trương củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện với Liên Xô là nhất quán, trước sau như một, không thay đổi của Đảng trong suốt giai đoạn 1975-1991. Dù điều kiện khách quan thuận lợi hay không thuận lợi cho quan hệ hai nước, dù trong giai đoạn hai nước có những biến động vô cùng sâu sắc và to lớn, thì chủ trương của Đảng vẫn là củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô. Liên Xô mãi mãi trong tim của mỗi người dân Việt Nam.

Hai là, chủ trương đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô của Đảng là kịp thời và phù hợp với hoàn cảnh bị bao vây, cấm vận.

Sau năm 1975, tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc tác động trực tiếp đến mối quan hệ Việt Nam - Liên Xô. Các nước trong hệ thống XHCN, diễn biến rất phức tạp. Quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc tiếp

tục căng thẳng. Trong khi đó, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng nảy sinh những yếu tố bất đồng. Đặc biệt, năm 1978, sau khi Việt Nam tham gia vào SEV và ký *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác* với Liên Xô, thì quan hệ Việt - Trung càng xấu đi nghiêm trọng. Đỉnh điểm, ngày 17-02-1979, Trung Quốc tấn công vũ trang trên toàn tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam. Cùng với đó là chiến tranh biên giới Tây Nam với lực lượng phản động Pôn Pôt-Iêngxari ở Campuchia.

Trong khi Xô - Trung bất đồng, thì Mỹ và Trung Quốc đang có xu hướng xích lại gần nhau, do Trung Quốc tìm kiếm cơ hội phát triển quan hệ với Mỹ và Mỹ chuyển trọng tâm đối ngoại sang Trung Quốc. Vì thế, từ đầu năm 1978, quan hệ giữa ba nước lớn Mỹ - Liên Xô - Trung Quốc bắt đầu theo những hình thức đấu tranh, liên kết phức tạp, vận động, chuyển biến liên tục.

Đường lối đối ngoại cơ bản, trọng tâm được Đảng xác định trong thời kỳ này là chủ trương xây dựng và phát huy tốt các mối quan hệ truyền thống trong lịch sử dân tộc. Đảng chủ trương “tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa” [54, tr.67], trong đó, đặc biệt coi trọng củng cố và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện với Liên Xô, coi việc tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là “nguyên tắc”, là “chiến lược” của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước” [54, tr.144].

Ngày 03-11-1978, *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác* giữa Việt Nam và Liên Xô được ký kết. Đây là một sự kiện vô cùng quan trọng, là bước tiến mới trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Liên Xô. Chủ trương tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Liên Xô của Đảng nói chung và bản *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác* (03-1978) nói riêng vào thời điểm bấy giờ đã giải quyết “tình thế” những vấn đề đặt ra trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam. Ngoài Liên Xô, trong thời gian này Việt Nam cũng ký các Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với các nước XHCN Đông Âu nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước này để xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, trong hoàn cảnh đất nước mới ra khỏi chiến tranh, còn gặp muôn vàn khó khăn, bị bao vây, cô lập và cấm vận nặng nề và chịu sức ép từ hai đầu biên giới, Đảng chủ trương củng cố và thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện với Liên Xô. Chủ trương của Đảng là đúng đắn, kịp thời và đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử đất nước. Việc duy trì, củng cố và đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam - Liên Xô dựa trên cơ sở lợi ích riêng của mỗi nước trong sự kết hợp với lợi ích chung của cả hệ thống các nước XHCN, là bước đi cần thiết của Đảng trong điều kiện lịch sử đất nước lúc bấy giờ.

Ba là, chủ trương điều chỉnh quan hệ với Liên Xô của Đảng phù hợp với điều kiện, tình hình mới.

Sau thắng lợi mùa Xuân năm 1975, Việt Nam bước vào công cuộc xây dựng đất nước trong hòa bình, độc lập và luôn kiên trì đấu tranh để giữ vững nền độc lập của dân tộc. Thắng lợi của Việt Nam không tách rời sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN. Nhân dân Việt Nam luôn coi trọng giữ gìn mối quan hệ láng giềng, hữu nghị truyền thống với các nước này. Tuy nhiên, do những phức tạp trong quan hệ giữa các nước trong khối XHCN, đặc biệt từ năm 1976, do nhiều nguyên nhân lịch sử, chính trị..., quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã rạn nứt nghiêm trọng và thường xuyên xảy ra căng thẳng dẫn đến chiến tranh. Việt Nam tiếp tục phải chịu sự bao vây, cô lập và cấm vận ngặt nghèo của Mỹ và các lực lượng thù địch.

Chính trong bối cảnh lịch sử đó, để nhanh chóng phá thế bao vây, cô lập về chính trị và cấm vận về kinh tế của các thế lực thù địch, Đảng đã chủ trương củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện, mạnh mẽ với Liên Xô. Sự giúp đỡ kịp thời, cần thiết của Liên Xô đã đóng vai trò rất lớn giúp Việt Nam bảo vệ, gìn giữ nền hòa bình và đối với quá trình xây dựng, phát triển đất nước sau chiến tranh.

Việt Nam vẫn duy trì mối quan hệ bình đẳng về ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô đến trước năm 1979. Trước chủ trương chi phối toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương và những tham vọng của Trung Quốc. Việt Nam buộc phải tiến hành những biện pháp nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Một trong những biện pháp kiên quyết đó là gắn kết với Liên Xô trong mối quan hệ đoàn kết hữu nghị mang tầm chiến lược. Điều 1 của Hiệp ước khẳng định: “Tiếp tục củng cố quan hệ hữu nghị, đoàn kết không gì lay chuyển được và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần anh em; không ngừng phát triển quan hệ chính trị và hợp tác về mọi mặt, ra sức ủng hộ lẫn nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia, bình đẳng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau” [13, tr.581]. Bản *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác* được ký kết (03-11-1978) có thời hạn 25 năm, cam kết không ngừng phát triển quan hệ mọi mặt, mở rộng hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước, làm hết sức mình để củng cố hệ thống XHCN thế giới.

Tuy đặt mục tiêu củng cố, thúc đẩy và tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô, nhưng Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng bày tỏ quan điểm riêng của mình. Trước tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, Liên Xô và một số nước XHCN đã điều chỉnh chính sách đối ngoại một cách mạnh mẽ, nhằm phục vụ lợi ích chiến lược của mỗi nước. Việt Nam luôn đề cao mối quan hệ đặc biệt và sự giúp đỡ quý báu của Liên Xô; *mặt khác*, Việt Nam cũng tuyên bố khẳng định quyền độc lập tự chủ và quyết tâm giữ vững nền độc lập, tự chủ của dân tộc.

Tháng 04-1975, khi Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Liên Xô đã ngỡ ý và gây áp lực với Việt Nam để sử dụng căn cứ hải quân trước đây của Mỹ tại Vịnh Cam Ranh. Dù được Liên Xô giúp đỡ rất nhiều trong chiến tranh và đang nhận viện trợ từ Liên Xô để tái thiết đất nước, nhưng Cam Ranh lại là một vấn đề khác. Tuy nhiên, tình thế lúc đó buộc Việt Nam phải cần sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên

Xô, là đối tác gần như duy nhất của Việt Nam vào lúc này. Do vậy, để xây dựng và bảo vệ đất nước, quan điểm của Việt Nam để Liên Xô sử dụng Cam Ranh dần dần được chấp thuận.

Bước sang nửa sau những năm 1980, trong khi kinh tế thế giới đang diễn ra xu thế toàn cầu hoá và quốc tế hoá, thì nền kinh tế Liên Xô và các nước XHCN lại rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Những khó khăn kinh tế đã làm bộc lộ hàng loạt mâu thuẫn sâu sắc về chính trị - xã hội ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

Trong giai đoạn (1975-1985) ở Việt Nam, do tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn tiến nhanh lên CNXH trong một thời gian ngắn cùng với việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý cũ và những khuyết tật của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp bộc lộ ngày càng sâu sắc, đã làm cho nền kinh tế đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.

Để đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới, vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với Việt Nam là phải đổi mới mạnh mẽ cách nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy kinh tế và tư duy đối ngoại. Trong tình hình mới, đường lối đối ngoại của Đảng là phải tạo dựng được một môi trường quốc tế thuận lợi để giữ vững ổn định và xây dựng đất nước. Đảng vẫn coi quan hệ với Liên Xô là trụ cột trong chính sách đối ngoại, chủ trương “tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô” [54, tr.145].

Tuy nhiên, sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô thời kỳ này đã khác trước, nền kinh tế Liên Xô đã bộc lộ sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng. Quá trình hợp tác toàn diện đã chuyển từ cơ chế viện trợ “không hoàn lại” sang cơ chế “trao đổi, hợp tác”. Cả hai nước đều tính đến hiệu quả tối ưu trong hợp tác, không chỉ quan tâm phát triển hợp tác theo chiều rộng một cách toàn diện mà dần đi vào hợp tác theo chiều sâu, có lợi cho cả hai bên. Đối với Việt Nam, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, của Liên Xô

cũng như trong nước, từ chủ trương củng cố và đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô, coi quan hệ với Liên Xô là “hòn đá tảng” trong chính sách đối ngoại, Đảng đã xác định chủ trương “đa phương hóa, đa dạng hóa” và mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các nước; Việc “đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện” với Liên Xô luôn được đề cao và thực hiện nhất quán ngay trong chặng đường đầu tiên của đổi mới đất nước, thể hiện sự chuyển hướng kịp thời trong chính sách đối ngoại của Đảng trước những biến động của tình hình.

Có thể nói, giai đoạn 1975-1991, là một thời kỳ lịch sử đầy biến động phức tạp với những khó khăn, thử thách lớn lao về kinh tế, khủng hoảng chính trị, xã hội trầm trọng. Với sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước hai bên, quan hệ giữa Việt Nam - Liên Xô thời kỳ này tiếp tục được củng cố, mở rộng, hợp tác toàn diện và có xu hướng đi vào chiều sâu. Tuy nhiên, mỗi quan hệ đó cũng bị chi phối bởi những yếu tố bên ngoài và lợi ích của mỗi quốc gia nên cũng có những thăng trầm, biến đổi.

Trước những diễn biến phức tạp và biến động lớn của tình hình thế giới và trong nước, Đảng đã kịp thời đề ra những chủ trương điều chỉnh phù hợp, thích ứng trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định của mối quan hệ hợp tác với Liên Xô.

- Ưu điểm về chỉ đạo thực hiện của Đảng trong quan hệ Việt Nam với Liên Xô

Một là, Đảng chủ động đưa ra các giải pháp, biện pháp phù hợp, linh hoạt trong chỉ đạo thực hiện.

Trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô giai đoạn 1975-1991, quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện của Đảng về cơ bản là chủ động, linh hoạt, huy động được sự ủng hộ tối đa của Liên Xô đối với Việt Nam.

Trong lời phát biểu của các lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ Việt Nam nhân các chuyến thăm Liên Xô, các bức Điện gửi Liên Xô; các dịp tiếp

đón đoàn đại biểu của Liên Xô tới thăm Việt Nam; trong các thông cáo báo chí của Việt Nam... đều thể hiện tình cảm và lòng biết ơn chân thành của Việt Nam dành cho sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô. Ngay trong chuyến thăm Liên Xô, sau đại thắng mùa Xuân năm 1975 của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn (10-1975), nhằm bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với sự giúp đỡ của Liên Xô với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, khẳng định mối quan hệ hữu nghị và đoàn kết không gì lay chuyển nổi giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Liên Xô. Trong bức Điện mừng nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày thiết lập quan hệ (30-01-1980), Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam khẳng định: “Nhân dân Việt Nam nhận thức sâu sắc rằng mỗi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp chống Pháp, chống Mỹ cũng như trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, chống tập đoàn bành trướng và bá quyền Bắc Kinh, đều gắn liền với sự ủng hộ hết lòng, sự giúp đỡ to lớn, quý báu và khảng khái của Liên Xô” [13, tr.632]... Đây là cách thức chỉ đạo khéo léo để củng cố và tăng cường phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với Liên Xô.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, tình đoàn kết chiến đấu, sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô ngày càng được củng cố và phát triển mà đỉnh cao là Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô được ký vào ngày 03-11-1978, Hiệp ước “tạo điều kiện cho nhân dân hai nước không ngừng phát triển quan hệ chính trị và hợp tác mọi mặt” [13, tr.589]. Sau khi Hiệp ước được ký kết, quan hệ Việt Nam - Liên Xô được phát triển mạnh mẽ, toàn diện trên tất cả các mặt: Quan hệ chính trị - ngoại giao, Liên Xô là đồng minh, là đối tác chiến lược của Việt Nam, hai nước thường xuyên có các cuộc gặp gỡ, trao đổi, Liên Xô lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ Việt Nam chống chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc... Quan hệ kinh tế, thương mại phát triển mạnh mẽ, đây là đỉnh cao của sự hợp tác kinh tế toàn diện giữa hai nước, nổi bật là Liên Xô tập trung giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình

lớn ở hầu hết các ngành kinh tế, duy trì nhịp độ lưu thông hàng hoá giữa hai nước và làm xuất hiện nhiều hình thức hợp tác mới. Thực tiễn lịch sử cho thấy, trong hoàn cảnh khó khăn bị các nước phương Tây bao vây, cấm vận, quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc xấu đi, việc tăng cường hợp tác toàn diện với Liên Xô có ý nghĩa rất lớn đối với cách mạng Việt Nam. Quan hệ về giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật cũng được thúc đẩy mạnh mẽ, phong phú, đa dạng, đi vào chiều sâu và thực chất. Quan hệ về quân sự, quốc phòng, tiếp nối sự viện trợ, giúp đỡ của Liên Xô trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Liên Xô tiếp tục giúp Việt Nam xây dựng lực lượng quân đội, quốc phòng với vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, đặc biệt giúp Việt Nam chống lại chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc.

Như vậy, nhờ sự chủ động và linh hoạt của Đảng, trong chỉ đạo quan hệ với Liên Xô sau khi hai nước ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác. Việt Nam đã tranh thủ được cơ hội để tăng cường quan hệ hai nước và tận dụng cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô trong xây dựng CNXH, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và bước vào công cuộc đổi mới đất nước.

Hai là, Đảng chủ động chỉ đạo thay đổi phương thức hợp tác với Liên Xô phù hợp với điều kiện, tình hình mới.

Sau Đại hội VI (12-1986) của ĐCS Việt Nam, tình hình trong nước và thế giới có nhiều diễn biến mới gắn liền với sự hòa hoãn giữa các nước lớn và tìm kiếm cơ hội cải thiện quan hệ. Việt Nam, trong điều kiện bị Mỹ tiếp tục xiết chặt cấm vận, vấn đề biên giới phía Bắc, quần đảo Trường Sa... làm cho quan hệ Việt - Trung càng trở nên căng thẳng hơn, cản trở quá trình bình thường hóa quan hệ Việt - Trung. Việc tạo ra một môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, phá thế bị bao vây, cô lập trên trường quốc tế đối với Việt Nam trở thành một nhu cầu cấp thiết. Do vậy, Đảng chú trọng “tăng cường quan hệ hữu

ngệ và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc” [63, tr.781]. Trong đó, “yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả sự hợp tác toàn diện với Liên Xô”, coi đó là nhiệm vụ cơ bản, quan trọng, xuyên suốt.

Trong cuộc hội đàm của TBT Nguyễn Văn Linh với TBT M.X.Goochbachốp ngày 19-05-1987, TBT Nguyễn Văn Linh bày tỏ tin tưởng vào sự phát triển bền vững của tình hữu nghị Việt - Xô: “Chắc chắn rằng, với tinh thần đổi mới của Đại hội hai Đảng, sự hợp tác Việt - Xô trong thời gian tới sẽ có bước phát triển mới về chất, ngày càng mở rộng về quy mô, phong phú về hình thức và càng có hiệu quả” [122, tr.47]. Sự chuyển biến trong quan hệ Việt Nam - Liên Xô được thực hiện ở trên các lĩnh vực.

Nhờ có sự chủ động, linh hoạt của Đảng trong chỉ đạo quan hệ với Liên Xô, mặc dù, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu năm 1991 đã tác động rất lớn đến suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân Việt Nam. Đối với Việt Nam, trong nhiều năm, Liên Xô có vai trò quan trọng về các mặt chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa và quân sự. Nhưng với ý chí độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, phát huy nội lực, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp, Việt Nam đã đứng vững và tiếp tục thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất nước.

- Ưu điểm về kết quả hợp tác trên các lĩnh vực

Một là, trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Liên Xô là trụ cột trong hệ thống các nước XHCN, ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam cũng có nghĩa là giúp Liên Xô củng cố địa vị quốc tế, nâng cao uy tín và tầm ảnh hưởng trên thế giới. Khi mâu thuẫn Trung - Xô ngày càng gay gắt, quan hệ Mỹ - Trung đi vào hoà hoãn và cùng chống lại Liên Xô, việc tăng cường hợp tác với Việt Nam và các nước XHCN được xem là một

phương cách hữu hiệu cho Liên Xô. Nhận thức rõ điều đó, Việt Nam đã chủ động thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô.

Khi Việt Nam lâm vào khủng hoảng, tình hình biên giới căng thẳng ở cả phía Bắc và Tây Nam, Đảng đã nỗ lực củng cố vị thế chính trị và quân sự, quyết định ký *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô* tại Mátxcova ngày 03-11-1978 - đỉnh cao của tình đoàn kết và hợp tác toàn diện Việt - Xô. Năm 1978, 1979, khi Việt Nam có chiến tranh ở biên giới Tây Nam và phía Bắc, Liên Xô đã ủng hộ Việt Nam về cả vật chất và tinh thần, có những động thái răn đe và lên án hành động của Trung Quốc, viện trợ quân sự khẩn cấp cho Việt Nam để đối phó. Khi xảy ra “vấn đề Campuchia”, Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu đã ủng hộ Việt Nam thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với Campuchia...

Trong nửa sau thập niên 80 của thế kỷ XX, hai nước bước vào công cuộc cải tổ và đổi mới đất nước. Việt Nam và Liên Xô thường xuyên tổ chức các chuyến thăm ngoại giao, trao đổi quan điểm, hợp tác chặt chẽ trong những vấn đề về quan hệ hai nước và những vấn đề quốc tế có liên quan. Đảng tiếp tục chủ trương củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị, toàn diện với Liên Xô nhưng trên cơ sở đổi mới phương thức hợp tác, đưa quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, nâng cao tính hiệu quả.

Trong giai đoạn này, nhiều đoàn đại biểu các bộ, ngành của Việt Nam sang thăm và làm việc tại Liên Xô. Lãnh đạo cấp cao của Liên Xô cũng thường xuyên sang thăm Việt Nam... Ngoài ra, còn nhiều Đoàn đại biểu của các bộ, ban, ngành về kinh tế, quân đội, giáo dục, y tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, công đoàn, thanh niên, phụ nữ... của Liên Xô sang thăm Việt Nam.

Những chuyến thăm thể hiện sự đồng thuận, nhất trí về quan điểm, nhận thức trong nhiều vấn đề giữa hai nước, có ý nghĩa to lớn về chính trị - ngoại giao và tác dụng tích cực củng cố tình hữu nghị bền chặt giữa hai nước. Các cuộc gặp gỡ và trao đổi giữa đại diện của hai bên thể hiện sự nỗ

lực của hai Đảng, của nhân dân hai nước muốn duy trì, bồi đắp mối quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam - Liên Xô ngày càng tốt đẹp, vững bền. Những kết quả đạt được trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao chính là cơ sở, tiền đề quan trọng để Đảng không ngừng mở rộng hợp tác toàn diện với Liên Xô trên những lĩnh vực còn lại.

Trước sự khủng hoảng và tan rã của Liên Xô ngày 21-12-1991, Việt Nam chủ động tiếp tục mối quan hệ chính thức với Liên bang Nga trên cơ sở mới, khác với quan hệ của Việt Nam với Liên Xô cũ, đó là từ mối quan hệ đồng minh chiến lược chuyển sang hợp tác bình đẳng, cùng có lợi.

Hai là, trên lĩnh vực kinh tế - thương mại

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác được ký ngày 03-11-1978, đã mở ra một chặng mới trên con đường hợp tác toàn diện giữa hai nước trên lĩnh vực kinh tế - thương mại. Tính đến năm 1986, sau hơn 30 năm Việt Nam - Liên Xô chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, việc ký kết các hiệp định thương mại, trao đổi hàng hóa giữa hai bên đã tăng lên 100 lần; Liên Xô đã giúp đỡ Việt Nam hơn 200 dự án trong các ngành kinh tế quan trọng [194, tr.52].

Trao đổi hàng hoá với quy mô ngày càng mở rộng. Năm 1955 kim ngạch buôn bán hai chiều mới chỉ đạt 5 triệu rúp, đến năm 1960 đã tăng gấp 13 lần. Đến những năm 1976-1980, khối lượng trao đổi hàng hoá bằng 20 năm trước đó cộng lại. Mức chu chuyển này liên tục tăng đều đặn hàng năm và mỗi kế hoạch 5 năm: năm 1981-1985, trao đổi hàng hoá theo hiệp định thương mại đạt doanh số 5400 triệu rúp (giá 1985), 1986-1990 là 7800 triệu rúp (giá 1985) [97, tr.10].

Trong những năm đạt đỉnh cao trong quan hệ buôn bán 1986-1990, Liên Xô thường chiếm khoảng 40% xuất khẩu và 60% nhập khẩu của Việt Nam. Tính chung, từ năm 1976 cứ 5 năm kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Liên Xô lại tăng gấp đôi. Về nhập khẩu hàng hoá từ Liên Xô, nhịp độ tăng nhanh và mức độ đảm bảo cao từ Liên Xô cho nhu cầu của

Việt Nam: Với 32% thời kỳ từ 1976-1980 lên 65% thời kỳ 1986-1990. Trong 15 năm 1976-1990, qua con đường nhập khẩu, Liên Xô đã cung cấp cho Việt Nam 22 triệu tấn xăng dầu, 2,7 triệu tấn phân đạm (quy 100%), 3 triệu tấn thép, 620 ngàn tấn bông sơ. Bốn mặt hàng hoá này chiếm trên 46% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Nhìn chung, số nguyên nhiên vật liệu nhập từ Liên Xô chiếm trên 50% kim ngạch nhập khẩu hàng hoá nước ngoài vào Việt Nam [97, tr.14].

Cùng với các khoản viện trợ, Liên Xô còn lần lượt đưa đội ngũ chuyên gia giỏi sang giúp Việt Nam khôi phục, cải tạo, xây dựng trên 40 công trình lớn thuộc các ngành năng lượng, công nghiệp, cơ khí, hóa chất.... Trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, giao thông - vận tải, xây dựng... đều có các chuyên gia của Liên Xô với vai trò cố vấn kỹ thuật, tổ chức sản xuất, thi công và đào tạo cán bộ, công nhân lành nghề cho Việt Nam. Trên đất nước Việt Nam hầu như ở địa phương nào cũng có những công trình do Liên Xô giúp xây dựng. Việt Nam và Liên Xô đã liên doanh khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam của Việt Nam. Qua đó, Việt Nam tiếp cận được kiến thức chuyên môn, kỹ thuật... của một ngành công nghiệp còn mới đối với Việt Nam. Việc khai thác được những tấn dầu khí đầu tiên vào những năm 80 của thế kỷ XX có ý nghĩa to lớn đối với tình hình kinh tế - xã hội vô cùng khó khăn lúc bấy giờ. Nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô, công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu.

Trong giai đoạn 1975-1991, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Liên Xô không ngừng được tăng cường và mở rộng cả về quy mô, phạm vi và nội dung, với các hình thức ngày càng phong phú. Tăng cường quan hệ kinh tế với Liên Xô, Việt Nam không chỉ vượt qua khó khăn mà còn có điều kiện thuận lợi để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng được những tiềm lực nhất định về kinh tế và kỹ thuật, đáp ứng một phần

không nhỏ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và góp phần có ý nghĩa quyết định vào những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam giành được.

Ba là, trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - kỹ thuật

Về giáo dục - đào tạo

Theo tinh thần của các hiệp định, nghị định thư, các kế hoạch hợp tác đã được ký kết giữa hai nước, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo được triển khai trên nhiều lĩnh vực như hợp tác trong giáo dục phổ thông; hợp tác trong giáo dục đại học, THCN và dạy nghề; hợp tác trong xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo... đã đạt được những kết quả rất to lớn. Số lượng nghiên cứu sinh, thực tập sinh và học sinh đại học của Việt Nam được Liên Xô đào tạo rất lớn, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số được gửi đi đào tạo ở các nước XHCN trong thời kỳ đất nước có chiến tranh và giai đoạn đất nước xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước và bước vào công cuộc đổi mới. Đặc biệt, do nhu cầu cần nguồn nhân lực được đào tạo để xây dựng đất nước, bước sang thập niên 80, số lượng lưu học sinh Việt Nam được cử đi đào tạo ở Liên Xô không ngừng tăng lên. Nếu như vào năm 1981, số lưu học sinh người Việt tại Liên Xô là 1.022 người, năm 1986 là 1.026, thì đến năm 1987, con số này đã tăng lên 1.550 người [123, tr.89-90]. Quan hệ Việt Nam - Liên Xô về giáo dục - đào tạo giai đoạn 1975-1991 phát triển mạnh mẽ, phong phú, đa dạng, đi vào chiều sâu và thực chất. Các văn kiện hợp tác song phương thường thiết lập trên cơ sở thực hiện quan hệ hợp tác về giáo dục - đào tạo giữa Việt Nam và Liên Xô trong nhiều năm, từ 3 năm (1978-1980), 5 năm (1981-1985), (1986-1990), có tính kế hoạch hoá và chiến lược lâu dài, khác so với các giai đoạn trước đó chỉ thực hiện theo năm. Chính phủ Liên Xô ưu tiên cho công tác thực tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các nghiên cứu sinh và đội ngũ quản lý ở Việt Nam nên nghiên cứu sinh chiếm tỷ lệ lớn.

Liên Xô giúp đào tạo công dân Việt Nam gửi sang với nhiều hình thức, ngành nghề và cấp học khác nhau, góp phần lớn đào tạo đội ngũ cán bộ chất

lượng cao cho Việt Nam. Cùng với đó, Liên Xô giúp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đầu tư phát triển các trường đại học, cao đẳng, THCN cho Việt Nam gấp nhiều lần so với các giai đoạn trước, góp phần thay đổi căn bản hệ thống giáo dục Việt Nam và cải cách giáo dục từ xây dựng khung chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, mở thêm một số ngành mới phù hợp với yêu cầu thời đại. Việt Nam cũng tiếp nhận lưu học sinh Liên Xô sang thực tập tiếng Việt với số lượng không lớn.

Trong quá trình hợp tác với Liên Xô về giáo dục - đào tạo, Việt Nam đã hình thành *mô hình giáo dục Xô viết* trong nền giáo dục Việt Nam. Liên Xô đã đào tạo cho Việt Nam một đội ngũ nhân lực trình độ cao ở hầu hết các lĩnh vực. Việt Nam là nước đứng thứ hai trên thế giới về số người được đào tạo tại Liên Xô. Hai phần ba tiến sĩ và phó tiến sĩ của Việt Nam được đào tạo tại Liên Xô [200]. Giáo dục Việt Nam phỏng theo mô hình Xô viết từ con người, cơ cấu tổ chức đến phương thức vận hành và môi trường giáo dục.

Quá trình hợp tác Việt Nam - Liên Xô trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo, Liên Xô đã giúp Việt Nam xây dựng đội ngũ trí thức trong giai đoạn đất nước bước vào xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước và bắt đầu công cuộc đổi mới. Những người học tập ở Liên Xô trở về, sau này trở thành các cán bộ cấp cao, những nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành của Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quan hệ Việt Nam và Liên Xô trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo giai đoạn 1975-1991, không những được củng cố và phát triển mạnh mẽ hơn so với trước mà còn không ngừng được mở rộng về hình thức, nâng cao về nội dung, chất lượng và tính hiệu quả. Hàng chục ngàn sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh đã được tiếp nhận nền giáo dục bài bản từ mái trường của Liên Xô, trở thành lực lượng nòng cốt trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Lực lượng trí thức đó đã có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển của nền khoa học Việt Nam và là cầu nối vững chắc cho tình hữu nghị và đoàn kết giữa hai dân tộc.

Về khoa học - kỹ thuật

Quan hệ giữa hai nước trên lĩnh vực khoa học - kỹ thuật cũng được thúc đẩy mạnh mẽ. Năm 1976, Ủy ban khoa học và kỹ thuật nhà nước Liên xô và Ủy ban khoa học kỹ thuật nhà nước Việt Nam đã ký kết kế hoạch hợp tác khoa học - kỹ thuật những năm 1976-1978. Nhiều hiệp định hợp tác về khoa học - kỹ thuật giữa hai nước đã được ký kết trong thời gian này như: Hiệp định về chương trình khảo nghiệm chung máy kéo Liên Xô tại Việt Nam (1976); Hiệp định hợp tác khoa học - kỹ thuật giữa Viện Ký sinh trùng y học và Y học nhiệt đới E.I.Marxinovski Liên Xô và Viện Sốt rét ký sinh trùng và côn trùng Việt Nam ký tại Mátxcova (1977), Hiệp định về hợp tác kinh tế và kỹ thuật những năm 1981-1985...

Đặc biệt, sự giúp đỡ quý báu và kịp thời của Liên Xô cho Việt Nam về kỹ thuật để hoàn thành những công trình Trung Quốc đang thực hiện dang dở. Ngày 03-11-1978, tại Mátxcova, Liên Xô đã ký với Việt Nam hiệp định về việc viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam để tiếp tục xây dựng các công trình giao thông có ý nghĩa quan trọng với nền kinh tế mà Trung Quốc đang thi công để lại. Hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên Xô có hiệu quả, nhất là trong lĩnh vực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao tiềm lực khoa học kỹ thuật và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tính đến năm 1988, Liên Xô đã đào tạo cho Việt Nam trên 60.000 chuyên gia thuộc các ngành kinh tế, trong đó có 20.000 người có trình độ đại học, trên 20.000 người có trình độ tiến sĩ và phó tiến sĩ, 138.000 công nhân lành nghề. Riêng Bộ Cơ khí - luyện kim, chỉ trong vòng 4 năm 1985-1988 đã có 1.426 người đi hợp tác lao động và nâng cao tay nghề ở Liên Xô [123, tr.54].

Bốn là, trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa kết thúc, Campuchia Dân chủ đã gây xung đột ở biên giới Tây Nam Việt Nam, sau đó gây chiến tranh

trên toàn tuyến biên giới. Việt Nam bị tổn thất lớn về người. Sau khi Việt Nam đưa quân đội sang giúp dân tộc Campuchia thoát khỏi hoạ “diệt chủng”, hồi sinh đất nước. Thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả, trong sáng, nhưng do công tác tuyên truyền đối ngoại hạn chế nên quan hệ giữa Việt Nam và các nước căng thẳng. Các nước Đông Nam Á quay lưng với Việt Nam, các thế lực thù địch dùng “vấn đề Campuchia” để chống phá Việt Nam.

Trong bối cảnh khó khăn đó, khi chiến tranh biên giới Tây Nam vừa kết thúc ngày 31-12-1978, thì ngày 17-02-1979, Trung Quốc gây chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Bắc. Cuộc tấn công xâm lược của Trung Quốc, trong thời gian đầu đã đẩy Việt Nam vào thế “lưỡng đầu thọ địch”, trong bối cảnh Việt Nam đang trải qua những thử thách, khó khăn do Mỹ và phương Tây bao vây, cấm vận. Trong chiến tranh biên giới phía Bắc, Việt Nam đã phần nào bị bất ngờ về thời điểm và quy mô cuộc tấn công của Trung Quốc.

Trong hoàn cảnh đó, Liên Xô ủng hộ Việt Nam về chính trị, giúp đỡ về quân sự. Tại diễn đàn Liên Hợp quốc và các diễn đàn khác, Liên Xô lên án Trung Quốc xâm lược và bảo vệ Việt Nam. Liên Xô cử các đoàn cố vấn quân sự sang Việt Nam, viện trợ các khí tài hiện đại, điều lực lượng hải quân tới vịnh Bắc Bộ một cách kịp thời, có hiệu quả. Cùng với đó, tổ chức tập trận bắn đạt thật ở vùng Viễn Đông, điều lực lượng không quân từ Ucraina, Bêlarutxia đến Viễn Đông... Sự giúp đỡ của Liên Xô trong chiến tranh biên giới phía Bắc của Việt Nam năm 1979 có ý nghĩa quan trọng giúp Việt Nam bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, buộc Trung Quốc phải rút quân.

Trong giai đoạn 1975-1991, đặc biệt sau 13 năm Việt Nam - Liên Xô, ký Hiệp định hữu nghị hợp tác (1978-1991), hợp tác quân sự quốc phòng hai nước đã đạt được những kết quả to lớn, là trụ cột để thúc đẩy các mối quan hệ trên các lĩnh vực khác. Hàng năm, Liên Xô viện trợ cho Việt Nam về trang bị khí tài quân sự từ 350 đến 400 triệu rúp, cho vay không lãi hoặc lãi suất thấp 40 đến 60 triệu rúp để xây dựng các xí nghiệp, nhà máy quốc phòng, đào tạo

cho Việt Nam 450 đến 500 người (tổng số có trên 5000 cán bộ quân sự Việt Nam được đào tạo tại Liên Xô). Việt Nam để Liên Xô sử dụng căn cứ quân sự Cam Ranh, tiếp nhận hàng trăm cố vấn và hàng nghìn chuyên gia quân sự Liên Xô sang công tác tại Việt Nam... [126, tr.123].

Trong quá trình củng cố và đẩy mạnh quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện giữa Việt Nam - Liên Xô, hai nước đã đạt được những kết quả to lớn trên nhiều lĩnh vực thông qua việc ký kết các hiệp ước, hiệp định, thỏa thuận, tuyên bố giữa hai bên, tạo điều kiện để mỗi nước phát triển và tự khẳng định vị trí của mình trong khu vực và trên trường quốc tế. Những kết quả hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô trên mọi lĩnh vực kể trên là minh chứng rõ ràng những thành công trong quan hệ hai nước thời kỳ này. Sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô là nguồn động viên, khích lệ lớn lao với Việt Nam trong công cuộc dựng xây và phát triển đất nước, trong bối cảnh khó khăn và phức tạp của thời đại. TBT Lê Duẩn đã khẳng định: “Từ những ngày đầu, khi cách mạng Việt Nam còn ở thời kỳ trứng nước cho đến khi giành được những chiến thắng vinh quang, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Liên Xô, Chính phủ và nhân dân Liên Xô với tinh thần quốc tế cao cả, luôn sát cánh cùng nhân dân Việt Nam trước sau như một ủng hộ nhân dân Việt Nam với tình cảm vô tư, chân thành như anh em” [216].

** Nguyên nhân ưu điểm*

Chủ trương củng cố và thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Liên Xô được đưa ra dựa trên cơ sở kiên quyết bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc. Đồng thời, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước. Đây là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, xuất phát từ chính nguyên tắc đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết trong quan hệ với các nước.

Quá trình Đảng chỉ đạo quan hệ Việt Nam với Liên Xô được thực hiện khá linh hoạt, chủ động, kịp thời. Có sự phối hợp chặt chẽ từ chủ trương đến

quá trình thực hiện của Đảng, để tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô trong xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Với sự nỗ lực không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, sự ủng hộ chính trị, tinh thần, sự giúp đỡ to lớn, hiệu quả về vật chất và tinh thần của Liên Xô là điều kiện quan trọng để Việt Nam khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, vượt qua được thời kỳ khó khăn hậu chiến tranh, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH.

Sự nỗ lực của Đảng và nhân dân của hai nước trong quá trình thực hiện chủ trương hợp tác hữu nghị, toàn diện. Mặc dù, trong quan hệ đôi khi bị chi phối bởi lợi ích của mỗi nước, nhưng phải khẳng định rằng, mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên Xô thời kỳ này đã có sự phát triển mạnh mẽ về chất, hợp tác toàn diện và sâu sắc giữa hai bên. Đây là mối bang giao hữu nghị, tốt đẹp giữa hai nhà nước có cùng hệ tư tưởng, cùng chung chiến hào.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

**** Hạn chế***

Trong quá trình hoạch định chủ trương, chỉ đạo thực hiện quan hệ với Liên Xô, mặc dù đạt được nhiều kết quả to lớn trên nhiều lĩnh vực nhưng Đảng cũng không tránh khỏi một số sai lầm và hạn chế.

Một là, trong một số thời điểm, Đảng đã quá coi trọng quan hệ với Liên Xô trong so sánh với một số nước khác.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Việt Nam thành công trong chính sách đối ngoại “cân bằng quan hệ Xô - Trung”. Việt Nam đề ra đường lối độc lập, tự chủ nên đã tranh thủ được cả hai nước lớn XHCN giúp đỡ cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến. Năm 1975, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, Việt Nam tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại “cân bằng quan hệ Xô - Trung”. Tuy nhiên, trước những chuyển biến mới của tình hình quốc tế, từ những năm 1975, Trung Quốc đã lợi dụng tình hình căng thẳng ở biên giới Tây Nam Việt Nam, gây ra nhiều cuộc xung đột biên giới tại khu vực Cao Bằng - Lạng Sơn trong những năm 1976, 1977. Trước những diễn biến xấu

đó, Việt Nam cố gắng mở các cuộc đàm phán về vấn đề biên giới với Trung Quốc, nhưng không đạt được kết quả. Trong khi “bế tắc” trong việc duy trì mối quan hệ “bình thường” với Trung Quốc, Việt Nam đã đẩy mạnh mối quan hệ với Liên Xô và các nước như gia nhập Ngân hàng của SEV. Đến năm 1978, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức này và có đại diện thường trực tại cơ quan thường trực của SEV tại Mátxcova.

Đến năm 1978, trước những chuyển biến của tình hình thế giới. Khi “ý thức hệ bị đặt xuống hàng thứ yếu”, các quốc gia điều chỉnh chiến lược đề cao “lợi ích quốc gia”, vấn đề đặt ra cho Việt Nam là cần có điều chỉnh đường lối đối ngoại nhằm tiếp tục cân bằng quan hệ với hai nước lớn trong hệ thống XHCN. Việt Nam bị sức ép to lớn từ hai phía: tập đoàn phản động Pôn Pốt-Iêngxary tiến hành chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam và Trung Quốc có những hoạt động đe dọa tấn công quân sự ở biên giới phía Bắc. Việt Nam đã lựa chọn quan hệ với Liên Xô là quan hệ “hòn đá tảng” và nhất quán nhấn mạnh quan hệ thuỷ chung với Liên Xô là điều cần thiết, bởi Liên Xô luôn đóng vai trò to lớn, quan trọng trong hệ thống XHCN và trong cục diện thế giới. Ngày 03-11-1978, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô được ký kết, ngoài các điều khoản về quan hệ chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, Điều 6 của Hiệp ước xác định: “Trong trường hợp một trong hai bên bị tấn công hoặc bị đe dọa tấn công thì hai bên ký hiệp ước sẽ lập tức trao đổi ý kiến với nhau nhằm loại trừ mọi đe dọa đó và áp dụng những biện pháp thích đáng có hiệu lực để đảm bảo hoà bình và an ninh của hai nước” [13, tr.583] thì đã thể hiện sự mất cân bằng trong quan hệ Việt Nam với các nước lớn. Điều này đã tác động trực tiếp đến quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, đặc biệt là khi quan hệ Liên Xô - Trung Quốc đang căng thẳng. Việc Việt Nam lựa chọn nghiêng hẳn về phía Liên Xô là một trong các yếu tố thúc đẩy các hành động khiêu khích, xâm lấn biên giới ở cả phía Bắc và phía Tây Nam.

Khi Việt Nam thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả, cứu dân tộc Campuchia khỏi hoạ diệt chủng và giúp Campuchia hồi sinh đất nước, ngày 17-02-1979, Trung Quốc đã tiến công trên toàn tuyến biên giới nhằm dạy cho Việt Nam một bài học về việc nghiêng hẳn về phía Liên Xô - kẻ thù của Trung Quốc. ĐCS Việt Nam đã không giữ được thế chiến lược cân bằng trong quan hệ đối ngoại với hai nước lớn trong hệ thống XHCN giai đoạn này, đã gây ra tình trạng khó khăn cho đất nước khi cùng một lúc phải đối đầu với hai cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc.

Không chỉ có vậy, quan hệ với Mỹ cũng trong tình trạng căng thẳng, Việt Nam có thái độ dè chừng và cảnh giác với Mỹ, nên khi Mỹ có những động thái đề nghị Việt Nam bình thường hoá quan hệ, nhưng qua ba vòng đàm phán tại Pari lại không đem lại kết quả như mong đợi. Việt Nam đã không cân bằng được quan hệ với Mỹ để tạo đối trọng với các nước lớn khác trong khu vực. Vì không cân bằng quan hệ với các nước lớn, không có những ràng buộc quan hệ với các nước này, nên Việt Nam phải đương đầu trước một Trung Quốc đầy tham vọng, trước sự bao vây, cấm vận của Mỹ và các thế lực thù địch. Khó khăn vô cùng to lớn, khiến Việt Nam phải căng mình, gồng mình ra nhiều phía để chống đỡ.

Hai là, ở một số thời điểm, Đảng chưa có những giải pháp thích hợp để khắc phục một số trở ngại trong quan hệ với Liên Xô.

Liên Xô là một cường quốc trên thế giới, đối trọng với Mỹ trong trật tự thế giới hai cực và đồng thời cũng là trụ cột của hệ thống XHCN. Việt Nam là một nước nhỏ, vừa mới ra khỏi chiến tranh, gặp nhiều khó khăn sau ngày giải phóng và đang bị bao vây, cô lập về ngoại giao. Quan hệ Việt Nam và Liên Xô là quan hệ giữa hai nước cùng chung hệ thống XHCN và cũng là mối quan hệ giữa một cường quốc lớn với một nước nhỏ. Mối quan hệ này cũng bị phụ thuộc, chi phối mạnh mẽ bởi lợi ích nước lớn của chính Liên Xô. Trong một số trường hợp nhất định, Liên Xô có thái độ nước lớn với Việt Nam. Trong

khi đó, Việt Nam rất khó có thể đưa ra giải pháp để khắc phục những trở ngại này trong quan hệ giữa hai nước.

Một trong những trở ngại này là giải quyết căn cứ Cam Ranh. Ngày 02-05-1979, Việt Nam và Liên Xô ký *Hiệp định liên chính phủ* về việc cho phép tàu thuyền hải quân Liên Xô được phép ra vào, ghé đậu và máy bay Liên Xô được hạ cánh ở Cam Ranh. Cảng Cam Ranh thuộc chủ quyền của Việt Nam nhưng Việt Nam thỏa thuận để Liên Xô tạm thời sử dụng cảng Cam Ranh trong một thời gian nhất định vì lợi ích chung của cả hai nước. Sự hiện diện của Liên Xô tại đây là trường hợp “hợp tác quốc tế” đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất đối với quân cảng này.

Vịnh Cam Ranh nằm ở tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam - được đánh giá là “một trong ba cảng biển tự nhiên tốt nhất thế giới cùng với San Francisco của Mỹ và Rio de Janeiro của Brazil”. Với vị trí địa lý và ưu thế vượt trội về quân sự, cảng Cam Ranh luôn được sự quan tâm, chú ý “đặc biệt” của các cường quốc lớn, trong đó có Liên Xô. Liên Xô hiểu rất rõ vị thế của Cam Ranh. Đối với cường quốc đứng đầu hệ thống các nước XHCN như Liên Xô, đặt căn cứ tại Cam Ranh là một vị trí quan trọng để Liên Xô phát triển ảnh hưởng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đặc biệt, Cam Ranh càng trở nên quan trọng hơn khi Mỹ có căn cứ Subic - Philippines, Cam Ranh sẽ là đối trọng với Subic.

Việt Nam vừa trải qua chiến tranh, rất cần sự hỗ trợ kinh tế của Liên Xô để khôi phục và xây dựng đất nước. Tuy Việt Nam đã có hoà bình trên hai miền Nam, Bắc nhưng nguy cơ chiến tranh vẫn hiện hữu, đòi hỏi Việt Nam phải củng cố và hiện đại hoá lực lượng quân sự để có thể ứng phó và Liên Xô, có thể nói là một đối tác gần như duy nhất của Việt Nam vào thời điểm này. Chính vì vậy, dù chưa sẵn sàng nhưng Việt Nam cũng dần chấp nhận vấn đề Cam Ranh, bằng việc cho phép Liên Xô thực hiện các chuyến thăm dò, khảo

sát Cam Ranh. Bên cạnh đó, quan hệ với Trung Quốc xấu đi sau giải phóng càng làm cho Việt Nam có cơ sở để “thân hơn” với Liên Xô, mong muốn xích lại gần hơn với Liên Xô để cân bằng với “người láng giềng khổng lồ phương Bắc”. Hiệp ước năm 1978 được ký kết giữa hai nước không đề cập đến Vịnh Cam Ranh nhưng lại là tiền đề cho một nghị định thư song phương được ký kết bí mật vài tháng sau đó. Theo nghị định này, Liên Xô được phép sử dụng Cam Ranh đến năm 2004 làm căn cứ hậu cần với tên gọi đầy đủ là Điểm cung cấp vật liệu - kỹ thuật số 922 (PMTO). Tháng 03-1979, đội tàu hải quân đầu tiên của Liên Xô cập cảng Cam Ranh, chính thức đánh dấu sự hiện diện của Liên Xô tại Cam Ranh. Một điểm đáng chú ý, dù sử dụng Cam Ranh dưới danh nghĩa “thuê” nhưng Liên Xô không phải trả phí cho căn cứ. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa Việt Nam phải chịu “thiệt thòi”. Theo thống kê, Liên Xô đã tặng thêm hơn 1 tỷ đô la viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam hàng năm cho đến tận cuối những năm 1980.

Tuy nhiên, khi Liên Xô có dấu hiệu khủng hoảng kinh tế - chính trị, kéo theo nó là những thay đổi mang tính chiến lược, trong đó có Cam Ranh, thời điểm chính thức đánh dấu sự thay đổi này là tháng 03-1985, khi TBT M.X.Goobachốp lên nắm chính quyền, Cam Ranh không còn đóng vai trò chiến lược lớn nữa và trở thành một trở ngại trong việc cải thiện quan hệ với Mỹ và Trung Quốc của Liên Xô.

Như vậy, mối quan hệ của Việt Nam với Liên Xô thời kỳ này có đôi lúc bị chi phối bởi lợi ích trong “chiến lược toàn cầu” của Liên Xô. Trong nỗ lực tiến tới hòa hoãn với Mỹ và phương Tây, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, quan hệ của Việt Nam với Liên Xô không còn đậm đà như giai đoạn trước đó, sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đối với công cuộc đổi mới của Việt Nam cũng chưa được quan tâm ở mức tối đa.

Ba là, trong chỉ đạo thực hiện quan hệ hợp tác với Liên Xô, vẫn còn một số biện pháp, giải pháp chưa thật sát hợp.

- *Về hợp tác kinh tế:* Giai đoạn 1975-1991, tư tưởng ỷ lại vào viện trợ còn phổ biến. Đôi khi Việt Nam chưa nhận thức được rõ ràng quan hệ kinh tế chỉ có thể phát triển bình thường, ổn định và lâu dài trên nguyên tắc có đi có lại, cùng có lợi. Liên Xô giúp Việt Nam là rất cần thiết nhằm tạo điều kiện để Việt Nam mạnh lên và dần dần tự gánh vác được các nhiệm vụ trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, từng bước tiến tới quan hệ cân bằng giữa hai nước nhưng tuyệt nhiên không thể thay thế nội lực của bản thân Việt Nam.

Chủ trương, phạm vi và quy mô hợp tác với Liên Xô có lúc còn do dự do cách nhìn cục bộ, tính toán hiệu quả hợp tác đóng khung trong từng lĩnh vực hoặc công trình cụ thể mà chưa gắn với mối quan hệ nhiều mặt giữa hai nước. Chủ trương dựa vào Liên Xô để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH là đúng đắn, nhưng Việt Nam đã nhấn mạnh yêu cầu công nghiệp hoá nhanh, chưa phân biệt rõ và kết hợp hài hoà giữa cơ bản, lâu dài với cái trước mắt. Do đó tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác của Liên Xô còn tràn lan, chưa tập trung vào những mục tiêu chủ yếu, không tạo ra được những điều kiện cần thiết để phát huy thế mạnh còn gây thêm một số khó khăn cho nền kinh tế trong nước.

Hình thức hợp tác còn nghèo nàn, đơn điệu chưa được đổi mới. Hình thức chủ yếu trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô là bồi hoàn sản phẩm. Hình thức gia công mới chỉ áp dụng trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ, hình thức liên doanh mới áp dụng duy nhất trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí.

- *Về giáo dục - đào tạo:* Liên Xô giúp đỡ Việt Nam rất lớn về giáo dục - đào tạo. Tuy nhiên, sự nghiệp đào tạo còn chưa gắn với nhiệm vụ kinh tế, khoa học - kỹ thuật, xã hội của đất nước. Cơ cấu đào tạo thiếu đồng bộ và cân đối như: nhiều cán bộ lý thuyết, thiếu cán bộ thực hành;

nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật, ít cán bộ quản lý, nhiều cán bộ khoa học tự nhiên, rất ít cán bộ khoa học xã hội; nhiều cán bộ đại học và trên đại học, ít cán bộ trung cấp và công nhân lành nghề. Việc sử dụng cán bộ khoa học - kỹ thuật được đào tạo ở Liên Xô về còn chưa hợp lý, không đem lại hiệu quả tương ứng.

- *Về hợp tác khoa học - kỹ thuật:* Sự hợp tác về khoa học - kỹ thuật chưa được đặt ở vị trí thích đáng, diện hợp tác quá rộng, phân tán, không phù hợp với khả năng của Việt Nam về vốn và lực lượng; chưa tập trung vào các hướng Việt Nam có thể mạnh rõ rệt; chưa xác định được vị trí của mình về sự phân công lao động quốc tế trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật với Liên Xô; khoa học - kỹ thuật chưa đem lại hiệu quả tương xứng và gắn với yêu cầu kinh tế - xã hội của đất nước, với sự hợp tác kinh tế Việt - Xô. Một số ngành chưa được coi trọng đúng mức sự hợp tác khoa học - kỹ thuật với Liên Xô và các nước XHCN.

Sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam là không nhỏ, kịp thời và vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, sự giúp đỡ quý báu này đã không được Việt Nam sử dụng hiệu quả ở mức cao nhất. Kiểm điểm lại toàn bộ quá trình hợp tác trong tất cả các ngành và lĩnh vực kinh tế - xã hội, phía Việt Nam đã chưa sử dụng và phát huy tốt sự giúp đỡ của Liên Xô, chưa sử dụng hết công suất các máy móc, thiết bị, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật. Việt Nam chưa tổ chức tốt việc sửa chữa để phục hồi, tái sinh, cải tiến các thiết bị, máy móc hư hỏng; chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm của mỗi bên trong quan hệ hợp tác.

Mặc dù vậy, phải khẳng định rằng, mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên Xô thời kỳ này đã có sự phát triển mạnh mẽ về chất với những hợp tác toàn diện và sâu sắc giữa hai nước. Đây là mối quan hệ hữu nghị, bình đẳng, tốt

đẹp giữa hai nhà nước có cùng hệ tư tưởng, cùng chung chiến hào, dựa trên cơ sở lợi ích của mỗi nước nhưng cũng phù hợp với xu thế chung của thời đại.

** Nguyên nhân hạn chế*

+ *Về khách quan: trong hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực hiện của Đảng trong quan hệ Việt Nam với Liên Xô chịu nhiều tác động của các nhân tố khách quan.*

Giai đoạn 1975-1991, diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước hết sức phức tạp và đặc biệt có những chuyển biến nhanh chóng khiến Việt Nam đôi khi còn lúng túng, chưa nắm bắt kịp thời để đề ra chủ trương phù hợp. Sự phức tạp được thể hiện ở chỗ quan hệ giữa các nước lớn thay đổi nhanh chóng: khi thì hoà hoãn, khi thì là đồng minh của nhau, khi lại trở thành kẻ thù; sự khủng hoảng và sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

Quan hệ Xô - Trung, giai đoạn này tiếp tục mâu thuẫn gay gắt, Trung Quốc coi Liên Xô là “kẻ thù” của Trung Quốc. Năm 1974, tại Liên hợp quốc, Trưởng Đoàn đại biểu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Đặng Tiểu Bình tuyên bố “*Thuyết ba thế giới*” coi Liên Xô và Hoa Kỳ là thế giới thứ nhất. Sau khi Việt Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975, quan hệ Việt - Trung ngày càng căng thẳng và sau khi Việt Nam ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với Liên Xô tháng 11-1978. Trung Quốc cho rằng Việt Nam đã ngả hẳn về phía Liên Xô, tháng 02-1979, Trung Quốc phát động chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc Việt Nam và Liên Xô đã ủng hộ mạnh mẽ cho Việt Nam cả về chính trị, viện trợ quân sự để Việt Nam chống chiến tranh biên giới càng làm cho mâu thuẫn Xô - Trung trở nên sâu sắc. Cuối năm 1979, Liên Xô tiến quân vào Apganixtan, Chính phủ Trung Quốc phản đối kịch liệt và yêu cầu Liên Xô rút quân. Đến những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình thế giới tiếp tục có những chuyển mau lẹ, quan hệ Xô - Trung cũng biến đổi, được cải thiện và đi tới bình thường hoá sau Đại hội XII (1982) của ĐCS Trung Quốc, Đại hội xác định phát triển kinh tế làm trọng tâm và thực thi chính sách đối ngoại hoà

bình. Năm 1985, khi Liên Xô thực hiện “cải tổ” từ đối đầu chuyển sang đối thoại với các “đối thủ” trước đó. Năm 1989, Liên Xô rút hết quân từ Apganixtan, Mông Cổ và giảm quân ở biên giới Xô - Trung, giảm dần viện trợ cho Việt Nam, Liên Xô và Trung Quốc đã bình thường hoá hoàn toàn, bước đầu thực hiện quan hệ hữu nghị hợp tác. Sự chuyển biến trong chính sách đối ngoại của Liên Xô và Trung Quốc tác động rất lớn đến quan hệ Việt Nam - Liên Xô, cũng như quá trình hoạch định chủ trương và chỉ đạo của Đảng về đối ngoại nói chung và với Liên Xô nói riêng.

Quan hệ Mỹ - Trung - Xô, thời kỳ này điểm nổi bật nhất đó là sự hoà hoãn giữa các nước lớn, xu thế chuyển từ đối đầu sang đối thoại, chạy đua phát triển kinh tế. Khi mối quan hệ Xô - Trung ngày càng rạn nứt nghiêm trọng với những bất đồng gay gắt, Mỹ tăng cường quan hệ với Trung Quốc để chia mũi nhọn về phía Liên Xô. Vì thế, cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, quan hệ giữa ba nước lớn Mỹ - Xô - Trung bắt đầu chuyển từ hình thái đối đầu từng cặp sang hình thái Mỹ - Trung liên kết chống Liên Xô. Đến thập niên 80, cục diện chính trị thế giới thay đổi nhanh chóng, phức tạp, các nước lớn điều chỉnh chiến lược mạnh mẽ, bên trong thì đẩy mạnh “cải tổ”, “cải cách mở cửa”, “bốn hiện đại hoá”; bên ngoài thì hoà hoãn, cải thiện quan hệ từng đôi một, vừa hợp tác vừa đấu tranh kìm chế lẫn nhau. Có những lúc vì lợi ích riêng của các nước lớn, vấn đề Việt Nam bị đem ra để thương lượng, nhằm đạt được những thoả thuận trong lợi ích chiến lược của các nước lớn.

Từ đó, có thể thấy, quan hệ giữa các nước lớn thường xuyên thay đổi phức tạp, vừa xung đột, vừa hoà hoãn, vừa là đồng minh chiến lược cũng vừa là đối thủ. Tùy vào từng giai đoạn và ý đồ chiến lược của từng nước. Vì vậy, mối quan hệ phức tạp này đã tác động mạnh mẽ đến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Liên Xô trong giai đoạn 1975-1991.

+ *Về chủ quan, ở một số thời điểm trong nhận thức của Đảng, chưa nắm bắt kịp thời những biến động của tình hình thế giới.*

Sự chuyển biến nhanh, phức tạp của quan hệ quốc tế giai đoạn 1975-1991, nên nhiều nhận thức về đối ngoại của Việt Nam có lúc chưa nắm bắt kịp thời để đề ra chủ trương và chỉ đạo kịp thời, phù hợp. Bên cạnh đó là cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp kéo dài không phù hợp với điều kiện đất nước sau chiến tranh.

Đầu thập niên 70 đến 80 của thế kỷ XX, xu thế trên thế giới đã chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn và chạy đua kinh tế, cùng lúc đó cục diện chính trị ở châu Á - Thái Bình Dương cũng thay đổi nhanh chóng. Điều này, tác động trực tiếp đến Việt Nam, nhưng trong giai đoạn này, Việt Nam chưa nắm bắt được hết những biến đổi của tình hình thế giới và khu vực nên đã không tranh thủ được các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế để phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển đất nước sau chiến tranh.

Trong thời kỳ này, Việt Nam cũng chưa nắm bắt được những chuyển biến nhanh chóng trong quan hệ quốc tế giữa các nước lớn. Đó là sự chuyển biến trong tam giác chiến lược Mỹ - Xô - Trung. Là sự chuyển biến từ hình thái đối đầu theo cặp sang hình thái Mỹ - Trung cấu kết cùng chống Liên Xô. Ngay cả đối với nước vốn được coi là đồng minh trước đó như là Trung Quốc thì Việt Nam cũng chưa nắm bắt được sự thay đổi trong chính sách đối ngoại. Lúc này, Trung Quốc ra sức mở rộng quan hệ đối ngoại với Tây Âu, Mỹ, Nhật Bản và tìm cách phá vỡ hòa hoãn Xô - Mỹ, coi Liên Xô là “kẻ thù”.

Việt Nam không dự báo được sự khủng hoảng và tan rã của Liên Xô vào tháng 12-1991. Mặc dù, Việt Nam theo dõi, phân tích tình hình Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu rất sát sao. Nghị quyết số 08A của Đảng ngày 27-03-1990 *Về tình hình các nước XHCN, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng*, đến Đại hội VII của Đảng (6-1991) vẫn tiếp tục khẳng định quan điểm “Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp

tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước” [67, tr.118]. Việc khẳng định và coi trọng quan hệ với Liên Xô, thể hiện sự nhất quán trong quan hệ với quốc gia đồng minh chiến lược quan trọng của Việt Nam; mặt khác, cho thấy, Đảng chưa làm tốt công tác dự báo, chưa đánh giá đúng mức những khủng hoảng nghiêm trọng ở Liên Xô, nên không đoán định trước được sự sụp đổ của hệ thống XHCN Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô - diễn ra chỉ sáu tháng sau đó - ngày 30-12-1991.

Xu hướng chung của thế giới là sự vận động của các nước lớn trong quan hệ quốc tế, Việt Nam là nước nhỏ không thể chống lại. Trong chính sách đối ngoại điều quan trọng là cần có những chính sách phù hợp, kịp thời để bảo vệ và phát triển đất nước. Do vậy, nhận thức kịp thời và bắt kịp xu hướng chung của quan hệ quốc tế là yếu tố quan trọng để hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực hiện quan hệ đối ngoại của quốc gia.

4.2. Một số kinh nghiệm

4.2.1. Năm bắt đúng quy luật vận động, những xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế, bám sát thực tiễn đất nước để đề ra chủ trương đối ngoại phù hợp

Để xác định đúng đắn và thực hiện có hiệu quả đường lối chiến lược, sách lược, một vấn đề có tính nguyên tắc là phải nắm bắt được quy luật vận động, những xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế để nhận thức, đánh giá đúng về các đối tác, vạch rõ thuận lợi - khó khăn, cơ hội - thách thức, từ đó, biết kết hợp tư duy biện chứng và thực tiễn để hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách cho phù hợp.

Nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong lịch sử, cũng như giai đoạn 1975-1991, cho thấy, vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi, con đường, cách thức, bước đi và sự phát triển quan hệ hai nước không chỉ xuất phát từ tình hình, yêu cầu của đất nước, mà còn liên quan đến những chuyển biến của tình hình thế giới, phụ thuộc vào chiều hướng, xu thế và quy luật vận

động của các mối quan hệ quốc tế. Hơn nữa, quan hệ giữa các quốc gia không phải là quan hệ riêng biệt, khép kín, mà còn chịu sự chi phối, tác động mạnh mẽ của các xu thế thời đại. Từ quan hệ Việt Nam - Liên Xô giai đoạn này, vấn đề dự báo tình hình thế giới, nhận định diễn biến quan hệ quốc tế rất quan trọng.

Trong khi thế giới đang bước vào thời kỳ hòa hoãn thì lúc này, trong hệ thống XHCN, tình hình lại diễn biến vô cùng phức tạp với những dấu hiệu của sự khủng hoảng trong nền kinh tế Liên Xô, các nước XHCN Đông Âu và những bất đồng gay gắt từ nội bộ. Thời kỳ này, mâu thuẫn Xô - Trung không những chưa có dấu hiệu hàn gắn, mà ngày càng trở nên trầm trọng. Từ năm 1976, do nhiều nguyên nhân lịch sử, chính trị..., quan hệ Việt Nam - Trung Quốc cũng bắt đầu rạn nứt và trở nên không bình thường, thậm chí rơi vào tình trạng thường xuyên căng thẳng dẫn đến xung đột với đỉnh cao là cuộc tấn công xâm lược của Trung Quốc dọc tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam vào tháng 02-1979. Để tìm đường thoát ra khỏi khủng hoảng, Trung Quốc đã thực hiện cải cách mở nhằm tranh thủ vốn, kỹ thuật, thị trường của Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu; đồng thời, lấy việc chống lại Liên Xô và Việt Nam để “mặc cả, thương lượng” với phương Tây; Trung Quốc thi hành chính sách kiềm chế gắt gao với Việt Nam và tiếp tục thực hiện cuộc tranh chấp với Liên Xô. Những yếu tố này gây thêm khó khăn cho Việt Nam khi bước vào công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với đó là, đất nước sau chiến tranh bị tàn phá nặng nề, lại chịu sự bao vây, cô lập, cấm vận của Mỹ và các lực lượng đối lập. Vì thế, Việt Nam cần sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô với tư cách là thành trì, trụ cột của hệ thống XHCN. Để nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển đất nước; phá thế bao vây, cô lập về chính trị và cấm vận về kinh tế của các thế lực thù địch đối với Việt Nam.

Trước những diễn biến phức tạp của các mối quan hệ quốc tế, đồng thời, trên cơ sở quan hệ truyền thống, Đảng và Nhà nước Việt Nam nêu cao chủ trương giữ vững quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước XHCN. Khi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trở nên “xấu đi” nghiêm trọng,

quan hệ Việt Nam - Liên Xô được coi là trụ cột trong chính sách đối ngoại của ĐCS Việt Nam. Đảng chủ động tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện với Liên Xô. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982), Đảng khẳng định: “Gắn bó chặt chẽ và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược, đồng thời là tình cảm cách mạng” [58, tr.145]. ĐCS Việt Nam coi việc gắn bó và hợp tác toàn diện với Liên Xô là “một đảm bảo cho thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, cũng như cho việc củng cố độc lập dân tộc và vị trí của chủ nghĩa xã hội trên bán đảo Đông Dương” [58, tr.145].

Tuy nhiên, đến nửa sau những năm 80 của thế kỷ XX, sự hợp tác với Liên Xô đã khác trước, nền kinh tế Liên Xô bộc lộ những dấu hiệu của sự khủng hoảng, trì trệ. Nhằm đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, tư duy đối ngoại có sự chuyển biến. Đảng đã chuyển dần từ chủ trương coi “quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng” sang chủ trương “đa dạng hóa, đa phương hóa các hoạt động đối ngoại” [15, tr.79], quá trình hợp tác chuyển từ hình thức “viện trợ không hoàn lại” sang cơ chế hợp tác song phương “hai bên cùng có lợi”.

Chủ trương đối ngoại của Đảng với Liên Xô, xuất phát từ quá trình nhận thức tình hình trong nước, quốc tế, từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong nước, đồng thời, tôn trọng lợi ích nước lớn của Liên Xô. Trong những thời kỳ lịch sử mới, Việt Nam cần nắm vững và vận dụng bài học kinh nghiệm này để xử lý tốt các diễn biến của quan hệ quốc tế, quan hệ với các nước lớn trong một thế giới đầy biến động, với sự xoay chuyển, vận động không ngừng của lợi ích và quan hệ lợi ích.

4.2.2. Chú trọng quan hệ hợp tác với đối tác trọng điểm gắn với cân bằng quan hệ với các nước khác, đặc biệt là các nước lớn

Từ khi thành lập, ĐCS Việt Nam luôn xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới. Vì thế, thực hiện

đoàn kết với các nước XHCN, các lực lượng tiến bộ trên thế giới trên cơ sở của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế chân chính nhằm phát huy ủng hộ của quốc tế là vấn đề nguyên tắc có quan hệ tới sự thành, bại của cách mạng. Đặc biệt, trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc 1945-1975, Đảng chủ trương trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải thực hiện cho được sự đoàn kết liên minh với các lực lượng cách mạng của thời đại, phải chăm lo vun đắp và phát triển sự đoàn kết giữa Việt Nam với các nước trong hệ thống XHCN mà trước hết là với Liên Xô và Trung Quốc. Để lấy đó làm cơ sở, làm hạt nhân nhằm mở rộng đoàn kết với tất cả những người cộng sản, những lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Trong tình hình nội bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có mâu thuẫn sâu sắc, Việt Nam đã độc lập, tự chủ, xử lý mềm dẻo các mối quan hệ, kiên trì đoàn kết quốc tế. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn cảnh giác với các âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch, xử lý rất khôn khéo, “có lý, có tình” mỗi quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô, Trung Quốc, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực của sự bất hoà, kiên trì đoàn kết quốc tế với tinh thần trong sáng. Đồng thời, Việt Nam luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ trong hoạch định đường lối, chính sách trong lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến đặc biệt là vấn đề đối ngoại. Xuất phát từ tinh thần đoàn kết quốc tế, Việt Nam đã cân bằng quan hệ với hai nước lớn: Liên Xô và Trung Quốc, tranh thủ sự ủng hộ về tinh thần và vật chất cho hai cuộc kháng chiến. Liên Xô và Trung Quốc bất đồng với nhau, nhưng đều ủng hộ Việt Nam chống Mỹ. Việt Nam về cơ bản đã giải quyết hài hoà các mối quan hệ trên tinh thần dân tộc và quốc tế đúng đắn.

Tuy nhiên, sau năm 1975, do những điều kiện khách quan và chủ quan, Việt Nam đã không cân bằng được mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc. Trong bối cảnh đất nước đặc biệt khó khăn: bị bao vây, cấm vận, chiến tranh biên giới Tây Nam, quan hệ với Trung Quốc căng thẳng. Việc Việt Nam coi

Liên Xô là đối tác quan trọng nhất, coi quan hệ với Liên Xô là “chiến lược”, là “hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước”, nhất quán nhấn mạnh quan hệ với Liên Xô là điều cần thiết, bởi Liên Xô luôn đóng vai trò to lớn, quan trọng trong hệ thống XHCN và trong cục diện thế giới. Ngày 03-11-1978, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô được ký kết. Với Hiệp ước đó, Trung Quốc cho rằng Việt Nam đã hoàn toàn ngả về phía Liên Xô, trong khi Trung Quốc đã giúp đỡ Việt Nam rất lớn trong hai cuộc kháng chiến. Tuy nhiên, Việt Nam cần nhận thức rằng, trong khi ưu tiên quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô, cũng cần mở rộng quan hệ với tất cả các nước, chú trọng quan hệ với các nước lớn. Vì đó là những nhân tố tác động đến Việt Nam và khu vực, đồng thời tác động trực tiếp đến quan hệ Việt Nam - Liên Xô.

Thực tế, các nước lớn luôn chi phối quan hệ quốc tế, dù trong thời gian chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh hay chiến tranh lạnh đã kết thúc. Các mốc lịch sử quan trọng của cách mạng Việt Nam từ năm 1945 đến nay: 1954, 1972, 1975, 1988 cho thấy, ảnh hưởng của các nước lớn đối với Việt Nam rất rõ nét. Việt Nam là nước nhỏ, kinh nghiệm từ thực tiễn lịch sử thời kỳ chiến tranh cách mạng cho thấy, trong bối cảnh quốc tế thời kỳ nào cũng cần nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; kiên trì nguyên tắc linh hoạt, mềm dẻo về sách lược, sáng tạo về biện pháp, phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế, “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*” theo tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững định hướng XHCN; đồng thời, thực thi chính sách tương đối cân bằng giữa các nước lớn, trên nguyên tắc gắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế sẽ tạo cho Việt Nam môi trường quốc tế thuận lợi để xây dựng và bảo vệ đất nước, đạt được những mục tiêu của cách mạng.

Khi Việt Nam giữ được cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, bao gồm cả các nước lớn đồng minh, thì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc có nhiều thuận lợi, đạt kết quả tốt, nhưng nếu Việt Nam không làm được thì sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ đến cục diện đất nước. Hiện nay, con đường đúng đắn là tăng cường quan hệ, giữ thế cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, mở rộng quan hệ song phương, đa phương, không nghiêng về quan hệ riêng với nước nào. Đây chính là bước đi phù hợp với hoàn cảnh đất nước và xu thế chung của thời đại.

Đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu, giữ vững độc lập tự chủ, thi hành một chính sách tương đối cân bằng giữa các nước lớn, không ngả theo nước này để chống nước kia, gắn lợi ích của dân tộc với lợi ích của các nước trong khu vực và thế giới, có bước đi phù hợp với xu thế của thế giới, sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam thuận lợi phát triển quan hệ với các nước, đặc biệt là Liên bang Nga.

4.2.3. Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu, giữ vững độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế

Trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, đảm bảo lợi ích dân tộc, giữ vững độc lập tự chủ luôn là một trong những yêu cầu hàng đầu; đồng thời, cũng là một trong những điều kiện đảm bảo cho việc bảo tồn chủ quyền quốc gia dân tộc, là cơ sở vững chắc cho quyền tự quyết dân tộc và hội nhập quốc tế. Trong hoạt động đối ngoại, lợi ích quốc gia, dân tộc là mục tiêu cơ bản và hàng đầu, là nguyên tắc bất di bất dịch khi hoạch định chủ trương đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Hồ Chí Minh đúc rút nên chân lý “*không có gì quý hơn độc lập tự do*”. Song, Hồ Chí Minh cũng khẳng định: độc lập, tự chủ không có nghĩa là co cụm, khép kín mà nó có mối liên hệ hữu cơ với đoàn kết và hợp tác quốc tế. Độc lập tự chủ với Hồ Chí Minh là phải gắn với việc mở rộng quan hệ đối ngoại toàn diện, rộng khắp, song có trọng tâm, trọng điểm nhằm phục vụ tốt nhất cho các mục tiêu của cách mạng nước nhà. Trong bối cảnh quan hệ quốc tế những năm 60 của thế kỷ XX, mâu thuẫn

Trung - Xô ngày càng sâu sắc, công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam phụ thuộc vào sự viện trợ quân sự, kinh tế rất lớn của Liên Xô và Trung Quốc. Mặt khác, Mỹ lợi dụng tình hình mâu thuẫn Trung - Xô, để đưa ra các điều kiện “đánh đổi” với những vấn đề liên quan đến Việt Nam. Trong điều kiện đó, để giữ được đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ là vấn đề vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, Đảng đã kiên định đường lối độc lập, “cân bằng”, kiên trì và mềm dẻo, bằng kinh nghiệm, trí tuệ và sự khôn khéo trong đường lối và hoạt động ngoại giao.

Vận dụng quan điểm về độc lập tự chủ của Hồ Chí Minh, Đảng đề ra đường lối về đối ngoại từ năm 1975-1991, trên cơ sở kiên quyết bảo đảm lợi ích dân tộc, độc lập tự chủ của đất nước. Đồng thời, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của dân tộc và xu thế của thời đại, vấn đề đảm bảo lợi ích dân tộc, giữ vững độc lập tự chủ luôn là định hướng lớn, được thể hiện trong mục tiêu, tư tưởng chỉ đạo, phương châm đối ngoại của ĐCS Việt Nam.

Sau năm 1975, Việt Nam bước vào công cuộc xây dựng đất nước trong hòa bình, độc lập và luôn kiên trì đấu tranh để giữ vững nền độc lập quý giá của dân tộc mình. Thắng lợi của Việt Nam không tách rời sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN. Nhân dân Việt Nam luôn coi trọng việc giữ gìn mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống với các nước này. Song do nhiều nguyên nhân lịch sử, chính trị..., quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã trở nên rạn nứt nghiêm trọng và thường xuyên xảy ra căng thẳng dẫn đến xung đột.

Chính trong bối cảnh lịch sử đó, ĐCS Việt Nam đã hoạch định và đề ra đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; trong đó có chính sách ngoại giao với Liên Xô - một cường quốc lớn, đồng thời cũng là quốc gia có ảnh hưởng quan trọng trên thế giới cũng như các mối quan hệ quốc tế phức tạp tại thời điểm lúc bấy giờ. Trong lúc mối quan hệ với Trung Quốc trở nên bất ổn, Đảng chủ trương củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô để tranh thủ sự

đồng tình, ủng hộ của Liên Xô trong bảo vệ, gìn giữ nền hòa bình đang bị đe dọa và sự giúp đỡ kịp thời, cần thiết của Liên Xô đối với quá trình xây dựng, phát triển đất nước sau chiến tranh. Ngày 03-11-1978, Việt Nam ký kết với Liên Xô *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác*, với nội dung cơ bản: “Hai bên ký Hiệp ước sẽ tiếp tục củng cố quan hệ hữu nghị, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần anh em; không ngừng phát triển quan hệ chính trị và hợp tác về mọi mặt, ra sức ủng hộ lẫn nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia, bình đẳng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau” [13, tr.581].

Bước sang nửa sau của thập kỷ 80 thế kỷ XX, trước những biến đổi sâu sắc của tình hình thế giới, các quốc gia, các lực lượng chính trị quốc tế, thực hiện điều chỉnh chiến lược đối nội, đối ngoại và phương thức hành động cho phù hợp với lợi ích của mình. Thời điểm này, Liên Xô bắt đầu thực hiện chiến lược chuyển hướng đối ngoại, tiến hành đẩy mạnh hòa hoãn với Mỹ, tìm cách cải thiện quan hệ với Trung Quốc, giảm cam kết với bên ngoài. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến những chính sách của Liên Xô với Việt Nam nói riêng và quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Liên Xô nói chung. Tuy nhiên, khi đặt mục tiêu củng cố, thúc đẩy và tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng bày tỏ quan điểm của mình, trước thực tế là Liên Xô và một số nước XHCN đang điều chỉnh chính sách đối ngoại mạnh mẽ, nhằm phục vụ lợi ích chiến lược của mỗi nước, một mặt, trong những tuyên bố chính thức, Việt Nam đề cao mối quan hệ đặc biệt và sự giúp đỡ quý báu của Liên Xô; mặt khác, Việt Nam lên tiếng tuyên bố về quyền độc lập tự chủ và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập, tự chủ của dân tộc.

Đảm bảo lợi ích dân tộc trong những năm 1975-1991, có nghĩa là xây dựng nền tảng, cơ sở vật chất - kỹ thuật vững chắc của nền kinh tế, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia dân tộc, xây dựng đất nước phát triển bền vững. Độc lập, tự do của Tổ quốc, an ninh và phát triển là lợi ích tối cao của dân tộc. Đặc biệt, lợi ích dân tộc và việc giữ vững độc lập, tự chủ luôn luôn

có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Có độc lập, tự chủ thì mới bảo vệ được trọn vẹn lợi ích dân tộc, tránh được tác động và sức ép bên ngoài, tránh trở thành con bài trong tay người khác.

Đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc trong những năm 1975-1991, được thực hiện dựa trên cơ sở kiên quyết bảo đảm lợi ích dân tộc, độc lập tự chủ của đất nước. Đồng thời, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước và xu thế của thời đại, vấn đề đảm bảo lợi ích dân tộc, giữ vững độc lập tự chủ luôn là định hướng lớn, được thể hiện trong mục tiêu, tư tưởng chỉ đạo, phương châm đối ngoại của ĐCS Việt Nam.

Từ đó, Đảng ra chủ trương quan trọng đối với Liên Xô là giữ gìn và phát triển tình hữu nghị, tranh thủ tối đa sự ủng hộ của Liên Xô cho cách mạng Việt Nam. Đây là một chủ trương đúng đắn, xuất phát từ chính nguyên tắc đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết trong quan hệ với các nước. Vì vậy, giai đoạn 1975-1991, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã thành công trong việc xác định đúng lợi ích quốc gia, dân tộc, đặt lợi ích đó lên trên hết và có phương châm đúng đắn về đối ngoại để thực hiện mục tiêu đó.

Giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước luôn là quan điểm lớn, nhất quán, bất biến, được khẳng định trong các văn kiện của Đảng, Nhà nước ở các giai đoạn, là một trong những nội dung lớn của đường lối đổi mới đất nước của Đảng. Đại hội VI của Đảng (12-1986), Đại hội mở ra thời kỳ đổi mới đất nước, “trên tinh thần thừa nhận lợi ích quốc gia dân tộc là tối cao, giải quyết mọi mối quan hệ quốc tế phải dựa trên lợi ích quốc gia, các lợi ích phe phái, ý thức hệ không còn chiếm vị trí tuyệt đối” [47, tr.81]; Đại hội VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đảng (06-1991) chủ trương “giữ vững tư duy độc lập và sáng tạo trong việc đề ra đường lối đổi mới phù hợp với đặc điểm tình hình của nước ta, đáp ứng đúng lợi ích và nguyện vọng của nhân dân ta” [48, tr.147]. Kết quả đạt được từ những nỗ lực ngoại giao đã củng cố và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế,

giữ vững an ninh, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vượt qua thách thức bởi sự tan rã của hệ thống XHCN, công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã tranh thủ có hiệu quả yếu tố ngoại lực, sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Để có những chủ trương, chính sách đối ngoại đúng đắn và hiện thực hóa những chủ trương, chính sách ấy một cách hiệu quả, bài học “*Đặt quyền lợi quốc gia - dân tộc lên hàng đầu, giữ vững độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế*” phải luôn được nhận thức, quán triệt và tuân thủ.

4.2.4. Không ngừng xây dựng thực lực đất nước để phát triển quan hệ đối ngoại bền vững, hiệu quả

Đây là bài học có ý nghĩa rất quan trọng, bởi lợi ích quốc gia, dân tộc được đảm bảo ở mức độ nào, tùy thuộc vào đất nước mạnh hay yếu, thành công hay hạn chế trong quan hệ giữa các quốc gia phụ thuộc vào thực lực mỗi nước. Tăng cường tiềm lực, nâng cao sức mạnh tổng hợp của đất nước là nhân tố bên trong có ý nghĩa quyết định, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động đối ngoại để bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì hoà bình, ổn định cùng phát triển, theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to thì tiếng mới lớn” [107, tr.147]. Theo Hồ Chí Minh, cần phải tìm ra con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất, thực tế nhất để xây dựng và phát triển đất nước. Có như vậy, vị thế dân tộc mới được khẳng định trên trường quốc tế, tạo điều kiện để phát triển hoà bình, hợp tác bình đẳng với các quốc gia. Quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong lịch sử, quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga ở hiện tại đã minh chứng cho giá trị quan điểm trên của Hồ Chí Minh.

Trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân (1945-1975), với nhiệm vụ chính là đấu tranh giành độc lập cho đất nước. Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn từ các nước XHCN, trong đó có Liên Xô. Khi tiến hành hai cuộc kháng chiến, Việt Nam không chỉ đơn thuần là thực hiện mục tiêu của

dân tộc là giành độc lập, tự do mà còn đảm nhiệm nghĩa vụ quốc tế cao cả. Do vậy, mối quan hệ giữa hai nước là mối quan hệ đồng minh chiến lược, có cùng chung ý thức hệ, vì lợi ích chung của cả hai dân tộc cũng như phe XHCN. Liên Xô ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam cả về vật chất, lẫn tinh thần. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng khi ở giai đoạn 1955-1964, của cuộc kháng chiến chống Mỹ, với chủ trương dùng bạo lực cách mạng, quyết tâm đánh Mỹ ở miền Nam của Việt Nam trái với quan điểm hoà hoãn với Mỹ của Liên Xô, nên Liên Xô giúp Việt Nam chủ yếu là viện trợ để xây dựng Bắc còn viện trợ quân sự rất ít. Sang giai đoạn 1965-1975, Liên Xô tích cực ủng hộ Việt Nam vì muốn dùng Việt Nam là con bài để thương lượng với Mỹ trong những vấn đề có liên quan đến lợi ích của dân tộc mình.

Có thể thấy, khi đất nước còn chưa đủ mạnh thì mặc dù cùng chung ý thức hệ, cùng chung lợi ích đồng minh chiến lược thì trong quan hệ vẫn khó tránh những bất lợi, nhất là quan hệ nước lớn - nước nhỏ. Trong mọi thời điểm, vấn đề thực lực đất nước, khi nào cũng quyết định và chi phối không nhỏ đến tính hiệu quả trong quan hệ giữa các nước nói chung, quan hệ Việt Nam - Liên Xô nói riêng.

Sau năm 1975, khi Việt Nam giải phóng, thống nhất đất nước, mức độ viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam có phần chững lại, chỉ khi mẫu thuẫn Việt Nam - Trung Quốc lên đến đỉnh điểm, Việt Nam vào Campuchia thì Liên Xô mới tăng cường củng cố, hỗ trợ Việt Nam về kinh tế, quân sự và chính trị.

Đến giữa thập niên 1980, Liên Xô chuyển hướng chiến lược sang hoà hoãn với Mỹ, tìm cách cải thiện quan hệ với Trung Quốc, giảm cam kết bên ngoài, khi đó Việt Nam không còn được Liên Xô coi trọng như trước nữa. Khi Liên Xô tiến hành đàm phán với Trung Quốc, để bình thường hoá được quan hệ với Trung Quốc, Liên Xô thúc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia, đàm phán với Trung Quốc về vấn đề Campuchia, nhân nhượng với Trung

Quốc trong vấn đề loại trừ Khme đỏ, nhằm loại bỏ trở ngại lớn nhất mà Trung Quốc nêu ra trong đàm phán với Liên Xô.

Những vấn đề trên cho thấy, khi đất nước còn chưa đủ mạnh thì mặc dù có cùng hệ tư tưởng, cùng lợi ích đồng minh chiến lược, trong quan hệ vẫn khó tránh khỏi điều bất lợi, nhất là quan hệ giữa nước lớn - nước nhỏ. Một khi thực lực đất nước còn chưa đủ mạnh, thì việc thua thiệt là điều không tránh khỏi. Vấn đề thực lực đất nước, hơn bao giờ hết, quyết định và chi phối không nhỏ đến tính hiệu quả trong quan hệ giữa các nước với nhau. Mặc dù, Liên Xô đã tan rã nhưng quan hệ với các nước trên thế giới nói chung, đặc biệt là các nước lớn nói riêng, để quan hệ giữa đôi bên đạt hiệu quả nhất, không bị chèn ép thì vấn đề xây dựng thực lực của đất nước càng trở nên cấp thiết và có ý nghĩa.

Thực lực của một quốc gia gồm sức mạnh tổng hợp cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, quân sự... Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, sức mạnh kinh tế đang có tiếng nói quyết định hàng đầu. Nhân tố kinh tế ngày càng có vị trí quan trọng, nếu không nói là vị trí chủ đạo trong quan hệ quốc tế ngày nay. Nhận thức được điều này, tránh cho đất nước khỏi tụt hậu, phát triển bền vững, phải tạo được thực lực từ bên trong. Muốn xây dựng thực lực mạnh phải không ngừng phát triển kinh tế. Trong quá trình đổi mới, với những bước đi phù hợp, kinh tế đất nước có điều kiện phát triển, chính trị ổn định, thế và lực của đất nước phát triển.

Tiểu kết chương 4

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, Việt Nam bước vào công cuộc xây dựng đất nước trong độc lập và thống nhất hoàn toàn. Mục tiêu lớn nhất lúc này của cách mạng Việt Nam là khôi phục và phát triển đất nước đi theo con đường CNXH, bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam XHCN. Tuy nhiên, Việt Nam lại vấp phải nhiều khó khăn: Với những tổn thất nặng nề sau chiến tranh, lại bị bao vây, cô lập về chính trị và cấm vận về kinh tế bởi các lực lượng đối

lập, cùng với đó là những rạn nứt, bất đồng trong quan hệ Việt - Trung bắt đầu bộc lộ và ngày một trở nên nghiêm trọng.

Xuất phát từ nhận thức về vị trí, vai trò của Liên Xô, từ yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam. Đảng chủ trương củng cố và thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với Liên Xô, coi Liên Xô là chỗ dựa vững chắc, là đồng minh quan trọng trong việc giải quyết các mối quan hệ quốc tế phức tạp. Quá trình đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô của Đảng, mặc dù vẫn còn hạn chế và tồn tại nhất định nhưng nhìn chung, hai nước đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực, tạo điều kiện để các bên cùng phát triển.

Trong quá trình Đảng chỉ đạo thực hiện quan hệ với Liên Xô, có thể rút ra một số kinh nghiệm quý, có giá trị cho hiện tại, đặc biệt để phát triển quan hệ của Việt Nam với Liên bang Nga - người kế thừa của Liên Xô. Trong bối cảnh Liên bang Nga là một đối tác chiến lược toàn diện trong quan hệ hợp tác quốc tế của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử ngoại giao Việt Nam, quan hệ Việt Nam - Liên Xô, chiếm một vị trí quan trọng, đưa lại những tác động tích cực đến sự phát triển của mỗi nước. Mỗi quan hệ này đã trải qua nhiều thử thách và được rèn luyện trong những bối cảnh lịch sử phức tạp, để trở thành một biểu tượng đẹp của sự hợp tác Việt - Xô.

Trên cơ sở phân tích những yếu tố tác động đến chủ trương của Đảng trong quan hệ Việt Nam với Liên Xô giai đoạn 1975-1991. Tình hình thế giới và trong nước chuyển biến hết sức phức tạp và sâu sắc. Cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, xu thế từ đối đầu chuyển sang đối thoại, chạy đua phát triển kinh tế với sự hoà hoãn giữa các nước nước lớn như hoà hoãn Xô - Mỹ, hoà hoãn Xô - Tây Âu, hoà hoãn Mỹ - Trung Quốc; quan hệ Liên Xô - Trung Quốc tiếp tục rạn nứt nghiêm trọng với những bất đồng gay gắt khiến Mỹ tăng cường quan hệ với Trung Quốc để cùng chia mũi nhọn về phía Liên Xô. Đến thập niên 80, các nước lớn đều điều chỉnh chiến lược mạnh mẽ, trong nước thì đẩy mạnh “cải tổ”, “cải cách mở cửa”, bên ngoài thì hoà hoãn, cải thiện quan hệ từng đôi một, vừa hợp tác vừa đấu tranh kìm chế lẫn nhau. Ở Việt Nam, sau năm 1975, cả nước bước vào công cuộc xây dựng đất nước trong hoà bình. Nhưng vừa ra khỏi chiến tranh với những khó khăn to lớn, Việt Nam lại bị “cô lập” với thế giới bên ngoài. Mỹ và các nước phương Tây thi hành chính sách bao vây, cô lập về chính trị, cấm vận về kinh tế với khiến cho khó khăn càng chồng chất, bộn bề hơn gấp bội phần, cùng với đó là chiến tranh ở hai đầu biên giới. Do vậy, công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Việt Nam hơn bao giờ hết cần sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN.

Do vậy, chủ trương của Đảng trong quan hệ với Liên Xô là củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện trong hoạt động đối ngoại của

Đảng, nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Liên Xô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc để vượt qua khó khăn, ngặt nghèo của tình hình đất nước. Đảng luôn đề cao độc lập, tự chủ trong quan hệ với Liên Xô, khi tình hình thế giới và trong nước có những biến chuyển mau lẹ, Đảng đã có những điều chỉnh phù hợp. Từ chủ trương củng cố và đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô, coi quan hệ với Liên Xô “là nguyên tắc, là chiến lược” được thay bằng chủ trương “đa phương hoá, đa dạng hoá” và mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các nước; trong đó chủ trương “đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện” với Liên Xô. Tháng 12-1991, Liên Xô tan rã, chấm dứt một chặng đường dài quan hệ Việt - Xô và mở ra chặng đường mới cho quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga sau này.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, quan hệ của Việt Nam với Liên Xô giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1991 thể hiện rõ sự linh hoạt, chủ động trước những biến đổi của tình hình thế giới và trong nước. Hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô trên các mặt chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, quân sự - quốc phòng được phát triển mạnh mẽ. Đây được coi là “giai đoạn vàng” trong quan hệ Việt Nam - Liên Xô. Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực, đã khẳng định và chứng minh cho mối quan hệ hữu nghị truyền thống Xô - Việt; đồng thời, tạo ra những điều kiện thuận lợi để cả hai nước cùng phát triển.

Quá trình hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực hiện của Đảng trong quan hệ của Việt Nam với Liên Xô giai đoạn 1975-1991, có nhiều ưu điểm như chủ trương xuyên suốt và nhất quán của Đảng trong quan hệ với Liên Xô là củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị toàn diện; Đảng có những điều chỉnh quan hệ với Liên Xô phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn của đất nước. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Đảng đã chủ động đưa ra các giải pháp, biện pháp phù hợp, linh hoạt với điều kiện và tình hình mới để đạt được những kết quả rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực trong quan hệ với Liên

Xô. Nhưng cũng để lại những hạn chế nhất định như trong một số thời điểm, Đảng đã quá coi trọng quan hệ với Liên Xô trong so sánh với một số nước khác; Đảng cũng chưa có những giải pháp thích hợp để khắc phục một số trở ngại trong quan hệ với Liên Xô và trong chỉ đạo thực hiện quan hệ hợp tác với Liên Xô, vẫn còn một số biện pháp, giải pháp chưa thật sát hợp.

Việc tăng cường củng cố và phát triển toàn diện quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong một thời kỳ lịch sử đặc biệt có tính chất bản lề, chuyển tiếp này đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý cho Việt Nam trong việc xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ hợp tác với những nước có cùng hệ tư tưởng, cùng chế độ chính trị trong tình hình hiện nay. Đó là: Nắm bắt đúng quy luật vận động, những xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế, bám sát thực tiễn đất nước để đề ra chủ trương đối ngoại phù hợp; Chú trọng quan hệ hợp tác với đối tác trọng điểm gắn với cân bằng quan hệ với các nước khác, đặc biệt là các nước lớn; Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu, giữ vững độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế; Không ngừng xây dựng thực lực đất nước để phát triển quan hệ đối ngoại bền vững, hiệu quả. Từ sau khi Liên Xô tan rã năm 1991, mối quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Xô đã chính thức khép lại một chặng đường. Liên bang Nga - với tư cách là người kế thừa của Liên Xô, nối bước chặng đường tiếp theo, tiếp tục duy trì quan hệ truyền thống với Việt Nam.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Phúc (2022), “Applying the foreign policy of independence and self-reliance in the 1975-1991 period and foreign affairs of Viet Nam at present”, *National academy of public administration, Viet Nam*, Number (4)- June 2022, tr.(51-56), ISSN 2815 6021.
2. Nguyễn Thị Phúc (2022), “Experience in the communist party of Vietnam in leading Vietnam’s relationship with the Soviet union in the 1975-1991 period”, *European Journal of Social Sciences Studies*, Available on-line at: www.oapub.org/soc, DOI: 10.46827/ejsss.v8i1.1327, Volume 8 | Issue 1 | 2022, tr.22-28, ISSN: 2501-8590; ISSN-L: 2501-8590.
3. Nguyễn Thị Phúc (2022), “Chủ trương của Đảng về quan hệ của Việt Nam với Liên Xô giai đoạn 1975-1985”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số (384)-tháng 11-2022, tr 76-81, ISSN 0936 8477.
4. Nguyễn Thị Phúc (2023), “Economic relationship between Vietnam with the USSR period 1975-1985”, *International Journal of Social Science And Human Research*, DOI: 10.4719/ijsshr/v6-i3-36, Impact factor-.686, Volume 06 Issue 03 March 2023, tr 1621-1624, ISSN (print): 2644 0679, ISSN(online): 2644 0695.
5. Nguyễn Thị Phúc (2023), “Achievements in Relations between Vietnam and the Soviet Union (1975-1991)”, *International Journal of Social Science And Human Research*, DOI: 10.4719/ijsshr/v6-i6-20, Impact factor-.686, Volume 06 Issue 06 June 2023, tr 3371-3374, ISSN (print): 2644 0679, ISSN(online): 2644 0695.
6. Nguyễn Thị Phúc (2023), “Quan hệ Việt Nam - Liên Xô trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo (1978-1985)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số tháng 07-2023, ISSN 0936 8477.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Am, Đặng Quang Minh (1987), *Bác Hồ với cách mạng Tháng Mười Lenin và tình hữu nghị Xô - Việt*, Cách mạng Tháng Mười và tình hữu nghị Xô - Việt, Hội hữu nghị Xô - Việt, Hà Nội.
2. Báo Kinh tế, số 29, 1980.
3. Báo Nhân dân (1979), *Sự thật quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm*, (số 9247 - 9249); ngày 5-7-10.
4. Báo Nhân dân (1986), *Đồng chí Nguyễn Lam tiếp đoàn đại biểu Hội hữu nghị Xô - Việt*, ngày 16-11.
5. Báo Nhân dân (1986), *Các Đảng anh em khẳng định tầm quan trọng to lớn của cuộc gặp giữa các nhà lãnh đạo các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế tại Mátxcova*, ngày 22-11-1986.
6. Báo Nhân dân (1986), *Tình hữu nghị giữa Liên Xô và Việt Nam ngày càng tăng cường*, ngày 03-11.
7. Báo Nhân dân (1986), *Hội nghị quốc tế về những nhiệm vụ và vấn đề hợp tác của các nước anh em*, ngày 22-11.
8. Báo Nhân dân (1987), *Tăng cường quan hệ hữu nghị Xô - Việt*, ngày 24-10.
9. Báo Nhân dân (1989), *Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt - Xô đã khai thác một triệu tấn dầu*, 01-01-1989.
10. Nguyễn Đình Bìn (Chủ biên) (2002), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb Chính trị gia, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1995), *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945-1995)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Bộ Ngoại giao (1980), *Quan hệ Việt Nam - Liên Xô từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (30-01-1950 - 30-01-1980)*, Sổ tay tuyên truyền số 1 + 2, Hà Nội.

13. Bộ Ngoại giao Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Ngoại giao Liên Xô (1983), *Việt Nam - Liên Xô, 30 năm quan hệ (1950-1980)*, Nxb Ngoại giao, Hà Nội và Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
14. Bộ Ngoại giao (1985), *Quan hệ Xô - Việt (1945-1985)*, Hà Nội.
15. Bộ Ngoại giao (1995), *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Bộ Ngoại giao (2000), *Ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Bộ Ngoại giao (2000), *Kỷ yếu hội thảo quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga*, Hà Nội.
18. Bộ Ngoại giao (2000), *Cách mạng Tháng Mười Nga và tình hữu nghị Việt-Xô*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
19. Bộ Ngoại giao (2002), *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
21. Bộ Quốc phòng, Viện lịch sử quân sự Việt Nam (2002), *Quân đội nhân dân Việt Nam - Biên niên sự kiện*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
22. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2018), *Liên Xô ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
23. L.I. Brêgionép (1981), *Đoàn kết với Việt Nam là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
24. Chi hội hữu nghị Việt - Xô Đại học sư phạm Hà Nội I (1987), *Cách mạng Tháng Mười và tình hữu nghị Việt - Xô*, Hà Nội.
25. Côbelep (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
26. Lý Thực Cốc (1996), *Mỹ thay đổi lớn chiến lược toàn cầu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Trường Chinh (1983), *Tượng đài hùng vĩ của tình hữu nghị Việt - Xô*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

28. Vũ Thị Hồng Chuyên (2004), *Quan hệ Liên Xô - Việt Nam trong thời kì 1950 - 1975*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.
29. Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (2008), *Nguyễn Văn Linh tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (2009), *Lê Duẩn tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1982), *Biên bản, báo cáo của Bộ Đại học và THCN gửi Ban KGTW về kế hoạch của Bộ, về tình hình khảo sát kinh nghiệm ở Liên Xô, tình hình lưu học sinh của ta ở nước ngoài, về hội nghị Bộ trưởng đại học các nước XHCN lần thứ 11,12. 1980-1982*, Phòng số 24, Đơn vị bảo quản 95.
32. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1982), *Tài liệu về quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong lĩnh vực văn hoá xã hội từ năm 1964-1982*, Phòng số 66, Đơn vị bảo quản 914.
33. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1986), *Tài liệu về quan hệ kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên Xô, năm 1962-1986*, Phòng số 66, Đơn vị bảo quản 913.
34. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1986), *Công văn, Báo cáo tổng hợp của Ban Đối ngoại TW về quan hệ, hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật Việt Nam - Liên Xô 1982 - 1986*, Phòng số 82, Đơn vị bảo quản 3152.
35. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1987), *Đoàn Đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô do đ/c AP Birucova, Bí thư Trung ương dẫn đầu thăm và làm việc tại Việt Nam từ 17-23-03-1987*, Phòng số 82, Đơn vị bảo quản 4068.
36. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1988), *Báo cáo, biên bản, công văn của Ban Tuyên huấn Trung ương và các cơ quan khác về quan hệ hợp tác Việt - Xô trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá. Năm 1987-1988*, Phòng số 23, Đơn vị bảo quản 1007.
37. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1991), *Báo cáo, đánh giá của Ban Đối ngoại TW về tình hình Liên Xô và Đảng Cộng sản Liên Xô 1990-1991*, Phòng số 82, Đơn vị bảo quản 4142.

38. Bogaturov Alesksey Demosfenovich và Averkov Viktor Viktorovich (2015), *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Lê Duẩn (1978), *Cách mạng Tháng Mười với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
40. Lê Duẩn (1981), *Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
41. Lê Duẩn (1982), *Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và tình cảm của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
42. Lê Duẩn (1983), *Ngọn cờ của Lênin và Bác Hồ sẽ được mang đến đích thắng lợi cuối cùng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
43. Lê Duẩn (1985), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, vì tự do, vì CNXH tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
44. Trần Kim Dung (2002), “Nửa thế kỷ hợp tác văn hóa Liên bang Nga”, *Báo Nhân dân*, ngày 13-02.
45. Duroselle J.B (1994), *Lịch sử ngoại giao (từ 1919 đến nay)*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Liên Xô (1981), *Văn kiện Đại hội lần thứ 26*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Nghị quyết 13 Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới*, trong tập tài liệu báo cáo về công tác ngoại giao của Đảng (1986-1996), lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 40, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 43, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 44, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 45, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 46, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 48, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 49, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 50, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

67. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
69. Trần Văn Đào, Phan Doãn Nam (2001), *Quan hệ quốc tế 1945-1995*, Tài liệu lưu trữ tại Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội.
70. Đài truyền hình Liên Xô chiếu bộ phim mới về Việt Nam (1986), “Những người đồng hương Nghệ Tĩnh”, *Báo Nhân dân*, ngày 07-11-1986.
71. Phạm Văn Đồng (1983), *Tình hữu nghị Việt - Xô mãi mãi xanh tươi và đời đời bền vững*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
72. Anatôli Đôbrunhin (2001), *Đặc biệt tin cậy: Vị đại sứ ở Oasinton qua sáu đời Tổng thống Mỹ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Ilya V.Gaiduck (1998), *Liên bang Xô viết và chiến tranh Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
74. Võ Nguyên Giáp (1995), *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
75. Võ Nguyên Giáp (1996), *Chiến đấu trong vòng vây (Hồi ký)*, Hữu Mai thể hiện, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
76. M.X.Goocbachốp (1986), *Sức mạnh và tình hữu nghị Việt - Xô*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
77. Nguyễn Hải Hà (1987), *Ảnh hưởng to lớn của văn học Xô Viết ở Việt Nam*, Cách mạng Tháng Mười và tình hữu nghị Xô - Việt, Hội hữu nghị Xô - Việt, Hà Nội.
78. Hồng Hạnh, Hải Hà (2000), “Tìm hiểu sự giúp đỡ của Liên Xô trong hai cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1945-1975)”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số (4)-2000.
79. Hoàng Hải (2000), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga những năm cuối thế kỷ XX*, Báo cáo tại Hội nghị hội thảo khoa học 50 năm quan hệ Việt - Nga ngày 26-01-2000, Hà Nội.

80. Nguyễn Thị Mai Hoa (2007), “Tìm hiểu quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (số 1).
81. Nguyễn Thị Mai Hoa (2013), *Các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam chống Mỹ, cứu nước*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
82. Nguyễn Thị Mai Hoa (2017), “Vai trò của Liên Xô trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam năm 1979”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (số 12).
83. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quan hệ Quốc tế (1997), *Quan hệ giữa Việt Nam và Liên bang Nga từ sau chiến tranh lạnh đến nay*, Kỷ yếu kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, Hà Nội.
84. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng (2002), *Biên niên sự kiện Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (05-1975 - 12-1995)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Học viện Quan hệ quốc tế (1980), *Lịch sử chính sách và hoạt động đối ngoại của Liên bang Xô Viết từ năm 1945 đến năm 1980*, Nxb Quan hệ quốc tế, Mátxcova.
86. Học viện Quan hệ quốc tế (1980) *Lịch sử quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Liên bang Xô Viết từ năm 1917 đến năm 1985*, Nxb Quan hệ quốc tế, Mátxcova.
87. Học viện Quan hệ quốc tế (2002), *Đấu tranh ngoại giao trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân 1945-1995*, Tài liệu lưu trữ nội bộ.
88. Lưu Thuý Hồng (2015), *Ngoại giao đa phương trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Hội hữu nghị Xô - Việt (1986), *Việt Nam - Liên Xô - Tình hữu nghị đời đời bền vững*, Bản dịch lưu tại Hội Hữu nghị Việt-Nga.
90. Vũ Dương Huân (2020), *70 năm quan hệ Việt - Nga và đôi điều về nước Nga*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
91. Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Thị Thu (2002), *Lược sử Liên bang Nga*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

92. Nguyễn Quốc Hùng (1999), *Quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay (1945-1996)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
93. Nguyễn Khắc Huỳnh (2006), *Ngoại giao Việt Nam - Phương sách và nghệ thuật đàm phán*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. Nguyễn Khắc Huỳnh (2011), *Ngoại giao Việt Nam, góc nhìn và suy ngẫm*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Ixaep. M.P.Trécnucep. A.X (1986), *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Liên Xô từ năm 1917 đến năm 1985*, Nxb Quan hệ quốc tế, Mátxcova.
96. Lê Khắc (1983), *Quan hệ kinh tế, thương mại và hàng hải Việt Nam - Liên Xô ngày càng phát triển và mở rộng*, Trong sách: “Thắng lợi của tình hữu nghị và hợp tác toàn diện”, Nxb Sự thật, Hà Nội.
97. Bùi Huy Khoát (1995), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga hiện trạng và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
98. Gaibriel Kolko (2003), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
99. Lưu Văn Lợi (1998), *50 năm ngoại giao Việt Nam (1975-1995)*, tập 2, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
100. Nguyễn Phúc Luân (1999), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - trí tuệ lớn của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Nguyễn Phúc Luân (2001), *Ngoại giao hiện đại vì sự nghiệp độc lập, tự do (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Hồ Thị Tố Lương (Chủ nhiệm) (2021), *Tác động của hệ thống xã hội chủ nghĩa đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1975-1991*, Báo cáo Tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
103. Đinh Xuân Lý (2013), *Quá trình đổi mới đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam (1986-2012)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
104. Nguyễn Ngọc Mao, Vũ Thị Hồng Chuyên (2005), “Nhìn lại quan hệ Xô - Việt thời kỳ 1945-1975”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (số 3).
105. Hồ Chí Minh (1985), *Về tình hữu nghị vĩ đại Việt- Xô*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

106. Hồ Chí Minh (1985), *Về Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
107. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
108. Phạm Quang Minh (2015), *Quan hệ tam giác Việt Nam - Liên Xô - Trung Quốc trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
109. Trương Tiểu Minh (2002), *Chiến tranh lạnh và di sản của nó*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Đào Huy Ngọc (1995), “Thế kỷ XX nói gì với chúng ta”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, (số đặc biệt).
111. Nhà xuất bản Đà Nẵng (1996), *Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và mối quan hệ Việt - Trung*, Đà Nẵng.
112. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia (2001), *Một số vấn đề về lịch sử*, Hà Nội.
113. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội (2020), *70 năm hợp tác Việt - Nga về giáo dục và khoa học*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
114. Nhà xuất bản Khoa học xã hội (1998), *Cách mạng Tháng Mười tiếp tục soi đường cho chúng ta đi*, Hà Nội.
115. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội (1998), *Ngoại giao Việt Nam - Thắng lợi và bài học*, Hà Nội.
116. Nhà xuất bản Ngoại văn (1983), *Việt Nam - Liên Xô xa mà gần*, Hà Nội.
117. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân (1998), *Mấy vấn đề về chỉ đạo chiến lược trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975)*, Hà Nội.
118. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân (2020), *70 năm quan hệ hợp tác quốc phòng Việt Nam - Liên Xô/Liên Bang Nga về đào tạo cán bộ (1950-2020)*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
119. Aléchsandr Ôcôrôcốp (2006), *Những cuộc chiến tranh bí mật của Liên Xô*, Mátxcova.
120. Nhà xuất bản Thông tin lý luận (1992), *Hưng thịnh và suy vong của các cường quốc*, Hà Nội.

121. Nhà xuất bản Sự thật (1983), *Thắng lợi của tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô*, Hà Nội.
122. Nhà xuất bản Sự thật (1987), *Bước phát triển về chất của quan hệ hữu nghị hợp tác Việt Nam - Liên Xô*, Hà Nội.
123. Nhà xuất bản Sự thật (1988), *Quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Liên Xô - Việt Nam*, Hà Nội.
124. Nhà xuất bản Sự thật (1990), *Việt Nam - con số và sự kiện*, Hà Nội.
125. Nguyễn Văn Nhật (2002), *Những thăng trầm trong sự phát triển của 50 năm quan hệ Việt Nam - Liên Xô - Liên bang Nga (1950-2000)*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga, lịch sử, hiện trạng và triển vọng*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn - Trung tâm Nghiên cứu Châu Á - Viện Sử học, Hà Nội.
126. Nguyễn Hoàng Nhiên (Chủ nhiệm) (2023), *Tổng kết 70 năm quan hệ hợp tác quốc phòng Việt Nam - Liên Xô/Liên bang Nga (1950-2020)*, Báo cáo Tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài, Viện Lịch sử quân sự, Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
127. Vũ Dương Ninh (2015), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
128. Vovk V.S. Osmanov, V.G.Evdoshenko Yu.V (2018), *Đường tới kho báu rồng vàng*, Nxb Gazprom EP International.
129. Archimedes L.A. Patti (1995), *Tại sao Việt Nam?*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
130. Nguyễn Mai Phương (2020), “Hợp tác Việt - Nga trong khai thác dầu khí ở vùng biển Việt Nam (1950-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (số 11).
131. Grigori Pôpôp, Aléchxây Xêrôp (1975), *Tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác*, Nxb Thông tấn xã Nôvôxti, Mátxcova.
132. Vũ Thị Thu Phương (2002), *Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga từ năm 1991-2000*, Luận văn thạc sĩ lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

133. Trần Hồng Quân (1988), *Hợp tác Xô - Việt trong lĩnh vực giáo dục ĐH và THCN và dạy nghề*, Trong sách: *Quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
134. Phạm Văn Riêng (2020), *Đảng lãnh đạo tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô về giáo dục và đào tạo thời kỳ 1954-1975*, Luận án Tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
135. Nguyễn Xuân Sơn (1997), *Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
136. Sumarokov (2007), *Liên Xô ngăn chặn cuộc xâm lược của Trung Quốc năm 1979 như thế nào*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
137. Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh (2001), *Lịch sử thế giới thời đương đại (1945-2000)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
138. Tập thể tác giả (2000), *Chiến tranh Việt Nam: Nhìn lại qua tháng năm...*, Mátxcova.
139. Nguyễn Cơ Thạch (1984), *Vì hòa bình, an ninh ở Đông Nam Á và thế giới*, Nxb Sự thật, Hà Nội (Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Quốc Hùng, Vũ Ngọc Oanh, Đặng Thanh Toán).
140. Nguyễn Cơ Thạch (1990), “Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta”, *Tạp chí Quan hệ Quốc tế*, (số 1).
141. Nguyễn Cơ Thạch (1998), *Thế giới trong 50 năm qua (1945-1995) và thế giới trong 25 năm tới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
142. Nguyễn Xuân Thắng (1996), *Việt Nam và các nước Châu Á - Thái Bình Dương: Các quan hệ kinh tế hiện nay và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
143. Vũ Văn Thành (1997), *Nga học ở Việt Nam mấy vấn đề lịch sử và hiện trạng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
144. Lê Văn Thịnh (1999), *Quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng Liên Xô từ năm 1930-1954*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia, Hà Nội.

145. Lê Văn Thịnh (2012), “Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên Xô (1976-1991)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (số 4).
146. Lê Văn Thịnh (2012), “Viện trợ kinh tế - kỹ thuật và quân sự của Liên Xô cho cách mạng Việt Nam từ 1954 đến 1975”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, (số 2).
147. Lê Văn Thịnh (2017), *Liên Xô/Liên bang Nga với công tác đào tạo cán bộ Việt Nam - vài nhận định*, Tọa đàm khoa học quốc tế, Hà Nội.
148. Thông tấn xã Nôvôxti (1971), *Liên Xô bên cạnh Việt Nam*, Mátxcova.
149. Thông tấn xã Nôvôxti (1972), *Liên Xô - Việt Nam theo quy luật tình cảm anh em*, Mátxcova.
150. Thông tấn xã Nôvôxti (1980), *Việt Nam - Liên Xô xa mà gần*, Mátxcova.
151. Nguyễn Quang Thuần (2007), *Liên bang Nga trong tiến trình gia nhập WTO*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
152. Hoàng Thị Thuý (2018), “Chính sách đối ngoại giai đoạn 1976-1986 và những bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (số 6).
153. Đoàn Thanh Thuỷ (2020), *Đảng lãnh đạo quan hệ của Việt Nam - Liên Xô trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Luận án Tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
154. Thư viện Quân đội (1980), *Cuộc xung đột Trung Quốc - Việt Nam*, (Chuyên san, Bản dịch), Hà Nội.
155. Thư viện Quân đội (1990), *Việt Nam - Liên Xô những chặng đường quan hệ hữu nghị*, Bản dịch, Hà Nội.
156. Tổng cục Thống kê (1990), *Việt Nam: Con số và sự kiện 1945-1989*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
157. Minh Tranh (1953), *Tình hữu nghị Việt - Trung - Xô*, Nxb Hội Hữu nghị Việt - Xô, Hà Nội.
158. Nguyễn Duy Trinh (1972), *Thế đi lên của ta trên mặt trận ngoại giao*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
159. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn, Trung tâm Nghiên cứu Châu Á - Viện Sử học (2002), *Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga, lịch sử, hiện trạng và triển vọng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

160. Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và ASEAN trực thuộc Viện Viễn Đông, Viện Hàn lâm khoa học Nga (RAN) và Viện Nghiên cứu châu Âu, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam (2002), *Quan hệ Nga - Việt: Hiện tại và lịch sử - Cái nhìn từ hai phía*, Nxb Quan hệ quốc tế, Mátxcova.
161. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng (1987), *Theo dõi quan hệ với Liên Xô năm 1987*, Phòng Cục Đối ngoại, hồ sơ: 361, văn bản 554/HC, tờ 23.
162. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng (1982), *Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô viết về việc phái cố vấn quân sự Liên Xô sang công tác ở nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Phòng Bộ Quốc phòng, hồ sơ 1900, tờ 1.
163. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng (1983), *Báo cáo về tình hình hợp tác quân sự Việt - Xô trong 5 năm 1978-1983*, Phòng Bộ Quốc phòng, hồ sơ: 2915, văn bản 29/QP, tờ 1,2.
164. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng (1983), Phòng Bộ Quốc phòng, hồ sơ: 3687, văn bản 125/TM, tờ 1.
165. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng (1988), *Tổng kết 10 năm quan hệ và hợp tác quân sự Việt - Xô (1978-1988)*, Phòng Bộ Quốc phòng, hồ sơ: 3857, văn bản 15/QPZ, tờ 9.
166. Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng (1988), *Tổng kết 10 năm quan hệ và hợp tác quân sự Việt - Xô (1978-1988)*, Phòng Bộ Quốc phòng, hồ sơ: 3858, văn bản 16/VP-QP, tờ 5.
167. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1980), *Biên bản về kết quả phối hợp kinh tế quốc dân giữa nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Liên Xô trong các năm 1976-1980*; Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 491.
168. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1984), *Công văn, báo cáo của Vụ Giáo dục đào tạo - Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục Dạy nghề về đào tạo cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật gửi đi các nước XHCN năm 1984*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 21890.

169. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), *Hiệp định về việc Liên Xô giúp đỡ kinh tế và kỹ thuật cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 476.
170. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), *Tờ trình về tình hình vốn vay nợ và viện trợ không hoàn lại của Liên Xô từ năm 1955-1985*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 485.
171. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III (1985), *Tài liệu tóm tắt quan hệ kinh tế 1981-1985 của Bungari, Hungari, Đức, CuBa, Mông Cổ, Ba Lan, Liên Xô, Tiệp Khắc, Lào*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 1634.
172. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), *Báo cáo kiểm điểm quan hệ kinh tế với Liên Xô trong 10 năm (1976-1985)*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 2529.
173. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), *Báo cáo kiểm điểm kết quả thực hiện công tác hợp tác quốc tế của Bộ Nông nghiệp trong thời kỳ 1976-1985 và phương hướng công tác thời gian tới*, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 9828.
174. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), *Kế hoạch Hợp tác khoa học kỹ thuật với các nước XHCN trong 5 năm (1981-1985)*, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 12005.
175. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), *Tập hiệp định về đào tạo, cung cấp thiết bị và hợp tác kinh tế, khoa học Việt Nam - Liên Xô năm 1981-1985*, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 12073.
176. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), *Kế hoạch hợp tác với Liên Xô từ 1981-1985 của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp*, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 12084.
177. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1987), *Nghị định thư về hợp tác giữa Bộ Đại học và THCN Việt Nam với Bộ Đại học và THCN Liên Xô trong những năm 1986-1990*, Phòng Bộ Giáo dục, hồ sơ 598.
178. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1989), *Về tình hình cân đối nguồn vốn thanh toán thời kỳ 1986-1990 và 2 năm 1988-1989 với Liên Xô*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 494.

179. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1990), *Báo cáo về tình hình và quan hệ hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam Liên Xô thời kỳ 1955-1990*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ số 471.
180. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1990), *Nghị định thư về kết quả phối hợp kế hoạch kinh tế quốc dân cho các năm 1986-1990 và thời kỳ dài hơn giữa Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết và nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 2529.
181. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1990), *Báo cáo về quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Liên Xô giai đoạn 1986-1990 của Bộ Kinh tế đối ngoại*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 18118.
182. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1990), *Báo cáo về xây dựng và bổ sung thiết bị cho những công trình quân sự, cung cấp vật tư kỹ thuật và đào tạo cán bộ cho quân đội nhân dân Việt Nam trong kế hoạch 1986-1990*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 18918.
183. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1990), *Báo cáo tóm tắt về tình hình hợp tác khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Liên Xô trong 5 năm 1986-1990*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 18928.
184. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1995), *Tập công văn, báo cáo của Ủy Ban kế hoạch Nhà nước về đàm phán hợp tác phát triển kinh tế giữa Việt Nam - Liên Xô năm 1981-1995*, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 2529.
185. Trần Minh Trường (2014), *Những quan điểm nguyên tắc ứng xử trong quan hệ quốc tế của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
186. Lý Đan Tuệ (2000), “Xung đột và mâu thuẫn Trung Quốc cho Việt Nam - Liên Xô trọng vấn đề viện trợ cho Việt Nam chống Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Trung Quốc đương đại*, (số 3).
187. Trần Thị Minh Tuyết (2012), “Một số vấn đề đổi mới ở Việt Nam và cải tổ ở Liên Xô”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (số 12).

188. Trần Thị Minh Tuyết (2015), “Quan hệ Việt Nam - Liên Xô giai đoạn 1945-1991”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (số 86).
189. Nguyễn Đình Tứ (1983), *Sự giúp đỡ có hiệu quả của Liên Xô đối với ngành đại học và trung học chuyên nghiệp*, Trong sách: *Thắng lợi của tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Liên Xô*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
190. Nguyễn Thị Hồng Vân (2010), *Quan hệ Việt Nam - Liên Xô (1917-1991)*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
191. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010), *Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga: Lịch sử - Hiện trạng và triển vọng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
192. Viện Nghiên cứu Quan hệ quốc tế, Bộ Ngoại giao (1990), *Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
193. Trần Thị Vinh (1998), *Lịch sử thế giới hiện đại 1917-1995*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
194. Vũ Quang Vinh (2001), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động đối ngoại 1986-2000*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
195. Nguyễn Vĩnh, A.G. Êgô rôp (1987), *Sự hợp tác quốc tế giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Việt Nam lịch sử và hiện tại*, Nxb Sự thật, Hà Nội và Nxb Chính trị quốc gia, Mátxcova.
196. Hồ Vũ (2001), *Vài suy ngẫm về thế giới trong thế kỷ XX và thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
197. Xcasôcôp (1980), “25 năm hợp tác thắng lợi”, *Báo Liên Xô ngày nay*, số (8), ngày 15-04-1980.
198. Alếchxây Xê rôp (1985), *Việt Nam trong lòng Xô Viết chúng tôi*, Thông tấn xã Nôvôxti, Mátxcova.
199. Phạm Thị Yên (2017), “Quân cảng Cam Ranh trong quan hệ Việt Nam - Liên Xô thời kỳ chiến tranh lạnh (1979-1991)”, *Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, (số 4).

Website

200. <https://nghiencuuquocte.org/forums/topic/24521/ngày-21-01-2018>.
201. <https://khoathongke.neu.edu.vn/vi/tin-tuc-nganh-thong-ke/nhung-dau-an-quan-trong-ve-kinh-te-xa-hoi-trong-hanh-trinh-75-nam-thanh-lap-va-phat-trien-dat-nuoc-qua-so-lieu-thong-ke>, ngày 18-09-2020
202. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1980-Cong-hoa-Xa-hoi-Chu-Nghia-Viet-Nam-36948.aspx>
203. <https://tapchicongsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/34970/bay-muoi-nam-doi-ngoai-viet-nam--thanh-tuu-va-nhung-bai-hoc-kinh-nghiem.aspx>
204. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nguyen-cuu-ly-luan/item/915-qua-trinh-bo-sung-hoan-thien-duong-loi-doi-ngoai-thoi-ky-doi-moi.html>

Tiếng Anh

205. Archives (1975), *Sources of Military Equipment to North Vietnamese Military Forces*, The International Institute For Strategic Studies, Volume I.
206. Case Study WWS (2002), *Diplomacy of Isolation United States Unilateral Sanctions Policy and Viet Nam 1975-1995*, Olivrer Babson.
207. Douglas Pike (1987), *Vietnam and the Soviet Union: Anatomy of an Alliance*, Boulder: Westview Press.
208. Gareth Porter (ed.) (1979), *Vietnam: The Definitive Documentation of Human Decision*, Vol. II, New York.
209. Lien-Hang T. Nguyen (2012) “*Hanoi’s War: An international history of the War for Peace in Vietnam*” University of North Carolina Press, Chpel Hill.
210. Marilyn Byoung (1967), *Vietnam Triangle: Moscow, Peking, Hanoi*, Marilyn Byoung, New York: Pegasus.
211. Mari Olsen (2006), *Soviet - Vietnam Relations and the Role of China, 1949-1964*, Nxb. Routledge.

212. Marilyn Byoung (1967), *Vietnam Triangel: Moscow, Peking, Hanoi*, Marilyn Byoung, New York: Pegasus.
213. Min Chen (1992), *The Strategic Triangle and Regional Conflict- Lessons from the Indochina Wars*, Lynne Rienner Publisher, Boulder and London.
214. Pierre Asselin (2013) “*Hanoi’s Road to the Vietnam war, 1954-1965*” University of North Carolina Press. Chpel Hill.
215. Porter, Bruce D.(1984), *The USSR in Third world conflicts. Soviet Arms and Diplomacy in local war 1945-1980*, Cambridge University Press.

Tiếng Nga

216. Báo Pravda ngày 30-01-1975.
217. Báo Pravda, số ra ngày 16-8-1984.
218. Коллектив авторов (2002), *Россия (СССР) в локальных войнах и военных конфликтах второй половины XX века*, Триада-фарм, Moscow.
219. Министерство науки и высшего образования российской федерации(2018), *экспорт российских образовательных услуг - статистический сборник*, М.: цспим, Москва.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam - Liên Xô

Đơn vị tính: triệu rúp (Tổng số mỗi thời kỳ 5 năm cộng lại và lấy tròn số)

Thời kỳ	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	Tổng số	Trong đó với Liên Xô	Tổng số	Trong đó với Liên Xô
1955-1960	200	50	450	150
1961-1965	400	140	600	300
1966-1970	350	90	2400	524
1971-1975	400	173	2800	844
1976-1980	1500	700	6000	2000
1981-1985	2800	1200	7700	3700
1986-1990	4800	2200	10500	6500

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), Hiệp định về việc Liên Xô giúp đỡ kinh tế và kỹ thuật cho nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 476, tr.1-2.

Phụ lục 2
Những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Liên Xô
thời kỳ 1976-1990

	Đơn vị tính	1976-1980	1981-1985	1986-1990
Than	Nghìn tấn	369	322	
Thiếc	Tấn	544	163	2000
Cao su	Nghìn tấn	52	96	170
Chè	Nghìn tấn	18	26	30
Cà phê	Nghìn tấn	3	13	30
Lạc nhân	Nghìn tấn	2	10	85
Thảm len	Nghìn m ²	681	1222	2400
May mặc	Triệu rúp	115	36	57
Sợi bông	Nghìn tấn	26		
Hàng cói	Triệu rúp	47	74	100
Mỹ nghệ	Triệu rúp	75	24	34
Tinh dầu	Tấn		338	
Thuốc lá điều	Triệu bao		1240	2000
Rau quả hộp	Nghìn tấn		34	
Quả đông lạnh	Nghìn tấn		33	
Rau quả tươi	Nghìn tấn		242	
Thảm đay	Triệu m ²		8	13
Gỗ ván sàn	Triệu m ²		14	
Cao sao vàng	Triệu hộp		36	

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), Hiệp định về việc Liên Xô giúp đỡ kinh tế và kỹ thuật cho nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thông Phủ Thủ tướng, hồ sơ 476, tr.4.

Phụ lục 3**Những mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Liên Xô
từ năm 1976 đến năm 1990**

	Đơn vị tính	1976-1980	1981-1985	1986-1990
Sản phẩm dầu mỏ	Nghìn tấn	5100	9000	13300
Phân bón quy đạm	Nghìn tấn	1085	1200	1400
Bông xơ	Nghìn tấn	157	202	300
Sắt thép, gang	Nghìn tấn	451	1100	2200
Ô tô tải	Nghìn chiếc	11	15	17
Gỗ các loại	Nghìn m ³	130	185	300
Thuốc trừ sâu	Triệu rúp	6	10	11
Thiết bị toàn bộ	Triệu rúp	700	900	1600

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), Hiệp định về việc Liên Xô giúp đỡ kinh tế và kỹ thuật cho nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 476, tr.5.

Phụ lục 4
Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Liên Xô

	1976-1980		1980-1985		1986-1990	
	I	II	I	II	I	II
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	14,2	2,1	25	2,8	80	3,4
Nông lâm sản	132	19,4	219	25	1186	51
Hàng thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ	534	76,5	950	72	1074	46

Ghi chú:

I: Trị giá (triệu rúp)

II: Tỷ trọng (%)

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), Hiệp định về việc Liên Xô giúp đỡ kinh tế và kỹ thuật cho nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 476, tr.8.

Phụ lục 5
Cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam từ Liên Xô
(không tính thiết bị toàn bộ)

	1976-1980		1981-1985		1986- 1990	
	I	II	I	II	I	II
Thiết bị máy móc lể	14,2	2,1	481	13	625	12
Nguyên nhiên vật liệu	564	38	2775	75	4600	87
Hàng tiêu dùng	489	33	444	12	53	1

Ghi chú:

I: Trị giá (triệu rúp)

II: Tỷ

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), Hiệp định về việc Liên Xô giúp đỡ kinh tế và kỹ thuật cho nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 476, tr.10.

Phụ lục 6**Một số chỉ tiêu chủ yếu của nền kinh tế quốc dân Liên Xô**

	Đơn vị	1965	1970	1975	1978	1979	Ước tính năm 1980	Mức của năm 80
Tổng sản phẩm xã hội (giá hiện hành)	Tỷ rúp	420,2	643,5	862,6	995,7	1028		
Thu nhập quốc dân			289,9	363,3	426,3	438,3	436	449-462
Tổng sản phẩm công nghiệp		229,4	374,3	511,3	577,7	596	619	710-729
Tổng sản phẩm nông nghiệp		88,3	108,4	112,8	128,3	123,5		
Tổng vốn đầu tư		56,0	88,0	114,7	129,7	130,9	134	
Tổng số xuất khẩu		7,4	11,5	24,0	35,7	42,4		
Tổng số nhập khẩu		7,2	10,6	26,7	34,5	37,9		
Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ		104,8	155,2	210,3	241,3	253,9		

Nguồn: Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1986), Tài liệu về quan hệ kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên Xô, năm 1962-1986, Thông số 66, Đơn vị bảo quản 913, tr.125.

Phụ lục 7**Nhịp độ tăng trưởng hàng năm của các chỉ tiêu nền kinh tế Liên Xô**

	1971	1972	1973	1974	1975	1976	1977	1978	1979
Sản xuất thu nhập quốc dân	5,6	3,9	8,9	5,4	4,5	5,9	4,5	5,1	2,5
Sản xuất công nghiệp	7,7	6,5	7,5	8,0	7,6	4,8	5,7	4,8	3,4
Sản xuất nông nghiệp	1,1	-4,1	6,1	-2,4	-5,4	6,5	4,0	2,7	-3,8
Nhóm A	7,8	6,8	8,2	8,4	7,9	5,5	5,8	5,1	3,4
Nhóm B	7,7	5,7	5,7	7,0	6,5	3,0	5,2	4,1	3,4

Nguồn: Cục Lưu trữ Trung ương Đảng (1986), Tài liệu về quan hệ kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Liên Xô, năm 1962-1986, Thông số 66, Đơn vị bảo quản 913, tr.128.

Phụ lục 8
Số lượng lưu học sinh của Việt Nam gửi sang Liên Xô
đào tạo và bồi dưỡng trong 5 năm 1976-1980

Lưu học sinh	Tổng số	1976	1977	1978	1979	1980
Đào tạo đại học	2798	409	631	648	510	600
Đào tạo nghiên cứu sinh	593	85	85	111	147	145
Trong đó chuyển tiếp NCS	88	14	14	14	31	15
Thực tập sinh cao cấp	48	1	5	9	13	20
TTS nâng cao trình độ	78		12	15	1	50
TTS giảng dạy đại học	50					50
TTS giảng dạy trung học	12		12			
TTS giảng dạy Tiếng Nga	254				54	200
HS Nga vẫn sang học tiếp năm cuối	345			50	145	150

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), Kế hoạch hợp tác với Liên Xô từ 1981-1985 của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 12084, tr.3.

Phụ lục 9
Số lượng suất học bổng lưu học sinh đại học của Việt Nam
sang Liên Xô từ năm 1981-1985

Lưu học sinh	Số lượng suất học bổng LHS đại học	Chỉ tiêu 1981 - 1985 cho mỗi loại (người)	Bình quân mỗi năm (người)
Tổng số	5000	7375	1510
Đại học	2750	2750	550
Nghiên cứu sinh	900	750	150
Thực tập sinh 2 năm (trong đó: TTB cao cấp)	500 (250)	625 (200)	125 (50 cao cấp)
Thực tập sinh 1 năm (giảng dạy, quản lý)	525	1300	260
Thực tập giảng dạy tiếng Nga (6 tháng)	125	625	125
Học sinh Đại học Nga văn (sang học năm cuối)	100	500	100
Thực tập cán bộ quản lý ngành đại học và THCN (3 tháng)	100	1000	200

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1985), Kế hoạch hợp tác với Liên Xô từ 1981-1985 của ngành đại học và trung học chuyên nghiệp, Phòng Phủ Thủ tướng, hồ sơ 12084, tr.9.

Phụ lục 10
Số lượng học sinh Việt Nam cử sang Liên Xô
đào tạo và bồi dưỡng đến năm 1988

	Số lượng (người)	Tổng số cử đi các nước (%)
Nghiên cứu sinh	3.148	50
Thực tập sinh	4.679	70
Đại học	20.662	55

*Nguồn: Nhà xuất bản Sự thật (1988), Quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện
Liên Xô - Việt Nam, Hà Nội, tr.89-90.*

Phụ lục 11**Tổng giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam và Liên Xô
giai đoạn 1986-1990***Đơn vị: triệu rúp*

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tỷ lệ
1986	285	1100	1/3,96
1987	293	1170	1/4,0
1988	380	1330	1/3,5
1989	628	1130	1/2,0
1990	1000	1120	1/1,25

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III (1990), Báo cáo về quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Liên Xô giai đoạn 1986-1990 của Bộ Kinh tế đối ngoại, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, hồ sơ 18118, tr.5.

Phụ lục 12
HIỆP ƯỚC HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

Ngày 03-11-1978

Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết, xuất phát từ mối quan hệ hợp tác chặt chẽ, về mọi mặt trên tinh thần anh em, từ tình hữu nghị và đoàn kết không gì lay chuyển được giữa hai nước trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa; tin tưởng vững chắc rằng việc ra sức củng cố tình đoàn kết và hữu nghị giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết là phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước và phục vụ cho sự nghiệp củng cố tình đoàn kết, nhất trí anh em giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; thể theo những nguyên tắc và mục tiêu của chính sách đối ngoại xã hội chủ nghĩa, thể theo nguyện vọng bảo đảm những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản; khẳng định rằng hai Bên thừa nhận mình có nghĩa vụ quốc tế là giúp nhau củng cố và bảo vệ những thành quả xã hội chủ nghĩa mà nhân dân hai nước đã giành được nhờ ở nỗ lực anh hùng và sức lao động quên mình; kiên quyết phấn đấu nhằm đoàn kết tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; bày tỏ quyết tâm sắt đá góp phần củng cố hòa bình ở châu Á và trên toàn thế giới, góp phần vào việc phát triển quan hệ tốt đẹp và sự hợp tác cùng có lợi giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau; mong muốn tiếp tục phát triển và hoàn thiện sự hợp tác về mọi mặt giữa hai nước; coi trọng việc tiếp tục phát triển và củng cố cơ sở điều ước của mối quan hệ hai bên; thể theo mục tiêu và tôn chỉ của Hiến chương Liên hợp quốc; đã quyết định ký bản Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác này và đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

Thể theo những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, hai Bên ký Hiệp ước sẽ tiếp tục củng cố quan hệ hữu nghị, đoàn kết không gì lay chuyển được và giúp đỡ nhau trên tinh thần anh em. Hai Bên sẽ không ngừng phát triển quan hệ chính trị và hợp tác về mọi mặt, ra sức ủng hộ lẫn nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia, bình đẳng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Điều 2

Hai Bên ký Hiệp ước sẽ cùng nhau cố gắng để củng cố và mở rộng sự hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật cùng có lợi, nhằm đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân hai nước. Hai Bên sẽ tiếp tục phối hợp dài hạn kế hoạch kinh tế quốc dân, thỏa thuận những biện pháp lâu dài nhằm phát triển các lĩnh vực quan trọng nhất của nền kinh tế, khoa học và kỹ thuật, trao đổi kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Điều 3

Hai Bên ký Hiệp ước sẽ thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, phát triển mối quan hệ rộng rãi lĩnh vực khoa học và văn hóa, giáo dục, văn học và nghệ thuật, báo chí, phát thanh và vô tuyến truyền hình, y tế, bảo vệ môi trường, du lịch, thể dục và thể thao, cũng như trong các lĩnh vực khác. Hai Bên sẽ khuyến khích việc phát triển các cuộc tiếp xúc giữa nhân dân lao động hai nước.

Điều 4

Hai Bên ký kết Hiệp ước trước sau như một sẽ ra sức phấn đấu nhằm củng cố hơn nữa mối quan hệ anh em, tăng cường tình đoàn kết, nhất trí giữa các nước xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Hai Bên sẽ làm hết sức mình để củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sẽ tích cực góp phần vào việc phát triển và bảo vệ những thành quả xã hội chủ nghĩa.

Điều 5

Hai Bên ký kết Hiệp ước sẽ tiếp tục hết sức cố gắng để góp phần bảo vệ hòa bình thế giới và an ninh của các dân tộc, sẽ tích cực chống lại mọi âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa nhằm hoàn toàn thủ tiêu chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, dưới mọi hình thức và biểu hiện, ủng hộ cuộc đấu tranh của các nước không liên kết và nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, nhằm củng cố độc lập, bảo vệ chủ quyền, làm chủ tài nguyên thiên nhiên của mình, thiết lập quan hệ kinh tế thế giới mới không có bất bình đẳng, áp bức và bóc lột; ủng hộ chủ nguyện vọng của nhân dân Đông Nam Á về hòa bình, độc lập và sự hợp tác giữa các nước trong khu vực.

Hai Bên sẽ không ngừng phấn đấu nhằm phát triển quan hệ giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, nhằm mở rộng và củng cố quá trình làm dịu tình hình căng thẳng trong quan hệ quốc tế, nhằm triệt để loại trừ xâm lược và chiến tranh xâm lược ra khỏi đời sống của các dân tộc, vì sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Điều 6

Hai Bên ký kết Hiệp ước sẽ trao đổi ý kiến với nhau về tất các vấn đề quốc tế quan trọng có liên quan đến lợi ích của hai nước. Trong trường hợp một trong hai Bên bị tiến công hoặc bị đe dọa tiến công thì hai Bên ký kết Hiệp ước sẽ lập tức trao đổi ý kiến với nhau nhằm loại trừ mối đe dọa đó và áp dụng những biện pháp thích đáng có hiệu quả để bảo đảm hòa bình và an ninh của hai nước.

Điều 7

Hiệp ước này không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của hai Bên theo các hiệp định hai bên hoặc nhiều bên mà họ tham gia và không nhằm chống một nước thứ ba nào.

Điều 8

Hiệp ước này sẽ được phê chuẩn và hiệu lực từ ngày trao đổi thư phê chuẩn; việc trao đổi thư phê chuẩn sẽ được tiến hành tại thành phố Hà Nội trong thời gian sớm nhất.

Điều 9

Hiệp ước này có giá trị trong 25 năm và sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm từng mười năm nếu một trong hai Bên ký Hiệp ước không tuyên bố muốn chấm dứt hiệu lực của Hiệp ước bằng cách thông báo cho Bên kia biết 12 tháng trước khi Hiệp ước hết hạn.

Hiệp ước này làm tại thành phố Mát-xcơ-va, ngày 3 tháng 11 năm 1978, thành bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Nga, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

**Thay mặt nước Cộng hòa
Xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
LÊ DUÂN
PHẠM VĂN ĐỒNG

**Thay mặt Liên bang Cộng hòa
Xã hội chủ nghĩa Xô Viết**
L.I. BRÊ-GIÔ-NÊP
A.N. CÔ-XU-GHIN

(Nguồn: Báo Nhân Dân, ngày 04-11-1978)